



MỤC LỤC PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HOA & TỔ TÔNG PHẬT GIAO, SỐ 3 - THÁNG 8 NĂM 2006

THƯ NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG | 2 - *Vĩnh Hảo* • RẼM THÁNG BẢY | 4 – *HT Thích Thiện Siêu* • VU LAN NHỚ CHA | 5 – thơ *Nguyên Siêu* • HIẾU VÀ THƯƠNG | 10 – *Thích Nhất Hạnh* • CẢM NIỆM VU LAN | 12 - thơ *Tâm Tấn* • LỄ THÁNG BẢY CHO NHỮNG OAN HỒN PHIÊU BẠT | 13 - *Tuệ Sỹ* • MẸ TRONG ÁNH TRẮNG | 15 – thơ *Luân Hoán* • ĐOẠN TRƯỜNG GỌI LẠI | 19 – thơ *Tạ Ký* • TOÀN NHẬT THIỀN SƯ VỚI NHỮNG NẸO ĐƯỜNG CÁT BỤI CỦA QUÊ HƯƠNG | 21 – *Thích Phước An* • THÁNG BẢY, THÁNG TÁM, THÁNG CHÍN | 22 - thơ *Như Chi* • BAY QUA ĐỜI KHÓI SƯƠNG | 27 – thơ *Phan Xuân Sinh* • TÌNH THƯƠNG VÀ CON NGƯỜI | 32 – *HT Thích Trí Chơn* dịch • TỊCH MỊCH | 35 – thơ *Đặng Thị Quế Phương* • CHỮ HIẾU TRONG TỤC NGŨ, CA DAO VIỆT NAM | 37 – *Thích Nguyên Siêu* • ÁN 42 | 40 – thơ *Phù Du* • CÔNG ƠN CHA MẸ VÀ Ý NGHĨA QUY Y PHẬT | 41 – *Thích Chân Tịnh* • HOANG TƯỚNG, SUỐI MƠ | 42 – thơ *Nguyễn Tường Tứ* • HIẾU TÂM CỦA ĐỨC PHẬT | 44 – *Hạnh Cơ* • SẮC, KHÔNG | 45 – thơ *Nguyệt Thư* • MÙA VU LAN VIẾT CHO MẸ | 46 – *Vũ Đình Kh.* • NHẬT NHÒA | 49 – thơ *Ngô Ngọc Mai* • LÒNG CHA | 50 – *Thích Nữ Trí Hải* phỏng dịch • BÓNG THỜI GIAN | 51 – thơ *Phan Bá Thụy Dương* • QUÉT SÂN, THẠCH CHÂU, LÊN NON | 53 – thơ *Nguyễn Tư Phương* • NHỮNG GIỌT HUYẾT NGÀ | 54 – *Mãn Đường Hồng* • LÒNG MẸ | 56 – *Thích Nữ Như Thủy* • CON ĐÃ LỚN | 57 – truyện ngắn *Diệu Nga* • VẾT KHÔN CÙNG | 59 – thơ *Ngâm Ngùi* • LÒNG MẸ, QUẠNH HIU | 62 – thơ *Bạch Xuân Phê* • ĐI TU | 63 – truyện ngắn *Hàn Tâm* • SINH SẢN VÔ TÍNH VÀ ĐẠO PHẬT | 66 – *Nguyễn Tường Bách* • LẠC LỐI THINH KHÔNG | 67 – thơ *Hồ Hương Lộc* • VỀ VƯỜN | 70 – *Vĩnh Hảo* • TRỞ LẠI BẾN THÙY DƯƠNG | 72 - truyện dài *Hồ Trường An* • CHÂN ĐÊM | 75 – thơ *Phương Triều* • MÊ SAY, CON SÔNG VẼN CHẢY | 80 – thơ *Lý Thừa Nghiệp* • MỘT BÔNG HỒNG CHO CHA | 83 – *Võ Hồng* • VÔ THƯỜNG, RẼM LÁ | 85 – thơ *Thu Nguyệt* • Ý NGHĨA NHỮNG BÔNG HỒNG VU LAN | 86 - *Diệu Trân* • MỘT CON ĐƯỜNG | 88 - *Trầm Lăng* • NỤ CƯỜI THIỀN | 91 - *Tuệ Viên* sưu tầm • PHẬT PHÁP VẤN ĐÁP | 93 – *Trí Đức* • TIN TỨC PHẬT GIÁO | 96 - *Hạt Cát và Tinh Tấn* lược dịch

THỜ SỞ 3 CỦA NGÔI CHÙ TRÔNG

Chủ nhiệm/Chủ bút:

VĨNH HẠO

Kỹ thuật:

QUANG PHÁP

Địa chỉ liên lạc:

P.O. BOX 374

MIDWAY CITY, CA 92655 - USA

Tel: (714) 623-4285

E-mail: vinhhao@vinhhao.net

phuongtroicaorong@vinhhao.net

Website: www.vinhhao.net

Bài đăng trên Phương Trời Cao Rộng do văn thi hữu gửi đến bằng e-mail, đĩa (CD), hoặc viết tay trên một mặt giấy. Bài không đăng không gửi lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc nếu cần. Bài có nhuận bút xin ghi rõ “yêu cầu nhuận bút.”

Phương Trời Cao Rộng là nơi tập đại thành những bài viết của Tăng Ni và văn thi sĩ Phật giáo khắp nơi, nhiều khuynh hướng, nhiều giáo hội, tông phái, do đó không nhất thiết phản ảnh quan điểm và chủ trương của tạp chí.

Quà tặng của những đứa con trên cuộc đời với hai con người vĩ đại như cha mẹ, thật không gì có thể sánh bằng. Cho nên nhà Phật nói “cha mẹ còn ở đời chẳng khác chi Phật còn tại thế” (phụ mẫu tại đường như Phật tại thế) không những khẳng định tính cách bình đẳng trong lý thuyết Phật-tánh mà còn là một sự tôn vinh đầy ý nghĩa dành cho những bậc sinh thành của tất cả mọi nơi chốn và mọi thời đại.

Số 3 của Phương Trời Cao Rộng đặc biệt dành cho chủ đề Vu Lan, qua đó, bạn đọc sẽ tìm thấy những bài khảo cứu, tiểu luận, nói về ý nghĩa Vu Lan, Rằm tháng Bảy, phương thức báo hiếu theo Phật giáo, cùng những truyện ngắn, tùy bút và thơ về tình cha, tình mẹ... Vu Lan quả là chủ đề phong phú và tiếp cận nhân sinh nhất trong tất cả các chủ đề văn học, nhất là văn học Phật giáo. Nhưng thập thoảng đâu đó đằng sau những bài viết vinh danh ân tình cao cả của cha mẹ, người viết vẫn nhìn thấy những thực tế đau lòng về phía những người con. Hạnh phúc có cha mẹ, không may thiếu cha mẹ; hạnh phúc có cha mẹ hiền đức hiếu đạo, không may có cha mẹ sống không đạo đức. Hạnh phúc có cha mẹ thương con vô điều kiện; không may có cha mẹ chẳng thương con, hoặc thương con với bao điều kiện. Hạnh phúc có cha mẹ chăm lo cho con, thương yêu con hết mực; không may có cha mẹ bỏ bê con, ganh ghét thù hận với con... Đó là sự thực, chẳng phải là cường điệu hoặc bôi bẩn bức tranh phụ tử, mẫu tử vốn được trân quý từ thuở tạo thiên lập địa.

Trước đây đã có một vài độc giả gửi thư riêng tham khảo ý kiến với người viết sau khi đọc một vài bài văn hay thơ ca tụng ân sâu nghĩa nặng của cha mẹ, nhất là đọc những bài nói về hiếu đạo. Theo những người con trong các trường hợp đặc biệt này, có những cha mẹ sinh dưỡng con cái có vẻ như mong đợi sẽ được con cái nuôi nấng trả ân lại khi mình về già. Mục đích sinh dưỡng con cái như thế nói trắng ra chỉ là một cách đầu tư, có điều kiện. Cũng có những bậc cha mẹ vây chần hàng rào để giữ con cho đời mình, chỉ muốn con cái học hành, sinh nhai, cưới hỏi theo ý của mình, không quan tâm ý thích và quan niệm sống thật sự của con. Khi con cái làm điều gì trái ý cha mẹ, lập tức bị gán cho tội “bất hiếu.” Những đứa

con của các bậc cha mẹ như thế, nhất là những đứa con Á-đông được sinh trưởng ở xã hội Âu-Mỹ, đã đặt những câu hỏi nghe rất thương: “Em nghĩ về cha mẹ như vậy có mang tội bất hiếu không?” hoặc “Cha mẹ em làm những điều trái đạo đức, nhưng sao mỗi lúc nghĩ đến điều sai và xấu của cha mẹ, em lại cảm thấy khó chịu và ray rứt trong lòng, tại sao vậy? Không lẽ con lúc nào cũng sai, cha mẹ lúc nào cũng đúng?”

Những câu hỏi khó trả lời. Làm sao có thể thẳng thắn nói rằng ở đời có những người làm cha mẹ nhưng không xứng đáng làm cha mẹ! Mà không nói ra điều đó, hóa ra toàn bộ hệ thống kinh điển, văn hóa, giáo dục, sách báo, nghệ thuật, v. v... của đông-tây, kim-cổ, đều tể nhị né tránh vấn đề này như cách người ta không bao giờ nói sự thực với trẻ con rằng Santa Claus (ông già Noel) không có thực?

Nếu chúng ta, cộng đồng nhân loại, có chủ trương chỉ ca tụng cha mẹ thôi, không nên lộ ra bất cứ một điều gì làm mờ nhạt đi tính cách thiêng liêng cao cả của cha mẹ, có nghĩa là chúng ta bỏ rơi một số những đứa con bất hạnh. Hãy cho một con số ví dụ cụ thể và rất khiêm tốn: trong 100 bậc cha (hoặc mẹ), chỉ có một bậc cha/mẹ không xứng đáng là cha/mẹ. Vậy, trong 100 triệu bậc cha/mẹ cao cả thuần túy, sẽ có 1 triệu bậc cha/mẹ làm khổ con cái. Trong 1 tỉ bậc cha/mẹ tốt, sẽ có khoảng 10 triệu bậc cha/mẹ không tốt. Với 10 triệu bậc cha mẹ không tốt, không thương và chăm lo cho con đúng chức năng làm cha/mẹ, sẽ mang lại khổ đau cho khoảng từ 10 đến 20 triệu đứa con trên hành tinh này. Con số này ít, nhưng không nhỏ. Đó là nói con số của những người hiện tại, chưa tính kể quá khứ và tương lai.

Vậy, hãy trở lại với ý nghĩa của câu dạy trong kinh Phật: “Cha mẹ còn ở đời, chẳng khác chi Phật tại thế.” Điều dạy này trao cho những đứa con niềm tin ‘vô điều kiện’ rằng cha mẹ là những vị Phật từ bi, khoan dung, độ lượng, cao cả, sống ngay trong ngôi nhà thể tục của mình, rất gần gũi mình. Cũng từ điều dạy này, khi đứa con không hiểu Phật là gì, có thể mượn nhân cách và tình cảm của cha mẹ để so sánh và hình dung ra một đức Phật trong tâm thức của chúng. Nếu bậc cha/mẹ không sống tốt, tức là đã gieo cho con một hình ảnh không đẹp về đức Phật mà mình tôn thờ, qui ngưỡng; như vậy, nhìn qua tư cách của cha/mẹ mình, đứa con cũng không có lý do nào để phát sinh lòng ngưỡng mộ, tôn kính đức Phật. Đó là so sánh tương đồng, còn nếu so sánh dị biệt thì càng so sánh cha mẹ với Phật, niềm thương quý đối với cha mẹ càng giảm

đi. Bài học ý nghĩa rút ra được từ đây là người con Phật, muốn xứng đáng là cha mẹ, xứng đáng để được ca tụng như những vị Phật tại thế, tất phải tu và học để có nhân cách cao đẹp sáng ngời và tâm lượng từ bi không bến bờ, không điều kiện, đối với những đứa con của mình. Hạnh phúc của gia đình và xã hội, và của nhân loại, bắt nguồn từ đây. Khi làm con, hãy làm những người con chí hiếu; khi làm cha mẹ, hãy làm những vị Phật tại thế.

Cho nên, trong mùa Vu Lan, không phải chỉ kêu gọi nhắc nhở những đứa con làm bốn phận báo hiếu, mà cũng chính là dịp để những bậc cha mẹ nhìn lại mình, tu chỉnh nhân cách, bồi dưỡng đạo đức, phát khởi từ tâm vô lượng đối với con cái, cũng như đối với cuộc đời, để không phụ lời dạy vàng ngọc của đức Phật. Xây dựng hạnh phúc gia đình và kiến tạo trật tự xã hội, không phải bắt đầu từ những đứa con, mà chính là từ nơi những bậc cha mẹ, bởi vì ai cũng biết rằng, không có cha mẹ, làm sao con cái có thể hiện hữu! Trong ý nghĩa cao cả và thiêng liêng nhất mà đứa con có thể nghĩ đến, cha mẹ là tạo hóa. Vì thế, hãy bắt đầu tất cả công trình xây dựng, vun bồi hạnh phúc thế gian, bằng bàn tay và trái tim của cha mẹ.

Hạnh phúc thay có những ơn lớn trên đời để được ghi nhớ và báo đáp: ân cha mẹ, ân thầy dạy, ân chúng sinh và ân Tam Bảo.

Hạnh phúc thay có cha mẹ là suối nguồn thương yêu vô tận, là trời biển mệnh mông của nhân từ độ lượng, là chốn trở về cho bầy trẻ vụng dại sau những lầm lỡ khổ đau trong cuộc đời.

Xin hướng về và chia sẻ nỗi bất hạnh với những đứa con mồ côi cha mẹ, những đứa con có cha mẹ hiện đức đã qua đời hoặc phải xa cách nghìn trùng, cũng như những đứa con có cha mẹ mà không thể đón nhận được tình thương yêu và lòng bao dung.

Xin hướng về cúi lạy cha mẹ hiện tiền và quá vãng như những vị Phật cao cả nhất của đời chúng con với niềm tri ân, hân diện, đồng thời chia vui cùng tất cả những người con diễm phúc trên khắp thế gian này.





RẪM THÁNG BẢY

HT THÍCH THIỆN SIÊU

I. Ý NGHĨA

Rằm tháng bảy theo tục lệ nhân gian Việt Nam gọi là ngày xá tội vong nhân. Ngày rằm tháng bảy có nhiều ý nghĩa:

Thứ nhất, ngày Phật hoan hỷ. Ngày rằm tháng bảy gọi là ngày đức Phật hoan hỷ, bởi lẽ trong thất chúng đệ tử của Phật, Chúng Tỷ-kheo là Chúng đệ tử gần gũi nhất, Chúng thừa đương Phật pháp để truyền bá giáo hóa cho chúng sinh, Chúng mang hình dáng của Phật làm gương mẫu ở thế gian, Chúng mà trong ba tháng an cư kiết hạ đã viên mãn và kết thúc vào ngày rằm tháng bảy âm lịch. Thông thường, khi chư Tăng thọ giới pháp xong là tu niệm, nhưng vì Phật sự đa đoan nên sự tu niệm ấy không được chuyên cần bằng ba tháng an cư. Ba tháng an cư theo Luật Phật chế, Chúng Tỷ-kheo phải cấm túc ở yên, hạn chế tối đa sự đi lại, một là vì phong thổ Ấn Độ lúc bấy giờ mùa hạ là mùa mưa, các loại côn trùng sinh sản ra nhiều, mà chúng Tăng đi khát thực sẽ dẫm đạp lên nhiều loại côn trùng, làm tổn thương đến lòng từ bi tế vật. Thứ hai là, chúng Tăng đi khát thực thì y, áo, bình bát sẽ bị thấm ướt, mất trang nghiêm, nên thế gian có phần chê trách. Vì vậy, nên đức Phật dạy Chúng Tỷ-kheo trong ba tháng mùa

mưa phải cấm túc an cư, hạn chế việc đi ra ngoài để tập trung vào sự tu niệm, củng cố sự sống trong thanh tịnh hòa hợp, cảnh tỉnh thân tâm để tinh tấn trong con đường đạo hạnh. Cho nên một khi đệ tử của Phật tu hành trong ba tháng viên mãn thanh tịnh, kết thúc ba tháng an cư, đức Phật vui mừng lắm. Mừng cho đệ tử của mình đã hoàn thành ba tháng an cư thanh tịnh, cho nên gọi là ngày Phật vui mừng.

Thứ hai, ngày Tăng Tự tứ. Ngày chúng Tăng sau ba tháng an cư tu tập nghĩ rằng: Tuy mình đã gắng tu như thế nhưng không chắc đã tránh hết lỗi lầm, nên ngày rằm tháng bảy cùng nhau tập trung lại, cầu mong những vị có giới đức thanh tịnh hơn mình chỉ lỗi lầm cho. Nếu mình tự thấy mắc phải lỗi lầm đó, phải phát lộ sám hối. Đó là một việc hết sức đặc biệt trong ngày Tự tứ.

Thông thường, mỗi khi có lỗi là tìm cách né tránh, tìm cách che dấu kéo sợ người khác biết thì xấu hổ, hoặc sợ nếu biết lỗi của mình thì lần sau mình không làm lại được nữa, cho nên thường thường là che dấu, không bộc lộ, trừ khi có ai hỏi đến, kệt lắm mới nói tới có phạm, có vấp lỗi nọ lỗi kia. Hoặc giả, có phát lộ sám hối chẳng thì cũng phát lộ âm thầm trước ngôi

Tam Bảo, chứ ít khi công khai nhờ người chỉ lỗi cho mình ra giữa Đại chúng. Nhưng theo đạo Phật, ba tháng hạ an cư xong rồi, đức Phật dạy hàng Tỷ-kheo phải cầu người khác chỉ lỗi cho mình, nghĩa là không phải để đợi người khác chỉ mà tự mình phải cầu người khác tự do chỉ cho, mình phải đối trước người đó mà thưa: “Thưa Đại đức, ngày nay chúng Tăng Tự tứ, tôi cũng Tự tứ, tôi có điều gì sai phạm mà Đại đức thấy, nghe hoặc nghi, xin Đại đức thương xót chỉ cho, nếu tôi thấy có phạm thì xin như Pháp sám hối.” Nói như vậy ngầm ý rằng: Tôi không phản nản, không thối mắc và tôi không có oán trách chi Đại đức hết! Đó chính là ý nghĩa mà mình phát tâm cầu mong được thanh tịnh, không có chút nào che dấu, thành tâm cầu người khác tự do nói không e dè chi hết, nếu thấy có lỗi thì cứ chỉ cho. Đó là một thái độ rất cao thượng cởi mở để làm cho mình hết sạch tội lỗi. Vì vậy trong ngày đó gọi là ngày Tăng Tự tứ. Tự tứ nghĩa là cầu người khác không ngần ngại chỉ lỗi mình ra, để cho mình biết mà sám hối, nên gọi là Tăng Tự tứ.

Thứ ba, ngày Tăng Thọ tuế. Thọ tuế là nhận tuổi. Theo thế gian, nếu cha mẹ sinh ra đủ năm 12 tháng thì mới gọi là tròn một tuổi. Nhưng trong Luật Phật chế, hàng xuất gia thọ giới của đức Phật không tính tuổi theo năm tháng kiểu thế gian trên—mà tính tuổi theo hạ lạc. Nghĩa là năm nào có an cư kiết hạ được trọn vẹn thì được tính một tuổi. Thí dụ: Vị nào an cư kiết hạ từ 15-4 âm lịch đến 15-7 âm lịch là mãn hạ, như vậy được tính một năm hạ, tức một tuổi hạ. Ai đã thọ Cụ túc giới nhưng không an cư thì không tính tuổi hạ, còn ai kiết hạ an cư liên tục thì được tính nhiều tuổi hạ.

Cho nên chúng ta thường nghe ở các chùa khi đọc tiểu sử của một vị Tăng nào viên tịch, thường nhắc đến tuổi đời và hạ lạc. Thí dụ vị đó 80 tuổi đời và 60 hạ lạc, nghĩa là vị đó có tuổi cha mẹ sinh là 80 năm, còn tuổi hạ là 60 hạ lạc. Hạ lạc được tính và ngày rằm Tự tứ, sau khi đã tu hành tròn ba tháng hạ. Tuy nhiên, cũng có trường hợp, đúng theo Luật Phật chế, 20 tuổi thì được thọ giới Tỷ-kheo, nhưng vì thiếu duyên, có vị 25 tuổi mới thọ giới Tỷ-kheo và sau khi thọ giới mỗi năm đều có kiết hạ. Nếu vị ấy viên tịch vào tuổi 70, thì vị ấy được 45 tuổi hạ và 70 tuổi đời. Nếu một vị Tỷ-kheo thọ giới rồi mà không an cư lần nào cả thì coi như vị ấy hoàn toàn không có tuổi hạ, khác với cha mẹ sinh ta ra, dù ta có làm hay không làm gì đi nữa hoặc già có ngủ cả năm đi nữa thì tròn một năm cũng vẫn được tính tuổi từng năm một. Trái lại, vị Tỷ-kheo thì phải có kiết giới an cư thì mới nhận tuổi, còn không an cư, thì không tính hạ lạc cũng gọi là giới lạc, pháp

THÔ NGUYỄN SIEU

VU LAN NHỚ CHA

*Tự thưở nằm nôi Cha đâu xa vắng
Ở quanh con như giọt nắng hiền nhà
Ngó trước trông sau vườn rau mướp đắng
Giàn cà non vừa trở nụ hương hoa*

*Ngon gió mùa đông phủ tràn khắp lối
Lạnh thân con Cha đắp tấm chăn êm
Liếp cửa buông ngăn ấm lòng chắt ngát
Lời ru hời nghe ngọt tận trong con*

*Vu Lan về con nhớ Cha nhiều lắm
Nhớ thừa sinh tiền đều đặn nén hương
Niệm Phật thấp nhang qua làn khói quỳên
Bằng tâm thành Cha kính lễ mười phương*

*Và như thế dòng đời trôi chảy mãi
Cho đến khi tan vỡ cuộc vô thường
Đường Cha đi ngàn vạn dặm sâu thương
Con ở lại sống đời tương đưa muối*

*Con học nơi Cha sức người cặm cùi
Bằng đôi tay xây dựng những yêu thương
Từng bước đi trong kiếp sống tha hương
Tưởng nhớ lại đoạn đường thời gian khổ*

*Vu Lan về lá vàng rơi lổ đổ
Như giọt mưa thấm mộ quê hương Cha
Lời ru xưa vang động bóng chiều tà
Con lạy Phật Cha ơi ! Về Tịnh Độ*

*Giấc mộng đời thế gian nhiều giống tổ
Bóng Cha già thăm thăm chốn u linh
Đêm nay đây con khê tụng thời kinh
Cầu nguyện khắp nhân sinh nhiều an lạc*

*Cha ơi ! Cha bóng Cha như cánh hạc
Bay trên cao mãi mãi ở trên cao
Là cội tùng là vách đá trắng sao
Là bầu trời rộng rạt rào vô tận.*

lập. Đó là ý nghĩa của ngày Phật hoan hỷ, Tăng Tự tứ và Tăng Thọ tuế.

Thứ tư, ngày Vu Lan xá tội vong nhân. Vu Lan là ngày cầu siêu độ cho tiền nhân quá cố của người con Phật. Tích Vu Lan bắt nguồn từ việc báo hiếu của Tôn giả Mục-kiền-liên. Tích này được chép trong kinh Vu-lan-bồn. Chữ Vu-lan-bồn phiên âm từ chữ Sanskrit (Phạn) là Ulambana. Người Trung Hoa dịch nghĩa là Giải đảo huyền (Giải cái tội bị treo ngược). Câu chuyện trên ý nói rằng, những người nào tạo tội ác thì phải thọ quả báo nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu sự hành hạ thống khổ cùng cực giống như người bị treo ngược. Nghĩ đến công ơn cha mẹ, khi ngày Vu Lan đến, Phật tử thường đem tâm chí thành, chí hiếu sắm sửa vật dụng cúng dường Tam Bảo để cầu nguyện cho thân nhân, tiền vong của mình thoát khỏi cảnh khổ đau cùng cực y như giải tội bị treo ngược.

Như vậy, ngày Vu Lan là ngày của Phật tử đền ơn đáp nghĩa bằng cách đến chùa cầu thỉnh chư Tăng sau ba tháng an cư thanh tịnh, chú nguyện cho vong nhân của mình thoát khỏi cảnh đọa đầy tăm tối của địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh, đồng thời cầu nguyện cho tất cả người khác cũng thoát khỏi tội khổ đau cùng cực như Tôn giả Mục-kiền-liên đã làm khi cứu mẹ.

II. SỰ TÍCH MỤC KIỀN LIÊN

Tôn giả Mục-kiền-liên là vị đệ tử xuất chúng của đức Phật. Tôn giả đã chứng được Lục thông: 1. Thiên nhãn thông: Được con mắt như mắt trời, thấy khắp tất cả. 2. Thiên nhĩ thông: Được lỗ tai như tai trời, nghe thấy khắp tất cả. 3. Tha tâm thông: Với tâm của mình biết được tâm của người khác muốn gì, ưa gì. 4. Túc mạng thông: Là biết đời trước của mình ... 5. Thần túc thông: Được thần thông đi dưới đất hay bay trên không đều tự tại vô ngại. Cùng gọi là Thần cảnh thông. 6. Lưu tận thông: Dứt trừ mọi lậu hoặc, vượt thoát ra khỏi vòng sanh tử.

Ngoài ra Tôn giả còn chứng được tuệ nhân (trong ngũ nhân là nhục nhân, thiên nhân, tuệ nhân, pháp nhân và Phật nhân) tức là con mắt, thấy được sự vật và tự tính của nó. Chúng sinh chỉ có con mắt thịt, chỉ thấy những cái trước mắt, vừa tầm, còn những cái xa quá, nhỏ quá, lớn quá không thấy được. Khi Tôn giả chứng được lục thông và tuệ nhân liền nhớ đến cha mẹ mình, Tôn giả dùng tuệ nhân nhìn khắp bốn phương, xem vong mẫu của mình hiện đang ở đâu? Khi thấy

vong mẫu của mình đang ở trong loài ngạ quỷ hết sức đau khổ và đói khát, Tôn giả buồn bã vô cùng. Tôn giả liền bung bát cơm đến dâng mẹ, nhưng mẹ Tôn giả vì tâm xan latta từ kiếp trước quá nặng nề khởi lên, sợ người khác trông thấy mà đến giành giật hoặc xin bớt, cho nên bà một tay che bát cơm lại, một tay bốc ăn. Nhưng cơm chưa tới miệng đã hóa thành than lửa không thể nào ăn được. Tôn giả thấy vậy, vô cùng đau xót, không biết làm sao cứu vớt mẹ được, bèn về bạch với đức Phật. Ngài dạy: Tội lỗi của mẹ ngươi, dù có thần thông phép lạ của hàng thiên thần địa kỳ cũng không cứu được đâu! Duy chỉ có dùng thần lực của chúng Tăng sau ba tháng an cư, tinh tấn tu hành thanh tịnh tập trung chú nguyện cho, may ra mới chuyển hóa được nghiệp lực của mẹ ngươi, thì mẹ ngươi mới được thoát khỏi cảnh mà thôi.

Nghe vậy, Tôn giả Mục-kiền-liên thưa với đức Phật: Bạch Thế Tôn, con nay làm sao mà mời chư Tăng mười phương cùng đường một lúc như vậy được? Đức Phật dạy rằng: Trong ngày Vu Lan là ngày Tự tứ của chư Tăng, ông nên sắm các thứ cúng dường chư Tăng trong ngày Tự tứ, ngày đó dầu các vị trong thiên đình, hay thọ hạ kinh hành, hay hóa độ nhơn gian, cũng tập trung lại để Tự tứ và cầu nguyện cho mẹ ngươi, thì mẹ ngươi sẽ được thoát khổ, rồi Tôn giả thực hành theo lời dạy của đức Phật và chính trong ngày đó, mẹ Tôn giả thoát được cảnh ngạ quỷ mà hưởng phước báu chư Thiên.

Do vậy, Tôn giả hết sức vui mừng và thưa với đức Thế Tôn, nếu sau này có chúng sanh nào muốn phát tâm hiếu đễ mà cầu nguyện cho cha mẹ thoát khổ được vui thì có làm như con được không? Đức Phật dạy là có thể làm được trong ngày Tự tứ. Do đó, mà trong Phật giáo truyền lại một Pháp cứu độ cho tiền nhân trong ngày Tăng Tự tứ.

Tôn giả Mục-kiền-liên làm như vậy đã nêu một tấm gương chí hiếu lớn lao cho tất cả Phật tử noi theo muôn đời. Tôn giả không những có hiếu trong đời Phật hiện tại mà Tiền thân Ngài cũng đã là một người con chí hiếu. Trong một Tiền kiếp, Tôn giả sinh trong một gia đình nông dân. Cha mẹ chỉ có Tôn giả là con trai độc nhất, nên vô cùng thương yêu chiều chuộng, và Tôn giả cũng thương yêu cha mẹ không kém. Tôn giả biết cha mẹ chỉ sinh có một mình Ngài là con duy nhất, Tôn giả nghĩ đến ngày cha mẹ tuổi già, không biết trông cậy vào ai, nên Tôn giả nguyện ở độc thân suốt đời để phụng thờ cha mẹ, chứ không muốn lập gia đình. Nhưng trong khi đó cha mẹ lại vì thương con

không muốn con ở như vậy, sợ con cô độc, sau này không có ai giúp đỡ lúc trở về già, nên luôn luôn ép con lập gia đình. Trước sự thúc ép ấy, Tôn giả đành chiều ý cha mẹ.

Không may khi lập gia đình, Tôn giả gặp một người vợ không tâm đầu ý hiệp, nàng ta không phải là mẫu người phụ nữ thuần lương. Lúc mới cưới nàng về, Tôn giả dạy vẽ cho vợ thay mình hầu hạ cha mẹ hôm sớm, cơm nước dâng lên cha mẹ đầy đủ như khi Tôn giả vẫn thường làm. Lúc đầu người vợ ngoan ngoãn tuân theo, nhưng một thời gian sau nàng tỏ ra lạnh nhạt và thờ ơ với cha mẹ chồng. Vì lẽ, thói thường con trong ruột sinh ra đôi khi còn chưa thương cha mẹ ruột một cách hết lòng hướng gì là con dâu, làm sao thương ông bà gia như thương cha mẹ ruột! Ngài vì sinh kế phải đi làm ăn, nàng ở nhà càng tỏ ra chảnh mảng trong việc hầu hạ cha mẹ chồng. Khi đã chảnh mảng, muốn từ bỏ thì phải tìm kế, lập mưu. Một hôm, Tôn giả đi làm về thấy nước đổ lênh láng giữa nhà và hỏi nước đâu vậy? Người vợ bèn chỉ vào ông già mà nói rằng: Ông chướng quá, tôi bung nước lên dâng ông, ông vung văng, chệ nước nóng nước lạnh không chịu uống rồi vung tay đổ cả ra giữa nhà như vậy đó, tôi chịu hết nổi!

Rồi một bữa khác, Tôn giả đi làm về thấy cơm vãi ra giữa nhà và hỏi: Cơm đâu vung vãi ra đây nhà như vậy? Người vợ liền chỉ vào bà già trả lời, bà đó, bà chướng quá, tôi nấu cơm để cho nguội, xới dâng lên cho bà, nhưng bà chê cơm trưa cơm sớm rồi vung vãi ra cùng nhà như vậy đó, tôi chịu hết nổi! Cứ một điệp khúc ấy bà vợ tí tê mãi, riết rồi chồng cũng phải xiêu lòng nghe theo. Tôn giả nghĩ rằng như thế thì cha mẹ mình quá chướng nên nói với vợ: “Thôi được, ta sẽ có cách”!

Hôm sau, Tôn giả thuê một chiếc xe ngựa, nói dối với cha mẹ rằng, mấy lâu nay cha mẹ không về thăm Từ đường bên ngoại, nay mời cha mẹ về thăm một chuyến, để sau này già yếu có nhắm mắt cũng khỏi ân hận. Cha mẹ nghe có lý nên đồng ý đi. Tôn giả cầm dây cương cho xe ngựa lên đường, khi đi đến một đoạn vắng, đường gồ ghề, Tôn giả nhảy xuống ngựa và nói dối với cha mẹ hãy cầm cương hờ để con đi sau bảo vệ kéo chỗ này cướp bóc nhiều lắm. Nhưng thật ra, Tôn giả chẳng bảo vệ gì, mà cốt ý lấy roi quất vào cha mẹ mà nói: “Đã chưa chưa? hết chướng chưa? hết chướng chưa?” Dẫu bị đánh như vậy, nhưng cha mẹ không nghĩ là mình bị đánh mà lại chỉ nghĩ đến con, mà la lên: “Con ơi, lo chạy đi kéo nó đánh chết, lo chạy đi

con ơi!” Chính trong khi bị đánh mà cha mẹ không nghĩ đến mình đau lại cứ nghĩ con bị đánh chết mà la lên, nên hai chữ ‘con ơi’ khi ấy nó đã đánh thức Tôn giả. Khiến Tôn giả nghe hai tiếng đó nó thiêng liêng, mẫn nòng, tha thiết triu mến và thấm thiết một cách lạ kỳ. Tôn giả sức tỉnh ra là mình bất hiếu quá sức! Cha mẹ thương mình như vậy mà mình lại bất nhân, thiếu đức, nên Tôn giả liền hồi tâm và vội vã cho xe quay về và sám hối cha mẹ. Khi về tới nhà Tôn giả quyết định cho vợ về quê của nàng và nguyện sống ở độc thân như vậy suốt đời với cha mẹ. Đó là một tiền kiếp của Tôn giả.

Còn kiếp hiện tại, Tôn giả có tên là Mục-kiền-liên, một người con chí hiếu, muốn thực hiện sự báo hiếu cho cha mẹ mà lúc ở nhà chưa thực hiện được. Nên trong đời sống xuất gia, Tôn giả quyết tâm thực hiện để đưa cha mẹ mình đến cảnh an vui.

Câu chuyện của Tôn giả Mục-kiền-liên trong quá khứ và hiện tại như vậy là một bài học cho chúng ta, cho những người con còn biết có mẹ có cha. Phần nhiều ai cũng có lòng hiếu với cha mẹ, nhưng vì không được un đúc, nhắc nhở, không gặp thầy hay bạn tốt nên có khi tâm bị lung lay trở thành bất hiếu. Có trường hợp bất hiếu vì nghe theo bạn ác, có khi nghe theo danh lợi, quyền thế, nghe theo cờ bạc, rượu chè, hoặc có khi làm nên ông này bà nọ rồi lên mặt với cha mẹ, anh em, coi thường bà con cô bác, lảng giềng mà trở thành bất hiếu. Chẳng hạn có một anh nọ gặp may trở thành một quan chức lớn. Lúc đó chưa có xe đưa rước, về nhà cha mẹ nói đâu dạ đó. Nhưng khi làm một chức quan to rồi thì không thêm dạ như xưa nữa sợ mất thể diện ông quan. Như vậy là vì nghe theo quyền thế mà trở nên bất hiếu.

Lại có người mù quáng học đòi theo thói văn minh vật chất tự do ích kỷ, mà không biết đến văn minh đạo đức hiếu để cho nên trở thành bất hiếu.

Như vậy, sự tích của Tôn giả Mục-kiền-liên là một gương quý nhắc nhở chúng ta vun bồi lòng hiếu thảo của mình, đừng để lòng hiếu thảo bị các thứ khác làm vẩn đục, làm cho mù quáng, mà đánh mất đi. Trong kiếp quá khứ, Tôn giả Mục-kiền-liên thiếu cảnh tỉnh nên trở thành bất hiếu chỉ vì nghe theo lời vợ. Trong xã hội xưa cũng như nay, có những người con rất có hiếu với cha mẹ, nhưng khi chung đụng với xã hội, gặp hoàn cảnh không tốt, ít thân cận bạn hiền, bị tác động bởi sự xấu xa nên khi trở về nhà, cha mẹ nói không nghe, anh chị khuyên bảo không chịu, lại còn cãi lại,

cha không hiểu chi, mẹ không biết chi, còn mình đây mới hiểu, mới sáng suốt, mới có học. Đó là một thái độ thiếu cảnh tỉnh nên bất hiểu.

Do đó, cho nên ai có gần gũi bạn lành, lo tinh tấn tu niệm thì mới trở thành những người con có hiểu. Trong Kinh Trường A-hàm, đức Phật có chỉ cho chúng ta cách báo hiếu tốt nhất là: Nếu gia đình nào có những người con mà biết Bô thí, biết Ái ngữ, biết Lợi hành và biết Đồng sự thì cha mẹ mới nhận được sự hiếu kính của con. Nếu người con nào không biết Bô thí, không biết Ái ngữ, không biết Lợi hành và không biết Đồng sự thì cha mẹ không hưởng được sự hiếu kính của con.

Thứ nhất là bô thí. Kinh A-hàm dạy người hiếu kính cha mẹ là người biết tu hạnh Bô thí. Người biết bô thí thì luôn luôn đem tâm hoan hỷ bô thí cho mọi người, dù chỉ là một nụ cười, một cử chỉ cung kính. Nụ cười ấy, cử chỉ cung kính ấy, sự dịu dàng ấy, cách ăn nói ôn hòa ấy là của mình, nhưng nếu mình không làm, không thể hiện là không có bô thí. Khi mình làm và thể hiện thì sẽ đem an vui đến cho mọi người, chứ không nhất thiết phải hạn cuộc ở bô thí tiền bạc. Đôi lúc một nụ cười khiến cho người ta tiêu tan đau khổ, trong khi mình đem một túi tiền cho họ chưa chắc họ đã hết đau khổ. Như vậy, người con biết bô thí thì cha mẹ mới hưởng được sự hiếu kính của con, còn nếu con chỉ biết quý tiền của, xan tham, chỉ muốn bòn rút của cha mẹ, thì chắc chắn cha mẹ không hưởng được sự hiếu kính của con.

Đã có trường hợp như sau. Một bà mẹ thiếu thốn, già yếu, người con không thêm hỏi tới. Khi mẹ đau ốm mặc kệ, ăn ngủ không được cũng chẳng hề quan tâm. Người mẹ buồn chán đi ở với bà con hàng xóm. Hàng ngày, bà đi bán nước chè và đi mót lúa dành dụm mua được tám vé số, khi dò may sao bà trúng. Khi nghe mẹ trúng số thì người con lật đật tới nói với mẹ: “Thôi mẹ về ở với con cho vui, con ở xa nhớ mẹ, đêm hôm đau ốm không ai lo cho mẹ!” Như vậy người con khi thấy mẹ thiếu thốn không có thì hắt hủi, khi thấy mẹ có rồi thì hỷ hã, vì sao? Vì người con thiếu tu, xem của cải, miếng ăn nặng hơn ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Cho nên trong một gia đình, nếu vì tâm bòn xén, anh em giành nhau, nghi nhau, không có tâm bô thí thì cha mẹ sẽ không hưởng được sự ích lợi từ con cái. Và ngược lại, con cái có tâm bô thí thì sẽ đem lại an lạc cho cha mẹ. Đó là lợi ích của bô thí.

Thứ hai là ái ngữ. Ái ngữ là một điều hết sức cần

thiết, nó cũng rất dễ làm mà cũng rất khó làm. Ái ngữ là nói dịu dàng, thân ái. Có người cho rằng: Lời nói dịu dàng có chi đâu mà khó làm. Thế nhưng khó vô cùng, nếu không tu không thể nói ái ngữ được, như câu chuyện sau đây:

Ngày xưa, một người chỉ nuôi sống gia đình với một con ngựa đi chở thuê, nhờ nó mà hàng ngày gia đình có ăn có mặc. Ngày kia, người ta đem đồ đến thuê chở trễ quá, anh ta nóng lòng chờ đợi đến chiều mới có đồ người ta thuê chở về. Sẵn bực tức trong lòng, nên vừa bỏ đồ lên xe ngựa, anh liền đánh con ngựa một cái và nói: “Đồ nhãi ranh, đi, đi, đồ ăn hại, đồ chết bầm.” Nghe vậy, con ngựa ì ra đó, không đi, đánh mấy cũng cứ ì ra đó. Anh đành chịu và xuống xe. Một hồi sau, con nóng giận trôi qua, anh dịu dàng đến vuốt ve con ngựa, âu yếm nói với nó: “Thôi gắng đi đi con, còn ít giờ nữa là về nhà, giúp ta chở về nhà đi con”. Con vật nghe vậy, nó nhẹ nhàng dùng sức kéo chiếc xe đi ngay. Con vật mà cũng biết được giá trị của ái ngữ huống chi là người ta. Do đó, đối với cha mẹ, ta phải dùng ái ngữ, nếu không sẽ trở thành bất hiểu.

Thứ ba là lợi hành. Lợi hành là làm việc lợi ích. Khoan nói lợi ích cho xóm làng, cho xã hội mà nói lợi ích cho mình, cho gia đình mình. Có những người con coi việc gia đình mình như việc ai đâu, không liên quan đến mình, không thêm sờ tay tới, thậm chí như bưng chén nước chén cơm cho cha già mẹ yếu cũng không hề làm tới. Đó là những việc lợi hành mà không làm, không làm như vậy thì cha mẹ làm sao hưởng được sự hiếu kính của con!

Thứ tư là đồng sự. Cùng làm chung với nhau, cùng làm lụng đồng sự với nhau, gây cảm tình thương yêu vui vẻ lẫn nhau, còn không thì không làm sao gây tình cảm hiếu kính với cha mẹ được. Cho nên Phật dạy một cách thâm thía rằng: Người nào biết Bô thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự thì cha mẹ mới hưởng được sự hiếu kính của người con.

Như vậy, báo hiếu cha mẹ bằng cách biết công ơn cha mẹ sâu dày như non cao bể cả, mà tiền nong của chúng ta đã nhắc tới:

*“Công cha như núi ngất trời,
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông,
Núi cao biển rộng mênh mông,
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi”.*

Tiền nhân chúng ta nói thiết tha lắm; cù lao chín

chữ ghi lòng con ơi, cốt ghi chín chữ cù lao là chúng ta có hiếu rồi. Nhưng báo hiếu cha mẹ bằng hình thức chưa đủ mà còn phải báo hiếu bằng tinh thần.

Trong kinh đức Phật dạy rằng: Cha mẹ chưa an trú trong Chánh Pháp, làm sao giúp đỡ, dắt dẫn cha mẹ an trú trong Chánh Pháp, cha mẹ chưa an trú trong điều Lành thì làm sao cho cha mẹ an trú trong điều Lành, cha mẹ chưa Quy y Tam Bảo thì nên đưa cha mẹ an trú trong Quy y Tam Bảo. Như vậy, cha mẹ không những hưởng được phúc lạc vật chất bên ngoài mà còn hưởng được phúc lạc trong tâm hồn, giải thoát bớt phiền trước, xa lánh được thế gian chấp trước, vọng tưởng luân hồi sanh tử, mà đức Phật đã nhắc nhở. Khi cha mẹ giải thoát, an vui thì sự báo hiếu của người con mới thành tựu. Nên cổ đức có câu: “Phụ mẫu đắc ly trần, hiếu đạo phương thành tựu”. (Cha mẹ được giải thoát, lìa khỏi trần ai thì người con mới tròn hiếu đạo).

Là người Phật tử, hãy ghi nhớ lời Phật dạy như vậy để hàng ngày tu niệm, hàng ngày hồi hướng công đức về cho tiền nhân của mình, nhất là trong ngày lễ Vu Lan, thành tâm chí kính, niệm Phật, tụng Kinh, lạy Phật, cúng dường Tam Bảo, cúng dường chư Tăng Tỳ khưu, đề cầu mong sự chú nguyện của Chư Tăng cho tiền vong của mình thoát khỏi u đồ mà siêu sanh lạc quốc. Đó mới tạm gọi là con hiếu, là người Phật tử thuần hành trong mùa báo hiếu.



*“Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù !
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù !”*
(Phẩm An Lạc, Kinh Pháp Cú)



NGUYEN NAM LONG

march 24, 1969, sai gon
july 22, 2006, new york

*nina hyde - the washington fashion group scholarship
fashion institute of technology, n.y. / designer, project
director, amerigroup co., n.y. u.s.a., quangdong china.*

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn
Cháu NGUYỄN NAM LONG
Con trai của Nhà Thơ Viên Linh
Đã qua đời ngày 22.7.2006
Tại New York City,
Hưởng dương 37 tuổi.

Thành kính chia buồn
Cùng Anh Viên Linh và Tang Quyển
Nguyễn cầu Hương linh
Cháu NAM LONG
Siêu sinh Cực Lạc Quốc Độ

Vĩnh Hảo
và Tạp chí Phương Trời Cao Rộng

HIỂU VÀ THƯƠNG

Thích Nhất Hạnh

Tiếp Xúc Với Những Gì Mầu Nhiệm

Chúng ta có khuynh hướng nghĩ tới chuyện buồn đau, chú ý tới mặt buồn đau. Làm như vậy là mời những hạt giống buồn đau lên, tưới tẩm những hạt giống buồn đau, thất vọng và gieo thêm những hạt giống buồn đau mới. Tại sao ta không thực tập tiếp xúc với những gì tươi mát, tốt lành trong ta và ngoài ta? Những cái đẹp, lành và tươi mát lúc nào cũng có mặt ở khắp nơi, nhưng tại vì ta cứ ưa giam mình trong cái nhà tù buồn bã của ta nên ta không có cơ hội tiếp xúc với những mầu nhiệm đó.

Cuộc sống chung quanh ta đầy những mầu nhiệm, bầu trời xanh, ánh nắng trong và nụ cười hồn nhiên của em bé có thể cho ta biết bao niềm vui. Hơi thở của ta cũng rất tuyệt diệu, nó cho ta sự sống mỗi ngày. Thế mà có người đợi khi bị suyễn hay bị nghẹt mũi rồi mới thấy hơi thở là quý. Sống có chánh niệm là biết trân quý từng phút giây của hạnh phúc. Hạnh phúc lúc nào cũng có mặt trong ta và ngoài ta, chỉ cần có chánh niệm là chúng ta nhận diện nó dễ dàng. Và khi ta nhận diện được nó thì những hạt giống an vui, tươi mát, lành mạnh càng phát triển mạnh mẽ trong ta. Dù ở đâu, bất cứ lúc nào, ta cũng có thể thưởng thức được một tia nắng ấm, một hơi thở ngọt ngào hay sự hiện diện của một người thương. Ta đâu cần phải đi đâu xa, ta chỉ cần có chánh niệm là hạnh phúc có thể có mặt trong tâm tay.

Trách Móc Không Giúp Được Gì

Nếu ta trồng cái xà lách, mà cái xà lách mọc không tốt, thì ta đâu có trách móc cái xà lách đâu. Bởi vì ta có thể tìm biết nguyên do từ đâu cái xà lách không mọc tốt: có thể nó thiếu nước, có thể nó cần thêm phân, có thể vì nắng nhiều quá. Ta hiểu vậy nên ta không trách móc cây cái xà lách. Thế mà khi ta có vấn đề với gia đình hay với bạn bè, ta lại hay trách móc đổ lỗi cho nhau. Nếu chúng ta không chăm sóc nhau kỹ lưỡng thì chúng ta cũng không mọc lên được tốt tươi như những cây cái xà lách vậy. Cho nên trách móc qua lại không có lợi ích gì hết. Chỉ cần hiểu là đủ, không cần lý luận

phân trần. Khi bạn chứng tỏ mình hiểu được và mình thương được là tình thế thay đổi tức khắc.

Trong một khóa tu ở Paris, một hôm tôi nói pháp thoại về cây cải xà lách. Sau pháp thoại tôi đi thiền hành một mình. Khi đi ngang qua một góc vườn, tôi nghe một em bé gái tám tuổi nói với mẹ: “Mẹ ơi, con là cây cải xà lách của mẹ đó nhé. Mẹ nhớ tưới nước cho con nhé!” Tôi rất vui khi thấy em bé hiểu tường tận ý của tôi. Sau đó tôi nghe bà mẹ trả lời: “Đúng rồi, mẹ sẽ nhớ nhưng con cũng đừng quên rằng mẹ cũng là cây cải xà lách của con đó nghe. Vậy con cũng phải nhớ tưới cho nó nhé!” Thật đẹp thay khi cả mẹ và con đều cùng thực tập.

Hiểu Và Thương

Hiểu và Thương tuy hai chữ mà một ý. Một buổi sáng kia, cậu con trai của bạn thức dậy thì thấy đã gần giờ đi học. Cậu liền đến đánh thức em gái của mình còn đang ngủ, để hai anh em có thể kịp ăn sáng trước khi đi đến trường. Em bé ấy thay vì cảm ơn lại gật đầu lên: “Đi đi! Kệ tôi!” Cậu bé có thể đã nổi giận vì thái độ không dễ thương của em và có thể đi vào bếp để mách lại với bạn chuyện đó.

Nhưng cậu bé chợt nhớ rằng tối hôm qua em bé đã ho nhiều, chắc em đã bị sốt, không ngủ được, nên sáng nay mới khó chịu như vậy. Khi hiểu được điều đó, cậu bé không còn thấy giận em gái nữa. Khi bạn đã hiểu, không thể nào mà bạn không thương. Và khó mà bạn có thể tiếp tục giận được. Khi bạn đã hiểu thì bạn biết phải làm gì để người kia bớt đau khổ, bạn làm chuyện ấy rất tự nhiên không thấy cần phải cố gắng nhiều. Cho nên muốn hiểu sâu, ta nên tập nhìn mọi loài với con mắt từ bi.

Tình Thương Chân Thật

Muốn thương ai, ta phải hiểu người đó. Nếu chỉ muốn chiếm hữu người đó làm của riêng thì đó chưa phải là thương. Ta không thể gọi đó là thương nếu ta chỉ biết lo cho ta, cho những nhu cầu của riêng ta còn những nhu cầu của người đó, những khát vọng, khổ đau của

người đó thì ta không hề để ý đến. Tình thương chân thật chỉ có khi ta thấy được những gì người thương ta cần hay không cần. Khi ta đã hiểu rõ ai, không thể nào mà ta không thương cho được.

Lâu lâu ta nên ngồi sát cạnh người thương của ta, cầm tay người ấy và khẽ nói: “Này em của anh, em có nghĩ là anh đã hiểu em chưa? Hay anh vẫn còn vụng về và làm cho em đau khổ? Hãy nói cho anh biết, bởi anh muốn thương em thực lòng!” Nếu ta thực tâm muốn tìm hiểu người thương thì giọng nói của ta sẽ biểu lộ điều ấy và người ấy sẽ mỉm lòng. Cánh cửa cảm thông đã mở, chuyện gì mà ta làm chẳng được.

Người cha đôi khi không có thì giờ hoặc không đủ can đảm để hỏi con trai của mình những câu hỏi tương tự: “Con của ba, ba thương con, nhưng không biết ba đã hiểu được con chưa?” Ta phải có can đảm đặt câu hỏi đó với con cái ta, nếu không, thương mà không hiểu thì thương đó chưa đúng cách, trái lại, càng thương ta càng làm cho người ta thương bị thương. Phải có hiểu mới có thương thật sự. Khi được hiểu, người được thương sẽ nở như một bông hoa.

Từ Bi Quán

Từ là đem niềm vui đến cho người, bi là lấy nỗi khổ của người ra. Chúng ta ai cũng có hạt giống từ bi, và nhờ thực tập quán chiếu “thương người như thể thương thân”, ta triển khai những hạt giống này thành những nguồn năng lượng dồi dào. Từ bi là tình thương đích thực không kỳ thị vương mắc nên không gây khổ đau phiền não.

Chất liệu của từ bi là sự hiểu biết, khả năng đi vào da thịt của người kia, làm một với họ, với mọi niềm đau nỗi khổ của họ. Bi có nghĩa là thông cảm với cái khổ của người và có năng lực chuyển hóa cái khổ đó.

Chúng ta có thể bắt đầu tập quán chiếu về những người đau khổ về thể chất, những người yếu đuối bệnh hoạn, như người cùng cực bơ vơ không có ai nương tựa. Những người này ở đâu cũng có, rất dễ thấy. Có những trường hợp vi tế hơn. Có những người có vẻ không có gì là đau khổ, họ rất kín đáo, nhưng nếu quan sát kỹ, ta cũng thấy được những dấu hiệu chứng tỏ họ cũng có những niềm đau. Cả những người sống trên nhung lụa cũng có những đau khổ của họ. Khi ta quán chiếu về những người này, lấy họ làm đối tượng cho sự thực tập quán chiếu về từ bi, ta phải nhìn cho sâu và cho lâu vào nỗi đau của họ, ta phải nhìn cho kỹ để thấu triệt nỗi đau của họ đến khi ta cảm thấy niềm xót thương trào dâng trong lòng.

Nhờ quán chiếu sâu sắc như vậy mà xúc cảm của ta biến thành hành động. Ta thấy câu nói “tôi thương anh vô cùng” chưa đủ mà ta phải tìm đủ mọi cách để làm

vơi nỗi khổ của người kia. Từ bi có mặt khi ta thực sự làm người kia bớt khổ. Cho nên ta phải làm này nọ và nuôi dưỡng lòng từ bi trong ta. Khi ta tiếp xúc với người kia, ý nghĩ, lời nói và hành động của ta phải thể hiện được lòng từ, dù thân khẩu của người kia chưa thanh tịnh cũng vậy. Ta phải thực tập như thế nào mà lòng từ bi của ta lúc nào cũng có mặt chứ không phải chỉ có mặt khi người kia dễ thương. Tình thương của ta như vậy mới đích thực và vững chắc. Ta có nhiều an lạc hơn và người kia cũng được an lạc theo. Niềm đau của họ sẽ từ từ giảm thiểu và đời sống của họ sẽ dần dần sáng sủa và tươi vui hơn.

Ta cũng có thể quán chiếu về những người làm ta đau khổ. Sở dĩ họ làm ta đau khổ vì chính họ cũng đang đau khổ. Đó là điều chắc chắn. Chỉ cần tập theo dõi hơi thở và quán chiếu là ta có thể thấy được niềm đau của họ. Một phần những đau khổ và khó khăn của họ là do cha mẹ họ trao truyền từ khi họ còn nhỏ. Mà cha mẹ họ cũng có thể là nạn nhân của ông bà tổ tiên họ. Những hạt giống xấu cứ như vậy được truyền trao từ đời này sang đời kia. Nếu thấy rõ điều đó, ta sẽ không còn trách cứ hay giận hờn họ nữa. Ta đã hiểu được lý do vì sao họ đối xử không đẹp với ta. Ta không giận mà trái lại ta cầu mong sao cho họ bớt khổ đau. Ta không cần phải tìm đến họ để hòa giải. Khi ta biết nhìn sâu, ta đã hòa giải với chính ta rồi. Mỗi vấn đề đã được giải quyết. Lòng ta nhẹ nhàng và môi ta nở nụ cười tươi. Sớm muộn gì người kia cũng thấy được thái độ hòa ái của ta và cũng sẽ trở nên tươi mát như ta. Cho nên có từ bi, ta có an lạc hạnh phúc mà người khác cũng có được an lạc hạnh phúc. Chánh niệm là chất liệu nuôi dưỡng cây hiểu biết để từ đó hoa từ bi tỏa ngát hương thơm. Từ bi không phải là một ý tưởng chỉ nằm trong đầu ta. Không phải chỉ cần ngồi yên một chỗ và quán tưởng về từ bi là ta có thể gieo rắc tình thương đến mọi nơi như gửi đi những luồng âm thanh hay ánh sáng. Từ bi phải được thể hiện cụ thể hơn qua cách ta ăn ở đối xử với mọi người chung quanh.

Tình thương là một nguồn suối dạt dào nằm sâu trong lòng ta, chỉ cần ý thức được điều đó là ta đã có thể ban phát niềm vui đến cho bao người. Một câu nói hiểu biết dễ thương cũng đủ làm vơi bớt nỗi khổ, đánh tan mọi nghi kỵ hiểu lầm, đem lại tin yêu và tự do. Một hành động đúng lúc có thể cứu sống một mạng người. Mà hành động và lời nói ta chân chánh là nhờ ý nghĩ ta chân chánh. Khi có tình thương chân thật thì tất cả những gì ta nghĩ, nói và làm đều trở nên phép lạ và đem lại nhiều lợi lạc.

(An Lạc Từng Bước Chân)



Cảm Niệm Vu Lan

*Nam mô Phật ! Hôm nay rằm tháng Bảy
Cầu Thương đài mở rộng Cửa Từ Bi
Xin Pháp Thuyền Bát Nhã đức A Di
Chở muôn hướng oan hồn về dự lễ;*

*Nam Mô Pháp ! theo hương trầm tỏa nhẹ
Dâng hồn thơm làm sớ nhập cung mây:
Chúng sinh từ vô lượng kiếp tới nay
Đường mê muội luân hồi trong lục đạo;*

*Nam Mô Tăng! Bể trần gây vũ bão
Thuyền sanh linh chìm đắm sóng mê lầm.
Đệ tử xin thọ pháp Bồ Đề Tâm,
Hương thanh khiết kết cùng trầm tín ngưỡng.*

*Nhớ Phật dạy: Bao tài năng, đức tướng
‘Thấy mọi loài đều chẳng khác Như Lai,
Tất cả chúng sanh có đủ Trí, Tài.
Nhưng nghiệp chướng xoay quanh vòng điên đảo,
Nên không chứng Niết Bàn ngôi Tam bảo’
Nghìn đời qua... lời Phật giáo uyên thâm
Ôi, vàng châu làm mất điểm lương tâm,
Kho tích đức chất đầy grom hung bạo.*

*Tài đem dựng xây non xương biển máu
Rình rập giăng cuộc chém giết hung tàn,
Để tranh giành điểm thắng lợi vinh quang
Gieo ác quả và hái làm Tiêu Diệt !*

*“A Di Đà Phật” mờ rền chuông nổi
Tôi đắm chìm trong thế giới trầm hương...
Bỗng nghe vang lời cầu đảo bi thương,
Chợt tỉnh: lặng ngắm tín đồ nam nữ,
Đây là vợ khóc chồng đây xa xứ,
Đó là chồng khóc vợ tử- biệt ly,
Cha có con khổ bệnh tới quy y
Cảnh quần quai trong vòng vô lượng khổ.*

*Trí vang ngân lời Kinh cầu siêu độ
Từng nhịp lòng Nhân Ái gởi theo chuông
Trong phút giây tôi sống giữa hai đường
Phật bất diệt và Trần gian tiêu diệt.*

TÂM TÂN

LỄ THÁNG BẢY

CHO NHỮNG OAN HỒN PHIÊU BẠT

TUỆ SỸ

Tục truyền tháng bảy mưa ngâu.

Trong các sinh hoạt nhân gian của truyền thống ta, tháng bảy là tháng được nhiều sắc thái văn chương nhất. Tháng bảy, mưa ngâu, nhịp cầu ô thước bắc qua giải Ngân-hà; hai tâm hồn lẻ loi cô độc, hằng đêm tư lự trong nỗi sầu ly biệt thiên thu giữa bầu trời cao rộng, chọn mùa mưa sụt sùi để gặp nhau, chỉ trong một thoáng chốc, rồi đời cũng như con nước trôi xuôi... Đây đó, giữa những cụm rừng khuya u tịch, vẫn còn có những oan hồn cô độc, lần mò tìm lại nẻo sống của một thời xa xưa. Kẻ chết và người sống, khéo hẹn nhau để chu tất những món nợ ân tình đã từng chôn sâu dưới lòng đất. Khi đêm càng về khuya, âm hưởng trầm buồn của người sống phảng phất trong lễ cúng thí cô hồn chen lẫn với tiếng trùng nỉ non, thì tình tự của kẻ sống và người chết càng nghe ra khúc điệu tha thiết vô cùng:

Dấu người thập loại biết là đâu

Hồn phách mơ màng trải mấy thu

Còn biển ngình ngang bầu thế giới

Những mồ vô chủ thấy mà đau [1]

Trong các lễ cúng thí cô hồn, trai đàn chẩn tế được tổ chức quy mô nhất. Nó bao hàm cả hai khía cạnh văn chương và triết lý, gần như tất cả tinh hoa của tư tưởng và văn học Phật giáo Đại thừa Mật tông được gói trọn vào đây.

I

Về hình thức, trai đàn này dựa trên nền tảng của triết học Mật giáo. Tức bố trí theo một hình thức đơn giản của mạn-đà-la (maṇḍala)[2]. Đó là một vòng tròn, được tượng trưng như một đóa hoa sen nở trọn, và vòng tròn này là căn bản vũ trụ luận của Mật giáo. Thông thường, có hai bộ mạn-đà-la. Kim cang giới mạn-đà-la (vajradhātu-maṇḍala) biểu tượng cho trí tuệ sở chứng của Phật. Thai tạng giới mạn-đà-la (garbhadhātu-maṇḍala) biểu tượng cho phương tiện độ sinh của Ngài[3]. Mỗi mạn-đà-la đều dựa trên một số chủ điểm tư tưởng của Đại thừa giáo. Chủ điểm

đáng ghi nhớ nhất, đại lược như sau.

Trước hết, chúng ta nên biết rằng theo quan điểm truyền thống của Phật giáo, vũ trụ gồm hai thành phần. Một đấng là nhân cách, tức lấy con người hay các loài hữu tình làm bản vị, mà trên hết, lấy nhân cách của Phật làm biểu hiệu cho bản thể tuyệt đối. Đấng khác nữa, là thế giới của nhân cách, là những pháp sở chứng và thọ dụng bất khả tư nghị của Phật. Nhân cách có năm yếu tố, gọi là năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Chúng tập hợp thành một bản ngã giả tưởng nên được gọi là uẩn. Thế giới của nhân cách được cấu tạo bởi năm yếu tố, gọi là năm đại[4]: địa, thủy, hỏa, phong và không.

Trên cơ sở giáo nghĩa này, trước hết mạn-đà-la của Kim cang giới được thiết lập để biểu hiện trí tuệ sở chứng của Phật. Kim cang là loại chất rắn không bị bất cứ gì hủy hoại được. Do đó kim cang được vận dụng như một khái niệm cụ thể hóa yếu tính tồn tại của Phật thân, gọi là Kim cang bất hoại thân (vajrasamhataṇakāya). Thân ấy, cũng như thân của tất cả mọi loài chúng sinh, đều do năm uẩn, và năm đại cấu thành. Nhưng tồn tại của Phật thân không khác biệt với hoạt dụng của Phật trí. Do đó, năm đại tương ứng với năm trí (pañca jñānāni). Và nhân cách của Phật, như là chính thể thống nhất của tồn tại và nhận thức, được biểu hiện thành năm đức Như lai tương ứng, tức là Ngũ trí Như lai, hay năm vị Thiên Phật (pañca dhyānibuddhāi).

Kim cang giới mạn-đà-la thuyết minh hoạt dụng của trí tuệ sai biệt trong lý tính không sai biệt, do đó Ngũ trí Như lai là trọng tâm của mạn-đà-la này. Hình dạng cơ bản là một hình tròn, gọi là nguyệt luân (candra-maṇḍala). Bên trong hình tròn này thiết lập các biểu tượng của năm vị Như lai. Chính giữa là vị trí đức Đại Tỳ-lô-giá-na, hay Đại Nhật Như-Lai (Mahāvairocana-Tathāgata). Đó là Pháp thân Phật (DharmakāyaBuddha), như mặt trời bủa rộng ánh sáng bình đẳng và bao dung cùng khắp cả vũ trụ. Trong năm đại, Ngài biểu tượng cho không đại (ākāśadhātu), và bản chất của hư không là bao dung. Trong năm uẩn, Ngài là biểu tượng của thức uẩn (vijñāna-skandha).

Trong năm loại trí, Ngài biểu tượng cho Pháp giới thể tánh trí (dharma-dhātu-svabhāva-jñāna).

Bốn phương chung quanh Đại Nhật Như Lai là vị trí của bốn đức Như lai, theo thứ tự từ Đông qua Nam cho đến Bắc như sau:

A-Súc-Bệ Phật (Akṣobhya), hay Bất-Động Như Lai với các biểu tượng: Phong đại (vāyu-dhātu), nhờ đó mà vũ trụ có vận động; hành uẩn (saṃskāra-skandha), động cơ tạo tác của các loại hữu tình; đại viên cảnh trí (ādarśa-jñāna), như tấm gương tròn bao la và ngời sáng phản chiếu mọi hiện tượng sinh thành và hủy diệt của thế giới.

Bảo Sinh Phật (Ratnasambhava) với các biểu tượng: hỏa đại (tejo-dhātu), khả năng làm chín muồi để đưa đến chỗ thành tựu các vận động của chúng sinh và thế giới; tướng uẩn (saurjñā-skandha), khả năng truy ức quá khứ và ước vọng tương lai để thúc đẩy sự tiến hành sinh hóa; bình đẳng tánh trí (samatā-jñāna), khả năng quan sát bình đẳng các pháp không bị ràng buộc ngã và pháp.

A-di-đà Phật (Amitabhā): thủy đại (ab-dhātu), khả năng kết hợp các pháp để tác thành duyên sinh hay duyên khởi; thọ uẩn (vedana-skandha), khả năng hưởng thụ thành quả của các vận động; diệu quán sát trí (pratyavekṣaṇā-jñāna), nhìn thấy rõ chân tướng của vạn hữu của tác dụng sinh khởi, tồn tại và hủy diệt.

Bất Không Thành Tựu Như lai (Amoghasiddhi): địa đại (pṛthivī-dhātu), khả năng duy trì sự tồn tại của vũ trụ; sắc uẩn (rūpa-skandha), tác thành thế giới hữu tình; thành sở tác trí (kṛtyānuṣṭhāna-jñāna), thể hiện các phương tiện giáo hóa chúng sinh.

Mỗi đức Như lai đều có bốn Bồ tát thân cận. Tất cả là mười sáu Đại bồ tát. Ngoài ra, nội đàn có bốn cúng và ngoại đàn bốn cúng; tất cả tám cúng dường bồ-tát. Cùng với bốn Nhiếp bồ tát nữa. Cơ bản, Kim cang giới mạn-đà-la có tất cả ba mươi bảy tôn vị.

Thai tạng giới biểu hiện đại bi tâm của Phật, từ đó lưu xuất tất cả các phương tiện độ sinh. Từ Thai tạng giới, vạn pháp được thai nghén và dưỡng dục, cho đến thành tựu các phẩm chất siêu việt của đại trí và đại bi. Do đó, đàn tràng của Thai tạng giới được hình dung là một đóa sen có tám cánh. Đóa sen tám cánh này chính là hình ảnh trái tim bằng thịt của chúng sinh. Đại bi tâm không phải là một khái niệm trừu tượng, nhưng là sự rung động của trái tim bằng thịt ấy. Hoa sen, theo ý nghĩa nhân quả đồng thời, nghĩa là khi chúng sinh vừa phát tâm bồ-đề, ngay lúc ấy Phật quả đã được thành tựu. Bởi vì, trong thể tính tuyệt đối, ý niệm về thời gian và không gian không tồn tại. Từ ý nghĩa đó, tám cánh sen gồm bốn Đại Bồ tát, và bốn đức Như lai, biểu hiện nhân cách của nhân và quả; tất cả đều phát xuất

từ thể tính của Đại Nhật Như lai vốn là đài sen, ở trung tâm của mạn-đà-la.

Bốn đức Như lai, theo thứ tự từ Đông qua Bắc như sau:

Phương đông, Bảo Tràng Phật (Ratnaketu). Ngài là hình ảnh của bồ đề tâm (bodhicitta). Bảo tràng làm tiêu xí cho sự phát bồ đề tâm. Dưới cội bồ đề, Như lai đã dương cao tiêu xí này mà đánh bại binh chúng Ma, thành tựu Vô thượng Chánh giác.

Phương nam, Khai Phu Hoa Vương Như lai (Kusumita-rāja), an trụ trong ly cấu tam-muội (vimala-samādhi), bằng hạt giống bồ-đề tâm mà vun trồng và phát triển thành vô số hành động của đại bi, như đóa hoa nở rộ.

Phương tây, Vô Lượng Thọ Như lai (Amitayus), biểu hiện Báo thân hay Thọ dụng thân của Phật (Sambhoga-kāya), kết quả của vô số công đức tu tập, với hình ảnh hoa sen hàm tiếu.

Phương bắc, Thiên Cổ Lôi Âm Phật (Divyadundubhi), biểu hiệu phẩm tính của Niết bàn; được ví dụ như chiếc trống trời, vốn không hình tướng nhưng âm vang rền xa. Đó là pháp âm của Như lai được công bố.

Ở bốn phương góc là bốn Đại Bồ tát. Phương đông nam, Phổ Hiền Bồ-tát (Samantabhadra). Đông bắc, Quán Tự Tại Bồ-tát (Avalokiteśvara). Tây nam, Diệu Cát Tường Đồng tử (Mañjuśrī-kumāra). Tây bắc, Từ Thị Bồ-tát (Maitreya).

Chung quanh trung đài bát diệp viện gồm bốn lớp, mỗi lớp có bốn viện. Mỗi viện biểu thị một phương diện độ sinh của Phật.

Cả hai bộ mạn-đà-la cũng có thể tượng trưng như hai bàn tay. Bàn tay mặt là Kim cang giới. Từ ngón út cho tới ngón cái, theo thứ tự: Về năm uẩn, ngón út là sắc uẩn, và lần lượt là thọ uẩn, tướng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Về năm đại, năm loại trí, và năm vị Như Lai cũng theo thứ tự tương xứng đó. Về các ba-la-mật, tính từ ngón út: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn cho đến ngón cái là thiền định ba-la-mật.

Bàn tay trái là Thai tạng giới; cũng tính từ ngón út cho đến ngón cái theo thứ tự, với năm đại, năm uẩn, v.v... như bàn tay mặt. Về các ba-la-mật: huệ, phương tiện, nguyện, lực và trí.

Như vậy, khi hai bàn tay hiệp lại, trọn vẹn cả bi và trí của Phật. Đàn tràng chân tế được bố trí dựa trên căn bản vũ trụ luận khái lược, với một ít thay đổi. Đơn giản mà nói, đàn tràng được bố trí như là thấu gọn thế giới vũ trụ thành một thực tế hiện hữu cụ thể trước mắt. Lời chú trong Du già tập yếu của Bất Không Tam tạng[5], dưới đoạn nói về kết ấn hiện đàn (ấn kết theo thể kim cang quyền, mười ngón tay móc treo vào) có ghi, “Đặt

Thơ LUÂN HOÁN

MẸ TRONG ÁNH TRĂNG

gửi chị Lê Thị Kim Anh và em Lê Hân

*nằm im dưới ánh trăng mờ
nghe trong hương gió điệu ru đầu đời
lơ mơ thả gót rong chơi
gặp bàn tay mẹ xoa đầu, à ơi...*

*chùm ca dao trái xanh trời
chở tôi bay bổng một đời cùng thơ
lòng nôi, lòng vòng ngày thơ
lót bằng lòng mẹ bây giờ còn thơm*

*đời tôi chưa biết ổ rom
chỉ ngấm hương ổ tình thơm mãi từ
mẹ đi biệt giữa tháng tư
vầng trăng tròn lắm, hình như tròn hoài*

*tôi nhìn rõ lắm hai vai
mẹ xuôi trong chiếc quan tài bình an
nhớ như in, nhớ rõ ràng
tôi im lặng đứng cạnh bàn khói hương*

*tôi không là đứa bình thường
mắt không có lệ lòng vươn trần nhà
tôi đi tôi đứng như là
những cánh hoa huệ nở ra âm thầm*

*ngậm câu kinh Phật trong lòng
hóa ra tôi khóc bằng dòng khói hương
mẹ tôi chừ ở mười phương
không đâu, mẹ vẫn ngồi đầu giường tôi*

*câu thơ tôi ngắt tình đời
chỉ nhờ hơi ấm mẹ tôi thở vào
mẹ không biến thành ngôi sao
mẹ là tất cả dòng thơ tôi trồng*

*già nửa đời tôi lưu vong
rằm tháng tư vẫn chờ trăng xít người
nằm im đắp ánh trăng mờ
nguồn ca dao cũ từ từ mở ra.*

ấn này trước mình, tức khắc cả hư không giới đều trở thành đại mạn-đà-la[6].”

Mục đích của sự bố trí này là cốt khai triển năng lực gia trì hỗ trợ của Phật (adhiṣṭhānādhiṣṭhita). Mật giáo nói: Phật thể hiện phương tiện độ sinh của Ngài bằng vào uy lực gia trì. Gia trì về ba phương diện, mà thuật ngữ gọi là “tam mật du-già”, tương xứng theo ba hành nghiệp của một chúng sinh: thân, miệng và ý. Sự gia trì, tức uy lực hỗ trợ của Phật, được thể hiện nơi thân của một chúng sinh qua các tư thế ngồi và các thủ ấn, nghĩa là các ngón tay của hai bàn tay giao nhau trong một tư thế nào đó đã quy định. Gia trì nơi miệng được thể hiện qua sự tụng niệm các chân ngôn. Ý mật gia trì nhờ sự quán tưởng về hình tượng Phật, hay các văn tự theo lối viết Brahmi, mà trong Phật giáo gọi là tự mẫu tất-đàm (siddham).

II

Sau khi thiết trí đúng pháp đàn tràng mạn-đà-la, và thể hiện đầy đủ tam mật du-già, người chủ trì, gọi là Gia trì sư, được coi như hóa thân của Phật, thay Ngài thuyết giới cho chúng hữu tình. Bài thỉnh sư do sư thí giả hay người trợ lễ đọc trước khi đăng đàn chẩn tế, nói:

寶座高高無礙
上有天垂寶蓋
請師那步登壇
代為孤魂說戒

Bảo tọa cao cao vô ngại
Thượng hữu thiên thùy bảo cái
Thỉnh sư na bộ đăng đàn
Đại vị cô hồn thuyết giới.

(Bảo tọa cao vời không ngại, trên có trời giăng lọng báu. Thỉnh Sư dời bước lên đài, vì cô hồn mà thuyết giới).

Sư gia trì đứng dưới đàn đáp:

圓明一點本非空
了證無為向上宗
三世諸佛哪一步
權留寶座即吾登
Viên minh nhất điểm bản phi không
Liễu chứng vô vi hướng thượng tông
Tam thế chư Phật na nhất bộ
Quyền lưu bảo tọa tức ngô đăng.

(Một điểm ngài sáng, tròn đầy, vốn không phải là không hư. Từ đó mà hoàn toàn chứng nhập vô vi, là

tông chỉ siêu việt. Ba đời chư Phật không hề đến hay đi. Nhưng tôi sẽ bước lên bảo tọa được lưu lại nơi đây bằng phương tiện quyền xảo).

Đó là xác nhận bản thân và bản nguyện của Phật, rồi xác nhận sự tin tưởng về tam mật gia trì nơi mình. Sự xác nhận này là một phát biểu về tư tưởng triết lý của Đại thừa, không phải riêng của Mật giáo. Bản tánh của các pháp là Tánh không, vì do tương quan mà hiện khởi. Nhưng có hiện khởi tức không thuần là không hư. Cho nên hiệu là Như Lai, đúng như bản tánh của Pháp mà đến và cũng như các pháp mà đi. Trong tuyệt đối, Như Lai không đi cũng không đến. Vậy, bảo tọa cao vọi kia phía trên có chư thiên trượng dù lọng ra che, là sự hóa hiện từ phương tiện đại bi tâm, Phật của Phật, cũng bằng vào đại bi tâm đó, gia trì sự sẽ bước lên bảo tọa vốn thiết trí dành cho ngài.

Sau khi bước lên bảo tọa, phần nghi lễ mở đầu có bài tán khởi, nói:

會起蒙山最勝緣
覺皇垂範利人天
經宣祕典超塗炭
教演真乘救倒懸
難陀尊者因習定
救苦觀音示面燃
興慈濟物真三昧
感果明恩萬古傳

Hội khởi môn sơn tối thắng duyên
Giác hoàng thủy phạm lợi nhân thiên
Kinh tuyên bí điển siêu đồ than
Giáo diễn chân thừa cứu đảo huyền
Nan-đà tôn giả nhân tập định
Cứu khổ Quan Âm thị Diện Nhiên
Hưng từ tế vật chân tam muội
Cảm quả thao ân vạn cổ truyền.

(Do nhân duyên đặc biệt mà lễ hội Môn sơn được tổ chức. Đức Giác hoàng đã chỉ dạy một nghi thức làm lợi ích cho cả chư thiên và loài người. Lời Kinh nêu rõ pháp điển bí mật có khả năng siêu hóa từ chốn lầm than. Giáo thuyết diễn rộng ba thừa để cứu vớt khổ đau bị treo ngược. Tôn giả Nan-đà nhân bởi lúc tập định; lúc đó Bồ-tát Quan Âm, vì để cứu khổ, nên hiện thân làm quỷ Diện Nhiên (quỷ mặt lửa). Từ đó, nêu cao đức từ bi, cứu tế vật loại, là tam-muội chân thật. Quả được chiêu cảm, ân được ban cho, lưu truyền vạn cổ).

Hội khởi môn sơn chỉ cho khoa nghi chân tế được tập thành bởi ngài Môn Sơn. Nhưng khởi thủy vốn là do bi nguyện của đức Giác Hoàng, tức Phật. Ngài đã phương tiện thiết lập nghi thức này là làm lợi ích cho các cõi trời và người.

Khoa nghi thí thực này được truyền sang Trung hoa từ đời Đường do Bất Không Tam tạng, một truyền nhân của Mật giáo. Gọi đủ là Bất Không Kim Cang, tên dịch từ tiếng Phạn là Amoghavajra, người Bắc Ấn, thuộc dòng dõi Bà-la-môn. Trong số những kinh điển và khoa nghi của Mật giáo do ngài dịch, các tác phẩm liên hệ khoa thí thực cô hồn gồm có: Phật thuyết cứu bạt diêm khẩu ngạ quỷ đà-la- ni kinh[7], Thí ngạ quỷ ẩm thực cập thủy pháp[8], Du-già tập yếu cứu A-nan đà-la-ni Diêm khẩu qui nghi kinh[9] và Du-già tập yếu Diêm khẩu thí thực nghi[10].

Trong hai tác phẩm, Diêm khẩu kinh nói về nguyên nhân Phật dạy phép thí thực cô hồn. Bởi vì, vào một lúc nọ, giữa đêm khuya, ngài A-nan trong khi đang ngồi tu tịnh tại chỗ vắng, bỗng thấy một con quỷ gọi là Diêm Khẩu, miệng đỏ rực như lửa, thân hình quái dị ghê gớm, bảo A-nan ba ngày nữa ngài sẽ chết. A-nan nghe nói hoảng hồn, sáng hôm sau chạy tìm Phật hỏi phương tiện. Phật mới dạy phương pháp thí ngạ quỷ. Trước hết, phải theo một bậc thầy, mà Mật giáo gọi là A-xà-lê (ācāriya), đã chứng đến chỗ Du-già thâm thâm tam muội mà thọ pháp, học pháp vô thượng đại bồ-đề tâm, thọ tam muội giới, nhập Đại mạn-đà-la, chịu phép quán đánh (tức phép truyền đạo bằng cách rưới nước lên đầu). Đàn tràng thì thiết trí theo Tam-muội-da mạn-đà-la (samaya-maṇḍala). Ở đây, Đại mạn-đà-la là tổng thể của các mạn-đà-la khác, an trí hình vẽ các Bản tôn Du-già với các biểu hiệu cầm tay và thủ ấn, mỗi vị theo một dấu hiệu riêng nói lên bản thể độ sinh của ngài; chữ tam-muội-da (samaya) nơi đây có nghĩa là bản thể.

Về quyển Du già Tập yếu Diêm khẩu thí thực nghi, đoạn đầu có phần giới thiệu gốc tích, đại khái giống như Diêm khẩu kinh. Trong khoa nghi này, không nói cách bố trí đàn tràng nữa, mà chỉ trình bày các thủ ấn... các mật chú và các nghi thức tụng niệm. Đầu tiên là nghi thức sám tịnh đàn tràng, mặc niệm chú Đại luân minh vương và thủ ấn. Kế đó, thỉnh thập phương vô tận Tam bảo, Kim cang mật tích, Vệ pháp thần vương, vân vân, với thủ ấn “hiện đàn”. Mỗi phần về sau cũng đều có thủ ấn và mật chú như vậy. Phần cuối hết là văn tế thập loại cô hồn[11], phần này không có thủ ấn.

Trong một bài tựa cho Du già Diêm khẩu thí thực yếu tập, Bảo Hoa viết dưới thời vua Khang Hy, có dẫn sự lưu hành của khoa nghi này, nói rằng, nghi quỹ mà A-xà-lê Bất Không truyền, ngài Hải Thượng cho là quá đơn giản, nên soạn thêm. Về sau, ngài Thiên Cơ lại bớt đi những chỗ rườm rà, cho đến ngài Vân Thê hiệu đính lại lần nữa. Như vậy, sờ dĩ không để quá đơn giản là muốn cho sự thực hành có vẻ long trọng. Nhưng cũng không quá rườm rà, bởi vì thời gian cúng

thí không được kéo dài quá giờ hơi; vào giờ này, quý thần không ăn uống gì được nữa.

Tại Việt Nam, không rõ khoa nghi này được truyền vào lúc nào và do ai[12]. Nhưng gần đây cũng có ít nhất ba diễn nô về phần văn thỉnh thập loại, dịch từ nguyên văn chữ Hán. Bản diễn Nôm được lưu hành nhất là của Hòa Thượng Bích Liên, suốt từ Nha Trang cho tới Bình Định, ai cũng coi bản Nôm này là hay nhất.

III

*Đường bạch dương bóng chiều man mác
Ngọn đường đèn lác đác mưa sa
Lòng nào lòng chẳng thiết tha
Cõi dương còn thế nữa là cõi âm*
(Nguyễn Du, Văn tế thập loại)

Vào những năm đầu thập niên 70, do chiến tranh gây ra nhiều cảnh chết chóc hãi hùng, khoa nghi chầu tể được thực hiện rất nhiều, nhất là tại Huế. Hầu như tháng nào ở đây cũng có ít nhất một đàn.

Sống lưng chừng giữa cái sống và cái chết, người sống đã không thể nói được những uất hận chính mình, thì mượn ân tình tha thiết của người chết mà nói thay:

*Thương thay thập loại chúng sinh
Phách đơn hồn chiếc lênh đênh quê người
Hương khói đã không nơi nương tựa
Phận mò côi lẩn lữa đêm đêm
Còn chi ai khá ai hèn
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu.*
(Nguyễn Du, đd.)

Nếu gát qua tính chất tôn giáo, cùng nền tảng triết lý của nó, khoa nghi chầu tể được đem ra thực hiện ở nhân gian, một cách nào đó, là những tiếng than ai oán, và uất ức, của những con người cô khổ, sống kiếp lưu linh đầy đọa. Tác dụng văn chương của nó có thể thấy rõ qua kiệt tác Văn tế thập loại chúng sinh của Nguyễn Du.

Nghi thức thực hành văn y nguyên chữ Hán[13], người không học chữ Hán tất nhiên không thưởng thức được khí vị văn chương trong đó. Tuy nhiên, khi đến đoạn thỉnh thập loại chúng sinh, bấy giờ thường gần khoảng giữa khuya tĩnh mịch, điệu thỉnh theo giọng ai của các kinh sư, mỗi người thay nhau đọc một đoạn, thì dù không hiểu lời văn, nhưng giọng văn vẫn có tác dụng truyền cảm đặc biệt. Cho nên, khi thiết lễ chầu tể, không những người ta chỉ thỏa mãn một khía cạnh tín ngưỡng tôn giáo nào đó, mà còn là bị lôi cuốn bởi sức tác dụng văn chương và nghệ thuật qua giọng điệu thành khẩn thiết tha của nó.

Người nghe mà hiểu, thì có thể thấy cái đặc vị văn chương của nó là không lấy người sống làm đối tượng. Tình tự nồng nàn được phát tiết như là những tiếng ngậm hờn thiên cổ, sống không nói được, chết chôn vùi theo cát bụi. Văn chương điêu luyện và tao nhã[14], ý tứ thì thâm trầm mà nhiều ray rức. Người sống mà nghe được thì cũng có thể nghe ra một nỗi đời hư huyền nào đó. Giác mộng công hầu khanh tướng hay khát vọng trường sanh muốn đem sắc thân tứ đại giả hợp này mà vượt thoát ra ngoài cõi trần hoàn, tất cả rốt cuộc đều trở thành những nỗi oan khuất bị nhận chìm xuống đáy biển.

Dưới đây trích đoạn thỉnh:
*Nào những kẻ tính đường kiêu hãnh
Chỉ những làm cát gánh non sông*
(Nguyễn Du, đd.)

Đó là lời thỉnh những oan hồn lúc sống lăm le giấc mộng bá vương. Văn thỉnh chữ Hán nói:

(Sư gia trì đọc, giọng ai):

Lụy triều đế chúa, lịch đại hầu vương; cửu trùng điện khuyết cao cư, vạn lý sơn hà độc cử.

累朝帝主歷代侯王九重殿闕高居萬里山河獨踞

(Một kinh sư bạch, cũng giọng ai):

Tây lai chiến hạm, thiên niên vượng khí nga châu; bắc khứ loan dư, ngũ quốc oan thanh vị đoạn.

西來戰艦千年王氣俄收北去鸞輿五國冤聲未斷

(Tất cả cùng xướng):

Ô hô!

(Vị kinh sư tiếp):

Đỗ quyền khiếu lạc đào hoa nguyệt
Huyết nhiễm chi đầu hận chánh trường
杜鵑嘯落桃花月
血染枝頭恨正長

Diễn Nôm của Hòa Thượng Bích Liên:

*Trước thỉnh kẻ hoàng vương đế bá
Triều đại xưa trái quá biết bao
Đền đài chín lớp ở cao
Non sông muôn dặm chén vào một tay
Thuyền chiến phút đổi đời vượng khí
Xe loan còn rủ rỉ oan thanh
Hỡi ôi!
Đỗ quyền kêu suốt tàn canh
Máu hờn nhuộm mãi trên cành đào hoa*

Mộng tranh hùng tranh bá, làm chúa làm vua, nay chinh Nam mai tảo Bắc. Nhưng rồi từng đêm suốt

những canh dài, từng tiếng quốc kêu rủ rì, màu sương trắng lạnh phủ trên cánh hoa đào, giòng máu oan thiên hận sự bất thành nhuộm đỏ đầu cây ngọn cỏ. Vậy thì, giang sơn như họa còn đó, mà anh hùng hào kiệt một thời ở đâu, và đâu là ảo vọng của đời người?

*Nói chi đương thuở thị hùng
Tưởng khi thế khuất vận cùng mà đau
Bỗng phút đâu lò bay ngói lở
Khôn đem mình làm đũa thất phu
Giàu sang càng nặng oán thù
Máu tươi lai láng xương khô rã rời
Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc
Quý không đầu van khóc đêm mưa
Đã hay thành bại là cơ
Mà u hồn biết bao giờ cho tan*
(Nguyễn Du, đđ.)

Nhưng cũng có kẻ lúc sống dành cho thân và danh của mình cùng mục nát với cỏ cây, tìm những chỗ Đào nguyên hay Lãng uyên để tu chơn dưỡng tánh. Nhưng:

tam hoa cửu luyện, thiên tào vị hứa tiêu danh,
tứ đại vô thường, địa phủ nan dung chuyển hạn.
三花九煉天曹未許標名
四大無常地府難容轉限

Thuốc trường sinh đã mấy lần luyện, nhưng cung trời chưa ghi vào sổ trường sinh, mà cõi đời nông nổi thì không khứng diên trì thời hạn:

Ô hô !
Lâm quán yên hàn đơn[15] tảo lãnh
Tiểu đàn phong thâm hạnh hoa hi!
嗚呼臨觀煙寒蟬噪冷
焦壇風慘杏花希

*Lò đơn lâm quán [16] lạnh sương
Tiểu đàn [17] gió thâm thổi tàn hạnh hoa*
(HT. Bích Liên dịch)

Giác mộng trường sinh bất tử, chẳng lẽ trong thoáng chốc chỉ còn ký thác cho ngọn gió gào thét hồn oan?

Chỗ khác là những bậc nuôi chí xuất trần, chống tích tượng phật phơ trên đỉnh núi cao vợi vợi. Nhưng rồi, “chuối hạt lần không mòn vách đá”, thì than ôi.

Hoàng hoa thúy trúc, không đảm bí mật chân thuyền,

Bạch cổ lê nô, đồ diễn khổ không diệu kệ.
Ô hô!
Kính song lãnh tằm tam canh nguyệt
Thiền thất hư minh bán dạ đăng

黃花翠竹空談祕密真詮
白牯黎奴徒演苦空妙偈
嗚呼
經窗冷寢三更月
禪屋虛冥半夜燈

Làng hoa trúc nào câu mật đế
Nhà cổ nô[18] vẫn kệ khổ không
Hỡi ôi!
Kính song trăng thăm lạnh lũng
Nhà thiền leo lét đèn chong canh dài.
(HT. Bích Liên dịch)

Cuối cùng, người ta tự hỏi: ước mong muôn thuở của nhân sinh là gì? Mỗi hận mà lúc sống đã không xong, bấy giờ chôn vùi dưới đất nghìn năm, biết bao giờ mới hận mới đồng thành một viên ngọc bích long lanh? Nhưng cũng có thể:

*Nhờ phép Phật siêu sinh tĩnh thổ
Bóng hào quang cứu khổ độ u
Rắp hòa tứ hải quần chu
Nào phiền trút sạch, oán thù rửa không.*
(Nguyễn Du, Văn tế thập loại)

PHỤ CHÚ

MANḌALA

I. Ý NGHĨA

Tiếng Phạn, maṇḍala, Hán phiên âm thông dụng là mạn-đà-la 曼陀羅 Các phiên âm khác: mạn-tra-la 曼吒羅, mạn-đồ-la 曼荼羅, mạn-noa-la 曼拏羅, ... chỉ đàn tràng tác pháp, hay hành trì bí pháp của Mật giáo. Đó là khu vực cấm chế các quỷ thần xâm nhập. Bên trong thiết trí các hình tượng hay biểu tượng, hay các ký tự tượng trưng một ý nghĩa nào đó. Đàn tràng có thể là hình vuông hay hình tròn. Nhưng thông thường được vẽ bằng hình tròn, nên Hán dịch nghĩa là luân viên 輪圓, hay luân viên cụ túc 輪圓具足. Đại nhật kinh sớ, quyển 4 giải thích:

“Mạn-đồ-la, có nghĩa là phát sinh. Tức là điều mà ở đây Kinh gọi là Phát sinh Chư Phật mạn-đồ-la 發生諸佛曼荼羅 (Sarvabuddhasambhavamāṇḍala). Gieo hạt giống Bồ đề (bodhibīja) vào trong mảnh đất tâm của Nhất thiết trí (sarvajñāna-cittabhāmi), rồi tưới nhuận bằng nước đại bi (mahākaruṇā), soi rọi bằng mặt trời đại tuệ (mahāprajñāsūrya), cổ động bằng ngọn gió đại phương tiện (mahopāyavāyu), che

bằng bầu trời đại không (mahāsūnyākāsa) bao la vô ngại, nuôi lớn dân chồi non của pháp tánh bất tư nghị (acintyadharmatākura) cho đến khi thành cây Phật cao lớn che phủ cả Pháp giới. Vì vậy, nói là phát sinh. (...) Mạn-đồ-la còn có nghĩa là tô lặc 酥酪, tức là chất béo tinh thuần của sữa đông lại và nổi lên mặt sữa. (...) Do đó, Kinh nói mạn-đồ-la là hương vị vi diệu tối thượng. (...) Bằng phương tiện của ba bí mật (trayāni guhyāni), khuấy đều sữa Phật tính của chúng sinh, cho đến trải qua năm vị mà thành chất đề hồ của diệu giác, hòa tan một cách thuần tịnh và vi diệu, nhưng không hề thêm bớt tự bản chất. Tập hội tất cả Kim cang trí ấn (Vajrajñānamudra) mà thành hương vị tối thượng đệ nhất trong các vị cam lộ (amṛtarasa) chân tịnh bất biến.”

Tổng quát, theo giải thích trên, mạn-đà-la hay mạn-đồ-la có ba ý nghĩa: luân viên, hình tròn của bánh xe. Đây là từ dịch nghĩa tương đương chính xác với từ Phạn maṇḍala. Thứ hai, phát sinh, dịch nghĩa của từ Phạn udbhava hay sambhava. Thứ ba, đề hồ, coi maṇḍala như là từ phái sinh của maṇḍa. Từ ý nghĩa thứ ba này, về sau được chuyển thành ý nghĩa tập hội. Theo nghĩa này, mạn-đà-la là chỗ tập hội của Phật, Bồ tát và Thánh chúng.

Phân loại theo hình thức, có bốn loại mạn-đà-la: Đại mạn-đà la, Tam-muội-da mạn-đà-la, Pháp mạn-đà-la và Kiết-ma mạn-đà-la.

Đại mạn-đà-la 大曼荼羅 (Mahā-maṇḍala): đàn tràng trong đó an trí hình tượng các Bồ tôn.

Tam-muội-da mạn-đà-la 三昧耶曼荼羅 (Samayamaṇḍala); tam-muội-da, tiếng Phạn, dịch là bản thệ 本誓. Đây là đàn tràng bố trí các biểu tượng của các Bồ tôn. Các biểu tượng này tượng trưng cho bản thệ và phương tiện độ sinh của các Ngài.

Pháp mạn-đà-la 法曼荼羅 (Dharmamaṇḍala) tức đàn tràng hay đồ hình trong đó bố trí các chủng tử tự (bījākṣara), tức các ký tự, hoặc nguyên âm hoặc mẫu âm. Mỗi ký tự ký hiệu tự tính của mỗi bồ tôn. Kiết-ma mạn-đà-la 羯磨曼荼羅 (Karmamaṇḍala), biểu tượng cho sự nghiệp độ sinh của các bồ tôn; thông thường, đây là đàn tràng an trí các hình tượng điều khắc.

II. LƯỠNG BỘ MẠN-ĐÀ-LA, hay nói tắt:

KIM THAI LƯỠNG BỘ 金胎兩部

Hai bộ mạn-đà-la, gồm Kim cang giới (Vajradhātu) thuộc trí môn, và Thai tạng giới (Garbhadhātu) thuộc lý môn. Đó là từ trên một nhất tâm pháp giới (ekacittadharmadhātu) mà hiển thị thành hai môn: Lý (nyāya) và Trí (jñāna).

Lý, tức lý tính bình đẳng và phổ quát (samānatā); tất



THƠ TẠ KÝ

ĐOẠN TRƯỜNG GỢI LẠI

*Bước chân nào nặng phù du
Ngón tay nào thất sâu tư trời hờn.
Cô đơn rồi vẫn cô đơn,
Bốn mươi thu đó đòi con đoạn trường.*

*Sông xa bãi cát vàng hanh,
Điêu hiu bến vắng, mong manh sương chiều.
Mười lăm năm giấc mộng vèo,
Bốn dây nhỏ máu xuôi theo Tiền Đường.*

*Từ em lần lửa lâu xanh,
Cuộc say đầy tháng, tàn canh, vẫn thừa.
Chừ đây bên cạnh người xưa,
Nửa đêm tái ngộ nghe mưa cuối trời.*

*Mà thôi, đàn kiếm giang hồ,
Trở về cát bụi, cơ đồ ngã nghiêng.
Say đến khóc, cười như điên,
Ngàn xưa động lại một thiên nào người!*

cả các pháp, hữu vi hay vô vi, thường nghiệm hay siêu nghiệm, duy là nhất thể vô phân biệt (aviseṣatā). Khi trí tuệ nhận thức tồn tại từ lý tính, từ nhất thể vô phân biệt, thì tất cả tồn tại là chân không (sūnya). Nhận thức như thế là không nhận thức gì cả. Lý và trí là Tuyệt đối Bất nhị (advaitā). Nhưng tác dụng của trí là nhận thức, là khám phá ra tính đặc thù trong mỗi yếu tính tồn tại. Ở đây, trí tức là nhận thức sai biệt (viśeṣajñāna) về tính đặc thù hay sai biệt (viśeṣatā) của vạn hữu.

Để biểu thị ứng dụng vô cùng của lý tính bình đẳng và trí tuệ sai biệt như vậy, Mật giáo thiết lập hai bộ mạn-đà-la. Căn cứ trên giáo nghĩa của kinh Đại nhật, tức Đại-tỳ-lô-giá-na thành Phật thần biến gia trì kinh 大毘盧遮那成佛神變加持經 (Mahā-Vairocanābhisambodhi-vikurvitādhiṣṭhāna-vaipulya-sūtrendrarāja-nāma-dharmaparyāya)[19], Mật giáo thiết lập Thai tạng bộ, biểu hiện đại bi phương tiện cứu thế, phát xuất từ lý tính bình đẳng. Mặt khác, căn cứ trên giáo nghĩa của kinh Kim-cang đỉnh, gọi đủ là Kim Cang đỉnh nhất thiết Như lai chân thật nhiếp Đại thừa hiện chứng Đại giáo vương kinh 金剛頂一切如來真實攝大乘現證大教王經 (Vajraśekhara-sarvatathāgata-satyasaṅgraha-mahāyāna-pratyutpannābhisambuddha-mahātantrārāja-sūtra)[20], thiết lập Kim Cang đỉnh bộ, thuyết minh sai biệt trí.

Kim Cang giới (Vajradhātu) biểu thị ý nghĩa từng bản thủy tích 從本垂跡, nghĩa là, thuyết minh lịch trình hiện tượng hóa của vạn hữu. Tức là, từ lý tính bình đẳng, từ nhất thể vô phân biệt, vạn hữu chuyển hiện thành thiên sai vạn biệt. Nhưng sai biệt tính vẫn không tách rời vô phân biệt; đó là thể Tuyệt đối bất nhị. Thai tạng giới (Garbhadhātu) thuyết minh quá trình tu tập và chứng ngộ, đi từ nhân là đại bi, với vô số phương tiện độ sinh sai biệt, cho đến khi chứng nhập lý tính bất nhị.

Nói tóm lại, do căn tính sai biệt của chúng sinh mà sự hành trì cũng có những sai biệt. Tuy vậy, con đường dẫn đến giác ngộ vẫn được kinh qua trên cỗ xe hai bánh là đại bi và đại trí.

[1] Nghi thức cúng cô hồn bằng nôm, HT Bích Liên, bản chép tay của Thích Nguyên Trạch, Bình định.

[2] Xem phụ chú 1 ở cuối bài.

[3] Xem phụ chú 2 ở cuối bài.

[4] Trong Hiền giáo, sắc pháp được phân tích thành 4 yếu tố cơ bản gọi là 4 đại chủng (mahābhūta). Trong Mật giáo, một yếu tố thứ năm được thêm vào, là không đại (ākāśadhātu), do tương đối với ngũ trí.

[5] Du-già tập yếu cứu A-nan đà-la-ni Diệm khẩu quỹ nghi kinh, Đường Bất Không dịch; Đại XXI, No. 1318.

[6] Về đại mạn-đà-la, xem phụ chú 1.

[7] Đại XXI. No. 1313. Tham chiếu, Phật thuyết cứu Diệm nhiên nga quỹ đà-la-ni thần chú kinh, Đường Thật-xoa-nan-đà dịch; Đại XXI, No. 1314.

[8] Đại XXI, No. 1315. Tham chiếu, Phật thuyết cam lộ kinh đà-la-ni chú, vô danh dịch, Đại XXI, No.1316; Cam lộ đà-la-ni chú, Đường Thật-xoa-nan-đà dịch, Đại XXI, No. 1317.

[9] Đại XXI, No.1318. Tham chiếu, Du-già tập yếu Diệm khẩu thí thực khởi giáo A-nan-đà tự do, Đường Bất Không dịch, Đại XXI, No.1319.

[10] Vô danh dịch, Đại XXI, No.1320. Tham chiếu, Phật thuyết thí nga quỹ cam lộ vị đại đà-la-ni kinh, Đường Bát-đà-mộc-a dịch, Đại XXI, No.1321.

[11] Về thập loại cô hồn, theo liệt kê của Du-già tập yếu Diệm khẩu thí thực nghi, Đại XXI, tr. 483b: 1. Thủ hộ quốc giới: những oan hồn “vị quốc vong than.” 2. Phụ tài khiếm mạng: chết vì oan gia trái chủ, nợ nần, trụy thai. 3. Khinh bạc Tam bảo: bất hiếu, bội nghịch vô đạo. 4. Giang hà thủy nịch: thương khách chết sông chết biển. 5. Biên địa tà kiến: những người sống tại biên ải hẻo lánh. 6. Ly hương khách địa: cô khổ phiêu bạt, chết đường chết xá. 7. Phó hỏa đầu nhai: tự tử, nhảy sông, nhảy núi, chết đâm, chết cháy. 8. Ngục tù trí mạng: chết trong ngục tù. 9. Nô tì kết sứ: nô lệ cùng khổ, chết vì dầy dụa lao dịch. 10. Manh lung ám á: đuối, què, câm, điếc, không người chiếu cố. Thập loại theo khoa nghi Mông sơn, và thập loại trong văn tế Nguyễn Du có vài chỗ không đồng nhất.

[12] Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 4: triều Lý Anh tông, niên hiệu Đại định 11 (1150), Đỗ Anh Vũ bị tội. Để cứu tình nhân của mình, Lê Thái hậu tổ chức nhiều pháp hội, và vua ban hành lệnh đại xá thiên hạ. Nhờ vậy, Anh Vũ được hưởng lây, và lần lần phục chức. Không hiểu các pháp hội này có lập trai đàn hay không. Thiền uyển tập anh: Tăng thống Huệ Sinh, tịch năm Gia khánh thứ 6 (1064), đời vua Lý Thánh tông, có để lại tác phẩm Pháp sự trai nghi, rất có thể có nói đến nghi thức chấn tế. Nhà Nguyễn, các Chúa thường hay tổ chức các pháp sự hay trai đàn tại chùa Linh mục. Theo tiểu sử chùa, năm giáp ngo, dưới thời Chúa Nguyễn Phúc Chu, chùa được trùng tu, nhân đó, Chúa cho tổ chức đại trai đàn. Gia long năm thứ 2 (1803), Vua tổ chức trai đàn bạt độ cho các quan linh tử trận. Ngoài ra còn nhiều tư liệu khác để có thể viết được sự phát triển và phổ biến trai đàn chấn tế. Nhưng việc ấy dành cho các nhà viết sử. Ở đây chỉ đề cập đại khái.

[13] Cũng có bản dịch nôm, như của HT Bích Liên.



TOÀN NHẬT THIỀN SƯ

*Với những nẻo đường
cát bụi của quê hương*

THÍCH PHƯỚC AN

(tiếp theo)

Nhưng Toàn Nhật là ai?

Thật là khó khăn khi chúng ta muốn đi tìm lại dấu vết của vị Thiền sư đã bị quên lãng gần hai thế kỷ này.

Có lẽ, Toàn Nhật cũng giống như bao nhiêu người khác trên cuộc đời này, nghĩa là cũng đã đến trên mặt đất hoang vu này rồi lặng lẽ ra đi như bao nhiêu tỷ người khác. Nhưng Toàn Nhật thì khác chúng ta ở chỗ, đã đi rồi, nhưng nói theo hai câu thơ của Nguyễn Du:

Cánh hồng bay bổng tuyệt vời

Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm.

Tác giả Lê Mạnh Thát trong lời giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp của Toàn Nhật cũng phải công nhận sự khó khăn này:

“Tài liệu cho ta nghiên cứu về cuộc đời Toàn Nhật hiện nay tương đối hiếm. Chúng gồm: thứ nhất là long vị của Toàn Nhật thờ tại Chùa Phổ Quang, thôn Phổ Trạch, xã Phước Thuận huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định. Đây là một long vị tương đối cổ, không những ghi pháp danh pháp hiệu của Toàn Nhật, mà còn ghi lại cho ta cả năm tháng, ngày sinh cũng như ngày mất của Toàn Nhật. Nó thuộc tài liệu quý giúp chúng ta có được hiệu niên đại Toàn Nhật một cách chính xác”[1]

Cứ theo long vị còn thờ ở Chùa Phổ Quang tỉnh Bình Định thì ta chỉ biết được “Toàn Nhật sinh vào giờ Tỵ ngày 28 tháng 10 năm Đinh Sửu (1757) và thị tịch vào giờ Dần ngày 6 tháng 4 năm Giáp Ngọ (1834) thọ 78 tuổi.

Chỉ có vậy, còn quê quán của ông ở đâu thì gần như ta không được biết gì hết. Nhưng tác giả Toàn Nhật Quang Đài Toàn tập cho rằng: “Căn cứ vào văn ngôn

(Lễ Thánh Bửu... tiếp theo)

Nhưng các thầy vì sính chữ Hán nên ít ai chịu làm theo khoa nghi tiếng Việt.

[14] Thực tế thì văn thỉnh thập loại chữ Hán không phải là áng văn chương nổi tiếng của Trung hoa. Văn từ phần nhiều sáo rỗng, nhiều điển tích vô hồn. Nhưng được cho là hay, vì thói quen. Và cũng do trình độ thưởng thức văn chương của người nghe.

[15] Nguyên âm Hán là thiền (con ve), nhưng quen đọc là đơn.

[16] Đền hay miếu, nơi thờ tự của đạo sĩ.

[17] Chi đàn cúng tế của đạo sĩ.

[18] Bạch cổ lê nõ: con bò trắng và nõ lệ đen; chỉ chuông mõ nhà chùa.

[19] Tên tỉnh lược: Đại nhật kinh, hay Đại từ-lô-giá-na kinh; Skt. Mahāvairocanaśhisambodhi. Đường Tam tạng Thiện Vô Úy dịch (Khai nguyên 13, AD.725), Đại XVIII, No. 848.

[20] Tên kinh gọi lược: Kim cang đỉnh, hay Nhiếp Đại thừa hiện chứng. Đường Bất Không dịch (Thiên bảo 3, AD.753), Đại XVIII, No.865.

dùng trong Hứa Sứ truyện văn, ta thấy xuất hiện một số ngữ hiện còn dùng rất phổ biến tại vùng Trị Thiên ngày nay. Chẳng hạn ngữ “mần rì” [2]:

Sơn lâm luận sự tu trì

Dường như khó mà dễ ý gì mần rì.

hoặc:

Điều An mới nói mần rì

Thanh Sơn mỹ hiện trụ trì nơi đây.

....

Hứa Sứ, một trong những nhân vật chính của Hứa Sứ truyện văn cũng xác nhận rằng mình là người ở chốn kinh thành:

Rằng tôi ở chốn kinh thành

Tên là Hứa Sứ phận mình mỗ coi.

Nhưng kinh thành trong hai câu thơ nói ở đây là kinh thành nào?

“....Ở Đàng Trong thời Toàn Nhật thì kinh thành đây, tất nhiên là kinh thành Phú Xuân được chúa Nguyễn Phúc Khoát dời từ Kim Long xuống từ những năm 1738” [3].

Đó là Toàn Nhật tìm thấy trong long vị và Toàn Nhật suy đoán từ tác phẩm Hứa Sứ truyện văn. Còn chính Toàn Nhật thì sao? Toàn Nhật có nói gì về chính mình không? Trong tác phẩm Tam giáo nguyên lưu ký, đã cho ta thấy sự thông thái và uyên bác của Toàn Nhật về ba Tôn giáo chính của dân tộc ta là Phật giáo, Khổng giáo và Lão giáo. Trong đoạn cuối của tác phẩm, Toàn Nhật đã cho biết vì sao ông đã trở về với Phật giáo:

Ta xưa cũng dự Nho gia

Mười hai tuổi học đến ba mươi rày

Hỏi thăm năm bảy ông thầy

Không ai tỏ ngộ tánh trời huyền môn

Tông nguyên uẩn áo thánh nhân

Cũng là Chân Lạc hạo nhiên để truyền

Sau ta đầu học phép Thiên

Thuở ba mươi tuổi vậy liền xuất gia

Duyên lành may gặp thầy ta

Người thương chỉ thị thoát nhà tử sinh

Thiền môn khẩn khẩn tu hành

Bốn mươi ba tuổi tánh lành chút thông.

Soạn làm một kệ mừng lòng

Để cho người thế cũng đồng xem coi.

Vậy là đến ba mươi tuổi thì Toàn Nhật mới xuất gia. Trong Xuất gia văn, Toàn Nhật cho biết sớ dĩ ông xuất gia trễ như vậy là vì phải phụng dưỡng cha mẹ già:

Xưa còn ân nặng cù lao

Vậy nên nán nã ra vào dưỡng nuôi

Là chỉ sau khi cha mẹ đã khuất núi rồi, thì Toàn Nhật mới thực hiện chí nguyện xuất gia học đạo mà có lẽ ông đã ôm ấp từ lâu.

THÔ NHỒ CHI

Tháng Bảy

*lười lỉnh ngày hè
nhớ sóng biển và hải âu
những lâu đài nhỏ
những chú còng
se cát mỗi
mệt*

Tháng Tám

*nắng và nắng
mùa hè quyến luyến
mặt trời, mây và màu xanh
nhớ những cơn gió mát*

Tháng Chín

*địu xuống bằng những sợi tơ mưa
tiếng chim buổi sáng nghe hớn hờ
nắng khẽ khàng qua từng ngọn lá
chùng như khắp trời là mùa thu
địu xuống bằng hơi sương
tắm lòng của nước
có khi muốn khóc
vì yêu thương.*

Thảo thân nay đã khảm rồi.

Tay giờ gươm tuệ chân lui thị thành.

Đường như trong các tác phẩm văn học cổ điển của Phật giáo Việt Nam chưa có câu nào diễn tả được chí nguyện xuất gia học đạo một cách hoành tráng như câu của Toàn Nhật:

Tay giờ gươm tuệ chân lui thị thành

Câu ấy, theo tôi có thể so sánh được với câu nổi tiếng trong Quy Sơn Cảnh sách: Phát túc siêu phương mà HT Trí Quang đã chuyển sang Việt ngữ rất mực tài hoa là: *Người xuất gia cất bước là muốn vượt đến phương trời cao rộng.*

Nhưng trong Tam giáo Nguyên lưu ký, ta còn nghe ra được tiếng thờ dài náo ruột của Toàn Nhật trước khi ông đi xuất gia:

Bồi chung căn trước vụng tu

Thân sau nên chịu trượng phu lỡ thì

Cho hay thế sự không vì

Hiền ngu lộn lạo bạc chì khôn phân

Thế có nghĩa là ngoài việc phụng dưỡng cha mẹ già ra, Toàn Nhật chắc đã từng đi theo tiếng gọi mà ta có thể đoán chắc rằng, bất cứ một người trẻ tuổi có ý chí, có lý tưởng cũng đều ấp ủ trong lòng. Đó là lý tưởng muốn đời non lập biển, muốn vượt lên khỏi cuộc đời tầm thường và nhàm chán này, như hai câu thơ bằng chữ Hán sau đây của Toàn Nhật:

Bình sinh dưỡng tự xung tiêu chí

Trúc nhuyển từng phong cánh bất di

Bình sinh nuôi chí xông trời thăm

Trúc yển từng lay chẳng biển đời

Trong bài phú có nhan đề là thơ Bà Vãi, Toàn Nhật cho biết, lúc ba mươi tuổi nghĩa là lúc chưa xuất gia ông đã từng ở nơi doanh liễu:

Thuở chưa xuất gia

Lòng vốn đã tin kinh.

Nay nguyên học đạo

Tình há dễ đơn sai.

Riêng tưởng sự đời.

Đem thân huyển luống trau sắc huyển

E theo lưới nghiệp

Sa biển mê ắt nhuộm lòng mê

Nên tuốt dẹp lánh xa, khỏi nơi doanh liễu

Dốc liễu mình tìm tới, vào chốn Thiền môn.

Cứ theo lời chú thích của tác giả Toàn Nhật Quang Đài: “Tướng Chu Á Phu đời Tần đóng bản doanh nơi Tế liễu, văn ngôn thường dùng chữ doanh liễu để chỉ doanh trại của các tướng lãnh”.

Vậy ta có thể suy đoán “trượng phu lỡ thì” mà Toàn Nhật đã tâm sự trong Tam giáo nguyên lưu ký, có nghĩa là ông đã từng là một tướng lãnh, để thực hiện ước mơ “nuôi chí xông trời thăm” của tuổi trẻ mình

vậy. Nhưng Toàn Nhật đã từng là một vị tướng chỉ huy cho triều đại nào? Đó là việc ta sẽ bàn đến sau này.

Cũng theo lời tâm sự của Toàn Nhật trong Tam giáo nguyên lưu ký thì đến: “Bốn mươi ba tuổi tánh lãnh chút thông”, thế có nghĩa đến tuổi 43 thì Toàn Nhật mới đắc Pháp. Vậy Toàn Nhật đã đắc Pháp với ai? Và ai là vị thầy của Toàn Nhật? Và vị thầy của Toàn Nhật đã đắc Pháp nhất định phải là một bậc đạo sư đầy thông tuệ, nên Toàn Nhật mới nói về thầy mình một cách tuyệt đối qua 2 câu:

Duyên lành may gặp thầy ta

Người thương chỉ thị thoát nhà tử sanh

“Căn cứ từ Quang tự sa môn Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm Thiền Sư xuất thế nhân do sự tích chí” thì Toàn Nhật là một trong 28 vị “Pháp truyền đăng” của Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm. Nói cách khác, ông là một người đệ tử đắc Pháp với Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm, do đó phải xuất gia với vị thiền sư này” [4].

Theo Lược sử Phật giáo và các chùa ở Phú Yên của hai tác giả Nguyễn Đình Chúc và Huệ Nguyễn thì: “Diệu Nghiêm sinh quán ở làng cổ Pháp, Phú Thăng Hoa nay là Thăng Bình tỉnh Quảng Nam (...) bẩm tính thông minh, học giỏi. Năm 15 tuổi ra kinh đô học và năm 18 tuổi (1755) thi đậu tú tài” [5].

Biến cố có thể được xem là quan trọng nhất đã làm đảo lộn cuộc đời Diệu Nghiêm là: “Đến năm Quý Hợi (1743) lúc đã 18 tuổi, tổ vừa chiếm được công danh tỉnh cờ xem một đoạn tường Tam Kinh Cổ Sự, sau đó lại xem Long Hồ Sự Duyên, bèn tỉnh ngộ, biết giàu sang là một trường ảo mộng, sao bằng sống ở núi khe mà học đạo, bất chước những bậc cổ nhân kia. Bèn trở về nhà, lạy trình cha mẹ xin được xuất gia như các bậc cổ nhân kia vậy” [6].

Sau khi đến chùa Phước Lâm (Quảng Nam) đầu sư học đạo với Thiền sư Minh Hải, người đã sáng lập ra chùa Chúc Thánh, Diệu Nghiêm lại lặn lội từ Quảng Nam và Bình Định học với danh sư Liễu Triệt và ngiên cứu Đại Tạng kinh (mà theo giáo sư Lê Mạnh Thát thì lúc đó chùa Thập Tháp đã có Đại Tạng kinh do Tổng trấn Hà Tiên lúc bấy giờ là Mạc Thiên tử đem ra hiến cúng).

Tại Bình Định, ngoài học Phật và đọc Đại Tạng kinh ra, Diệu Nghiêm còn đến chùa Linh Phong (thường gọi là chùa Ông Núi). Theo hai tác giả Lược sử Phật giáo và các Chùa Phú Yên, thì Diệu Nghiêm đến chùa Linh Phong: “Cắt riêng một am để tả kinh Pháp Hoa bằng chữ vàng một bộ, Kinh Kim Cang, Hồng Danh mỗi thứ một quyển, lấy mực tả một bộ kinh Pháp Hoa, lấy mực viết một tiểu bản cộng tất cả là 10 bộ, Tam Thiên Kinh 5 bộ. Đêm thì tọa thiền và tụng Pháp Hoa,

ngày thì tả kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa Kim Cang”.

Điều đó chứng tỏ rằng Diệu Nghiêm học Phật không phải chỉ để thỏa mãn tri thức của một nhà Nho, mà học với tất cả khát khao mong uống được ngụm nước đầu nguồn.

Chùa Linh Phong tọa lạc trên đỉnh núi Bà, một trong những rặng núi dài và hùng vĩ nhất của tỉnh Bình Định. Vị thiền sư khai sáng ra chùa này thường được người dân gọi là Ông Núi (Mộc y sơn ông), hành tung của ông Núi không khác gì những cụm mây trắng trên đỉnh núi cao này, nghĩa là đã đến rồi lại ra đi mà không hề để lại dấu vết gì hết, nhưng cái hang đá mà tương truyền ông Núi đã ngồi thiền suốt đêm ngày thì vẫn còn y nguyên ở đó.

Khoảng cuối thập niên 50 và đầu những năm 60 của thế kỷ trước, khi còn là một chú tiểu ở vùng quê này, mỗi khi có dịp theo thầy đến chùa kỵ tổ hoặc mừng tuổi đầu năm, tôi có thấy nhiều bản gỗ khắc kinh chữ Hán để trong một căn nhà được xây riêng biệt sau chùa.

Năm 1974 tháp tùng cùng giáo sư Lê Mạnh Thát về Bình Định sưu tập tư liệu về Phật giáo Việt Nam, giáo sư tìm được bản viết Linh Phong tự ký của Đào Tấn trong tủ sách của chùa. Đào Tấn cho biết rằng, các Tổ sư ở đây đã chú giải Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Kim Cang đến 200 quyển kinh Pháp Hoa. Có thể đó là chú giải Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Kim Cang của Diệu Nghiêm, trong những năm Thiền sư đến ở chùa Ông Núi chăng?

Khi Đào Tấn viết điều này, không phải nghe kể lại mà chắc chắn Đào Tấn đã chính mình đọc được những bản chú giải này. Vì tiểu sử của Đào Tấn cho biết vào năm 1885, sau khi từ quan rời Phú Xuân về lại Bình Định, Đào Tấn đã đến ở tại chùa Linh Phong gần 2 năm, mà dường như Đào Tấn đã thấy được cảnh cửa huyền vi của đạo Thiên qua bài thơ sau đây:

Vì tiểu lậu thiên cơ
Phong trần không mẫn y
Linh Phong tam thập tải
Vị kiến thử tăng quy.

Miệng mỉm cười như để lộ vẻ huyền vi trong đạo Thiên. Mà gió bụi đã bám đầy áo

Chùa Linh Phong đã hơn 30 năm qua, vẫn chưa thấy Lão Tăng này trở về trở về.

Và trên đỉnh núi cao của chùa Linh Phong, Diệu Nghiêm có lẽ cũng đã “miệng mỉm cười như để lộ vẻ huyền vi của Đạo Thiên” chăng?

Ta không thể nào xác quyết được, ta chỉ có thể xác quyết là Diệu Nghiêm rất say mê cảnh núi non của chùa Linh Phong. Điều ấy rất dễ nhận ra, nếu ai đã từng đến viếng chùa Từ Quang ở Phú Yên, ngôi chùa mà Diệu

Nghiêm đã khởi đầu bằng một thảo am rất nhỏ để tiếp tục sự nghiệp chú giải và sáng tác của mình.

Dù núi non không hùng vĩ như chùa Linh Phong ở Bình Định, nhưng cảnh trí chùa Từ Quang cũng rất đẹp. Chùa tọa lạc trên vùng núi Đá Trắng (Bạch Thạch). Phía Bắc dựa vào dãy núi Xuân Đài, nhìn xuống phía Nam trước chùa là con sông Cái Ngân Sơn.

Toàn Nhật sau khi đã xuất gia với Diệu Nghiêm chắc đã sống ở chùa Từ Quang này nhiều năm, và có lẽ thỉnh thoảng cũng đã cùng với Thầy ra Bình Định leo lên đỉnh núi Bà để viếng thăm lại chùa Linh Phong. Những năm cuối thập niên 50 và đầu những năm 60, lúc đất nước chưa ly loạn (sau những năm đó đến 1975 thì không lên chùa được nữa) thì đường lên chùa đã quá khó khăn rồi, huống chi vào thời của Diệu Nghiêm và Toàn Nhật, nghĩa là ở nửa cuối thế kỷ 18.

Tôi cứ tưởng tượng hồi đó muốn lên được tận đỉnh núi của chùa thì hai thầy trò phải mò mẫm vịn từng cành cây hay vách đá mà đi. Bởi vậy, chỉ có những ai ôm khát vọng “thoát nhà tử sinh”, thì mới đủ nghị lực và ý chí để tìm đến những nơi xa xôi và hiểm nguy như vậy.

Trong Hứa Sứ truyện văn, Toàn Nhật đã nhiều lần nói đến con đường đi lên đầy khó khăn và nguy hiểm:

*Cheo leo non nước xa đàng
Quyết lòng cầu đạo gian nan chẳng từ
Và một đoạn khác :
Chỉ tôi muốn tới lâm tuyền
Quyết phương tịch cốc liệu đường từ sinh
Thân người như bọt lênh đênh
Nặng không dờn gót, ắt đành mắc mưa.*

Khi đọc những câu sau đây cũng trong Hứa Sứ truyện văn, tôi có cảm tưởng là Toàn Nhật đã ghi lại niềm thanh bình của nội tâm mình khi sống tại những ngôi chùa như Linh Phong và Từ Quang:

*Ba năm ẩn chốn non xanh
Đói no chẳng quản, rách lành chi nao
Bốn mùa cảnh vắng thanh tao
Chim kêu tiếng Pháp, suối xao máy Thiền
Nhiệm màu khuya sớm luận bàn
Mặc khi vui ngắm hoa vàng trúc xanh.*

Đối với Toàn Nhật yêu núi non rừng thẳm cũng có nghĩa là yêu luôn sự từ bỏ. Cho nên ta chẳng lấy gì làm lạ, hễ khi nào Toàn Nhật nhắc đến những con người đã can đảm vứt bỏ những lợi danh những hạnh phúc mong manh của cuộc đời để lên đường đi tìm con đường tuyệt đối thì cây bút của Toàn Nhật luôn luôn làm ta bồi hồi xúc động.

Đây là Nhan Hối trong Tam Giáo Nguyên lưu ký:
*An bản lạc đạo thanh tao
Đẩy cơm bầu nước chẳng nao chẳng nài*

*Sang giàu dong ruồi mặc ai
Đạo mẫu chân tánh hôm mai trau dồi.
Và Lục Lỗ Huệ Năng trong Lục Tổ Diễn Ca:
Đằm sương dãi nắng không sờn
Đói no chẳng quản thiệt hơn chi màng
Phận mình bản khổ gian nan
Có thân có khổ, dăm ngàn sá chi.*

Nhưng nói đến từ bỏ, nói đến vứt bỏ để ra đi thì dễ, và ai cũng có thể ba hoa được, nhưng thực hiện được ước mơ đó như Nhan Hồi như Lục Lỗ Huệ Năng đã thực hiện thì vẫn là một điều thiên nan vạn nan với những con người vẫn còn đang mê ngủ trong đêm dài tối tăm trên cuộc đời này. Toàn Nhật ý thức được điều này, nên trong hai câu thơ cuối trong Thiền Cơ Yếu ngữ văn, Toàn Nhật đã thông thiết kêu gọi:

*Có bi có lực có hùng
Mới đủ sức dùng vượt biển trèo non*

Nhưng mặc dù Diệu Nghiêm cũng như học trò của mình là Toàn Nhật đã “Biết giàu sang là một trường ảo mộng” và đã quyết định “bắt chước những bậc cô nhân kia” rồi quyết định từ bỏ để “sống ở núi khe mà học đạo”. Nhưng trong những tác phẩm của mình Diệu Nghiêm và Toàn Nhật đã chứng tỏ là những nhà truyền giáo đầy bản lĩnh, không chấp nhận “khuôn vàng thước ngọc” do truyền thống đã để lại mà đã công khai một cách can đảm đặt ngược lại vấn đề. Ví dụ trong tác phẩm Tam Bảo biện hoặc luận Diệu Nghiêm dám nêu lên những hoài nghi cũng như thắc mắc mà ta đoán chắc rằng bất cứ ai cũng đã ít nhất một lần thắc mắc và hoài nghi như: “Từ xưa đến nay, người chết thì làm Phật sự để dâng cho vong linh, nhưng có ai thấy họ thoát khỏi địa ngục mà sanh lên thiên đàng đâu. Phải chăng đó là sự bày vẽ đối trá của các thầy tu” [7].

Trong Hứa Sứ truyện văn, Toàn Nhật cũng đặt vấn đề như Diệu Nghiêm, thầy mình:

*Hứa Sứ tôi mới thưa rằng
Mấy ai cho biết lánh đường tử sinh
Điều rằng thầy sãi trở trình
Kiếm ăn bày đặt đồ dành người ta
Giấy trắng mực đen chép ra
Rằng Phước rằng tội phỉn phờ thế gian.*

Trong một đoạn khác, Diệu Nghiêm cũng làm cho ta ngạc nhiên không kém. Diệu Nghiêm đã đặt lại vấn đề mà gần như bất cứ một nhà Phật học ở thời nào cũng có thể đã nghĩ trong đầu nhưng mà chẳng bao giờ đủ can đảm nói thẳng ra. Đó là vấn đề đi tu, thực sự có phải là đi tìm giải thoát hay chỉ là hèn nhác trốn thuế, bỏ ơn cha mẹ, vô tích sự, không ích lợi gì cho kẻ khác? Diệu Nghiêm viết: “Người giàu sang thế gian ở nhà vàng điện ngọc, tòa báu đài quỳnh, thê thiếp ba ngàn, hầu hạ vài vạn, áo gấm thức ngon, giường nệm châu

ngọc, vàng bạc châu báu vô biên, thứ vật đời không lường, theo lòng vui muộn, nhân nhả tự do, cho đến người giàu có đủ thê thiếp, rượu thịt béo ngon, theo ý hưởng lạc không khoái ư? Sao lại đi làm thầy tu, bỏ hết dục lạc thế gian như thế, mà ở núi rừng vắng vẻ thâm u, mặc áo vải, đi xin ăn để tìm sự sống, mặc áo cỏ, ăn lá cây, khổ hạnh đói khát. Chịu những điều như vậy đó, ấy là rất hèn, khác gì với kẻ ăn xin đâu? Chỉ là để trốn sưu thuế vua, bỏ quên ơn cha mẹ, quẳng vứt cương thường, trở thành người lãng đãng, không có ích gì cho kẻ khác, há không là sai lầm sao?”[8].

Diệu Nghiêm còn đem lý thuyết “nghiệp báo” của chính Phật giáo đề ra đây vấn đề có vẻ như đến cùng đường của sự bế tắc nữa: “Ta thường thấy người đời quy y tam bảo, bỏ tục đi làm thầy tu, vì lý do gì mà vứt bỏ cuộc đời vinh hoa, năm dục khoái lạc, để mặc áo thô, ăn cơm xin chịu đựng những sự cực khổ, nhọt nhoe, vắng vẻ hiu quạnh. Há chẳng phải như ngạn ngữ nói là do ‘nghiệp báo’ đó sao?”[9]

Con người từ nhiều thế kỷ nay, luôn luôn phải sống trong sự nghịch lý, nghĩa là lúc nào cũng mơ ước một cuộc sống ngày mai sẽ tốt đẹp hơn ngày hôm nay. Chính vì thế, nên mới có nhiều tôn giáo, nhiều ý thức hệ, lý thuyết ra đời để đáp ứng sự khát khao muôn thuở đó của con người.

Nhưng đau đớn thay, tôn giáo nào, ý thức hệ nào cũng muốn chứng minh rằng chỉ có tôn giáo, lý thuyết, ý thức hệ của mình mới đáp ứng được nỗi khát khao ấy của con người, nên đã thi đua nhau “tô hồng” cho tôn giáo và ý thức hệ của mình. Hậu quả hiển nhiên là, hiện nay một phần của nhân loại lại đang là nạn nhân thê thảm cho cái “màu hồng” mà các tôn giáo và ý thức hệ tự tô vẽ rồi dùng quyền lực bắt buộc con người phải chấp nhận “màu hồng” do chính họ tự tô vẽ ấy.

Đức Phật đã thấy được rằng, mọi cực đoan đều nguy hiểm, ngay cả cực đoan về những điều tốt lành nhất cho chính cuộc đời đi nữa thì cũng đều là những tai họa giáng xuống cho con người. Bởi vậy, thông điệp đầu tiên mà Đức Phật muốn gởi đến cho thế giới cực đoan này là: “Này các Tỳ Kheo, có hai cực đoan (antà) mà hàng xuất gia phải từ bỏ.”

Và Đức Phật cũng xác quyết rằng chính vì ngài đã từ bỏ hai cái cực đoan (antà) ấy nên Đức Phật mới đạt được trí tuệ siêu việt (abhinna) và đưa đến sự an tịnh (vupasamaya).

Và ta chẳng lấy gì làm ngạc nhiên khi Diệu Nghiêm và học trò của mình là Toàn Nhật đã dám thẳng thắn nêu lên mặt trái của vấn đề, rồi sau đó mới tìm cách đề giải quyết vấn đề.

Thật ra, bất cứ một nhà Phật học đúng nghĩa nào thì cũng đều phải nhìn thẳng vào sự thật của vấn đề như

vậy, vì Đạo Phật còn được gọi là đạo của Như Thật (Yathabhutam) nữa. Nhưng chúng ta chỉ ngạc nhiên là sự giải thích Phật giáo một cách hết sức khách quan khoa học như vậy lại xảy ra vào thời điểm ở nửa cuối thế kỷ 18, thời điểm mà đất nước đang chứng kiến sự khởi nghĩa gần như long trời lở đất của những người nông dân.

Nhưng không chỉ trong lĩnh vực Phật học mà thôi mà trong các lĩnh vực khác, Diệu Nghiêm cũng đều thể hiện tinh thần phê phán khách quan và tôn trọng sự thật. Trong Tam bảo lý hoặc luận, Diệu Nghiêm còn phê phán ngay cả sự cực đoan cũng như đầu óc hủ lậu của các nhà Nho. Những nhà Nho này, lúc nào cũng tự mãn với xác chết Nho giáo đã lỗi thời của mình. Đứng trước sự bảo thủ hẹp hòi như vậy, Diệu Nghiêm đã nghiêm chỉnh đặt vấn đề với họ: Nếu vậy thì Tây Phương không có Nho giáo, sao lại văn minh đến thế?

Khi nghiêm chỉnh đặt vấn đề như vậy, chúng ta thấy Diệu Nghiêm đã có tầm mắt nhìn xa trông rộng, đã thấy được sự văn minh tiến bộ vượt bậc của các nước Tây Phương và đau lòng khi thấy đất nước mình đang bị vây khổn bởi ý thức hệ Nho giáo đã hết thời. Nói cho cùng thì, các nhà Nho chỉ lợi dụng Nho giáo nhưng thực ra chỉ để bảo vệ những đặc quyền đặc lợi của chính họ mà thôi. Lịch sử đã và đang chứng minh rằng, không phải chỉ Nho giáo mà bất cứ một triều đại nào, chế độ nào, hệ thống tổ chức nào khi đến hồi chung cuộc thì cũng đều xảy ra sự lợi dụng như vậy cả.

Và phải chăng lời chất vấn trên của Diệu Nghiêm đối với các nhà Nho thủ cựu ở cuối thế kỷ 18 cho đến bây giờ vẫn còn giữ nguyên giá trị và vẫn tiếp tục là lời cảnh cáo nghiêm khắc đối với một thiểu số người vẫn khư khư ôm chặt những chủ thuyết không tưởng để khiến cho dân tộc cứ sống mãi trong hận thù và lạc hậu đó sao?

Toàn Nhật còn thừa lệnh Diệu Nghiêm chú thích và hiệu đính lại tác phẩm Sa di Oai nghi tạng chú giáo ngụy tự tiểu thiên. Sách này do Hoàng Tấn chú thích và in ở Trung Quốc, nhưng khi truyền vào nước ta thì nhiều chữ đã sai, do vậy Toàn Nhật phải hiệu đính từ lại.

Khi đọc tiểu luận, tác giả Toàn Nhật toàn tập phải thốt lên rằng: “Ngày nay, đọc lại Sa di Oai nghi tạng chú giáo ngụy tự tiểu thiên, ta cảm thấy bồi hồi xúc động trước tinh thần và phong cách làm việc của những người như Toàn Nhật, và tác giả cho rằng: “Trong lịch sử văn học và tư tưởng của dân tộc, ta ít khi gặp một tác phẩm văn học thuộc loại như của Toàn Nhật. Cá nhân tôi cũng chưa từng đọc hoặc gặp một tác phẩm như thế. Do đó, Sa di Oai nghi tạng chú giáo ngụy tự

tiểu thiên thực xứng đáng là một tác phẩm mẫu mực về khảo chứng văn bản học”.

Và như vậy, theo tác giả qua tiểu luận Sa di Oai nghi tạng chú giáo ngụy tự tiểu thiên, Toàn Nhật hoàn toàn xứng đáng là một nhà trí thức tiêu biểu của Việt Nam đứng chung với các nhà trí thức của thế giới ở cuối thế kỷ 18, thế kỷ đang mò mẫm đi tìm kiếm ánh sáng, tìm kiếm chân lý bằng chính sự nỗ lực của con người, tác giả viết:

“Thái độ của Toàn Nhật trong tiểu luận khảo chứng văn bản học này không những đã cho thấy tình trạng trí thức của Phật giáo Việt Nam ở nửa cuối thế kỷ 18, mà còn của trí thức Việt Nam nói chung vào thời điểm đó. Nó thể hiện một nỗ lực phê phán, đi tìm sự thực một cách khách quan khoa học. Phải chăng nó đáp ứng lại xu thế chung của lịch sử thế giới thời bấy giờ, thể hiện một xu thế đi tìm ánh sáng, đi tìm chân lý, dựa trên khả năng hiểu biết và tìm kiếm của con người, chứ không còn tin tưởng một cách mù quáng vào những gì do truyền thống hay những quyền uy khác để lại” [10].

Nếu như các tác phẩm văn học ở thời Lý Trần (hầu hết là của các Thiền sư) trực tiếp hay gián tiếp đều có liên hệ đến giới quý tộc đang cầm quyền, thì ngược lại Thiền sư Toàn Nhật ở nửa cuối thế kỷ 18, nếu không phải là người nông dân thì ít nhất cũng là một người gần gũi với giới nông dân nghèo khổ?

Hồi năm 1974, tôi được tháp tùng với giáo sư Lê Mạnh Thát đi sưu tập tư liệu về Phật giáo Việt Nam ở các tỉnh Bình Định và Phú Yên, và giáo sư đã phát hiện được nhiều tác phẩm của Diệu Nghiêm và Toàn Nhật ở hai tỉnh này. Và nhờ thế, tôi mới biết được rằng, Diệu Nghiêm là vị Thiền sư đã khai sáng ra chùa Đá Trắng Từ Quang ở quận Tuy An tỉnh Phú Yên, đã viết nhiều tác phẩm bằng Hán văn, trong đó nổi tiếng nhất là Tam Bảo lý hoặc luận, và học trò là Toàn Nhật lại viết hơn 20 tác phẩm bằng chữ Nôm, trong đó có tác phẩm Hứa Sử truyện văn, mà nghe nói một thời đã được Phật tử cũng như nhân dân ở các tỉnh Nam Trung Bộ đọc nằm lòng để ngâm vịnh, giống như người dân ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long ngâm nga Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu vậy. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu thì may mắn hơn Thiền Sư Toàn Nhật nhiều, vì trong khi ngâm nga thì ai cũng biết Lục Vân Tiên là của Nguyễn Đình Chiểu, trong khi Hứa Sử truyện văn thì gần như là một tác phẩm khuyết danh, chẳng ai bận tâm đến tác giả của nó cả.

Bình Định và Phú Yên là hai tỉnh mà hầu hết người dân đều sinh sống bằng nghề nông. Làm lưng vắt và quanh năm, hết cây sâu cuộc bằm ở đồng áng thì lại phải vào rừng để phát rẫy hoặc đốn củi.

Thơ PHAN XUAN SINH

BAY QUA ĐỜI KHÓI SƯƠNG

*bão giông nổi dậy đất trời
ta con chim nhỏ lạc nơi trú mình
cận kề giữa chốn tử sinh
trải đời qua mấy điều linh ngập đầu*

*cũng sủng giương, cũng khổ sầu
hồn xiêu phách tán một màu tang thương
cũng tù ngục, cũng cùng đường
qua bao nhiêu ải còn vương dấu giày*

*nửa đêm còn vọng tiếng ai
nghe oan hồn khóc bên tai rã rời
giật mình, chỉ biết ngậm ngùi
làm sao chia bớt với người nỗi đau*

*bên này, bạc cả mái đầu
ngó quê mỗi mắt, chìm sâu ngàn trùng
một đời hơn nửa kiếp hung
cũng lây lất sống khôn cùng bến mê*

*còn đâu một chỗ đi về
cổ hương chìm khuất lòng thê thiết buồn
lòng ta đau khúc đoạn trường
mắt mờ chân mỏi khói sương mịt mù*

Có phải chính từ vùng đất nghèo khổ và cơ cực này mà Toàn Nhật mới đủ điều kiện để dựng lên những nhân vật chính trong Hứa Sứ truyện văn, của mình chăng?

*Đồng thời có người thế gian
Vợ chồng Đào Thị nghèo nàn khó khăn
Hái rau bán củ nuôi thân
Cửa nhà cực khổ truân chuyên.
Chồng đi làm mướn tay sần lưng chai.*

Nhưng điều đáng ngạc nhiên là dù nghèo khổ nhưng những nhân vật trong tác phẩm của Toàn Nhật lại tràn đầy tình thương và nhân nghĩa. Nói cách khác, họ chỉ nghèo khổ về vật chất nhưng lại rất giàu sang về tâm lòng.

Ta hãy nghe Toàn Nhật tả lại hai vợ chồng Đào Thị này bàn bạc với nhau nên nhịn bớt miếng ăn để lên chùa thăm viếng vị thầy đã quy y cho họ:

*Vợ chồng năn nỉ cùng nhau
Những điều khổ não thân sầu quý thương
Chồng đi làm mướn bốn phương
Nhà nghèo con dại ghê đường xót xa
Đặng chị nhịn miệng bớt ra.
Kính thầy đã sau mà mới ăn
Thương thầy chẳng quản xa gần
Nhớ thời lại viếng chưa từng lãng quên.*

Nhưng Toàn Nhật không phải chỉ ngồi yên trong chùa tụng kinh gõ mõ mà tưởng tượng ra đời sống lam lũ cơ cực của người nông dân đầu, mà chính bản thân Toàn Nhật cũng đã nổi trôi theo nổi cơ cực ấy từ những ngày đầu mới xuất gia với Thầy là Thiền sư Diệu Nghiêm, trong Xuất gia tôi lạc tinh thể tu hành văn, Toàn Nhật viết:

*Mồ nay Sãi ở tha hương
Tới đâu ngụ đó cũng nương nhờ làng
Xuất hành chen học theo ông Cả
Biết lấy chi mà trả ơn nhau.*

Rồi trên bước đường hoàng pháp độ sinh nổi cơ cực ấy vẫn không chịu buông tha:

*Gạo cấy đàn na năm bảy chốn
Lần hồi ăn bữa đói bữa no
Áo nhờ tín thí một hai nhà
Chập chùng và tấm lành tám rách
Cơm y bỏ dầu kẻ cúng theo phận theo thời
Canh cốt đồng mặc người cho chẳng từ chẳng hổ.
(Thơ Bà Vãi)*

Đôi khi vị Thiền sư thi sĩ của chúng ta cũng cố gắng tự khôi hài với chính mình về những nghịch cảnh khó khăn trên bước đường du hóa đã gặp phải:

*Ngồi tựa cột như thầy bói ế
Buồn quy y các chúng ăn mày
Lại sẵn giường những bạn hàng quen*

Dụ thể phát mấy con kẻ cắp.

Dù có cố khôi hài, cố che dấu những thất bại đau đớn do nghịch cảnh, chúng ta dường như vẫn cảm nghe được một nỗi xót xa cay đắng nào đó trào ra từ cõi thơ của Toàn Nhật, trong Bát Nhã ngộ đạo văn, ông viết:

Bữa rau muối đã an phận khó

Cũng hơn người bán chó treo dê.

Chính vì Toàn Nhật đã sống và đã chịu đựng nhiều vất vả và cơ cực như một người nông dân chính hiệu, nên khi Toàn Nhật muốn trình bày giáo pháp của Đức Phật cho người nông dân chân lấm tay bùn, ông đã sử dụng một cách rất thành thạo thứ ngôn ngữ của người nông dân để người nông dân có thể lãnh hội dễ dàng điều ông muốn trình bày. Ví dụ, khi Toàn Nhật muốn nói cho người nông dân hiểu rằng, không phải ngẫu nhiên mà năm nay lúa thóc vào đầy nhà, mà đó là kết quả tất nhiên của những cố gắng từ năm trước:

Dữ lành họa phước máy trời

Ví như trong đời nông nghiệp cày gieo

Năm trước khó nhọc dãi dầu

Ắt là lúa thóc năm sau vào nhà

Thường năm thêm giống gieo ra

Lúa thóc trong nhà chẳng biết bao nhiêu

Nếu mà không biết nổi gieo

Ngồi ăn hết giống nhà đều cơ nguy

Người đời ít biết xét suy

Nên hư muôn việc đều quy cho trời.

(Hứa Sứ truyện văn)

Trong khi thừa lệnh Thầy mình là Diệu Nghiêm giảng Sa di Oai Nghi tạng Chủ giáo Ngự tự tiểu thiên cho tạng chúng, Toàn Nhật cũng đã vận dụng việc làm của người nông dân ra để trình bày. Vì chắc chắn giới tăng sĩ ở Phú Yên và Bình Định thời bấy giờ đều xuất thân từ con nhà nông dân:

“Ví như ruộng màu mỡ mà có người gieo giống cây bừa, tùy sức nhiều ít thì năm sau tất có được lúa. Mỗi năm trồng gieo thêm, dần dần trở thành tiểu phú, trung phú. Sau đến nổi của cải lúa thóc tràn dư, tất trở thành đại phú trường giả. Nếu lúa thu được năm rồi, năm tới ngồi ăn, thì chắc chắn sẽ hết lúa, đến nỗi phải bán hết ruộng đất mà không khỏi đói khát ly tán”[11].

Và từ ví dụ công việc đồng áng của người nông dân trên, Toàn Nhật cảnh giác giới tăng sĩ rằng:

“Nếu không siêng năng tinh tấn, mà buông lỏng nhác nhóm, thì khi sự may mắn đời trước đã hết, không khỏi việc bán Phật pháp để nuôi thân, đời sau rớt vào ba đường, khó gặp được Tam Bảo. Đó tức gọi là các Thầy gieo giống ruộng tốt vậy”[12].

Đó là những lời Toàn Nhật giảng giải cho giới nông dân cũng như tăng sĩ nông dân về luật nhân quả của Phật giáo, thứ quy luật mà Toàn Nhật đã khẳng định

là, ngày mai tốt hay xấu đều do mỗi người trong chúng ta tự quyết định lấy chứ chẳng ai có thể thay thế chúng ta quyết định cả:

Nhân quả chẳng chạy hào ly

Muôn việc tóm lại đều quy ở người

(Hứa Sứ truyện văn)

Và trong Tam giáo Nguyên lưu ký, Toàn Nhật cũng khẳng định lại như vậy:

Phải mà giữ của bo bo

Đời nay một miếng chẳng no lộ giàu

Chẳng bỏ mà luống vọng cầu

Mình không cày ruộng thóc đâu vào nhà.

Khi giảng giải về đạo lý vô thường (anitya) cho giới nông dân, Toàn Nhật cũng sử dụng những sự vật hay cảnh vật mà người nông dân có thể trông thấy mỗi ngày. Trong Hoán Tĩnh Trần Tâm Khuyển Tu Tịnh Độ văn:

Thân này lấp lửng cheo leo

Cây bờ giầy giếng có bao lâu dài.

Trong Thiên cơ yếu ngữ văn:

Xem giàu sang ví bằng mây nổi

Gấm lợi danh dường đối mưa đông.

Và trong Tam giáo Nguyên lưu ký:

Ví như sương dính ngọn cây

Bọt xao trên nước, phút giây thấy gị.

Mặc dù mộc mạc dễ hiểu nhưng không vì thế mà cõi thơ của Toàn Nhật rơi vào tầm thường hay sáo ngữ:

Máy quang âm lướt thoi hơn nhịp

Người trăm năm chẳng khác chiêm bao

Cối bờ này sóng bủa lao xao

Cái danh lợi gấm như bọt nước.

Đó là bốn câu trong Bát Nhã Ngộ đạo văn, bốn câu mà tác giả TNQĐ đã cho là: “Có một nhận thức sắc bén về sự thật của cuộc đời”.

Nhưng những cụm từ như “cheo leo”, “cây bờ giếng”, “mây nổi”, những “mưa đông”, “sương dính ngọn cây” hay “bọt xao trên nước”... dù rất dễ hiểu đối với người nông dân, nhưng dù sao thì những hình tượng ấy cũng đã sử dụng nhiều trong kinh điển, trong thi kệ của các Thiền sư và đặc biệt nhất là trong thi ca. Nhưng trái lại trong Khuyển tu hành quốc ngữ phú Toàn Nhật lại nhắc đến cái chợ hay quán khách để chỉ cái vắng vẻ heo hút của kiếp người và của cuộc đời:

Thân đời dường quán khách vào ra, đi rồi lại đến.

Việc thế như chợ đông xao xuyến, hợp ắt có tan.

Mỗi lần có dịp đi ngang qua chợ Đèo gần Chùa Viên Quang ở Phú Yên, tôi lại thấy những cái chợ quê nghèo xơ xác ở vùng này vẫn tiếp tục hợp và tan mỗi ngày, dù Toàn Nhật đã ra đi gần hai thế kỷ rồi, và chắc sẽ chẳng bao giờ trở về đứng nhìn cảnh hợp rồi tan của chợ đời để xao xuyến và bàng khuâng nữa?

Còn một cái khó khăn nữa là làm sao cho người dân quê hiểu được rằng “Ông Phật” mà họ đến chùa quỳ lạy cầu xin mỗi ngày đó không phải ở trên trời cao hay bên ngoài mà “Ông Phật” đó lại ở ngay trong chính họ.

Dường như đây là điều mà Toàn Nhật đã nỗ lực giải thích trong hầu hết các tác phẩm của ông. Tất nhiên cũng bằng những ví dụ mà người nông dân có thể hình dung ra được.

Trước hết, Toàn Nhật ví Phật như nước trong, mà muốn có nước trong thì phải lọc:

Cặn lọc thì đục nước trong

Ma Phật trong lòng lo phải tìm đâu.

Phật như ngọn đèn, muốn nhà mình sáng, không còn tối tăm, không sợ kẻ gian rình rập thì phải đốt ngọn đèn ấy lên:

Hãy kêu ngọn đèn nhà mình cho sáng

Kẻ gian tà đâu dám phạm xâm

Từ những ví dụ này, Toàn Nhật mới bắt đầu khai mở cho họ biết rằng:

Thiên đường địa ngục nơi ta

Dữ lành ấy đó, Phật ma bởi mình

Tất cả mọi cố gắng đi tìm đi cầu “Ông Phật” bên ngoài đều vô ích:

Chẳng phải cầu ta mà thành

Phật ở trong mình, nào nhọc tìm đâu

Phật ở trong chính mình, nhưng vì sao không nhận ra, trong Hứa Sứ truyện văn Toàn Nhật cho biết lý do:

Nếu ai trọc loạn tâm lòng

Phật tuy có đó cũng không thấy rồi

Phật như trăng tỏ trên trời

Muôn phương soi thấu đời nơi sáng loà

Giả như khe, chiếu giang hà

Lặng thinh đáy nước đâu mà không trắng

Nếu mà gió thổi sóng nhẵn

Đâu đâu đáy nước nào từng thấy chi

Lòng người ví dường nước kia

Thanh thời thấy Phật, trọc thời thấy đâu

Sắc tài danh lợi tham cầu

Mà đừng thấy Phật dễ hầu có ai.

Và đây có lẽ là lời khuyên quan trọng mà Toàn Nhật muốn gởi đến cho tất cả những người nông dân lam lũ mà ông hằng thương yêu với tất cả tấm lòng:

Phật thương hết thấy chúng sanh

Chúng sanh tung hoành Phật độ làm sao?

Vậy là khi ta không còn “tung hoành” nữa thì chính ta là Phật rồi, thì ta cần gì “Ông Phật” ở bên ngoài thương ta nữa?

Người nông dân bản tính vốn hiền lành chân chất, nhưng chính sự hiền lành chơn chất này nên họ luôn luôn là nạn nhân của những kẻ cậy quyền cậy thế,

những kẻ mang lòng tham vô đáy.

Trước tiên, Toàn Nhật lên án những thứ thầy bói cùng “phù thủy bóng chằng”:

Thầy bói phù thủy bóng chằng

Mắc vòng lao lụy ghê đường nhân gian

Người ta nhiễm chứng thương hàn

Cảm khí thiên địa mình mang bệnh nghèo

Rồi tau mở sách quẻ gieo

Khiến nên sát hại dê heo vịt gà

Bảo người mau trở về nhà

Lo cho đừng kịp kéo mà chết oan

Người nghe lật đật kinh hoàng

Giàu thời lo đừng bản hàn chạy vạy.

(Hứa Sứ truyện văn)

Người nông dân vốn đã nghèo khổ, nhưng chính những bọn thầy bói cùng “phù thủy bóng chằng” này đã khiến đời sống của họ càng nghèo thêm.

Bởi vậy, nên Toàn Nhật kêu gọi:

Chớ tin phù thủy bóng chằng

Cùng lời thầy bói gây đường trái oan

Vả mình bệnh khó chẳng an

Hoặc nhiễm thương hàn khí huyết già suy

Phép đời đã có lương y

Thuốc điều tiết dưỡng ắt thì bệnh an.

(Hứa Sứ truyện văn)

Và ta không ngờ rằng, vào những thập niên ở cuối thế kỷ 18, vị Thiên sư của chúng ta lại có một quan niệm rất đúng đắn về y học, rằng đã có thân thì phải có bệnh, mà đã bệnh thì phải chữa bệnh bằng thuốc của các lương y:

Phép đời đã có lương y

Thuốc điều tiết dưỡng ắt thì bệnh an

Toàn Nhật còn vạch ra cho người nông dân thấy cái vô lý khi giết hại gà vịt dê heo để cúng tế thần linh mà cầu mạng sống cho chính mình:

Sát sanh mà đừng sống lâu

Thì các nhà giàu ở chật đời nơi

(Hứa Sứ truyện văn)

Và càng phi lý hơn nữa, vẫn theo lời Toàn Nhật đã là “thần linh chánh trực” thì họ đến gần, “những giống hôi tanh” ấy để làm gì?

Các vị chánh trực thần linh

Đến gần những giống hôi tanh làm gì?

(Hứa Sứ truyện văn)

Và kẻ nào đã đến để hưởng thụ “những giống hôi tanh” đó thì nhất định không phải là “thần linh chánh trực” mà phải là “loại ma lòi yêu tinh” vậy:

Và món máu thịt tanh hôi

Có dùng là loại ma lòi yêu tinh

(Hứa Sứ truyện văn)

Với tất cả tình thương, Toàn Nhật đã tha thiết

khuyến răn những kẻ thích giết hại súc vật để thỏa mãn sự thèm khát của mình nên hiểu rằng:

*Huống chi kinh Phật ghi lời
Muôn vật cùng người một vóc khác chi
Cùng đồng chịu khí lưỡng nghi
Sanh nên người vật nổi thì đến nay
Chẳng qua một niệm trước sai
Làm đường ác nghiệp nhiều đời vô minh
Ắt sa vào loại súc sinh
Hoặc làm cha mẹ chị anh ông bà
Phàm gian nhục nhân tin tà
Vật chi cách vách coi mà thấy đâu
(Hứa Sứ truyện văn)*

Và nếu như đối với những loại thầy bói hoặc “thầy thủy bóng chàng” thì Toàn Nhật chỉ kêu gọi người dân hãy cảnh giác đừng nhẹ dạ cả tin theo bọn chúng chứ không có thái độ quyết liệt như loại người sau đây, loại người mà lúc nào cùng nhân danh nhân dân nhưng thực ra chỉ dùng quyền hành để bòn rút của cải mà người dân lao động đã phải tốn biết bao nhiêu công sức mới có được:

*Cậy mình quyết quý hơn người
Làm điều hung hiểm hiệp hoài người ta
Kẻ gian hối lộ thì tha
Người ngay không của bắt ra hành hình
Đặng thời phú quý hiển vinh
Hại người lấy của ích mình không lo
Tạm ai bắt lấy phải lo
Chẳng thời thù oán không lo cả nhà
(Hứa Sứ truyện văn)*

Toàn Nhật cảm phần loại người “quý quý” này đến nỗi qua một phiên tòa của nhân dân, ông đã đề cho Diêm vương đuổi chúng ra khỏi thế giới của loài người, đẩy chúng xuống sống chung với bọn yêu ma quỷ quái:

*Phủ cho ngục tốt giam vào
Y luật hành tội ép dầu muôn năm
Roi cho hồn nó trầm luân
Ra loài ngựa quỷ ra làm bàng sanh
(Hứa Sứ truyện văn)*

Trong văn học cổ điển của nước ta, có lẽ phải đợi đến Toàn Nhật ở nửa cuối thế kỷ 18, với Hứa Sứ truyện văn thì nông dân lao động mới được đề cao, không chỉ đề cao chung chung, mà đề cao một cách rất cụ thể, nghĩa là xác nhận phẩm giá cũng như nhân phẩm của họ nữa. Họ, những người nông dân chân lấm tay bùn của Toàn Nhật không những được “Phật ngợi khen” mà còn “đồng phẩm cao” như bất cứ giới nào, kể cả giới quý tộc, giới đang cầm quyền.

Trong Hứa Sứ truyện văn, Toàn Nhật đã đề cho Đồng Văn, một vị quan đầy quyền uy nhưng lại rất

được nhân dân hâm mộ, xác nhận giá trị ấy:

*Đồng Văn cười mới nói rằng
Hễ vui sanh khổ, khổ hằng đặng vui
Phát rẫy sen vàng đặng ngồi
Danh chói trong đời thầy tớ Châu Công
Hái rau bán củ tay không
Vợ chồng Đào Thị cùng đồng phẩm cao
Cùng là phát rẫy cần lao
Hái rau bán củ mặt nào làm nên
Phật còn phong tặng ngợi khen
Ấy phận khó hèn huống lộ là ta.*

Tác giả Toàn Nhật Quang Đài đã nói rất đúng rằng: “đây có lẽ là lần đầu tiên và duy nhất mà lao động được ca ngợi và xác minh là yếu tố cho con người trở thành thần thánh”[13].

Khi viết lại hành trạng của Lục Tổ Huệ Năng trong Lục Tổ Diễn Ca, một vị Tổ sư mà D.T. Suzuki đã cho là “một trong những nhà huyền học vĩ đại nhất của Phương đông”, Toàn Nhật cũng nhắc nhở lại cho chúng ta biết rằng, Huệ Năng trước khi trở thành vị Tổ sư vĩ đại, cũng là một người đã từng “hái rau bán củ tay không” mà ra:

*Thưa rằng tôi chủ Cát Lào
Thật là phụ quán tranh lau quê nhà
Người dãi phận nói tỏ ra
Lòng tôi dễ dãi vậy hòa dẫu chi
Đạo là hỷ xả từ bi
Nào phân nam bắc thế thì thiệt hơn
Ai ai có một tính chân
Thánh phàm chẳng khác, nhân nhân thể đồng
Người tuy phân cõi tây đông
Đạo là vốn một đồng thông thánh phàm.*

Và tất cả đều phải lao động, nghĩa là phải từ sự nỗ lực trong gian khổ thì mới tự mình hoàn thiện được chính mình:

*Những ông Bồ Tát đầu trần
Còn đi giã gạo ăn cần sớm khuya
Những ông Bách Trượng xưa kia
Không làm một bữa chẳng hề ăn cơm.*

Nhưng điều lạ lùng như ta đã biết là những con người hề có “Bữa tối thì thiếu bữa trưa” đó lại ít nghĩ đến sự bất hạnh và đau khổ của chính mình, mà lúc nào cũng canh cánh trong lòng những bất hạnh và đau khổ của kẻ khác, như vợ chồng Đào Thị trong Hứa Sứ truyện văn chẳng hạn.

Như vậy ta phải giải thích như thế nào cái quan niệm xưa nay vẫn cho rằng “phú quý sanh lễ nghĩa, nghèo hèn sinh đạo tặc”? có phải Toàn Nhật muốn vận dụng tinh thần của Phật giáo để đáp đũa cái quan niệm ngu si đã tồn tại từ lâu trong xã hội của chúng ta chăng? Tác giả Toàn Nhật Quang Đài đã viết:

“Nó là một gáo nước lạnh tạt vào mặt tường giả nhân, giả nghĩa của thứ đạo đức cho rằng: ‘giàu sang sinh lễ nghĩa, nghèo hèn sinh đạo tặc’ đây là thứ đạo đức, nếu có thể gọi như vậy, để phục vụ cho bọn thống trị áp bức, cho hành động ngược đãi nhân dân, tại sao người nghèo lại không có đạo đức lễ nghĩa? Hề bần tiện nghèo khổ là sinh đạo tặc chẳng? Chủ trương đạo đức loại đó, thực sự là khinh miệt đạo đức, nếu không phải là không đạo đức. Nó khinh miệt những người cùng khổ, tước đoạt nhân phẩm của họ. Cho nên, trên bối cảnh của thứ đạo đức suy đồi đốn mạt đó, nó nổi lên thật rõ nét thứ đạo đức trong sáng của vợ chồng Đào Thị. Sự có mặt của nó là một cuộc đấu tranh không khoan nhượng với thứ đạo đức lầy của cái làm thước đo của bọn thống trị vừa nói. Nó đấu tranh để thiết lập nên một nền đạo đức căn cứ vào tình người gắn bó với nhau qua lao động và bằng thành quả của lao động. Trên cơ sở đạo đức ấy, nghĩa thầy trò, tình vợ chồng, lòng thương con người mới có thể phát huy. Người ta thương nhau, chia xẻ cho nhau từng bát cơm manh áo rất ít ỏi do chính bàn tay lao động tạo ra”.

Và như vậy, tác giả kết luận: “có thể nói Toàn Nhật là người đầu tiên công khai nêu lên quan điểm ấy, và nó đã được cha ông ta tiếp nhận và truyền đạt lại cho con cháu”.^[14]

Thật cảm động biết bao khi ta biết được rằng vị Thiên sư của chúng ta đã “tuốt dép lánh xa khỏi nơi doanh liễu” và “cũng đã trải đường danh lợi”, nhưng rồi cuối cùng đã “đốc liều mình tìm tới, vào chốn cửa thiền”. Sau đó lại cùng với thầy là Diệu Nghiêm lặn lội vào tận Phú Yên, mảnh đất của những người nông dân cây sâu cuộc bầm, làm trụ trì tại một ngôi chùa mà cho đến ngày nay vẫn còn là nơi hoang vu hẻo lánh, âm thầm sống chung với người lao động để chia xẻ những đau khổ cũng như cơ cực của họ. Cuối cùng và theo tôi điều quan trọng hơn cả vẫn là qua những tác phẩm Toàn Nhật đã gây ý thức cho họ biết rằng: “chỉ trong khó nhọc lao động con người mới rèn luyện được mình, nâng mình lên tới cấp độ xứng đáng với phẩm chất và nhân cách con người”.^[15]

Và cũng thật xót xa biết bao cho đến bây giờ đã gần hai thế kỷ trôi qua rồi kể từ khi Toàn Nhật vĩnh viễn ra đi (1757 – 1834), vậy mà đại đa số người dân lao động ở thôn quê vẫn còn sống trong lầm than cơ cực, dù đã có biết bao lý thuyết, biết bao ý thức hệ, biết bao tổ chức nhân danh sự đau khổ của họ để ra đời, nhưng cuối cùng khi mục đích của họ đã đạt được rồi thì cũng bỏ mặc mà ra đi và những người nông dân vẫn tiếp tục kéo lê cuộc đời của mình trong lầm than cơ cực.

(Còn tiếp 1 kỳ)



[1] Toàn Nhật Quang Đài toàn tập của Lê Mạnh Thát tập 1, NXB Tp HCM 2005.

[2] Sdd tập 1, tr.22

[3] Sdd tập 1, tr.25

[4] Sdd tập 1, tr. 18 – 19.

[5] NXB Thuận Hóa 1999.

[6] Sdd tập 1, tr. 58.

[7] Sdd tập 1 tr. 56.

[8] Sdd tập 1 tr. 56 – 57.

[9] Sdd tập 1 tr. 57-58.

[10] Sdd tập 2, tr. 290 – 291.

[11] Sdd tập 2, tr. 294.

[12] Sdd tập 2, tr. 295.

[13] Sdd tập 1, tr. 71.

[14] Sdd tập 1, tr. 74.

[15] Sdd tập 1, tr. 73.

TÌNH THƯƠNG VÀ CON NGƯỜI

Nguyên tác: **Đức Đạt Lai Lạt Ma**

Chuyển ngữ: **H.T. Thích Trí Chơn**

(Trích từ tập sách “Compassion and the Individual”)

MỤC ĐÍCH CỦA CUỘC SỐNG

Mục đích của đời sống là gì? Đó là câu hỏi quan trọng mà tôi nghĩ mỗi người trong chúng ta, dù trí thức hay bình dân, giàu nghèo sang hèn vẫn thường nghĩ tới. Theo tôi, sống ở đời ai cũng mong có được hạnh phúc. Từ khi mới lọt lòng mẹ cho đến lúc già chết, tất cả mọi người đều mơ ước được sống cuộc đời hạnh phúc và không ai thích gặp khổ đau.

Hiện nay nhân loại sống trên trái đất này, đang phải đối đầu với một vấn đề nan giải là bằng cách nào chúng ta có thể giúp đỡ mọi người sống có hạnh phúc. Do đó, muốn chấm dứt nỗi khổ đau triền miên của kiếp người, chúng ta cần phải tìm hiểu làm sao con người có thể tạo dựng mang lại hạnh phúc cho nhau.

LÀM SAO CÓ ĐƯỢC HẠNH PHÚC?

Trước hết chúng ta nhận thấy hạnh phúc hay đau khổ đều có hai loại: thể xác và tinh thần. Trong cả hai loại này, tâm của chúng ta vẫn làm chủ, ảnh hưởng nhiều đến chúng ta. Trừ khi thân thể chúng ta bị đau ốm hoặc quá thiếu thốn, còn không thì đời sống thể xác vẫn đóng vai trò thứ yếu trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta. Khi thân thể chúng ta khỏe mạnh và cuộc sống vật chất tương đối đầy đủ thì chúng ta cảm thấy phần nào có hạnh phúc. Tuy nhiên nếu tinh thần chúng ta bị khủng hoảng, thiếu đối đủ ít hay nhiều, việc nhỏ hay lớn, chúng ta liền cảm thấy rất đau khổ. Và trong lúc cuồng trí, không làm chủ được tinh thần; có thể dẫn chúng ta đến hành động tự sát, hủy hoại đời mình một cách oan uổng. Do đó, tôi nghĩ việc tìm kiếm một sự sáng suốt, bình an nơi tâm hồn thực hết sức quan trọng. Muốn thân tâm an lạc, chúng ta cần phát triển tình yêu thương và lòng từ bi.



Chúng ta nên nghĩ đến hạnh phúc của kẻ khác, đừng gây đau khổ cho bất cứ ai. Khi chúng ta ban bố tình thương, cứu giúp tha nhân tức là chúng ta đã tự giúp mình có được chân hạnh phúc. Thực hành đức tánh khoan dung, tha thứ và mở rộng lòng yêu thương mọi người, tức khắc tâm hồn chúng ta sẽ cảm thấy thanh tịnh và an lạc. Điều này cũng giúp chúng ta tận diệt hết mọi nỗi lo âu, bất an và phiền não. Nó mang lại cho chúng ta sức mạnh tinh thần, lòng tự tin để khắc phục, vượt qua những nỗi khó khăn, bất như ý mà chúng ta thường gặp phải trong cuộc đời.

Sống ở thế gian này, có ai trong chúng ta chỉ gặt hái thành công mà không thất bại, gặp toàn chuyện may chứ không có điều rủi? Trong mọi hoàn cảnh, mỗi người đều phải đối phó với những khó khăn riêng. Khi gặp gian truân nếu chúng ta không cố gắng khắc phục vượt qua, chúng ta sẽ thất bại và đâm ra tuyệt vọng, chán nản. Muốn thành công, trái lại chúng ta nên nghĩ rằng không riêng chúng ta mà tất cả mọi người trên thế gian đều gặp phải những điều bất hạnh. Nhờ ý thức được như vậy mà tâm hồn chúng ta cảm thấy vui bởi đi phần nào niềm đau khổ, và tinh thần chúng ta trở nên vững mạnh với quyết tâm chiến thắng mọi gian lao thử thách để thành tựu sự nghiệp vẻ vang trong cuộc sống. Khi nhận thức được sự đau khổ của người khác như của chính mình chúng ta sẽ cố gắng tu tập, phát triển lòng từ bi, thương yêu giúp đỡ tất cả đồng loại thoát khỏi mọi khổ đau, và do đó tâm hồn chúng ta cảm thấy an lạc và hạnh phúc.

CHÚNG TA CẦN TÌNH THƯƠNG

Tại sao tình thương mang lại cho con người nguồn hạnh phúc lớn lao nhất? Lý do đơn giản vì bản chất của chúng ta là hâm mộ, yêu chuộng tình thương và không thích sự ganh ghét, oán thù. Nhân loại cần đến tình thương để tồn tại. Con người cần sự giúp đỡ, nương tựa vào nhau để sống còn. Cá nhân nam hoặc nữ, dù có khả năng tài giỏi đến đâu, nếu bỏ họ một mình, họ cũng không thể tự sống được. Trong bất cứ hoàn cảnh, tình huống nào; giàu sang phú quý hay thiếu thốn nghèo hèn, khi trẻ trung mạnh khỏe hay già nua đau ốm, con người vẫn phải sống nhờ vào sự giúp đỡ của kẻ khác.

Cho nên, tinh thần tương thân tương trợ rất cần thiết cho mọi người trong xã hội. Không những con người mà ngay cả loài vật vẫn phải sống hợp quần. Tất cả những cảnh vật ngoại giới, từ hạt bụi nhỏ bé đến quả đất to lớn chúng ta đang sống; từ sông ngòi biển cả đến núi rừng đồng ruộng; từ đám mây trên trời đến những cánh hoa trong vườn đều có sự tương quan, tương duyên với nhau. Nếu không có sự hỗ trợ, liên hệ nhân quả, vạn vật sẽ không thể phát sanh hay tồn tại. Vì con người cần nương vào sự giúp đỡ của kẻ khác để sống còn, do đó tình thương là chất liệu thiết yếu cho cuộc sống của chúng ta. Và chúng ta có trách nhiệm trong hành động tạo nên hạnh phúc hoặc gây đau khổ cho mọi kẻ khác.

Chúng ta nên tìm hiểu bản chất thực sự của chúng ta là gì. Chúng ta không phải là sản phẩm của máy móc. Nếu chúng ta là những vật dụng máy móc thì các đồ dùng máy móc này có thể thỏa mãn mọi nhu cầu và dứt trừ được hết nỗi khổ đau của chúng ta. Bởi lẽ chúng ta không phải là những sinh vật được cấu tạo thuần túy bằng vật chất cho nên thực là điều sai lầm nếu chúng ta mong tìm hạnh phúc của mình ở bên ngoài con người, mà trái lại muốn có hạnh phúc chân thật, chúng ta cần thấu hiểu nguồn gốc và bản chất đích thực về con người để chúng ta có thể khám phá ra điều mà chúng ta ước mong có được.

Chúng ta hãy tạm gạt qua một bên câu hỏi quá phức tạp khó giải đáp về sự diễn tiến cũng như tạo dựng nên thế giới của chúng ta đang sống; nhưng chúng ta có thể đồng ý với nhau rằng mỗi chúng ta là chính do cha mẹ của chúng ta sinh ra. Như vậy, sở dĩ có chúng ta không phải chỉ hoàn toàn do lòng ham muốn thỏa mãn dục tình mà còn bởi cha mẹ chúng ta thực sự mong muốn có một đứa con. Nói khác, trước khi sanh con thì cha mẹ đã ý thức rõ trách nhiệm là phải yêu thương, chăm sóc và dạy dỗ đứa con của mình nên người, chứ không

thể bỏ mặc để cho nó hư hỏng. Cho nên chính do tình thương của cha mẹ đã dẫn đến sự ra chào đời của mỗi chúng ta. Hơn nữa ngay từ lúc còn ở trong bào thai, chúng ta đã cần đến sự chăm sóc của người mẹ. Và theo các nhà khoa học thì thai nhi không những chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi thể xác mà còn về mặt tinh thần của bà mẹ. Nếu trong lúc mang thai, người mẹ gặp những chuyện phấn khởi vui vẻ hay lo lắng buồn phiền đều gây ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến tinh thần của em bé sắp sinh ra sau này.

Ngay vừa lúc mới lọt lòng, đứa trẻ cũng rất cần thiết đến tình thương của bà mẹ. Em bé nhờ sữa mẹ lúc ban đầu mà lớn lên. Mặc dù ngày nay có sữa bột để nuôi con, sữa mẹ vẫn là nguồn sống căn bản tự nhiên của các hài nhi. Đứa nhỏ ngậm vú mẹ lúc sơ sinh nói lên tình thương con thật lai láng “như nước trong nguồn chảy ra”. Nếu người mẹ không thực lòng thương yêu con mình hay nổi cơn giận dữ khi con khóc phá thì dòng sữa mẹ sẽ ảnh hưởng bị tắt nghẽn không chảy ra bình thường được. Lại nữa, cơ thể và nhất là bộ óc của em bé trong thời gian từ lúc mới sinh cho đến khi được ba hay bốn tuổi, sự chăm sóc kỹ lưỡng của bà mẹ thực hết sức quan trọng để giúp cho thân thể đứa trẻ được lớn mạnh và phát triển đầy đủ. Nếu thiếu sự chăm sóc, yêu thương và nuôi dưỡng của bà mẹ, thân thể em bé có thể chậm lớn, nhất là bộ óc của nó không thể phát triển bình thường được. Lý do bởi đứa trẻ rất khó lớn khôn nếu không có sự chăm sóc của người lớn, cho nên tình thương của mẹ là chất liệu nuôi dưỡng quan trọng nhất, sức khỏe và hạnh phúc của các trẻ em hoàn toàn tùy thuộc vào tình yêu thương nuôi nấng và dạy dỗ tận tình của các bà mẹ.

Trong xã hội Âu Mỹ ngày nay, có nhiều đứa trẻ đã lớn lên trong những gia đình thiếu hạnh phúc. Một khi đứa trẻ thiếu sự chăm sóc, hướng dẫn của người lớn; và cha mẹ không biết yêu thương con cái mình; kết quả là chúng cũng sẽ không bao giờ nghĩ tưởng đến cha mẹ. Từ hành động không biết chăm sóc, thương yêu cha mẹ, những đứa trẻ sau này lớn lên vào đời, chúng cũng sẽ không có lòng thương yêu đồng loại. Thực là điều đáng buồn. Trẻ em lớn lên được cha mẹ gửi đến trường học, lúc ấy đứa trẻ cần sự giáo dục, hướng dẫn của thầy giáo. Ngoài sự dạy dỗ kiến thức phổ thông, nếu giáo sư biết rèn luyện cho học sinh có những đức tính tốt như tánh ngay thẳng, tự tin và giúp đỡ người khốn cùng v.v.. thì các học sinh này sẽ biết ơn, kính mến và giữ một ấn tượng tốt lâu dài trong tâm hồn của mình về ông thầy giáo đó. Trái lại, nếu vị giáo sư tỏ ra không hết lòng yêu thương, chăm sóc dạy dỗ các em học sinh thì sự mến thương tình cảm giữa chúng với người thầy giáo cũng chóng phai lạt.

Tương tự như thế, nếu một bệnh nhân trong nhà thương được chăm sóc hết lòng, tận tình chữa trị của vị bác sĩ thì chính tình thương này của ông ta sẽ là liều thuốc hữu hiệu nhất giúp cho người bệnh chóng lành, mặc dù ông không hẳn là một bác sĩ giỏi. Trái lại, cho dù một bác sĩ có tài, nhưng thiếu đạo đức, không thương yêu tận tụy khi chữa trị cho bệnh nhân, khiến người đau bệnh buồn phiền tức giận; do đó họ không thể chóng bình phục được. Cho nên tình thương, sự hết lòng cứu chữa bệnh nhân của vị thầy thuốc sẽ góp phần lớn trong việc giúp người đau bệnh chóng lành.

Trong cuộc sống giao tế hằng ngày, người ta thích nghe lời nói hòa nhã êm dịu cho dù câu chuyện của người trình bày không hay, ngược lại, một đề tài dù hấp dẫn bao nhiêu đi nữa mà người phát biểu dùng ngôn từ nặng nề, thiếu lễ độ nhã nhặn thì chẳng ai muốn nghe. Do đó, mọi việc ở đời, từ nhỏ đến lớn; lòng thương yêu, kính mến kẻ khác là điều căn bản tạo nên hạnh phúc cho mọi chúng ta. Gần đây, tôi gặp một nhóm khoa học gia Hoa Kỳ, họ cho biết rằng hiện nay có khoảng mười hai phần trăm dân số ở Mỹ đang mắc bệnh tâm thần. Nguyên nhân chính không phải vì thiếu thốn vật chất mà do bởi cuộc sống giữa con người với nhau thiếu thông cảm và tình thương. Cho nên, như tôi đã trình bày ở trên mặc dù quý vị có nhận thức rõ điều đó hay không, thì vào lúc chúng ta ra chào đời, tình thương vẫn là chất liệu cần thiết như máu huyết nuôi dưỡng sự sống của chúng ta. Ngay cả tình thương ấy phát xuất từ nơi một con vật, hay kẻ thù của chúng ta thì trẻ nhỏ và người lớn vẫn đều cần đến nó.

SỰ PHÁT TRIỂN TÌNH THƯƠNG

Một số người bảo tình thương và lòng từ bi là những đức tính cao quý, nhưng rất khó thực hiện. Bởi lẽ thế giới ngày nay, họ lập luận cho rằng không phải là môi trường thuận lợi cho chúng phát triển. Mà bản tính con người vốn thích làm những việc ác và lòng người chứa đầy sự thù hận và tham sân. Tôi không đồng ý như vậy.

Nhân loại xuất hiện trên quả đất hiện nay đã có từ hàng trăm nghìn năm trước. Tôi nghĩ rằng trong khoảng thời gian này nếu tâm con người hoàn toàn độc ác hung dữ thì dân số trên thế giới đã giảm sút. Nhưng trái lại, mặc dù xảy ra nhiều cuộc chiến tranh, ngày nay dân số toàn cầu đã tăng lên rất nhiều. Điều này chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng lòng từ bi và tình thương đã ngự trị thắng thế trên thế giới.

Tình thương đã mang lại cho chúng ta nhiều lợi ích tinh thần và lành mạnh thể xác. Điều rõ ràng ai cũng thấy là khi tâm mình an vui sẽ giúp cơ thể chúng ta

khỏe mạnh. Sự giận dữ, ưu phiền dễ khiến con người sinh ốm đau. Trái lại, tâm thanh tịnh và an lạc giúp chúng ta tránh được nhiều bệnh tật. Muốn có hạnh phúc chân thật, con người cần trái lòng yêu thương tất cả, không nuôi dưỡng tâm ganh ghét, oán thù ai. Chúng ta không chỉ nhận thức tình thương là đức tính tốt, cao quý mà nên thực hành phát triển nó trong cuộc sống hằng ngày.

Trước hết, chúng ta cần hiểu rõ về ý nghĩa đích thực của tình thương. Tình cảm yêu thương lắm khi pha lẫn với dục tình và sự tham đắm. Chẳng hạn, cha mẹ thương yêu con cái là thứ tình cảm vị kỷ đối với người thân của mình, khác hẳn với lòng từ bi rộng lớn. Trong hôn nhân, sự đắm say tình dục giữa hai vợ chồng hay tình yêu cuồng nhiệt giữa đôi trai gái hoàn toàn không phải là thứ tình thương đích thực. Lòng thương nặng tính chất đam mê ái nhiễm này khiến chúng ta thường hay mù quáng nghĩ tưởng rằng người mà ta yêu thương luôn có những đức tính tốt, nhưng đôi khi họ lại mang nhiều thói hư tật xấu.

Tình thương nhằm mục đích ích kỷ, tình thương ấy khó tồn tại lâu dài và dễ tan biến khi nó không mang lại ích lợi gì cho con người. Cho nên tình thương chân chính không xây dựng trên tình cảm so đo toan tính lợi hại cho bản thân mà hoàn toàn đặt nền tảng trên lòng vị tha quên mình vì hạnh phúc cho chúng sanh. Hẳn nhiên phát triển lòng từ bi rộng lớn này không phải là điều dễ dàng. Muốn thành tựu, chúng ta cần sáng suốt nhận thức rõ các sự thực sau đây:

Tất cả chúng ta dù tốt hay xấu, giàu nghèo sang hèn, đều là con người như nhau. Ai cũng mong sống trong hạnh phúc và không thích khổ đau. Họ có quyền khắc phục, chống lại sự đau khổ để có được hạnh phúc. Khi bạn hiểu rằng mọi người đều bình đẳng trong ý muốn đi tìm và có quyền đạt tới hạnh phúc, tự nhiên bạn thấy có thiện cảm và gần gũi với họ. Khi tâm bạn có được tình thương nhân loại phổ quát, bạn sẽ thấy có trách nhiệm cần giúp đỡ kẻ khốn cùng vượt qua những khó khăn của họ.

Bạn làm việc cứu khổ này với tâm bình đẳng, không chọn lựa và phân biệt kẻ thân người sơ, thù hay bạn, sang trọng hay thấp hèn, khi chúng ta biết rằng là con người, họ có những niềm vui và đau khổ như chúng ta; cho nên không thể có sự kỳ thị, phân chia giữa người này với người kia mà chúng ta cần có lòng từ bi thương xót cứu độ tất cả.

Muốn thành công trong việc phát triển lòng từ bi, chúng ta cần phải trải qua một thời gian dài kiên nhẫn tu tập. Khi chúng ta còn nghĩ đến bản ngã nhỏ nhen, cái “Ta” tham lam ích kỷ, đam mê thú vui trần tục, không dám hy sinh quyền lợi cá nhân cho hạnh phúc

của kẻ khác thì rất khó để thực hành tình thương rộng lớn này. Mặc dù không dễ làm ngay tức khắc, điều đó không có nghĩa là chúng ta không thể bắt đầu luyện tập từ từ để dẫn đến kết quả được.

CHÚNG TA KHỞI SỰ THỰC TẬP NHƯ THẾ NÀO?

Trước hết chúng ta cần diệt trừ những trở ngại lớn lao cho sự phát triển lòng từ bi là tâm oán thù và sân hận. Đây là hai ác tính độc hại nhất thường nằm sẵn trong tâm mọi người, nhưng chúng ta có thể kiểm soát chúng. Muốn chế ngự tâm sân hận, chúng ta không những chỉ cần có lòng từ bi mà còn phải có trí tuệ và hạnh nhẫn nhục. Chúng là những phương thuốc hữu hiệu nhất có thể chữa trị, đoạn diệt lòng sân hận nơi tâm chúng ta. Nhưng rất tiếc, nhiều người đã nhận thức sai lầm cho rằng thực hiện các đức tánh trên là dấu hiệu của yếu hèn và nhu nhược. Trái lại, tôi vẫn tin nhẫn nhục là điều rất khó làm, đòi hỏi nơi hành giả một ý chí dũng mãnh. Bản chất của lòng từ bi mặc dù là hiền lành mềm mỏng và dịu dàng, nhưng nó cũng là một sức mạnh.

Thêm nữa, thiếu nhẫn nhục con người sẽ sống trong tình trạng lo âu và bất hạnh. Do đó, khi phát khởi tâm sân hận, theo tôi, là dấu hiệu của sự yếu kém. Cho nên khi gặp chuyện bất hòa, xung đột với ai, bạn nên cố gắng kiềm chế sự nóng giận, hết sức bình tĩnh, giải quyết vấn đề với lòng từ bi để tránh sự đổ vỡ. Ngay trường hợp kẻ có tâm xấu ác muốn làm hại bạn cũng sẽ không thành công mà kết quả là họ tự chuốc lấy sự thất bại mà thôi. Cho nên muốn diệt trừ tánh vị kỷ, đố kỵ, chúng ta cần phải thực hiện lòng từ bi để giúp cho người khác tránh được sự đau khổ do hậu quả gây nên bởi việc làm sân hận của họ. Do đó, nhờ biết thực hành hạnh nhẫn nhục mà chúng ta tránh được sự lo âu, phiền não; có được sự an lạc và hạnh phúc.

BẠN VÀ THÙ

Nếu chúng ta chỉ nghĩ đến lòng từ bi không thôi thì chưa đủ, mà chúng ta cần mong gặp hoàn cảnh thuận lợi để thực hiện, phát triển tình thương rộng lớn đó. Và ai là người sẽ giúp chúng ta tạo cơ hội ấy? Không phải bạn mà là kẻ thù của chúng ta. Chính họ là những người đã gây khó khăn nhiều nhất cho chúng ta. Do đó, nếu muốn học hỏi, thực hành hạnh từ bi, chúng ta nên xem họ như những người bạn và là thầy của chúng ta. Muốn trái tình thương rộng lớn đến mọi

Thơ

ĐẶNG THỊ QUẾ PHƯƠNG



TỊCH MỊCH

*Có một cái gì
đang đợi chờ ta
trong vẻ thanh lặng
của buổi chiều tà*

*Có một cái gì
trong bóng sương sa
vô cùng hiu hắt
như thể hồn ma*

*Có một cái gì
bao la chất ngất
dường như không phải
là trời hay đất*

*Có phải hay chăng
thiên thu phơ phất.*

chúng sanh, chúng ta nên thực hành đức tánh khoan dung, từ bi và hỷ xả; do đó, chúng ta cần đến các kẻ thù. Bởi vậy chúng ta hãy cảm ơn những kẻ thù vì họ đã giúp chúng ta giữ được cái tâm thanh tịnh an lạc. Và trong nhiều trường hợp, cá nhân cũng như tập thể, khi chúng ta thay đổi hoàn cảnh sinh sống, kẻ thù có thể trở thành bạn.

Cho nên tánh nóng giận và lòng sân hận luôn luôn là những ác tính độc hại, và trừ khi chúng ta điều phục làm chủ được cái tâm của mình để diệt trừ, còn không thì chúng sẽ tiếp tục gây phiền não và ngăn chặn mọi nỗ lực tu tập mang lại sự an lạc cho chúng ta. Bởi vậy, sự giận dữ và lòng sân hận chính là kẻ thù của chúng ta. Chúng là những ác tính chúng ta cần khắc phục và loại bỏ, không chỉ nhất thời, mà phải thường xuyên liên tục trong suốt cả cuộc đời của chúng ta.

Hẳn nhiên là tất cả chúng ta ai cũng muốn có nhiều bạn. Và tôi thường hay nói đùa rằng nếu bạn ích kỷ muốn thủ lợi riêng cho mình thì bạn nên có lòng vị tha. Bạn hãy thương yêu kẻ khác, phục vụ và giúp đỡ cho họ. Bạn cần giao hảo, vui cười và kết thân với mọi người. Được vậy thì khi bạn gặp khó khăn, bạn sẽ có người giúp đỡ. Trái lại, nếu chúng ta không bao giờ nghĩ đến hạnh phúc của kẻ khác thì về lâu dài, chúng ta sẽ bị mất mát và thua lỗ. Không bao giờ những sự cãi vã, giận dữ, tranh chấp và đồ kỵ có thể mang lại tình bạn thân hữu giữa con người. Mà chỉ có lòng khoan dung, tha thứ và hỷ xả mới giúp chúng ta kết thân, gần gũi và thương yêu nhau.

Trong xã hội vật chất ngày nay, nếu chúng ta có tiền và quyền lực, chúng ta sẽ có nhiều bạn. Nhưng chúng không phải là bạn chân thật mà là bạn của tiền bạc và thế lực của chúng ta. Khi chúng ta nghèo khổ, mất hết địa vị uy quyền, những người bạn đó sẽ bỏ rơi chúng ta. Trong cuộc sống, nếu không có biến cố hay tai nạn gì xảy ra, con người thường nghĩ rằng mình có thể tự lo được, không cần đến ai; nhưng khi hữu sự gặp khó khăn, thiếu thốn hay bệnh tật, con người cảm thấy cô đơn và cần phải nhờ đến sự giúp đỡ của kẻ khác. Do đó, để chuẩn bị cho giờ phút lâm nguy ngặt nghèo sẽ có người chăm sóc giúp đỡ cho mình thì ngay hôm nay, chúng ta nên kết bạn thân, đối xử tốt và có lòng vị tha, cứu giúp mọi người.

Đôi lúc, người ta cười chế nhạo khi nghe tôi nói tôi muốn có nhiều bạn thân hơn, và tôi yêu nụ cười của thiên hạ. Cho nên tôi phải biết nghệ thuật sống cách nào để có thêm bạn bớt thù và làm sao tôi có thể giữ mãi nụ cười trên môi khi tiếp xúc với mọi người, đặc biệt là nụ cười hỷ xả của tình thương. Trong cuộc sống

giao tiếp hằng ngày, chúng ta bắt gặp nhiều nụ cười khác nhau của thiên hạ: có nụ cười chua chát, giả dối hay xã giao. Đôi khi nụ cười bày tỏ sự bất mãn, gây nên nghi ngờ hay sợ hãi cho kẻ khác. Tuy nhiên cũng có những nụ cười mang lại niềm vui của sự an lạc và giải thoát: đó là nụ cười từ bi hỷ xả của chư Phật và Bồ Tát. Đây là những nụ cười mà chúng ta nên cố gắng thực hiện để mang lại hạnh phúc cho mọi người.

TÌNH THƯƠNG VÀ THẾ GIỚI

Vì chúng ta cần chia xẻ tình thương với tất cả mọi người, cho nên bất cứ ai chúng ta gặp, dù trong hoàn cảnh nào chúng ta đều xem như những bậc cha mẹ và anh chị hay em của chúng ta. Chúng ta không quan tâm về khuôn mặt của họ là mới hay cũ; lạ hay quen, họ mặc y phục như thế nào, đẹp hoặc xấu, rề hay đất tiền; và tánh tình của họ ra sao, hiền lành hay dữ tợn, chúng ta vẫn thấy không có gì sai khác giữa họ và chúng ta. Thật là điều sai lầm khi chúng ta có óc kỳ thị, phân biệt giữa chúng ta với mọi người; hoặc giữa người này với người kia, vì như đức Phật đã dạy rằng tất cả mọi người chúng ta đều có Phật tánh, hay khả năng thành Phật giống nhau.

Sau hết, toàn thể nhân loại là một và quả đất nhỏ chúng ta đang sống là ngôi nhà chung của chúng ta. Nếu chúng ta muốn bảo vệ căn nhà nhân loại này, mỗi chúng ta cần thực hiện tình yêu thương con người trên toàn thế giới. Được vậy, chúng ta mới có thể diệt trừ hết lòng tham, tánh vị kỷ nơi con người, nguồn gốc gây ra mọi khổ đau cho nhân loại qua những cuộc xung đột, xâm lăng và chiến tranh vì quyền lợi của con người. Nếu các bạn có một tấm lòng thành thực và rộng mở, chẳng bao giờ gây oán thù với ai thì tâm bạn sẽ bình an không lo sợ bất cứ người nào làm hại đến mình.

Tôi tin rằng mọi người sống trong xã hội, cho dù ở phạm vi gia đình, bộ tộc, quốc gia hay quốc tế, chia khóa hay bí quyết mang lại cho thế giới con người có đời sống tốt đẹp, an lạc và hạnh phúc hơn hiện nay, là sự áp dụng, thực hành và phát triển của tình thương. Chúng ta không cần phải theo một tôn giáo, ý thức hệ hay chủ thuyết chính trị nào; điều cần bản là chúng ta nên tu tập và thực hành các tánh thiện nơi mỗi con người chúng ta. Tôi thường cố gắng đối xử với bất cứ người nào tôi mới gặp họ lần đầu tiên đều giống như một người bạn cũ tâm tình thân quen. Điều này đã mang lại cho tôi một nguồn hạnh phúc vô biên. Đó là sự thực hành đức tánh từ bi hỷ xả của đức Phật.

CHỖ HIẾU TRONG TỤC NGŨ, CA ĐẠO VIỆT NAM

THÍCH NGUYỄN SIEU

*Công Cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Tinh thần hiếu đễ của người Á Đông nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng đã thấm sâu vào xương tủy của mọi người, và phát khởi ra sự sinh hoạt bên ngoài tạo nên những nét đẹp cao quý, thành ca dao, tục ngữ, thành đặc tính tinh thần Đông Phương. Có lẽ chỉ có người Á Đông mới có tục lệ chúc thọ cho ông bà, cha mẹ và cũng có lẽ chỉ có người Á Đông mới yêu chuộng tinh thần “đại gia đình” – Ông bà, cha mẹ, con cháu, chắt, chít chít... sống quây quần đầm ấm trên cùng một mảnh đất gia tiên, bao bọc bởi lũy tre xanh, hàng dâu bông bụt – Và vì thế nên tình thân được nảy nở, đơm hoa kết trái để luôn luôn gần gũi, thương yêu và đùm bọc với nhau.

Có hình ảnh nào đẹp hơn cảnh gia đình sum họp trong những buổi chiều nhàn nhã, gió hiu hiu nhẹ thổi vừa đủ để bà nằm võng đu đưa, tay ôm đứa cháu nhỏ nhẹ nhàng hát ru cháu dưới bóng mát của hàng cây sau vườn; ông ngồi kể chuyện cổ tích với đàn cháu vây quanh vừa lắng tai theo dõi vừa nhổ tóc sâu, thỉnh thoảng lại chen vào những câu hỏi thơ ngây làm câu chuyện thêm rộn ràng giữa hương thơm của hoa cau, hoa bưởi ngát ngào trong không gian miền thôn dã. Hoặc những buổi tối: “...Cha tôi ngồi xem báo, mẹ tôi ngồi đan áo, bên cây đèn dầu hao...”

Tinh thần chịu thương chịu khó của người phụ nữ Việt Nam được diễn đạt qua những câu thơ sau đây của Trần Kế Xương càng làm nổi bật những đức tính hy sinh của người mẹ, người vợ:

*– Quanh năm buôn bán ở ven sông.
Nuôi đủ năm con với một chồng...*

Mẹ đã tảo tần thức khuya, dậy sớm lo việc tang tằm, thu vén nhà cửa, không những lo cho con mà

còn phải lo cho người chồng thư sinh chỉ biết việc bút nghiên:

*– Canh một dọn cửa dọn nhà,
Canh hai dệt cửi, canh ba đi nằm,
Canh tư bước sang canh năm,
Trình anh dậy học chớ nằm làm chi.
Lỡ mai Chúa mở khoa thi,
Bảng vàng kia cũng sẽ đề tên anh.*

Hay là:

*– ... Nửa đêm về sáng gánh gồng nuôi con...
– Nuôi con buôn bán tảo tần,
Chỉ mong con lớn nên thân với đời.
Những khi trái nắng trở trời,
Con đau là mẹ đứng ngồi không yên.
Trọn đời vất vả triền miên,
Chạy lo bát gạo đồng tiền nuôi con.*

Tấm lòng của mẹ thật bao la, mệnh mông như trời bể, mặc thân gầy yếu, hao mòn chỉ mong cho con được khôn lớn, mẹ đã vắt cạn dòng sữa thơm cho con được no đủ:

*– Bồng con cho bú một hồi,
Mẹ đã hết sữa con vùi, con la.*

Lại còn những khi con đau ốm, mẹ nào được an giấc:

*– Con ho lòng mẹ tan tành,
Con sốt lòng mẹ như bình nước sôi.*

Mẹ đã đem hết sức mình để bảo bọc, che chở cho con được an lành, bình yên:

*– Nuôi con chẳng quản chi thân,
Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn.*

Tấm lòng mẹ trải rộng bao la, không nghĩ gì đến

sức khỏe bản thân chỉ nhất mực lo cho con, dù suốt đêm không chợp mắt:

– *Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,
Năm canh chày thức đủ vùi năm.*

Nào đã hết, ngoài việc chăm nuôi, cho con bú mớm, mẹ phải thay cha nuôi dạy con cái:

– ... *Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân...*

Mẹ còn phải năng động hơn, xông xáo hơn để giáo dục, truyền đạt cho con những kinh nghiệm cá nhân mong con khôn ngoan, thành đạt trong xã hội:

– *Ví dầu câu ván đóng đình,
Cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi.
Khó đi, mẹ dắt con đi,
Con đi trường học, mẹ đi trường đời.*

Vì thế người mẹ được ví: “Mẹ già bằng ba hàng đậu”. Hạnh phúc thay cho những ai còn có mẹ để chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, để được mẹ lo lắng chăm sóc như ngày còn thơ, để được hầu hạ gần gũi với mẹ. Có mẹ để thấy mình vẫn trẻ thơ như ngày nào:

– *Có cha có mẹ thì hơn,
Không cha không mẹ như đèn đứt giây.
Đèn đứt giây còn tay nối lại,
Cha mẹ mất rồi con phải mồ côi.*

Nào đã hết, mẹ vẫn lo toan vất vả trong phận dâu con, có sức chịu đựng nào bằng bốn phận người con dâu đè nặng trên hai vai của mẹ, dẫu chồng có lơ là, lạnh nhạt, nhưng vẫn không thất xuất trách nhiệm cá nhân, qua những câu ca dao sau đây:

– *Gió đưa bụi chuối sau hè,
Anh mê vợ bé bỏ bề con thơ.
Con thơ tay ẩm tay bông,
Tay dắt mẹ chồng dầu đội thúng rơm.*

Chữ hiếu không những chỉ thể hiện trong bốn phận người con, mà còn ràng buộc cả người con dâu nữa. Cụ bà Phan Bội Châu đã thay cụ ông hầu hạ, thuốc thang cho thân sinh cụ ông nay đau, mai ốm trong cảnh gia đình túng thiếu với các con thơ dại trong suốt thời gian cụ ông lo việc nước. Gương hy sinh, tiết liệt của người phụ nữ Việt Nam điển hình qua tinh thần trách nhiệm của cụ bà Phan Bội Châu làm rạng rỡ giá trị thiêng liêng tình nghĩa gia đình.

Người xưa ra đi lo việc nước đã nhắn nhủ vợ nhà:
– *Anh đi, em ở lại nhà,
Vườn dâu em bón mẹ già em trông.*

– *Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non,
– Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh trầy lội nước non Cao Bằng.*

Bằng tâm tình của người chồng phải vắng nhà buôn bán phương xa, đã ân cần nhờ cậy vợ lo toan mọi việc và chăm sóc mẹ già sao cho tròn câu hiếu kính:

– *Nhà anh chỉ có một gian,
Nửa thời làm bếp, nửa toan làm buồng.
Anh cậy em coi sóc trăm đường,
Để anh buôn bán trầy trụa thông hành.
Còn chút mẹ già nuôi lấy cho anh,
Để anh buôn bán thông hành đường xa.
Liệu mà thờ kính mẹ già,
Đừng tiếng nặng nhẹ người ta chê cười.*

Vai trò của người mẹ quan trọng biết là chừng nào:

– *Mồ côi cha ăn cơm với cá,
Mồ côi mẹ, lột lá mà nằm.
– Gió đưa bụi trúc ngã quì,
Vì cha con phải lụy đi, dì ơi!*

Phải chăng vì thế con cái thường có khuynh hướng thương yêu và thân cận với mẹ hơn? Nói như thế không có nghĩa là vai trò của người cha không quan trọng:

– *Con có cha như nhà có nóc,
Con không cha như nòng nọc đứt đuôi.
– Còn cha gót đỏ như son,
Đến khi cha mất, gót con đen sì.
Còn cha nhiều kẻ yêu vì,
Một mai cha thác ai thì nuôi con?*

Sự chăm sóc của cha có thể không chăm chút tỉ mỉ bằng mẹ, nhưng hoàn cảnh bắt buộc cha cũng vẫn lo cho con được no dạ:

– *Nghiêng bình mở hộp nút ra,
Con ơi, con bú cho cha yên lòng.*

Cha tuy già nhưng không quản ngại, cũng vẫn phải lo sinh kế trong vai trò cột trụ của gia đình, vì thế hình ảnh người cha cũng rất đậm nét trong tâm khảm của mọi người trong nhà:

– *Cha tôi tuy đã già rồi,
Nhưng còn làm lụng để nuôi cả nhà.
Sớm hôm vừa gáy tiếng gà,
Cha tôi đã dậy để ra đi làm.*

Vắng bóng người cha làm cho gia đình trống vắng, quạnh hiu:

– Vắng đàn ông quạnh nhà.

Hơn thế nữa, trong vai trò giáo huấn đàn con, người cha bao giờ cũng coi trọng và nghiêm minh hơn, do đó ảnh hưởng giáo dục người cha thường tốt đẹp và tác dụng nhiều hơn mẹ:

– Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà.

Hoặc:

– Mẹ đánh một trăm, không bằng cha hăm một tiếng.

– Mẹ dạy thời con khéo,

Cha dạy thời con khôn.

Dẫu thương yêu, gần gũi với mẹ nhiều hơn con cũng không quên được công ơn dưỡng dục của cha, bao giờ cũng hằn sâu trong tâm trí:

– Khôn ngoan nhờ ăm cha ông,

Làm nên phải doái tổ tông phụng thờ,

Đạo làm con chớ hững hờ,

Phải đem hiếu kính mà thờ từ nghiêm.

Biết bao nhiêu áng văn thơ, ca dao, tục ngữ tán thán công đức Cha và Mẹ, cái hạnh phúc có được cha mẹ vẹn toàn để nhất tâm hiếu kính đã làm cho bao nhiêu người con thiếu vắng cha mẹ phải ước ao ngậm ngùi:

– Ân cha nặng lắm ai ơi!

Nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng cưu mang.

– Vắng nghe chim vịt kêu chiều,

Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau.

Nhớ ơn chín chữ cù lao,

Ba năm nhũ bộ biết bao nhiêu tình?

– Ngày nào em bé cõn con,

Bây giờ em đã lớn khôn thế này.

Cơm cha, áo mẹ, công thầy,

Nghĩ sao cho bỏ những ngày ước ao.

– Làm trai đủ nết trăm đường,

Trước tiên điều hiếu, đạo thường xưa nay.

Công cha đức mẹ cao dày,

Cưu mang trứng nước những ngày còn thơ.

Nuôi con khó nhọc đến giờ,

Trưởng thành con phải biết thờ song thân.

Thức khuya dậy sớm cho cần,

Quạt nồng ấp lạnh giữ phần đạo con.

“Xây nhà ra thất nghiệp”, mẹ cha có biết lòng con thương nhớ khôn nguôi, tâm hiếu kính mang mang, luôn tưởng nhớ đến công ơn sinh dưỡng của đấng sinh thành:

– Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa,

Miệng nhai cơm búng, lưỡi lừa cá xương.

– Ngó lần nuốt lạt mái nhà,

Bao nhiêu nuốt lạt, em thương mẹ già bấy nhiêu.

– Chiều chiều ra đứng ngõ sau,

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.

– Gió đưa cây cải lý hương,

Từ xa cha mẹ thất thường bữa ăn.

Sầu riêng cơm chẳng muốn ăn,

Đã bưng lấy bát, lại dẫn xuống mâm.

Phải xa nhà lòng đau như cắt, biết có ai sớm hôm phụng dưỡng mẹ cha, để con khắc khoải nhớ thương:

– Lòng riêng nhớ mẹ, thương cha,

Bóng chim tăm cá biết là tìm đâu?

Trong vòng bình lửa dãi dàu,

Bơ vơ lưu lạc, bạn bầu cùng ai?

– Ra đi bỏ mẹ ở nhà,

Gối nghiêng ai sửa, mẹ già ai nâng?

– Một mai cha mẹ yếu già,

Bát cơm đôi đũa, kỷ trà ai dâng?

– Đêm đêm khẩn nguyện Phật Trời,

Cầu cho cha mẹ sống đời với con.

Cha mẹ có hay lòng con như muối xát, chỉ mong sao cha mẹ được đầy đủ, mong được sáng thăm tối viếng, mong dâng đến cha mẹ miếng ngon vật lạ tỏ lòng hiếu kính phụng thờ mẹ cha:

– Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi,

Giã gạo cho trắng dặng nuôi mẹ già.

Đói lòng ăn hột chà là,

Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.

– Đây bát cơm đầy nặng ước mong,

Mẹ ơi, đây ngọc (1) với đây lòng,

Đây tình con nặng trong tha thiết,

Ơn nghĩa sanh thành, chưa trả xong.

(1) Hạt gạo là hạt ngọc.

– Lên chùa thấy Phật muốn tu,

Về nhà thấy mẹ công phu sao đành?

Mẹ già ở túp lều tranh,

Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con.

– Cau non khéo bữa cũng dày,

Trầu têm cánh phượng để thầy mẹ xơi.

– Ai về tôi gửi buồng cau,

Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.

Ai về tôi gửi đôi giày,

Phòng khi mưa gió để thầy mẹ đi.

Cha mẹ nuôi con ơn sâu nghĩa nặng, dẫu nhọc nhằn vất vả con cũng chẳng ưu tư:

– Dấn mình gánh nước làm thuê,

Miễn nuôi được mẹ, quản gì là thân .

Làm con ăn ở sao cho phải đạo, mình biết hiếu kính mẹ cha đó là tấm gương tốt cho con cái noi theo “sống trước làm sao, sống sau như vậy”, có hết lòng thờ phụng mẹ cha mới mong sanh con hiếu nghĩa:

– Nếu mình hiếu với mẹ cha,

Chắc con cũng hiếu với ta khác gì.

Nếu mình ăn ở vô nghi,

Đừng mong con hiếu làm gì uống công.

Hoặc:

– Hiếu thuận sinh ra con hiếu thuận,

Ngỗ nghịch nào con có khác chi!

Xem thử trước thêm mưa xối nước,

Giọt sau, giọt trước chẳng sai gì!

– Người xưa khó nhọc nuôi mình,

Khác gì mình đã hết tình nuôi con.

Suốt một đời sống trong tình thương của cha mẹ, biết bao công khó cho con được nên người, bao lo lắng hy sinh, nhọc nhằn mong con được đầy đủ không thua bạn, kém bè. Nay cha mẹ không còn, đau đớn biết đường nào, dù nuối tiếc bao nhiêu cũng không làm sao được. Bạn hỡi! Ngay bây giờ hãy làm bất cứ điều gì có thể làm được cho cha mẹ để sau này có muốn cũng không thể nào thực hiện được:

– ... Độ nhỏ tôi không tin,

Người thân yêu sẽ mất.

Hôm ấy tôi từng sờ,

Và nghi ngờ trời đất.

Từ nay tôi hết thấy,

Trên trán mẹ hôn con.

Những khi con phải đòn,

Đau lòng mẹ la lấy.

Kìa nhờ ai sung sướng,

Mẹ con vỗ về nhau.

Tìm mẹ, con không thấy,

Khi buồn biết trốn đâu?...

Hiếu để không phải là những lời dãi bôi, những xót xa không thật từ cửa miệng, những ao ước bằng quơ không bao giờ thực hiện, mà chữ Hiếu phải được thể hiện bằng những hành động cụ thể, bằng những chăm sóc, hầu hạ, phụng dưỡng xuất phát từ đáy tâm hồn với lòng thương quý chân thật.

Mùa Vu Lan là mùa báo Hiếu, mùa cho các người con tưởng nhớ đến công đức sinh thành của cha mẹ, mong muốn làm điều gì tốt đẹp hơn để đền đáp xứng đáng công ơn dưỡng dục của mẹ cha. Nhớ ơn và báo Hiếu luôn luôn là những suy tư triền miên, sâu đậm trong thâm tâm mọi người con Việt.

– Phụng dưỡng Cha và Mẹ,

Là công đức tối thượng.

thơ PHÙ DU

ÁN 42

Đi vào đêm sâu thẳm

Mặt mừng dặm lữ có tiếng reo

Chạm nhẹ trong tim

Mơ màng suối tóc đổ dài xuống trên nghìn

trùng bụi đỏ

Phát phơ hàng liễu thắm

Lộ ánh trắng non

Giữa vàng mây bành bồng

Tịch nhiên lay động

Lối đi nhỏ trong vườn

Gót chân dẫm

Điệu trường ca của đế

Mở vào đêm sâu thẳm

Cánh cửa hé chờ

Có ngàn đốm sao rung

Trên cung đàn vi diệu

Rơi vào đêm sâu thẳm

Rung động khói sương

Đầu ghềnh cuối bãi

Chìm tung cánh theo đàn

Lướt thướt bay giữa mùa về tổ

Trăng non

Ồ, trăng non

Mọc bên trên bầu trời ảo hóa

Sương sa chạm

Động trên bờ mi khép

Hơi thở dài

Đậu lại bên kia thiên thu.

CÔNG ƠN CHA MẸ VÀ Ý NGHĨA QUY Y PHẬT

THÍCH CHÂN TỊNH

Gọi Tháng Hội vì Vu Lan Bồn là ngày hội lớn, một nét vàng son sáng chói của nền văn hóa Phật Giáo. Nơi tháng hội này, hàng Phật tử chúng ta học được, qua gương hiếu hạnh của tôn giả Mục Kiền Liên, công ơn của những bậc sinh thành và cách báo đền công ơn ấy.

Đức Phật dạy rằng: “Phụ mẫu tại đường như Phật tại thế”, nghĩa là cha mẹ còn sống như Phật còn ở đời. Vì sao? Cha mẹ có đủ bốn đức: Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Ngay từ khi được biết mình sắp có con, người cha đã lo làm thêm việc, kiếm thêm tiền, gây dựng một tổ ấm để chờ đón đứa con ra đời dù chưa biết hình hài, tính nết, của người con ra sao. Đó là tâm Từ.

Từ khi mang thai, suốt mười tháng, đi đứng nằm ngồi chịu bao nỗi khổ não, miệng không thể nói. Món ăn, thức uống dù ngon lành cũng chẳng thiết; quần áo tốt đẹp cũng chẳng màng, chỉ mong nghĩ đến ngày đứa con ra đời. Rồi đến khi khai hoa nở nhụy, phải chịu sự đau đớn như cắt ruột, nhưng khi nghe tiếng khóc chào đời của con thì người mẹ quên hết những nỗi đau đớn ấy mà vui mừng như nghe tiếng thiên nhạc, bỗng ẵm nâng niu con thì người nghèo được của báu. Đó là tâm Bi.

Thế rồi con nhờ dòng sữa cam lồ từ ngực mẹ chảy ra mà nuôi lớn, ngủ trong lòng mẹ, lấy hai chân của mẹ làm giấy chu du khắp nơi chốn.

Kịp đến khi lớn khôn, làm nên sự nghiệp, thì cha mẹ là người đầu tiên vui mừng, sung sướng. Đó là tâm Hỷ.

Lỡ con cái có làm điều gì lỗi quấy, biết thành tâm sám hối, ăn năn sửa chữa, cha mẹ sẵn sàng bỏ qua, không bao giờ thù hận con. Đó là tâm Xả.

Khi chúng ta còn bé thì mỗi lúc gặp sự buồn bực, đau khổ chúng ta liền chạy lại xả vào lòng mẹ, bà tiên hiền dịu nhất trên đời của chúng ta; và mỗi khi chúng ta gặp sự khó khăn đe dọa, chúng ta liền nghĩ ngay tới cha, vị thiên thần duy nhất đầy đủ oai đức có thể che chở chúng ta.

Có một bài thơ (người viết được đọc từ lâu nên

quên mất tên tác giả) có những câu như thế này:

*“... Là bóng mát dừa xanh,
Mẹ đến với con,
Phủ dịu mấy nắng thiêu cát nóng.
Là bầu sữa ngọt thơm lành,
Mẹ đến với con,
Rót vào bầu khô lưỡi bóng”.*

Thực ở đời này không có hạnh phúc nào êm đềm bằng hạnh phúc có cha, có mẹ.

Thường thường con cái được hưởng cái hạnh phúc ấy một cách rất là tự nhiên, không biết rằng mỗi một ngày qua, một tháng qua, một năm qua, mái tóc trên đầu cha mẹ ngả màu, nó báo hiệu rằng cái hạnh phúc ấy không còn bao lâu nữa.

Cổ thi có câu rằng:

“Quân bất kiến cao đường minh kính bi bạch phát,

Triều như thanh ti, mộ như tuyết!”

(Anh có thấy chẳng?

Cha già soi gương buồn đầu bạc,
Sớm như tơ xanh, chiều như tuyết!)

Con cái hưởng cái hạnh phúc êm đềm của kẻ có cha có mẹ một cách rất là hồn nhiên như cuộc đời tự nó là như vậy, ít có ai nghĩ đến sự đền đáp.

Bài thơ trên đã diễn tả như sau:

*“... Mẹ đến với con,
Mà con thì chưa hề đến với mẹ!
Cho đến một chiều kia,
Thật trời long đất lở,
Mẹ hết còn đến nữa bên con!”*

Cái ngày mà người con mất cha, mất mẹ là cái ngày đại hạn trong cuộc đời! Từ đây, không còn ai hăng theo dõi bước đi của chúng ta trong cuộc đời!

Từ đây không còn ai lo lắng hồi hộp cho vận mạng của chính chúng ta!

Từ đây không còn ai cố vấn cho chúng ta một cách sốt sắng vì quyền lợi của chính chúng ta! Mất cha mẹ, là mất kho tàng tinh thần vô giá, không gì có thể thay



Thơ

NGUYỄN TUỜNG TỬ

HOANG TUỜNG

*Biển trời nhạt thếch thời gian
Nặng lên cho xuống hồn tan về đời
Ai về nhạt đóa hoa rơi
Xin cho một cánh để người làm duyên
Gió tung, tóc xòa ba miền
Em xinh nằm giữa cửa Thiền cũng xinh.*

SUỐI MƠ

*Nửa đêm trở giấc giật mình
Không gian một khoảnh, bóng hình một nơi
Vội tay nâng quả đất rơi
Trườn mình hư ảnh, tới bờ châu thân.
Nghiêng vai ngỡ bóng trăng gần
Suối mơ gợn sóng, tần ngần muốn hôn.*

thể được!

Từ đây,

*“Cây muốn lặng gió chẳng dừng,
Con muốn nuôi cha mẹ không còn nữa!”*

Từ đây:

“... Song lọt trăng khuya, nghe ai thức?

Đèn tàn trở mộng, ngỡ ai khâu?”

Kinh Tâm Địa Quán dạy rằng: “Trên đời này, ai là người giàu, ai là người nghèo? Còn mẹ hiền là người giàu, mẹ hiền mất rồi là người nghèo. Còn mẹ hiền là mặt trời trưa, mẹ hiền qua đời là mặt trời lặn. Còn mẹ hiền là đêm trăng sáng, mẹ hiền qua đời là đêm không trăng.

Thế nên các Phật tử cần phải hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ. Những người phụng dưỡng cha mẹ như thế so với việc cúng dường chư Phật không sai khác.”

Kinh còn dạy: “Từ ân của cha, bi ân của mẹ, dù Phật có ở đời suốt một kiếp cũng nói không hết”.

Báo hiếu cha mẹ không phải chỉ có ngày lễ Vu Lan, mà người con hiếu nhớ ơn cha mẹ suốt đời! Và phải báo hiếu như thế nào?

Luật Tỳ Na Da dạy rằng:

“Nếu cha mẹ chưa có lòng tin Tam Bảo phải làm thế nào khuyến hóa để cha mẹ phát khởi lòng tin ấy và quy y Tam Bảo.

Nếu cha mẹ chưa thọ giới, phải khuyến thỉnh cha mẹ thọ trì giới pháp.

Nếu cha mẹ chưa biết mở lòng bỏ thí và tu tập trí tuệ phải khuyến hóa cha mẹ phát tâm bỏ thí và tu tập trí tuệ.”

Vì trang báo có hạn, ở đây người viết chỉ xin giải thích vắn tắt lý do tại sao phải quy y Phật, một trong Tam Bảo, mà thôi.

Khuyến thỉnh cha mẹ chúng ta quy y Phật không phải để cho chùa ta thêm đông nhiều!

Quy y Phật là quay về nương tựa vào cái sự thực thường còn trong chính chúng ta. Cái sự thực không bị hủy diệt bởi thời gian, không bị lưu chuyển bởi hoàn cảnh bên ngoài. Đó là sự tỉnh giác hoàn toàn. Quay về sống với sự Tỉnh Giác ấy ở trong chính chúng ta là ngay lúc ấy xa lìa được khổ não. Sự Tỉnh Giác ấy là Phật ở trong Tự Tính của chính chúng ta.

Kinh Bốn Chỗ Niệm dạy rằng:

“Vị tỳ khuru khi bước tới, bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới, ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi mặc áo, mang bát, khoác y, biết rõ việc mình đang làm. Khi ăn, uống, nhai, nếm, vị ấy biết rõ việc mình đang làm.

...

Cho đến trong tâm có tham, vị ấy biết “tâm có tham”; trong tâm không có tham, biết “tâm không có

tham”; trong tâm có sân, biết “tâm có sân”; trong tâm không có sân, biết “tâm không có sân” v.v...

Thân đi đứng nằm ngồi, cảm giác vui buồn nóng lạnh, tâm suy nghĩ nhớ tưởng điều chi, v.v... tất cả đều nằm trong sự Tỉnh Giác Thấy Biết.

Một khi chúng ta thấy biết tất cả sự kiện diễn biến bên ngoài thân cũng như bên trong tâm của chúng ta, chính lúc ấy chúng ta quy y Phật, chính lúc ấy chúng ta xa lìa được phiền não. Vì sao thế?

Tâm của chúng ta ví như cái nhà, chúng ta như chủ nhà, phiền não như những tên trộm lén vào nhà, nếu ông chủ mê ngủ thì kẻ trộm tha hồ lộng hành, không những chúng vợ vét của cải mà chúng còn mạo nhận là chủ nhà nữa. Nếu chủ nhà tỉnh thức, lập tức kẻ trộm phải ra đi, gian phải sợ ngay, lý thường là như vậy!

Chúng ta thường nghe nói rằng: “Biên khổ mệnh môn, quay đầu lại là thấy Bờ”, chính là để chỉ sự Tỉnh Giác này.

Gần đây người viết có đọc bài *Sân Trước Cành Mai* của nhà văn Vĩnh Hảo, bài thơ rất hay, trong đó có hai câu như thế này:

*“Một phút quay đầu sinh tử rụng,
Hốt nhiên rũ sạch bụi trần gian.”*

Chẳng biết đây có phải là ý của nhà văn hay không, nhưng theo ngu ý của người viết: cái “phút quay đầu” mà làm cho “sinh tử rụng” chính là lúc chúng ta tỉnh thức nhìn thẳng vào những gì diễn biến trong tâm ta, trong cảm giác của ta, và những diễn biến bên trong cũng như bên ngoài thân của ta.

“Quay đầu” được một giây thì sinh tử rụng một giây, “quay đầu” được một giờ thì sinh tử rụng một giờ, và “hốt nhiên rũ sạch bụi trần gian”. Chữ “hốt nhiên” tác giả dùng rất hay, nó diễn tả cái lý mâu nhiệm của sự tỉnh thức: hể tỉnh giác là lập tức phiền não không phải rơi là tả như lá mùa thu mà là đột nhiên tắt phụt như ngọn đèn hết điện (!), như ánh sáng rọi tới thì bóng tối lập tức tiêu tan!

Vấn đề của chúng ta là làm sao cho thường quay đầu 60 giây trong một phút, 60 phút trong một giờ và 365 ngày trong một năm.

Khi chúng ta quy y, Giới Sư có dạy rằng: “Quy y Phật khỏiọa địa ngục”.

Có phải rằng hể cứ tới giới đàn quy y xong là được bảo đảm khỏiọa địa ngục chăng?

Thưa: Không phải vậy! Phật là đấng đã chứng được Vô Ngã, đâu có làm cái chuyện suy tôn quyền hành của cái Ngã như thế! Nhưng, chính là bất cứ lúc nào chúng ta quay về nương tựa vào sự tỉnh giác bên trong chúng ta, tức là nương tựa vào Tự Tính Phật Bảo, ngay lúc ấy chúng ta xa lìa trạng thái địa ngục tự tâm.

Người ta thường nói tới từ ngữ “Phật Pháp nhiệm

mầu”, một trong những ý của từ ngữ này chính là để chỉ cái kỳ diệu của sự tỉnh thức vậy.

Không nhiệm mầu sao được, khi một người đang bị ngọn lửa của tham dục hay giận tức chi phối có thể gây nên biết bao đại họa cho người khác mà chỉ cần tỉnh giác là tất cả tai họa đều tiêu tan!

Đó là lợi ích nhiệm mầu của sự quay về nương tựa nơi Phật của chính mình trong khi đang sống. Còn đối với người đã khuất thì như thế nào?

Kinh Địa Tạng dạy rằng: Tiền thân của đức Địa Tạng là một thánh nữ Bà La Môn. Để cứu mẹ là bà Duyệt Đế Lợi đang bị đọa trong địa ngục vô gián, thánh nữ đã niệm danh hiệu đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương liên tiếp trong một ngày đêm. Nhờ công đức cúng dường và niệm Phật của thánh nữ, không những bà Duyệt Đế Lợi mà tất cả tội nhân trong địa ngục vô gián đều cùng được giải thoát ngay trong ngày ấy!

Niệm Phật tức là niệm Giác cũng tức là nương tựa vào Phật bảo.

Một khi quay về nương tựa vào Phật thì người sống được xa lìa khổ não rồi được tự tại an vui, người chết thoát khỏi cảnh địa ngục muôn ngàn khổ cực rồi được sinh cảnh giới Trời, Người!

Công đức như thế thực là không thể nghĩ bàn, và quả thực là quá sức mầu nhiệm!



HIẾU TÂM của ĐỨC PHẬT

HẠNH CƠ

Bảy giờ là năm thứ 5 sau ngày thành đạo, đức Phật về an cư tại tu viện Trùng-các trong rừng Đại-lâm, ngoại ô thành Ti-xá-li.

Một ngày nọ sau mùa an cư, khi đức Phật đang an trụ trong cảnh giới niết bàn tịch tĩnh, thì bỗng nhiên lòng phát sinh một nỗi niềm bi thương kì lạ. “Chắc là phụ vương đang lâm trọng bệnh, sắp thăng hà!” Ngài nghĩ thế.

Quả đúng như vậy. Chẳng bao lâu, có sứ giả của vua Tịnh Phạn là hoàng thân Ma Ha Nam, từ kinh thành Ca-tì-la-vệ đến tu viện, xin yết kiến đức Phật, thưa rằng, đức vua bệnh tình nghiêm trọng, sắp từ trần, đang rất mong được trông thấy đức Thế Tôn lần chót!

Được tin khẩn cấp ấy, không dám chậm trễ, Ngài liền dẫn theo Nan Đà, A Nan và La Hầu La, tức tốc cùng sứ giả trở về thành Ca-tì-la-vệ.

Vua Tịnh Phạn đang nằm trên giường ngự trong tấm điện. Hoàng hậu Ma Ha Ba Xà Ba Đề, công chúa Da Du Đà La, các quan đại thần văn võ, tất cả cung nữ đều có mặt đông đủ. Mặc dù bệnh tình đã rất trầm trọng, nhưng tinh thần đức vua vẫn còn tỉnh táo. Thấy đức Phật về đến, ngài liền nở nụ cười hoan hỉ, nét mặt tươi tỉnh hẳn lên. Ngài từ từ đưa tay ra, đức Phật ôm lấy cánh tay của ngài và ngồi xuống bên giường ngự. Sau một khoảnh khắc yên lặng, đức Phật đã nói bài pháp để khai thị cho đức vua về sự kết hợp rồi lại tan rã, rồi lại kết hợp, rồi lại tan rã... của tứ đại. Ấn sâu trong đôi mắt đức Phật, người ta thấy được niềm thương cảm vô biên của Người đối với bậc sinh thành. Nan Đà thì đã nấc lên thành tiếng, A Nan và La Hầu La đều đã đầm đìa nước mắt, các quan và cung nữ thì khóc lóc vô cùng thảm thiết.

Nhưng đức vua mỉm cười bảo: “Các người không được khóc lóc thảm thiết như thế! Đức Thế Tôn đã từng dạy, tất cả sự vật là vô thường. Hiện tại ta cảm thấy đã đạt được hạnh phúc chân thật. Thái tử yêu quý của ta ngày trước, nay đã thành tựu được quả vị Phật-đà tối tôn quý trong khắp các cõi Trời, Người. Người đã đạt được bản nguyện rộng lớn trải từ muôn ngàn kiếp trước. Ta không những rất được vinh diệu, mà còn hưởng được trạng thái vô cùng an lạc do thực tập lời dạy của Người. Trong giờ phút cuối cùng của cuộc đời hôm nay, ta vẫn còn được diễm phúc trông thấy đức Thế Tôn, khác nào như ta được trông thấy ánh đại quang minh trước khi nhắm mắt!”

Mọi người đều im lặng lắng nghe, vì ai cũng hiểu rằng, đây là những lời nói vô cùng chân thành, sáng suốt, và thật quan trọng của một người trước phút lìa đời. Không khí trong tâm điện trở nên tĩnh lặng, trang nghiêm dị thường. Đức vua nói xong, từ từ chấp hai tay lên ngực, nhờ Phật cử người kế vị mình. Đức Phật đã tiến cử hoàng thân Ma Ha Nam nối ngôi chấp chính, và hứa sẽ giúp đỡ cho vị tân vương an định mọi việc. Đức vua mỉm cười mãn nguyện, nhìn đức Phật và mọi người thân tín trước mặt lần chót, rồi an nhiên nhắm mắt lìa trần. Năm ấy đức vua được 82 tuổi. Hoàng hậu Ma Ha Ba Xà Ba Đề, công chúa Da Du Đà La, các quan và cung nữ lại bật khóc thành tiếng, thương tiếc một vị quốc vương tài đức toàn vẹn hiếm có trên đời.

Đức Phật đứng dậy, đặt hai tay của đức vua xuôi thuận ngay ngắn trở lại, ra hiệu cho mọi người nín khóc để chú tâm hộ niệm cho đức vua.

Di thể của vua được tắm rửa bằng dầu thơm, và liệm

bằng các loại gấm vóc sang quý nhất. Kim quan của đức vua được gắn lên các loại ngọc thạch quý giá, đặt ngay chính giữa đại điện, có các tấm trướng trên châu treo chung quanh. Hoa tươi đủ màu được rải khắp nơi. Đức Phật và đại đức Nan Đà đứng hầu hai bên trước kim quan; hai đại đức A Nan và La Hầu La đứng hầu hai bên sau kim quan. Lễ trà tì dự định sẽ cử hành 7 ngày sau.

Đêm cuối cùng trước ngày động quan, đại đức Nan Đà bạch Phật:

“Bạch đức Thế Tôn! sáng mai động quan, kính xin Thế Tôn cho phép con được khiêng kim quan của phụ vương.”

Hai đại đức A Nan và La Hầu La nghe vậy, cũng đồng xin đức Phật được cùng khiêng kim quan. Đức Phật hứa khả:

“Tốt lắm! Như Lai cũng sẽ khiêng kim quan cùng với quý thầy và La Hầu La.”

Nhân dân toàn quốc nghe tin vua Tịnh Phạn băng, đều vô cùng cảm xúc, thương tiếc bùi ngùi. Dân chúng trong thành Ca-tì-la-vệ, nghe nói chính đức Phật sẽ cùng với quý vị đại đức vương tử vương tôn khiêng kim quan đức vua từ hoàng cung đi đến nơi trà tì, thì lại càng cảm động. Mới sáng tinh sương, họ đã lũ lượt kéo nhau đến cửa hoàng cung, tự động sắp xếp nhau đứng thành hàng dài hai bên đường, từ hoàng cung ra đến hỏa đàn; khi kim quan di chuyển tới trước mặt là họ quì xuống khóc lạy. Sau đó, họ thấp tùng theo sau kim quan, ra đứng quanh hỏa đàn để dự lễ trà tì.

Khi kim quan đã ra đến địa điểm trà tì, nhiều vị hoàng thân và các quan cùng phụ với đức Phật và chư vị đại đức, đỡ kim quan đặt trên hỏa đàn. Đức Phật đi nhiều ba vòng quanh hỏa đàn, rồi nói một bài pháp về bốn cảnh khổ sinh già bệnh chết, khuyên mọi người phát tâm tu tỉnh, không chìm đắm trong sự đam mê ngũ dục. Sau khi nói bài pháp ngắn gọn, đức Phật đã tự tay châm lửa cho hỏa đàn. Ngọn lửa bùng cháy phừng phực, có tiếng chiêng tiếng trống hòa lẫn với tiếng tụng kinh hộ niệm của chư tăng; tất cả thần dân đều quì lạy, vừa thương tiếc một bậc quân vương đức độ, vừa kính mộ đáng Đạo Sư của cả trời người mà vẫn giữ trọn đạo hiếu với đáng sinh thành.

Tang lễ của vua Tịnh Phạn đã được tổ chức vô cùng trang nghiêm trọng thể. Nhân dịp này, theo lời dạy của đức Phật, hoàng gia đã tổ chức một cuộc phát chẩn thật qui mô để cứu tế những người nghèo khó.



thơ NGUYỆT THU

SẮC

*Trích từng hạt máu đỏ
Rút từng sợi thần kinh
Chẻ ra và xé nhỏ
Vẫn thấy mình trộn chung*

KHÔNG

*Chỗ nằm bên cạnh trống
Bình vắng một nụ hồng
Nửa khuya trăng lẻ bóng
Nước mắt ràn rụa tuôn.*

MÙA VU LAN

VIẾT CHO MẸ

Tùy bút VŨ ĐÌNH KH.

Năm bảy tuổi với cái bụng to quá khổ trên thân người còm cõi, cộng cái đầu ba chòm trái đào lở loét bôi vôi đỏ khắp nơi, tôi ôm một bọc áo quần nho nhỏ vừa khóc thút thít, vừa nhìn Mẹ như van lơn, xin đừng đuổi tôi đi. Mẹ vẫn thân nhiên ngồi ăn trầu, xĩa thuốc và nói làm nhảm điều gì đó mà cho tới bây giờ gần năm mươi năm tôi vẫn còn nhớ cái hình ảnh hãi hùng ấy.

Là bất cứ một người bình thường nào có chút kiến thức về chữ nghĩa cũng có thể dễ dàng viết về Mẹ của mình một cách nhanh chóng! Vì đó là những gì mình thương yêu, trân giữ nhất về người đã sinh ra mình. Mẹ là tất cả của cuộc đời chúng ta!

Nhưng với tôi thì ngược lại! Tôi đã cầm bút viết gần hai mươi năm, tôi cũng muốn viết về Mẹ tôi, bởi vì suốt cuộc sống thời thơ ấu như tôi đã nói từ khi bảy tuổi tới khi trưởng thành, tôi luôn sống xa Mẹ. Gần ba mươi năm lưu vong xứ người và bây giờ lại càng xa hơn! Mẹ tôi đã ra đi vĩnh viễn về nơi chốn Phật đài! Tôi chắc như thế! Vì suốt cuộc đời của Mẹ, Người chưa hề giết một con kiến nói chi hại ai!

Mẹ tôi qua đời tính đến nay là đúng tám tháng chẵn! Đã nhiều đêm thao thức, tôi muốn viết về Mẹ như một trân trọng gìn giữ cho riêng mình suốt cuộc đời và cho con cháu đời sau đọc để biết thế hệ cha chú chúng, biết về nỗi khổ của những con người bị sinh ra trong chiến tranh và cuộc sống hệ lụy trong chiến tranh tàn khốc, lẫn đói nghèo. Và cũng đã nhiều, nhiều đêm tôi cứ trăn trở như thế! Có những đêm tôi khóc âm thầm trong phòng viết của tôi. Tôi cố nén tiếng khóc sợ vợ con nghe, nhưng cũng có đôi lần tôi đã không kiềm hãm nỗi thương nhớ Mẹ, tôi đã khóc nức lên, làm vợ tôi thức dậy ngơ ngác sau đó mới hiểu. Và rất nhiều đêm, rất khuya, rất sâu lắng trong tiềm thức ngu ngơ, tôi bật máy xem lại những thước phim quay những ngày đám tang của Mẹ ở quê nhà mà tôi không thể về để tang cho Mẹ.

Và để đề nén những cảm xúc thương nhớ đó, đã đôi lần tôi ngồi vào bàn máy, định viết về Mẹ. Nhưng tôi

lại không thể nào viết nổi một câu! Tôi đã đọc hàng chục bài viết về Mẹ theo thể tùy bút của nhiều tác giả. Ở đó chỉ là những thương yêu dâng tràn về Mẹ. Tôi chưa thấy một bài viết nào khác hơn! Đó là lý do mà tôi không dám viết về Mẹ. Là một người cầm viết còn chút tự trọng, tôi nghĩ dù là viết về Mẹ, tôi phải viết những gì mình nghĩ về Mẹ, dù rằng đó là ý nghĩ của tuổi thơ còn non dại một thời!

Năm nay mùa Vu Lan lại sắp tới, tôi lấy can đảm viết tùy bút này, như một bắt đầu trở lại với văn chương sau năm năm bẽ bút không viết!

Ba tôi là một thông dịch viên tiếng Pháp cho ông quận trưởng quận Diên Khánh thuở tôi chưa ra đời. Ông từ Bình Định, làng Mỹ Chánh vào đây sinh sống mang theo hai người con riêng, đó là chị tôi và anh tôi. Mẹ tôi có một người con riêng, ấy là anh Hai tôi; anh gốc người Hoa chính thống! Ba anh lấy Mẹ tôi được một năm thì đi theo Việt minh và không lâu bị bắn chết mất xác ở Đại Điền đông. Thời ấy chiến tranh đang leo thang ghê gớm. Bọn Pháp gạch mặt cứ năm ba bữa từ Nha Trang kéo lên càn quét, bắn phá và bắt đàn bà, con gái hãm hiếp! Mẹ tôi tuy một con nhưng đẹp vô cùng sắc sảo! Ông Ngoại tôi thời sinh tiền thường nói đùa như vậy. Ông nói với khuôn mặt hả hê: “Mẹ mày đẹp nhất Diên Khánh!” Và cũng chính cái đẹp sắc sảo ấy, nó đã hại Mẹ tôi. Mỗi lần bọn Pháp càn phá, Ông tôi dẫn Mẹ và các Cậu, Dì chạy tuốt lên Thanh Minh tránh nạn! Có những khi không kịp, Ông tôi nhốt Mẹ vào bồ lúa rồi phủ lấp bằng những hình thức che đậy để qua mắt bọn Pháp gạch mặt. Nhưng rồi cái vết Việt minh của người chồng, Mẹ tôi cũng bị chúng bắt và hành hạ tra tấn đến mất trí (dù rằng chỉ chút chút). Thú thật, khi lớn lên chút nữa tôi cũng tò mò muốn hỏi các Cậu, Dì về khoảng thời gian Mẹ tôi bị bắt và bị bọn Pháp tra tấn như thế nào, nhưng tôi không dám hỏi vì muốn còn giữ một cái gì đó về một người Mẹ dù rằng đó là sự đau khổ tột cùng. Mấy Dì tôi thì nói, đại khái tụi Pháp cho ngồi vào thùng phi với bọt xà phòng, chúng lấy

gậy gộc gõ vào mạn thuyền; rồi sau đó chúng cho treo lên xà nhà đầu chúc ngược xuống và chúng đánh!

Thú thật cho đến bây giờ, vì hoàn cảnh đẩy đưa tôi không biết Ba Mẹ tôi lấy nhau từ khi nào! Tôi chỉ biết, sau hòa bình lập lại, năm 1957 chị kể tôi ra đời.

Năm sáu tuổi, Ba tôi mất sau một cơn bệnh nặng! Ba đưa em trai tôi, đứa nhỏ nhất vừa biết “lấy”, bốn tháng tuổi. Hồi đó, nhà tôi ở Diên An, xeo xéo trước nhà là cây Dầu Đồi, mà những ai đã từng đi qua Quốc Lộ một Diên Khánh hoặc Cải Lộ Tuyên đều biết vì nó vô cùng to lớn, tuổi thọ mấy trăm năm, nay vẫn còn. Lúc này, cơn bộc phát của Mẹ tôi đang thành hình, nhưng từ từ! Mẹ vẫn bán bánh mì trước nhà hằng đêm, nhưng có những triệu chứng không ổn!

Năm sau là Mậu Thân! Tình hình chiến sự như một nôi “súp de” không lối thoát phải bùng vỡ. Bọn người “lông lá” khoát chiếc áo “nhân dân” tràn vào miền Nam như nước lũ vỡ bờ! Lông lá chúng trải khắp mọi miền! Và căn nhà thân yêu của Mẹ tôi là nơi để chúng giết người! Khi trở về sau sơ tán nhà Ông Ngoại tôi trên Thành, bảy tuổi, tôi đã thấy những cái chân, những cái tay và những đôi giày có những bàn chân trong ấy vắt đầy trong nhà và sau vườn nhà Mẹ tôi! Bà bắt đầu mất trí từ ấy!

Bảy tuổi, với tôi là một thời thơ ấu khủng khiếp! Mẹ có thể rượt tôi, các anh chị tôi với con dao cắt bánh mì trong tay, khi cơn điên xuất hiện! Hai lần mất người phối ngẫu, hai lần thấy chiến tranh tàn sát tra tấn giết người đã để lại trong Mẹ như một nhục hình tâm thức không bao giờ quên!

Rồi có những ngày, Mẹ bắt đầu đi lang thang đây đó! Nhặt nhanh những thứ dọc ven đường! Một người mất trí đi lang thang, tất nhiên phải có cái gì xảy đến! Mẹ bị xe nhà binh Mỹ cán! May mà không chết, chỉ bị sơ xài!

Hồi đó chưa có Cải Lộ Tuyên. Chiến tranh, ngày càng leo thang ác liệt! Quân đội Nam Triều Tiên, một đồng minh của Mỹ cũng tham gia chiến trường Việt Nam. Họ đóng bên kia Đại Điền Tây; vì vậy chánh phủ Việt Nam bắt đầu mở con đường Cải Lộ tuyên để phục vụ chiến trường! Căn nhà Mẹ tôi bị cắt xén một mảnh, và chính quyền đương thời chịu bồi thường. Bệnh mẹ ngày càng nặng. Ông Ngoại tôi, bắt cô con gái xinh đẹp nhất, về Thành (cách không hơn hai cây số), cho một mảnh đất Từ đường, dựng lên căn nhà gạch sơ sài.

Tôi sống trong sợ sệt trong căn nhà này với Mẹ cùng các anh chị em. Tôi không biết mình có thể “bị chém” bất cứ lúc nào! Còn các anh chị em tôi thì sao? Thú thật, điều này tôi không nhớ lắm!

Mảnh đất nhà Ông Ngoại tôi lớn lắm! Lại cây trái

um tùm! Ông tôi là xã trưởng, kiêm thầy bốc thuốc Bắc, coi mạch nên cũng khá giả. Ông nuôi Mẹ. Mẹ lại nuôi chúng tôi... bất bình thường. Một hôm, tôi không nhớ vì lý do gì! Mẹ xách cây đòn gánh rượt tôi chạy chí chết! Tôi chạy băng băng như con ngựa non sang nhà Ông cầu cứu! Ông tôi lúc đó đã gần chín mươi, khỏe quắc thước, đứng chống gậy đi quanh vườn. Tôi la lên: “Ông ơi! Mẹ đánh con!” Ông nhìn tôi “hóa gà ra cuộc” rồi quát gậy túi bụi vào tôi, may mà tôi tránh thoát! Thì ra Ông cũng đã bắt đầu lần! Nhưng Ông chạy nhanh lắm! Cây gậy đầu rồng đen nhánh mà Ông quát túi bụi, gậy từng ngọn cây, bụi chuối làm tôi hoảng hốt vô cùng. Tôi la lên: “Ông ơi! Con là thằng Tèo đây mà!”

Mẹ thì đầu trên! Ông thì đầu dưới chặn ngang! Tôi túng thế bương đại vào nhà Ông! Bà Ngoại tôi cái tay quặt quẹo có tật, ôm cháu hét: “Con M. kia, mày dám đánh cháu bà á? Xéo ngay! Ông nữa, dám đánh cháu Bà á!” Ông tôi, lúc bấy giờ mới nói: “Ừa, Thằng Tèo thường mua phở cho tao ăn phải không?”

Rồi Ông mất, sau đó Bà cũng mất trong một thời gian rất ngắn! Mẹ không biết dựa vào ai sinh sống! Mảnh đất giao cho họ hàng bán, họ giữ tiền, rồi mua gạo cho Mẹ và chúng tôi sống từng ngày.

Bảy tuổi, tôi biết thế nào là đói! Tôi khơi cho Mẹ giồng trâu, trồng cho Mẹ những cây cà, cái rau để Mẹ buôn bán sống qua ngày với đàn con. Mấy ông anh, bà chị bắt đầu phân chia tứ tán ở với họ hàng. Chúng tôi trông ngóng từng ngày phía Nội tôi từ Bình Định để tâm tới, nhưng họ vẫn làm ngơ như không có những mảnh đời manh mún máu thịt đau khổ ở Diên Khánh này!

Một hôm, Mẹ trở về với một người buôn bán chung ở chợ. Người đàn bà lam lũ kể rằng: một người nào đó, biết Mẹ có bệnh, nên khi trao đổi buôn bán, lẽ ra khi thối tiền chợ như bình thường, thì bà ta bảo Mẹ thối hết số tiền trong túi của Mẹ cho bà; và Mẹ đã trút hết số tiền trong túi cho bà ấy!

Thảm họa đến! Tôi phải đi! Tôi còn cả một tương lai trước mắt! Tôi phải học hành! Bảy tuổi, tôi đến trường dăm ba hôm rồi lại nghỉ học, cứ thế đã hơn năm!

Ngày ra đi với “cái bụng chưa vượt mặt”, với cái đầu trọc lóc loang lỗ đỏ của màu vôi ăn trâu, tôi mếu máo trì nín: “Mẹ ơi! Cho con ở lại với!” Mẹ thân nhiên nhai trâu và xia thuốc nói lảm nhảm điều gì đó mà cho tới bây giờ tôi không hiểu! Mẹ ơi! Mẹ đang nhai trâu của giồng trâu con dựng lên cho Mẹ đó, biết không?” Mẹ cười cười, nói: “Đi! Đi cho khuất mắt tao!” Tôi xách bị áo quần dơ dáy theo người bà con về dưới phố bắt đầu cuộc sống mới.

Hình như tôi giận Mẹ! Ở tuổi thơ khoảng thời gian ấy, tôi không bao giờ trở về trong mấy năm, dù ở cách xa Mẹ không đầy nửa cây số!

Mấy năm sau, tôi mới trở về! Mẹ vẫn ngồi đó, như đóng rêu, vẫn nhí nhách nhai trầu và xia thuốc ở vảnh môi.

- Hút thuốc không? Mẹ hỏi!

- Hút!

- Xé tấm lịch trên tường, tao vẫn cho điều thuốc!

Tôi làm theo. Mẹ vẫn cho tôi điều thuốc lá đầu đời... to tở chẳng!!!

- Mà là ai? Vào nhà tao cần gì?

Tôi đứng dậy bước ra sau vườn, muốn khóc, nhưng khóc không nổi. Hai bà Di ở bên cạnh an ủi, tôi vẫn mũi lòng, nhưng không khóc!

Mười hai tuổi, tôi nghĩ rằng không có những đứa trẻ nào khôn lớn hơn tôi về mọi hình thức! Là một người thợ chụp ảnh, làm phòng tối rửa phim ảnh, ở tuổi mười hai cuộc đời tôi bại này qua những hình ảnh chụp lên lút khiêu dâm, từ những gái điếm làm tiền thậm chí tới đứa con nít vị thành niên, mà bọn Mỹ và Nam Triều Tiên mua về vui chơi, tôi đã từng in ra. Cảm giác ban đầu là thỏa chí tò mò, sau đó bắt đầu sợ hãi và rồi sau đó nó như một nghề nghiệp mà mình phải theo. Tôi thấy mình chai lì cảm giác từ đó, dù đôi khi muốn chống lại.

Làm thân đi ăn đậu, ở nhờ tôi biết thân phận mình lắm. Mười hai tuổi, bốn giờ sáng tôi và chị tôi phải thức dậy làm việc từ lúc trời còn tối đen. Chị tôi thì lo giặt giũ quần áo, nấu cơm cho cả nhà có mười hai nhân mạng. Còn tôi thì phải “retouch” những tấm phim chụp cho khách, tới bảy giờ ăn vội vã rồi vừa cuộc bộ, vừa chạy đến trường. Nhiều đêm về sáng như vậy, tôi ngồi bật khóc ngon lành trước một màn ảnh sáng lóa trong một vòng tròn nhỏ. Tôi nức nở: “Mẹ ơi! Sao bỏ con, để con khổ thế này!” Có những đêm đang ngủ mê mệt, tôi chợt vận mình vì hai bắp chân bị vộp bẻ đau điếng. Tôi cũng khóc nức lên trách Mẹ sao sinh tôi ra trên cõi đời này làm gì rồi bỏ bẻ tôi. Sau này, tôi biết mình bị thiếu dinh dưỡng vì thiếu ăn nên bị vộp bẻ. Vì thế, tôi thường trốn lánh Mẹ mỗi khi có dịp trở về nhà Ngoại. Một hôm Di tôi nói: “Mẹ mày, hôm trước ăn cơm thừa dành cho heo tao bỏ trong lu!” Tôi vào nhà mở khạp gạo, thấy khạp trống trơn. Tôi ăn cắp gạo nhà người bà con, lẳng lặng đem về cho Mẹ, rồi cũng lẳng lặng đi!

Chiến tranh cứ tàn phá và giết người một cách khủng khiếp. Tôi lo học nhảy vì học trễ một năm. Nỗi sợ chiến tranh và cái chết bắt đầu rình mò ở tuổi thanh niên chúng tôi thời đó. Rớt Tú tài, Anh đi Trung sĩ... lại càng ám ảnh tôi hơn. Dù có đi lính, tôi vẫn muốn trở thành một sĩ quan quân đội hơn là một anh trung sĩ bất

đắc chí! Tôi mãi miết học...

Chiến tranh kết thúc bất ngờ! Bọn người “lông lá” tràn vào miền Nam. Chỉ một năm, mà cả một xã hội miền Nam không còn đất để sống. Người người bị trừ dập, tù tội, đói rách khắp nơi.

Mười bảy tuổi, cuối năm bảy lăm tôi có giấy gọi trình diện ở xã. Ông xã đội trưởng hỏi tôi: “Mười bảy tuổi mà mày đòi tình nguyện đi bộ đội à? Thằng này ngon!” Tôi ú ớ, ông đưa ra tờ giấy có chữ ký của tôi về việc xin tình nguyện vào bộ đội! Tôi bảo, tôi không biết gì! Ông đuổi tôi về! Trên đường về, tôi mới chợt nghĩ ra, ai đã làm tờ đơn này. Tôi khóc cho thân phận tôi đòi, có Mẹ mà như không có của mình! Năm sau, tháng hai tôi tình nguyện đi bộ đội, tôi không muốn bị người đẩy tôi ra khỏi nhà mà không một lời... to tiếng. Ngày lên đường nhập ngũ, tôi về thăm Mẹ lần cuối. Mẹ vẫn ngồi đó, như đã từng ngồi mười mấy năm với cái rổ con con đựng cau trầu và mãi mê xia thuốc! Tôi muốn ôm Mẹ mà đi! Nhưng có một cái gì đó như vô hình ngăn cản. Tôi cố nuốt nước mắt, chào Mẹ rồi đi. Đi miết đến hai mươi một năm! (Vài tuần sau ngày tôi đi, công an Tỉnh, công an Huyện, công an Xã bắt đầu tra vấn Mẹ, về tôi; vì tôi là công an biên phòng cướp tàu nhà nước đi. Mẹ bắt đầu lần tỉnh lại từ đó! Mấy bà Di viết thư qua tôi, đùa: Nhờ sợ công an mà Mẹ mảy tỉnh lại!)

Năm Canh Thìn, bà chị kẻ gọi điện thoại qua Canada, báo Mẹ bị bệnh nặng chắc chẳng qua con này. Thú thật, tôi chưa hề nghĩ sẽ trở về một nơi chốn mà tôi gọi là quê hương, tổ quốc, một quốc gia luôn chứa đựng sự thù hận muôn đời! Có nhớ Mẹ, gia đình tôi chỉ gửi thư thăm hỏi và gửi tiền về cho Mẹ và anh em dù không nhiều. Bà chị tôi giận khi nghe tôi trình bày như trên, liền nói: “Mày không về, coi như tao sẽ xé tang của mày, không cho để tang Mẹ!” Hai vợ chồng cùng bốn đứa con phải trở về quê hương.

Ngày chúng tôi trở về, thì cơn bệnh của Mẹ cũng phai đi. Mẹ nằm trên giường, ôm đầu tôi rung rung khóc: “Đi hai mươi một năm mới chịu về!” Bà ôm từng đứa cháu hỏi han.

Tôi đẩy Mẹ trên chiếc xe lăn đi dạo quanh xóm, dẫn Mẹ đi uống cà phê các tiệm. Tôi muốn khoe rằng: tôi cũng có một người Mẹ như ai, dù năm tháng dẫu có xót xa cho cả Mẹ và tôi!

Căn nhà vẫn tối om như cũ! Tôi bàn với vợ đập cả căn nhà xuống, xây cho Mẹ một căn nhà mới tinh nguyên. Vợ tôi đồng ý, mấy ông anh bà chị thì không mấy hài lòng, vì lẽ ra số tiền ấy nên cho họ thì đúng hơn, chứ Mẹ tôi già rồi ở sao mà chẳng được! Tôi đập nhà và xây cho Mẹ một căn nhà khang trang với

với ba gian theo mô thức phương Tây. Mẹ vẫn là Mẹ muôn đời của chúng con! Cuộc đời Mẹ đã kinh qua quá nhiều đau khổ và túng nghèo. Khi trưởng thành, có gia đình, có con cái lúc đó chúng ta mới biết tình Mẹ bao la như thế nào! Ở trong cái điên, có cái trí nhớ của người điên.

Hôm chúng tôi đi, Mẹ cố đứng dậy khỏi chiếc xe lăn ôm chúng tôi khóc ròng. Mẹ bảo: “Chúng mày ráng về thăm Mẹ! Mẹ chẳng sống bao lâu!”

Ở đời, con người có tiền thường sinh ra lễ nghĩa! Từ khi tôi cất nhà cho Mẹ rồi ra đi, bao nhiêu bà con đến thăm viếng Mẹ! Phía Nội tôi từ Bình Định cũng vào thăm! Mẹ cũng vui lắm, bỏ qua tất cả! Hai năm sau, chúng tôi trở về lần nữa. Lần này, Mẹ đã bị liệt toàn thân, chỉ còn một cánh tay phải là còn hoạt động được! Chúng tôi làm một cái lễ thượng thọ tuổi 78 thật lớn cho Mẹ, theo nghi thức của người Hoa như ông anh Cả tôi muốn. Bà con dòng họ hôm đó đông lắm! Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy Mẹ cúng vái chư Phật, cánh tay còn lại rung rung với nén nhang đầy khói tỏa! Mẹ vừa vái chư Phật, Tổ tiên, Mẹ vừa khóc! Tôi cũng khóc theo! Lần đầu trong đời, tôi khóc trước mặt Mẹ và mọi người! Mặt Mẹ ngời sáng khi những món quà được mở ra. Mẹ cười móm mém, mà suốt cuộc đời tôi chưa hề thấy Mẹ cười. Tôi cũng cười, nhưng nước mắt vòng quanh.

Năm sau, ngày 30 tháng 11 năm 2005, tôi gọi điện thoại về bà chị kè. Chị hốt hoảng bảo: “Mẹ sắp đi rồi! Mẹ cứ bảo chờ em về mới chịu đi! Chị điện em nhiều ngày rồi mà không gặp!” Thì ra, trong cơn hốt hoảng, chị đã gọi tôi ở số cũ! Đó là lúc mười hai giờ đêm bên này, tức ba giờ sáng ở Việt Nam. Tôi biết, Mẹ đang “nuôi” tôi nhưng dần dần chưa chịu đi trong than thân. Tôi bảo chị đưa điện thoại cho Mẹ, tôi muốn nói đôi lời. Tôi nói với Mẹ, vì thời gian cấp bách quá, nên tôi không thể lấy vé máy bay về ngay được, mong Mẹ tha lỗi tội bất hiếu trước giờ lâm chung của Mẹ! Mẹ ở ở trong điện thoại rồi lịm dần.

Tôi khóc nức lên trong điện thoại: “Mẹ ơi! Làm người sao khổ thế này! Kiếp sau, luân hồi xin làm con chim bay mãi ở tận trời cao!”

Mẹ đi vào chôn Phật đài vĩnh viễn, lúc 5 giờ 16 phút ngày 1 tháng 12 năm 2005.

Tôi chắc thế!

(Khởi viết: 1/8, hoàn tất 2/8/2006. 1:35 am. Vancouver, Canada)



Thơ NGÔ NGỌC MAI

NHẬT NHÒA

*Dĩ vãng còn xanh, ta mắt nhau
Tình như giếng bão xuống đời sâu
Chiều nghe ai dạo cung đàn cũ
Trên phím tơ chùng những nỗi đau*

*Đời vẫn còn xanh, ta mắt nhau
Tình như nắng sớm bỏng phai màu
Sông Ngân ai nở chia bờ nhớ
Tháng Bảy mưa về nhỏ lệ ngâu*

*Mộng vẫn còn xanh những ước mơ
Tình như gió thoảng vẫn ơ hồ
Viết câu lục bát buồn trên giấy
Kỉ niệm theo về giữa áng thơ*

*Nhật nguyệt bao lần, vẫn nhớ mong
Người vui theo cánh gió phiêu bồng
Sầu tôi ngơ ngẩn khi chiều xuống
Hạ, nắng bên song vẫn lạnh lòng*

*Tình vẫn còn xanh, người đã xa
Hoàng hôn nhuộm tím tháng ngày qua
Đêm nghe sương rớt buồn trên lá
Đổ mộng tìm quên, mộng cũng nhòa...*

LÒNG CHA

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

(phỏng dịch R. Tagore)

Mini, bé gái năm tuổi của tôi, có lẽ không sống được nếu không nói ba hoa suốt ngày. Tôi nghĩ suốt đời cô bé đã không phí một phút giây nào im lặng. Mẹ nó thường bất bình về điều ấy, và thường tốp cô lại, nhưng tôi thì không. Với Mini, im lặng là chuyện bất thường, và tôi không thể chịu đựng lâu. Bởi thế, câu chuyện giữa tôi và cô bé luôn luôn linh động. Chẳng hạn một buổi sáng, khi tôi đang viết dở một chương tiểu thuyết thì cô bé lên vào, cầm lấy tay tôi mà nói:

— Cha! Lão bộc gọi con chó là con muông. Lão không biết gì cả, phải không cha?

Tôi chưa kịp giảng giải, thì cô bé đã bắt sang một vấn đề khác:

— Cha nghĩ sao, Cha? Bộc nói có con voi trong những đám mây, vòi nó phun nước, và thế là trời mưa. Có phải vậy không, Cha?

Trong khi tôi đang tìm cách trả lời câu này, bé đã hỏi một câu khác:

— Cha, mẹ và cha bà con ra sao nhỉ?

Tôi cố lập nghiêm bảo:

— Ra chơi với Bộc đi, Mini. Cha đang bận.

Cửa sổ phòng tôi trông ra đường. Cô bé đã ngồi xuống dưới chân tôi cạnh bàn viết, và đang chơi một mình. Tôi đang suy nghĩ rất lung để viết. Bỗng cô bé Mini vùng chạy lại cửa và reo lên:

— Ông Cabul, ông Cabul!

Và quả thế, ngoài đường dưới kia, một người đàn ông miên Cabul đang tiến bước. Y mặc bộ y phục lông lèo dơ dáy, buộc một thắt lưng dài, lưng mang chiếc bị, tay cầm những hộp nho khô. Không biết cô bé nghĩ gì khi thấy người này, nhưng cô bắt đầu gọi ông thật lớn. Ngay lúc ấy lão ta quay lại nhìn lên cô bé. Cô bé thấy vậy thất kinh hồn vía, chạy bay đến nép bên mẹ. Cô tin chắc thế nào trong chiếc bị mà lão đang mang cũng có hai ba đứa trẻ con như cô. Người hàng rong ấy đã vào đến cửa và mỉm cười chào tôi. Phản ứng đầu tiên của tôi là mua một món gì đó, vì Mini đã gọi y vào nhà. Tôi mua ít vật dụng, và chúng tôi khởi sự nói chút đỉnh chuyện chính trị. Khi sắp từ giã, bỗng hân hoi:

— Còn cô bé đâu rồi, thưa ông?

Nghĩ rằng nên làm cho Mini hết sợ hãi huyền, tôi cho đem cô bé ra. Cô đứng bên ghế tôi, nhìn chòng chọc vào người Cabul cùng chiếc bị. Y biểu cô ả đậu phụng và nho khô, nhưng cô nhất định không để bị dụ dỗ. Cô càng bám riết lấy tôi, và càng nghi ngờ lão thêm.

Đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa lão Cabul và cô bé. Tuy nhiên, vài hôm sau, khi đi ra có tí việc, tôi giật mình thấy Mini ngồi trên chiếc ghế nhỏ cạnh cửa ra vào, đang cười nói với lão Cabul ngồi dưới chân. Suốt đời, cô chưa bao giờ được ai ngoài cha cô, đã nghe cô một cách chăm chú như vậy. Cái túi cô đã đầy ắp đậu phụng và nho khô, quà của người khách lạ. “Sao ông cho nó làm gì thế?” Tôi nói, vừa rút tiền trả cho lão. Ông thân nhiên nhận tiền cho vào túi.

Một giờ sau trở về tôi mới thấy tai hại của đồng bạc tôi đưa ra. Người Cabul đã đưa cho Mini, và khi mẹ nó thấy đồng bạc bèn vỗ lấy cô bé:

— Mày lấy đồng bạc kia ở đâu, bé?

— Ông Cabul cho con! Mini hơn hờ đáp.

— Ông Cabul cho mày! — Mẹ nó thét lên— Mini, sao dám lấy bạc hờ?

Vừa lúc ấy tôi đi vào cứu cô bé thoát nạn bị đòn. Tôi tiếp tục điều tra về đôi bạn.

Tôi khám phá đây không phải lần đầu họ gặp nhau. Người Cabul đã đánh tan sự hãi sợ của cô bé bằng cách dứt lút thật nhiều đậu phụng và nho khô. Đến nay hai bên đã thành đôi bạn thiết. Họ có nhiều trò đùa mà họ rất khoái. Mini thường ngồi trước lão Cabul, nhìn xuống vóc dáng không lồ ấy với vẻ đường bệ của một bà chủ tí hon, khuôn mặt cười lên rạng rỡ, và cô hỏi:

— Ông Cabul, ông Cabul, ông đựng cái gì trong bị ấy?

Và ông lão sẽ trả lời bằng giọng mũi của người thượng du:

— Một con voi!

Không có gì đáng tức cười lắm, vậy mà họ khoái làm sao. Và riêng tôi, cuộc chuyện trò giữa một đứa trẻ



PHAN BÁ THỤY DƯƠNG

BÓNG THỜI GIAN

*Biển lặng sóng
nước xanh như mắt ngọc
Cát vờn bay như suối tóc người tình
Con nắng tàn -
con nắng Hạ lung linh
Thuyền ai đỏ mái chèo khua bờ ngờ*

*Ươm khổ hạnh én lượn qua đất nhớ
Gió về đâu
nghiêng ngã khóm phi lao
Gió về đâu
mà bụi khói xôn xao
Mây lơ lửng trên đỉnh trời vàng vọt*

*Cành lá biếc
vừa đâm chồi nảy lộc
Ai báo tin cho lau cỏ rộn ràng
Nhịp trống nào xa
khoan nhặt mệnh mang
Nghe phảng phất bóng thời gian êm ả.*

với người lớn luôn có vẻ gì rất quyến rũ.

Rồi người Cabul, để khỏi thua bạn, bắt đầu hỏi lại cô bé:

— Còn cô, này cô bé, bao giờ thì cô về nhà ông nhạc?

Hầu hết các cô bé Ấn đều sớm nghe danh từ ấy, nhưng chúng tôi thì không bao giờ nói những chuyện như thế với con gái. Cho nên trước câu hỏi này, cô hơi chột dạ. Nhưng cô không muốn để lộ sự lúng túng của mình, và đã hỏi lại:

— Còn ông có về đấy không?

Đối với giai cấp người Cabul này, thì từ ngữ “về nhà ông nhạc” lại có nghĩa là nhà tù, nơi họ được ăn ở miễn phí. Người ấy bèn trả lời:

— Ô, tôi sẽ đánh vỡ mặt ông nhạc ra!

Vừa nói lão vừa nắm tay hăm dọa một viên cảnh sát vô hình. Mini nhú mồm, rồi cười lên như nắc nẻ. Lão cũng cười theo phụ họa.

Đấy là vào những buổi sáng đầu thu, mùa các vua chúa ngày xưa lên đường viễn chinh đẹp giặc. Còn tôi không rời khỏi góc nhà quê hương nhưng vẫn để tâm hồn phiêu du khắp chân trời góc bể. Mỗi khi nghe địa danh một nơi nào, hồn tôi đã vươn tới chỗ ấy, và bóng một người xứ khác đến trên đường cũng khiến tôi dẹt nên những giấc mơ xa xăm về quê hương của anh ta ở cuối chân trời, nghĩ đến những cuộc đời giang hồ phóng lãng. Những xứ lạ hiện lên trong trí tôi càng sống động, có lẽ vì cuộc sống hiện tại của tôi quá giống với cỏ cây. Tiếng gọi viễn du réo rắt trong tôi như tiếng sóng triều gào thét. Bởi thế, trông thấy người Cabul này, trí tôi liền tưởng ngay đến những vùng núi non cần cỗi trên cao, chen chúc với mây trời. Tôi tưởng tượng những đoàn lạc đà chờ hàng đi trên sa mạc, những thương gia lưng đeo vũ khí hộ thân đang tiến về hướng bình nguyên. Tôi thấy và thấy trong trí tưởng...

Nhưng giữa lúc ấy, luôn luôn mẹ Mini sẽ xen vào, tha thiết dặn tôi phải “Coi chừng lão ấy.” Bà rất đề dặt mỗi khi nghe tiếng huyền nào ngoài đường, hay thấy người vào nhà, và luôn đi đến kết luận một là kẻ cướp, hai là kẻ say, hoặc rắn hổ mang, bệnh sốt rét, phong cùi. Sau bao nhiêu năm kinh nghiệm giữa đường đời, bà vẫn chưa thắng lướt được nỗi sợ hãi kinh niên trong lòng bà. Bởi thế, bà luôn luôn nghi ngờ về người Cabul, và thường van nài tôi phải coi chừng lão ấy. Nếu tôi cố xua đuổi nỗi sợ hãi vô căn cứ của nàng bằng cách cười lớn, thì nàng nghiêm mặt hỏi với dáng điệu rất trịnh trọng:

— Thế trẻ con không bao giờ bị bắt cóc ấy à? Thế không phải ở Cabul còn có bán nô lệ à? Một người

đàn ông to lớn bắt một đứa trẻ bé xíu không được hay sao?

Tôi nói, không phải là không được, nhưng không lẽ nào có chuyện như thế xảy ra. Tuy thế nàng vẫn lo sợ. Nhưng vì nỗi sợ hãi ấy thật băng quơ, nên không lý gì để cảm đoán lão vào nhà. Sự thân thiện giữa đôi bạn một không lồ một chim chích vì thế vẫn tiếp tục không bị ngăn cản.

Hàng năm vào giữa tháng giêng, Rahman, tên người Cabul ấy, thường về xứ một lần, và khi sắp về, y thường rất bận rộn đi các nhà để thu tiền nợ. Năm nay tuy vậy ông vẫn còn thì giờ đến thăm Mini. Một người khác rất có thể nghĩ ngờ lão có mưu toan gì đấy, vì khi không tới được buổi sáng lão cũng tới vào buổi chiều. Ngay cả tôi đôi khi cũng phải chột dạ chút đỉnh lúc bắt gặp bóng người to lớn ấy đứng trong góc phòng tôi. Nhưng khi Mini hớn hờ reo “Ồ ông Cabul, ông Cabul” và đôi bạn khởi sự những trò đùa thường lệ, thì tôi lại yên tâm ngay.

Một buổi sáng vài ngày trước khi lão về xứ, tôi đang chữa lại bản thảo trong phòng viết. Trời rất lạnh. Qua song cửa, ánh mặt trời chiếu vào sưởi ấm hai chân tôi. Lúc ấy vào khoảng tám giờ, những khách bộ hành đi đường đang trùm khăn lạnh. Bỗng chốc tôi nghe ngoài đường huyền ảo. Nhìn ra thì thấy Rahman đang bị còng tay dẫn đi giữa hai người cảnh sát, sau lưng là một lũ trẻ tò mò. Áo quần Rahman dính đầy máu, và một trong hai cảnh sát đang cầm một con dao. Tôi vội bước ra hỏi xem có chuyện gì. Từ mỗi người một ít, tôi được biết rằng một người lính xóm đã nợ Rahman tiền mua một cái khăn quàng, nhưng lại chối bảo không từng mua nó. Trong lúc cãi vã, Rahman đã đánh người kia. Bây giờ, trong cơn tức giận, phạm nhân chửi rủa đối phương đủ điều. Nhưng bỗng chốc từ hiên nhà tôi, Mini đã xuất hiện với tiếng reo thường lệ “Ông Cabul, ông Cabul”. Gương mặt người Cabul rạng rỡ lên khi nhìn thấy cô bé. Hôm nay lão không mang chiếc bị, nên cô bé không thể nói về con voi với lão. Bởi thế cô hỏi sang câu thứ hai:

— Ông về nhà ông nhạc ấy à?

Rahman cười lớn bảo:

— Chính thế, bé ơi!

Rồi thấy câu trả lời không làm cô bé thích thú, lão đưa hai bàn tay bị còng lên:

— A! Đáng lẽ tôi đánh cho vỡ mặt ông nhạc, nhưng tay tôi bị còng rồi.

Bị kết tội có ý giết người, Rahman ở tù nhiều năm. Thời gian trôi nhanh, Rahman đã bị quên lãng. Công việc thường ngày trong chỗ ở thường ngày vẫn tiếp

diễn, nên chúng tôi không bao giờ nghĩ đến một người thương du nghèo khó đang chịu tù tội trong ngục thất. Cả đến cô bé Mini cũng đã quên mất người bạn cũ của nàng. Càng lớn nàng càng chơi nhiều với bạn gái, và không còn vào phòng làm việc của tôi như trước. Bởi thế tôi rất hiếm dịp nói chuyện với con.

Nhiều năm trôi qua, lại một mùa thu trở về. Chúng tôi đang sửa soạn hôn lễ cho cô gái Mini của chúng tôi. Đám cưới sẽ cử hành trong một dịp lễ. Với Mini về nhà chồng, ánh sáng của ngôi nhà cũng sẽ đi theo, để lại cha nàng trong bóng tối. Buổi mai ấy thật tươi sáng. Sau những ngày mưa, không trung như đã được rửa sạch và ánh sáng mặt trời trông như ánh vàng ròng. Những tường gạch cũ kỹ ngoài đường phố cũng sáng lên dưới ánh nắng trong vắt. Từ rặng đông, những hồi còi đã vang lên báo hiệu hôn lễ. Mỗi hồi còi làm cho tim tôi rộn ràng muôn mối, làm tăng nỗi đau buồn của tôi trước cảnh chia ly. Mini sẽ về nhà chồng đêm ấy. Trong sân, lọng che rợp đất. Những đèn lồng và lục lạc được treo khắp các phòng và hiên nhà. Khắp nơi người ta vội vàng hối hả. Tôi đang ngồi trong phòng một mình tư lự thì bỗng một người đi vào lễ phép chào, và đứng trước mặt tôi. Đây là Rahman, người Cabul mang bị, mái tóc dài đã được hót cao, và vẻ cường tráng năm xưa không còn nữa. Nhưng khi lão mỉm cười, tôi lại nhận ra ngay:

— Ông về lúc nào thế, Rahman?

— Tôi được thả tối qua.

Những lời ấy làm tai tôi hơi choáng. Tôi chưa bao giờ nói chuyện với một người nào đã cố ý đã thương đồng loại. Lòng tôi đau nhói khi nhớ ra điều này, vì tôi nghĩ ngày ấy sẽ tốt đẹp hơn nếu hấn ta đừng xuất hiện.

— Hôm nay nhà có việc, và tôi đang bận. Có lẽ ông có thể đến vào một dịp khác chăng?

Lão liền quay đi, nhưng khi ra đến cửa, lão ngập ngừng bảo:

— Thưa ông, tôi có thể thăm cô bé một lát?

Lão tin tưởng rằng Mini vẫn còn bé xíu như ngày xưa. Chắc lão mừng tượng cô bé sẽ chạy ra hớn hờ gọi “Ông Cabul, ông Cabul” như dạo nào, và họ sẽ cười đùa với nhau như trước. Quả vậy, cũng như những ngày xưa, hôm nay lão cũng mang đến ít đậu phụng và nho khô gói kỹ trong bọc giấy. Những thứ ấy không biết làm thế nào lão kiếm được trong lúc mới ở tù về. Tôi lập lại:

— Nhà có việc, ông không thể gặp ai hôm nay cả.

Lão sa sầm mặt, và nhìn tôi với vẻ thèm muốn số phận của tôi, đoạn nói một lời chúc tụng rồi đi ra. Tôi hơi thương hại, muốn gọi lão trở vào. Nhưng lão đã tự ý quay trở lại, đến cạnh tôi mà bảo:

— Thừa ông, tôi đã đem lại chút quà này biếu cô bé. Ông có thể trao lại giùm tôi?

Tôi nhận gói quà, định trả tiền, nhưng ông ngăn lại:

— Ông thật quý hóa. Xin ông hãy nhớ đến tôi là đủ. Đừng cho tôi tiền. Ông có một cô con gái. Tôi cũng có một bé gái giống như thế ở quê nhà. Tôi nhớ con tôi, nên mang quà tới cho cô bé, chứ không phải để hồng kiếm chắt gì đâu.

Nói xong lão sờ tay vào túi trong, lấy ra một mảnh giấy dơ dáy, mở ra vuốt thật thẳng với cả hai tay trên mặt bàn. Mảnh giấy in hình một bàn tay nhỏ xíu. Không phải một bức ảnh, hay bức họa, mà chỉ là dấu mực in một bàn tay bé con trên tờ giấy nhàu nát. Hình bàn tay của con gái lão, lão đã luôn mang theo bên trái tim mình, từ khi lão đến xứ này bán hàng rong năm này qua năm khác. Mắt tôi ướt đầm. Tôi quên rằng lão là một người thương du nghèo khó, còn tôi... Ồ không, tôi có gì hơn lão? Lão cũng là MỘT NGƯỜI CHA. Bàn tay in của cô bé con lão ở vùng thương du quê nhà xa xăm của lão, nhắc tôi nhớ đến con tôi. Tôi cho gọi ngay Mini vào. Cô bé đang mặc chiếc áo cưới bằng lụa đỏ, trang sức kiêu cô dâu, rụt rè tiến đến bên tôi. Người Cabul dường như kinh ngạc trước sự xuất hiện này. Lão không thể làm sống lại tình bạn ngày trước. Cuối cùng lão mỉm cười:

— Cô bé, có phải cô sắp về nhà ông nhạc đấy không?

Bây giờ thì Mini đã hiểu nghĩa danh từ “ông nhạc” nên không trả lời, đỏ mặt đứng trước lão với vẻ e lệ của cô dâu mới. Tôi nhớ cái ngày họ gặp nhau lần đầu, và lòng tôi se lại. Khi con tôi trở vào nhà trong, Rahman thờ dài buồn bã, ngồi phịch trên sàn nhà. Có lẽ lão bỗng nhớ rằng con gái lão cũng phải lớn lên nhiều trong thời gian lão xa quê. Lão sẽ phải làm quen với cô bé trở lại. Chắc chắn lão không còn gặp lại một cô bé như ngày lão từ già ra đi. Ngoài ra, biết đâu lại không có bao nhiêu chuyện xảy đến cho nàng sau mười mấy năm xa cách. Tiếng còi lại vang lên, ánh mặt trời dịu của mùa thu lan khắp không trung. Rahman ngồi trên đất này mà tưởng như thấy trước mắt miền núi khô cằn của quê hương. Tôi lấy ra một xấp bạc và bảo:

— Rahman, hãy về quê với con gái ông đi. Cầu nguyện cho hạnh phúc tái ngộ của cha con ông sẽ đem lại cho con gái tôi nhiều may mắn!

Sau khi biếu lão món tiền, tôi đã giảm bớt nhiều lễ lạc, như không thể bắt điện, cũng không thể mượn ban nhạc giúp vui, và điều này làm nhiều bà thất vọng. Nhưng với tôi, buổi hôn lễ thật rực rỡ hơn lên, khi nghĩ rằng ở miền đất xa xăm kia, có một người cha biệt tích tha phương đang được trở về gặp lại đứa con yêu dấu.

NGUYỄN TU PHƯƠNG

QUÉT SÂN

sáng ra quét lá sau vườn

thấy con sâu nhỏ trên đường rong chơi

ta ngừng, đứng lặng hồi lâu

tỉnh ra thấy lá vàng rơi quanh mình.

THẠCH CHÂU

từ trong hơi thở đã nằm

chiêm bao tiền kiếp rớt dòng thạch châu

hôm ta gom nhặt nỗi sầu

chôn sâu xuống huyết thấy đời bớt đau.

LÊN NON

sáng lên non bỗng, khóc, cười

thấy ta kẻ dữ, em- người thiện tâm

chiều lên non, nắng rớt gần

thoáng nghe lá rụng giữa ngàn hư vô.

NHỮNG GIỌT HUYẾT NGÀ

MÃN ĐƯỜNG HỒNG

Ba Me tôi hạ sinh được mười bốn người con, vừa tròn một câu lục bát:

*“Trang Diễm Duyên Hồng Hợp Hiền
Hậu Thuần Hiếu Hào Hữu Yên Khuê Bình”*

Thật đúng là... thơ! Mười bốn chữ của câu thơ ngắn gọn nhưng lại to lớn hơn cả mọi công trình xây dựng trên thế gian này, đến hôm nay vẫn còn đầy đủ nguyên vẹn, từ chữ đầu năm nay đã được sáu mươi ba tuổi, cho đến chữ cuối cùng đã ba mươi chín tuổi, tất cả đều nên người, đều ít nhiều biết làm thơ, biết vẽ tranh, viết văn, đàn ca hát xướng, và tất cả đều thường quen gọi người mẹ vĩ đại của mình bằng một tiếng nhẹ nhàng nhưng đầy tôn kính và thân thương: Me.

Me tôi năm nay đã tám mươi tư tuổi, thật hạnh phúc cho anh chị em chúng tôi là Me vẫn còn hiện hữu trên trần gian này với một vóc dáng mình hạc xương mai nhưng lại là một cái bóng lồng lộng che ngang giữa bầu trời mà anh chị em chúng tôi hàng ngày hàng đêm ngược cổ lên ngắm nhìn bằng sự chiêm bái. Lặng lẽ thờ chồng nuôi con, lặng lẽ làm thơ và kinh kệ khuya sớm, và lặng lẽ lo lắng cho từng đứa con đang ở xa cũng như ở gần, cho dù đứa con nào của Me cũng đều đã “già đầu” khôn lớn... Sự lo lắng, quan tâm đến con cháu của Me được trải đều, nhưng tùy hoàn cảnh của mỗi đứa con mà Me xử sự.

Tám mươi tư tuổi, Me vẫn còn hàng ngày lo nghĩ đến chị Cả tôi, không biết công việc viết sách và giảng dạy tại trường đại học ở Thái Lan của chị ấy có được thông suốt hay không? Tám mươi tư tuổi, Me vẫn còn lo lắng cho chị Hai tôi đang ở Sài Gòn, nghe chị ấy vừa nghỉ hưu phải xa rời bục giảng học đường, cuộc sống chắc sẽ buồn lắm, nhiều thay đổi lo toan lắm. Tám mươi tư tuổi, Me vẫn còn lo ngay ngáy trông tin tức của anh Ba tôi, nghe dạo này anh ấy đau lưng đứng đi khó khăn nặng nhọc, mà phải hi hục cầm cúi chạy đây chạy đó để trình bày minh họa cho vài tờ tạp chí. Tám mươi tư tuổi, Me vẫn trầm ngâm nghĩ ngợi vừa mừng vừa phấp phồng cho duyên mới của chị Tư tôi, cầu Trời

cầu Phật cho con thuyền tình duyên muộn màng của chị ấy cập được một bến bờ an vui ấm áp. Tám mươi tư tuổi, Me hàng ngày ngồi ngóng thư từ tin tức của chị Năm tôi đang lưu lạc bất định rày đây mai đó với đứa con trai duy nhất, không biết hai mẹ con đã có chỗ nương náu ổn định hay chưa? Tám mươi tư tuổi, Me vẫn hàng tuần đi xích-lô đến thăm hỏi vợ chồng anh Sáu tôi, khi thì ngó chừng thùng gạo, lúc thì hỏi thăm túi tiền, rồi khê khàng dúm vào tay anh ấy mấy tờ giấy bạc mà Me dành dụm được trong tháng qua. Me còn phải lo nghĩ đến gia đình anh Bảy tôi, nợ nần không hiểu đã trả được hết chưa, có buôn bán được không, và mấy đứa cháu nội đi làm có gặp gì khó khăn hay không? Rồi còn chị Tám tôi đang làm tại tòa soạn báo ở Sài Gòn, công việc căng thẳng, thân thể ngày càng xanh xao xương xẩu, không rõ chị ấy có chịu ăn uống bồi bổ nhiều vào như lời Me dặn trong thư hay không? Me đang lo nghĩ đến anh Chín tôi mới vừa chân ướt chân ráo sang ở nước Mỹ xa xăm, chưa có việc làm, phải bù đầu mà học tiếng Anh, học lái xe, thì lấy gì mà sống cho no đủ? Rồi còn anh Mười tôi đang ở cách xa nửa vòng trái đất, hết nghề chọn lại chọn theo nghiệp viết văn làm thơ của Ba Me, vừa làm thơ sắp chữ nhà in thức đêm thức hôm hực hao sinh lực. Tám mươi tư tuổi, Me còn lo lắng cho thằng Mười Dư là tôi - không rõ mùa báo Tết vừa rồi nó có được đăng bài nhiều hay không, để có tiền mà lo cho vợ con, trang trải nợ nần. Me còn phải lo lắng cho ngay cả con Mười Hai mặc dù chính nó đang ngày đêm kề cạnh để hầu hạ chăm sóc cho Me, cứ nom nớp sợ nó bệnh, hay sợ nó gặp chuyện gì đó buồn phiền nên không chịu cười cho Me nhìn thấy. Me lại phải nhăn trán nhíu mày để lo nghĩ đến con Mười Ba lao đao lận đận, buôn bán lúc nắng lúc mưa, tiền lời kiếm được bao nhiêu trong ngày đều phải dốc hết ra mà lo cho hai đứa con gái đi học. Và còn thằng Út nữa, Me cũng lo lắng nhiều, mất ngủ nhiều đêm, trăn trở lắm buổi khi nó vừa quyết định bước qua ngưỡng cửa hôn nhân đại sự ở cái tuổi sắp tứ tuần với một người con gái ở phương trời xa lắc... Ai đã yên bề gia thất thì Me mừng, ai có cuộc sống ấm no dư dả thì Me vui, ai đang gặp chuyện trắc trở thì

Me khuyên lơn động viên an ủi, ai đang lâm cảnh khó khăn túng bấn thì Me âm thầm chia sẻ san sẻ... Đường như niềm vui của Me lúc tuổi đã bóng xế chiều tà là vẫn còn lo lắng được, vẫn còn khuyên dạy được, vẫn còn chu cấp vật chất lẫn tinh thần được cho con cháu của mình. Cứ như vậy, bao nhiêu năm qua với cái dáng thẳng lưng nhẹ bước thong dong thư thả, Me vẫn cận kề một bên hết thấy con cháu của mình để tỏa hơi ấm tình thương mà người đời thường ca tụng là bao la như biển Thái Bình.

Mười bốn chữ trong câu lục bát tuyệt tác của Ba Me - hỏi ai không một lần ngâm nga nghiền ngẫm thi phẩm “Những giọt huyết ngà” của những năm 40 - 50 mà lúc sinh tiền nhà thơ Quách Tấn đã từng ca tụng trên báo tỉnh nhà là “một trong những bài thơ bất hủ trên đất Khánh Hòa”:

*Đây dòng sữa Me nấu bằng hơi thở
Truyền từ nguồn huyết thống, suối thương yêu
Huyết Me khô cho phần sữa thêm nhiều
Me vắng linh ý trời, ban con đó!
Con uốn hai vành môi son thắm đỏ
Dòng huyết ngà tuôn theo nhịp vành môi
Huyết thân Me, nhưng phép lạ tay trời
Pha dịu ngọt trong đôi dòng sữa ấm
Mỗi tia sữa là mỗi luồng điện sống,
Bú đi con! Hứng nhận cả lòng say...
Con nghĩ gì trong bộ óc thơ ngây,
Mà mon trớn như nâng vàng hứng ngọc?
Me yêu quá, giọng cười và tiếng khóc
Ai bày con tôi nói tiếng chim đây?
Dễ thương chưa? Da sữa thắm hây hây
Ai ướp cả muôn hương vào thơ thịt?
Thương chẳng có chỗ cùng, thương tuyệt đích
Me thương con thắm thiết lắm, con ơi!
Cao như non? Cao sánh vút chân trời,
Rộng như biển? Rộng lan trùm trái đất
Con là tất cả ý niềm vui sống!*

Bài thơ này của nữ sĩ Trinh Tiên, về sau làm thơ Đạo - nữ thi sĩ của Phật giáo - lấy bút hiệu là Tâm Tấn (cũng là pháp danh), chính là Me của tôi đó! Anh chị em chúng tôi thật diễm phúc khi được hưởng những giọt huyết ngà của Me mà khôn lớn nên người. Cho dù cuộc đời có lắm trái ngang, hay có lắm khổ buồn, thì những đứa con của Me vẫn đứng thẳng lên được để mà đi nhờ đã tiếp nhận vào tận máu xương, tận tâm hồn mình cái nguồn suối “thương chẳng có chỗ cùng, thương tuyệt đích” mà Me đã ban cho.

Me sống thật thâm trầm. Me không thích được ai nói về mình, không thích được ca tụng, không thích được khen ngợi hay tôn vinh gì hết, mặc dù bạn văn chương thi phú thâm giao của Me và của Ba toàn là những tên tuổi vang lừng trên văn thi đàn nước nhà... Khi biết tôi có ý định viết một bài ngắn về Me để gởi đăng trên một tờ nội san của một chùa hoặc một tờ báo chuyên đề về phụ nữ nào đó nhân mùa Vu lan đến, Me có vẻ như không đồng tình, rồi làm thinh. Me càng phản đối hơn khi nghe tôi định gởi một ảnh của Me kèm theo bài viết. Không dám làm phật ý Me, tôi đành cất tấm ảnh chân dung của Me vào lại album với lòng đầy tiếc nuối. Đó là bức ảnh của Me mà tất cả “mười bốn chữ trong câu lục bát” đều được Me trao tặng. Trong ảnh, Me thật là đẹp, đẹp như tiên. Và ngoài đời, đối với anh chị em chúng tôi, Me bao giờ cũng đẹp, cái đẹp vĩnh cửu vĩnh hằng không một tuyệt đích nghệ thuật nào diễn tả nổi!

Viết về Me, có lẽ viết bao nhiêu cũng không đủ, có viết dài lê thê thậm thụt cách mấy cũng trở thành ngắn ngủn sơ sài. Nếu hết thấy mười bốn anh chị em chúng tôi cùng ngồi lại với nhau để cùng viết mấy pho sách về Me cũng không thể viết hết chuyện, không thể kể hết lời, không thể diễn tả hết những gì Me - cũng như Ba - đã để lại cho con cái. Nhưng tôi chắc chắn một điều: những giọt huyết ngà của Me vẫn luôn chảy miên man, tuôn tơm bất tận vô cùng vào trong huyết quản, trong từng mạch máu, trong từng hơi thở và thấm đẫm trong tâm tưởng anh chị em chúng tôi cho dù một ngày nào đó - theo lẽ vô thường sinh trụ hoại diệt mà Me từng bình thản giảng dạy cho con cái nghe - bóng dáng mảnh mai mà lồng lộng của Me khuất hẳn khỏi cõi trần gian bụi bặm như một vầng trăng tròn vàng vạc chìm sau dãy núi xa xa...



LÒNG MẸ

THÍCH NỮ NHƯ THUY

Thuở xưa, có một bà mẹ bồng con ra sông tắm. Tắm xong, chị đặt nó ngồi dưới bóng cây, choàng khăn cẩn thận rồi mới xuống bến sông giặt giũ.

Một người đàn bà hiếm hoi đi ngang qua, bế lấy đứa bé đi thẳng. Người mẹ mất con, cuồng quít đuổi theo, bắt kịp, nhưng chị đàn bà kia trở mặt bảo đứa bé là con của y và nhất định giữ lấy. Vì vậy, nội vụ được đưa lên quan.

Quan vạch một đường dưới đất, đặt đứa bé ngồi ở giữa rồi ra lệnh cho hai bà mẹ, mỗi người nắm lấy một tay đứa bé:

- Ai kéo được đứa bé về phía mình, người ấy có quyền giữ lấy nó.

Hai chị đàn bà y lời, thi nhau kéo. Đứa bé đau quá khóc thét lên, người mẹ ruột thương con buông tay và ôm mặt khóc. Quan phân xử:

- Chị kia kéo được đứa bé về phía mình nhưng lòng chị không có sự bi悯, đích thị không phải là mẹ ruột của nó rồi. Chị này thương con, không nỡ làm nó đau, mới thật là mẹ nó.

Người mẹ lau nước mắt, bế con vào lòng.

Em thân mến!

Một bà mẹ, không phải do nhan sắc, quyền uy, tài sản hay chức tước có thể tạo thành, mà chính là tấm lòng đối với đứa con.

Cũng thế, một bậc giác ngộ không phải chỉ do hình dáng bên ngoài, công phu tu luyện, sự cung kính của người khác đối với ngài, mà chính là tấm lòng từ bi, yêu thương đối với tha nhân. Do đó mà trong kinh thường nhắc nhở chúng ta rằng, lòng yêu thương của đức Phật đối với chúng sanh hết như tấm lòng bi悯. Có khác chăng là một bậc giác ngộ yêu thương hết thầy chúng sinh bất kể thân sơ, vì các ngài không còn cái tính chấp về ta và của ta nữa. Một bậc giác ngộ mà không có tấm lòng bi悯 đối với chúng sinh thì chỉ được gọi là độc giác mà thôi.

Như người đang hái hoa

Lòng say đắm lạc thú

Bị tử thần lôi xa

Như lút trôi làng ngủ.

(Hư Hư Lục)



CON ĐÃ LỚN

DIỆU NGÀ

LTG: Viết theo tâm sự một người bạn

Mẹ nhìn đồng hồ mãi. Mẹ mong con từ chiều mà bây giờ đã hơn 10 giờ khuya. Mỗi phút trôi qua, mẹ càng thấp thõm lo âu, đầu nặng như treo đá, mắt mờ, tay run. Mẹ không làm gì được, cứ đi ra đi vào rồi vén màn ngó hờ ra sân, hoặc lắng nghe xem có phải tiếng xe con về. Điện thoại reo! Mẹ nín thở nhắc ống nghe. Chẳng có gì! Chỉ là người quảng cáo. Thế mà mẹ cứ sợ con gọi về báo một tin chẳng lành hay là cảnh sát công lộ báo một tai nạn gì...

Từ ngày con bị lật xe đến nay, mẹ trở nên ngớ ngẩn, hễ con ra khỏi nhà là mẹ hồi hộp, lo nghĩ băng quơ... Bác sĩ nói thần kinh mẹ yếu nên hay tưởng tượng và thường xuyên sợ hãi. Mẹ biết đó là một cái bệnh, mẹ thường niệm đức Quan Thế Âm mong người ban vô úy thí.

Khi mẹ mỗi một sắp thiếp vào giấc ngủ—chắc chắn là nhiều mộng mị—thì con về. Mẹ hay con về trước khi con vào nhà, mẹ vui mừng không kịp xỏ chân vào dép, vội vàng ra mở cửa.

“Sao con về muộn thế?”

Mẹ chỉ mới nói bấy nhiêu thôi đã làm con bực bội.

Con trả lời, vừa gần giọng, vừa lớn tiếng:

“Mẹ phải biết, đi chơi với bạn bè mà về giờ này là sớm! Con lớn rồi, đừng...”

Con còn muốn nói gì thêm nữa nhưng chợt nhớ có sự hiện diện của bạn con, con kịp dừng lại.

Mẹ làm thình, lúi húi lo dọn cơm. Phải rồi, bây giờ con đã lớn, hai mươi mấy tuổi rồi, còn một năm nữa thôi, con sẽ tốt nghiệp y khoa. Con lớn thì khôn ra, mẹ già sinh ngớ ngẩn. Có lẽ vì vậy mà càng lớn lên, con càng đối xử với mẹ khác xưa, khác hẳn lúc con còn nhỏ.

Hồi mẹ sinh con, con nặng gần 4 kí. Mẹ rán gân đuổi sức với sự tiếp tay của bác sĩ mà con vẫn chưa ra. Tưởng phải mổ. Bác sĩ nói: “Bà cố thêm một lần nữa, kéo đứa bé ngộp”. Lời nói có tác động mạnh mẽ, mẹ dùng hết sức bình sinh để đưa con ra ánh sáng cuộc đời. Mẹ đứt hơi, sắp sửa ngất đi thì có tiếng khóc “oa, oa”. Tiếng khóc của con làm mẹ như được hồi sinh, mẹ mở mắt ra nhìn đứa con trai bụ bẫm dễ thương của mình.

Anh con thì ốm yếu khó nuôi, bệnh hoạn liên miên còn con lớn như thổi. Bú lắm, ăn nhiều. Ai đụng tới thì toét miệng cười; cả ngày không khóc, đêm ngủ một mạch tới sáng. Con là niềm an ủi vô biên của mẹ. Cha con, sĩ quan tác chiến, vắng nhà thường xuyên, hễ về là bày ra nhậu nhẹt. Tánh ông nóng, mẹ không dám can ngăn thành ra đối với ông, mẹ chỉ biết chịu đựng thôi, do đó, tình phai nhạt dần.

Anh con tính tình cũng hung lắm, bắt đầu 6, 7 tuổi là đã đánh lộn cùng xóm, cha con không có ở nhà để dạy dỗ, nó thì chẳng sợ mẹ chút nào. Trái lại, con tỏ ra biết nghe lời mẹ. Mẹ dạy con làm điều phải, tránh điều trái, mẹ dạy con chăm chỉ học hành để sau này nhờ tấm thân, mẹ dạy con mở lòng thương yêu và giúp đỡ mọi người... Con thỏ thẻ: “Lớn lên con sẽ làm bác sĩ, ai nghèo, con trị bệnh không lấy tiền.” Con khiến mẹ sung sướng quá! Những lúc cha hoặc anh con làm mẹ buồn, mẹ khóc, con quần quít bên cạnh không rời. Con còn quá nhỏ để có thể nói những lời an ủi nhưng đôi mắt con đã biết nhìn mẹ xót xa và con dùng đôi bàn tay mím mím như búp sen để vuốt má mẹ hay gạt dòng nước mắt đang tuôn trào. Nhờ thế, nỗi đau trong lòng mẹ dịu lại và giúp mẹ có nhiều can đảm, nghị lực hơn. Những lúc đó, đối với mẹ, con là một ông Phật nhỏ hiện xuống trần gian này để làm vui bớt những đắng cay, phiền muộn của mẹ.

Rồi số phận gia đình mình cũng theo vận nước nổi trôi. May mắn hơn nhiều người khác, cha con đem được cả nhà xuống tàu hải quân đi Mỹ ngay ngày 30/4/75. Lúc đó, con mới 8 tuổi, anh con đã 13. Sang vùng đất mới, cha con thay đổi cách sinh hoạt và có thể gần gũi, dạy dỗ anh con chu đáo hơn. Nhưng khoảng thời gian quý báu này không kéo dài lâu. Chỉ 5 năm sau, cha con đột ngột qua đời vì tai nạn lưu thông. Tai nạn đó ám ảnh mẹ không thôi. Người ta đền cho mẹ 1 số tiền lớn. Anh con biết điều ấy nên bỏ bê việc học hành, cứ hạch sách tiền bạc để ăn chơi. Không tiền cũng khổ mà có tiền cũng khổ. Những lúc anh con đòi tiền không được, nó sùng sộ làm dữ, đập bàn đá ghế, mặt mày đỏ rần, tóc tai như dựng đứng cốt làm cho mẹ sợ. Nhưng mẹ không sợ đâu, mẹ phải cương quyết, nếu không, ngày nó càng hư và mẹ sẽ không còn tiền để giúp con theo học ngành y khoa như ước vọng của con. Chẳng

phải mẹ không thương anh của con nhưng mẹ không thể nuông chiều sự hư hỏng của nó. Con hư con ngoan gì mẹ cũng thương nhưng tình thương cần phải kèm theo sự sáng suốt.

Anh con giận mẹ lắm, nó bỏ nhà đi. Cũng may cho nó, nó có cô bạn gái rất tốt. Chính cô ta khuyên nhủ, vỗ về, an ủi và kéo nó trở lại trường học. Anh con giàu tự ái, từ ngày bỏ nhà đi, nó thân tự lập thân, vừa đi làm vừa đi học cho đến khi tốt nghiệp kỹ sư. Con nhớ không? Anh con gửi thiệp mời mẹ đi dự lễ ra trường của nó như mời một người quen, một người khách. Ngày đó, nó nhìn mẹ với ánh mắt kiêu hãnh kèm theo một chút gì oán trách. Ngày đó, tự ái của nó được thỏa thuê. Nhưng mẹ không buồn, cũng không ân hận. Mẹ đã hành động đúng nên nó mới được như ngày nay. Nếu nó biết suy nghĩ sâu xa hơn, nó sẽ không giận mẹ đến thế.

Con sợ mẹ buồn, con an ủi mẹ một câu: “Anh ấy mới thành danh chứ chưa thành nhân, mẹ à!” Mẹ cười, không biết con học được câu chữ nho ấy ở đâu. Mẹ mong con cái của mẹ thành nhân hơn là thành danh vì giá trị con người chẳng phải ở nơi danh vọng hay bạc tiền. Từ đây, mẹ có cảm tưởng đã vĩnh viễn mất anh con dù ngày nó cưới vợ, mẹ là người đứng chủ hôn và hàng năm, tới ngày “Mother’s Day”, nó gửi tặng mẹ một bó hoa.

Rồi con vào đại học với học bổng bán phần. Con thông minh lại siêng năng nên môn nào cũng giỏi nhưng con quyết định chọn ngành y khoa như dự định từ bấy lâu. Ngành này thật bận rộn, dù nhà ở gần trường nhưng có khi cả tuần mẹ mới gặp con vì con mãi miết lo học, đi sớm về khuya, lại còn lắm bạn bè, hội hè, giao tế. Bữa nào mẹ cũng ăn cơm một mình nên ngày cuối tuần mẹ hay nấu món ngon mong con về cùng ăn cho vui nhưng con thường có hẹn với các bạn thành ra mẹ con mình cứ xa nhau dần.

Mẹ con mình không còn có những dịp ngồi tâm sự với nhau; và con cũng chẳng có thì giờ để nói những lời an ủi khi mẹ buồn. Dần dần, mẹ có cảm tưởng con như người ở trọ. Tuy cùng một chốn đi về mà mạnh ai nấy sống, con chẳng muốn mẹ tham dự vào công việc và đời tư của con, có lẽ như vậy làm con không được tự do vì người mẹ nào chẳng hay cho ý kiến.

Mẹ cô độc quá! Đi làm 8 tiếng ở sở ra, lắm khi mẹ không muốn về nhà vì sợ cảnh quạnh hiu, mẹ đi loay hoay ngoài phố đến một nhòai mới quay về.

Bữa nay mẹ nấu bún bò, cơm tay cầm, món ăn mà con rất thích nhưng cơm canh đã nguội lạnh, con vẫn chưa về. Mẹ muốn có những bữa ăn gia đình với sự tham dự của bạn bè con để mẹ được hưởng lây bầu không khí trẻ trung vui nhộn của các con và có dịp nói

đùa đôi câu để con biết là mẹ chưa đến đổi già nua, lạc hậu.

... Con đã ngồi vào bàn ăn mà mặt vẫn còn cay cay. Con tiếp tục bày tỏ sự khó chịu của mình: “Mẹ biết con đi đâu thì mẹ có thể đoán được giờ con về chứ!”

Nước mắt mẹ ứa ra vì sự trách cứ của con nhưng mẹ cố ngăn lại. Mẹ không muốn khóc trước mặt Hào, bạn con. Thấy mẹ khóc, có thể nó sẽ nói cho Hồng biết. Rồi cô em gái của nó sẽ nghĩ sao về con nếu cô ấy biết con đã lớn tiếng với mẹ, đã can nhảm mẹ và làm cho mẹ khóc chỉ vì mẹ có lỗi đã quá mong chờ và lo lắng cho con!

Mẹ thấy bây giờ hình như con không còn cần đến người đàn bà quê mùa này nữa. Chẳng những con muốn làm gì thì cứ làm—chắc vì con cho rằng con đã đủ lớn khôn—không bao giờ hỏi ý kiến mẹ, cho đến những sự nhắc nhở của mẹ, con cũng không lưu tâm. Mà mẹ thì chỉ biết lo những chuyện nhỏ thôi: “trời sắp mưa con nhớ mang dù theo”; “bữa nay lạnh đấy, con nhớ mặc áo ấm”; “con đã ho rồi, nhớ uống thuốc”. Mẹ nói gì thì nói, con chỉ làm thinh và dĩ nhiên là không làm theo những gì mẹ dặn.

Mẹ trở thành một người thừa thãi trong cuộc đời của con rồi chẳng? Có thể là vậy. Con đã có bạn gái, cô săn sóc con thay mẹ; con đã kiếm ra tiền, đâu còn cần những đồng tiền chắt chiu dành dụm của mẹ mà mỗi lần xin, mẹ cứ hỏi lý do; còn kiến thức ư? Con hơn mẹ quá xa rồi. Những lời dạy dỗ của mẹ đã trở nên lỗi thời, xưa rích.

Thật là đau khổ cho người mẹ khi bà biết đứa con không cần đến mình nữa. Sự đau khổ này còn phũ phàng hơn tâm trạng của một công nhân bị ông chủ thỉnh linh gọi lên cho nghỉ làm vì đã hết việc.

Khi cuồng rún đã dứt lìa, con có đời sống độc lập của con. Đó là lẽ tất nhiên, mẹ không muốn con mãi mãi lệ thuộc vào mẹ vì còn lệ thuộc thì không thể trưởng thành. Nhưng mà con ơi! người mẹ nào cũng có trái tim rất nhạy cảm. Trái tim đó đã ấp ủ nuôi nấng con nên người, trái tim đó đã khiến cho mẹ biết quên mình để trọn đời hy sinh lo lắng cho con; đôi khi vì trái tim mù quáng đó, có những bà mẹ dám làm điều sai quấy chỉ vì muốn con mình được đầy đủ mọi thứ.

Bây giờ, trái tim của mẹ khô cằn, nứt mẻ, chai cứng vì nó thiếu chất liệu ngọt ngào, nó không được tưới tắm bằng tình thương yêu triu mến của con mình.

... Hào thấy bầu không khí có vẻ im lìm, căng thẳng, cậu khóa laptop bằng vài câu bông đùa rồi mời mẹ xoi cơm trước khi cầm đũa. Mẹ mời cậu tự nhiên rồi bước vào trong.

Bây giờ nước mắt mẹ có thể tự do tuôn chảy. Mẹ khóc chẳng phải vì giận con đâu. Mẹ hay tủi thân ấy

mà! Những lúc đau buồn như thế này, nếu mẹ có được một đứa con nhỏ như thuở con còn bé chắc em con cũng sẽ sà vào lòng mẹ để an ủi, dỗ dành và giúp nỗi đau của mẹ dịu lại, làm trái tim mẹ tươi tỉnh hơn.

Mẹ lại mơ ước hão huyền rồi phải không? Có lẽ bản chất của mẹ là một người yếu đuối nên lúc nào mẹ cũng tìm một chỗ nương tựa tình cảm. Hai mươi mấy năm qua, con đã là trụ cột để mẹ nương nhờ, đã là lẽ sống, là hy vọng, là tương lai của mẹ. Như thế chắc cũng đã đủ rồi, mẹ không dám đòi hỏi hơn nữa.

Bạn của mẹ thường nói: “Chị có hai người con, đứa kỹ sư, đứa bác sĩ, thế thì tuổi già của chị được bảo đảm rồi đấy!” Mẹ chỉ cười trừ. Mẹ đâu dám nói cho họ biết rằng mẹ là người đau khổ, bơ vơ; liệu ai hiểu được cảnh tình của mẹ?

Nói đến tuổi già, nhiều người lo sợ vu vơ. Mẹ thì không! Biết mẹ sống được bao lâu nữa? Căn bệnh nan y đã bắt đầu phát hiện trong người mẹ, mẹ giấu không cho con biết, mẹ cũng không cần chạy chữa. Cắt xén một vài bộ phận trong cơ thể để sống thêm mấy năm nữa liệu có ích gì không đối với hoàn cảnh của mẹ hiện nay? Người ta chỉ ham sống khi người ta còn yêu đời. Nói thế chứ mẹ không phải là kẻ bị quan chán đời đến nỗi muốn tìm cái chết đâu. Mẹ chỉ nghĩ rằng bổn phận của mẹ đối với con cái đã xong thì mẹ có thể nhẹ nhàng ra đi bất cứ lúc nào, chẳng có gì phải bận tâm.

Mẹ thì giàu tưởng tượng lắm! Có thể mẹ không bị bệnh như mẹ nghĩ. Thế mẹ sẽ sống tới già! Mẹ sẽ sống làm gì! Mẹ sẽ ở đâu! Dĩ nhiên là mẹ chẳng muốn làm phiền các con. Mẹ biết đời nay, nhất là trên xứ Mỹ, vợ chồng son đâu ai muốn có cha mẹ chồng hay cha mẹ vợ ở chung. Dù mình dễ tính đến thế mấy, chúng nó cũng mất tự nhiên.

Mẹ sẽ không vào nhà dưỡng lão đâu! Mẹ đã cùng các bà bạn đến đây làm công tác từ thiện mấy lần. Chao ôi! người ta nuôi người già như nuôi một loài động vật để làm thí nghiệm. Tới giờ ăn thì phải cố mà ăn. Ai không chịu há mồm ra thì bóp họng nhét thức ăn vào, cho nên đối với nhiều ông cụ bà cụ, đây là giờ cực hình. Hãy để cho họ được tự do, muốn ăn thì ăn, muốn uống thì uống, đừng ép ngạt họ đến thế. Người già không cần thức ăn cho cơ thể lắm đâu. Họ cần tình cảm họ cần được yêu thương và mong có ai đến gần để họ có dịp nhắc đến những kỷ niệm xưa của họ, để được nói về người chồng quá cố hay những đứa con yêu dấu của mình giờ đã xa xôi quá.

Mẹ có dịp nhìn thấy một bà cụ đầu hói, răng rụng hết nên trông bà như một em bé. Bà ngồi im lìm trên xe đẩy. Mẹ tiến đến thăm hỏi đôi câu, bà mừng lắm, mắt sáng lên, héch miệng cười. Bà nắm tay mẹ, nói líu lo rồi rút trong túi áo ra đưa cho mẹ xem tấm ảnh



Thơ NGẠM NGŨI

VẾT KHÔN CÙNG

*Ta chờ gì giữa cơn mưa
Mà nghe nặng trĩu,
vẫn chưa muốn lìa
Chỉ ta về,
lạnh đêm khuya
Thình không lặng khóc,
đằm đằm hư vô.*

*Gió lùa,
hương sắc,
nhật mờ
Cánh khô nguyên khép
bên bờ... lao lung
Gió đâu cứ thổi lạnh lùng
Ta khâu mãi vết khôn cùng,
buốt căm!*

chụp chung của gia đình bà. Lúc đó, bà là một thiếu phụ xinh xắn đứng bên ông chồng mặc quân phục trên ngực gắn đầy huy chương trông rất uy nghi; chung quanh là 4 đứa con, 2 trai, 2 gái, đứa nào trông cũng ngộ nghĩnh, dễ thương. Có lẽ đó là thời kỳ vàng son nhất trong cuộc đời bà và dư vị của nó giúp bà sống nốt những ngày tàn trong viện dưỡng lão này.

Các con của bà bây giờ đều lớn khôn, chúng có đời sống riêng, có vợ chồng con cái nên chẳng mấy khi nhớ đến mẹ. Bà chưa chết nhưng hình như đã bị xếp vào một thế giới khác, thế giới của già nua, bệnh hoạn, phế thải; nơi mà thần chết thường xuyên gõ cửa.

Mẹ có người bạn làm chung sở, di Lài. Chưa đầy 60 tuổi mà đã lo hoạch định chương trình hưu trí. Chị kêu gọi những người có khả năng và hợp tính tình, hẹn khi nào về hưu sẽ sống chung với nhau. Chị sẽ mướn một căn nhà rộng lớn ở vùng quê, mướn y sĩ đến chăm sóc định kỳ. Mùa ấm sẽ tổ chức đi du lịch, đi làm các công tác xã hội còn mùa lạnh thì cứ rút trong nhà xem tivi và nói chuyện khào với nhau. Chị nghĩ rằng sống như vậy sẽ ấm cúng và tự do, không lệ thuộc vào con cháu, cũng không phải theo thời khóa cứng ngắt của viện dưỡng lão. Ý kiến cũng hay đó chứ, nhưng mẹ chưa tính gì về chuyện ấy.

... Cả đêm không ngủ nghe được, gần sáng mẹ mới chớp mắt một giấc ngắn. Lúc thức dậy, mặt trời đã lên cao, mẹ nghe có tiếng nước chảy trong nhà tắm và tiếng huýt sáo của con. Hình như chuyện tối qua không gây chút ảnh hưởng gì đến con cả phải không? Mẹ tự hỏi đó là cái hay hay cái dở? Mẹ hiểu đạo, mẹ biết rằng mỗi ngày phải sống với sự mới nguyên, mới tinh khôi của nó, đừng để cho bóng tối phiền não của ngày hôm trước làm u ám sáng hôm sau, nhất là sáng chủ nhật vào mùa thu rất đẹp trời, rất nên thơ như bữa nay. Nhưng mà, nếu không bao giờ con tự xét lại mình, lúc nào con cũng cho mình là đúng và không cảm thấy chút gì hối hận trong tâm thì cái tâm đó vô tư thật, vô tư đến nỗi trở thành vô tình.

Con không bao giờ xin lỗi mẹ dù con đã nhiều lần làm mẹ buồn, con hay sửa sai mẹ vì mẹ đã không làm đúng như ý con, con thường trách cứ mẹ điều nọ điều kia mà có lẽ không bao giờ con đặt câu hỏi tại sao mẹ lại cư xử như thế? Nếu con biết quên mình một chút và đặt mình vào hoàn cảnh của mẹ, chắc con sẽ hiểu biết và thông cảm hơn. Mẹ vẫn thầm mong thế.

Mẹ biết con kiêu lắm và tự ái cao cũng như anh con vậy. Mẹ không lấy làm quan trọng chi một câu xin lỗi nhưng mẹ ngại cho con, với tánh tình đó, con sẽ đau khổ khi ra đời. Mẹ chờ một lời xin lỗi đâu phải để cho tự ái mình được thỏa mãn, đâu phải để thấy mình còn đủ quyền uy của một bà mẹ. Mẹ chỉ mong con biết tự

hạ thấp một chút và có thể thấy được lỗi lầm của mình, như thế con sẽ khá hơn vì biết sửa đổi, nhờ đó con sẽ có hạnh phúc.

...Mẹ tránh không cho con thấy mặt mẹ sáng nay vì sợ gương mặt đau khổ của bà già này sẽ làm con mất vui. Con đang sửa soạn đưa bạn gái của con đi lễ nhà thờ. Hai người khăn khít lắm, có thể đi đến hôn nhân. Mẹ không có ý kiến chi cả, nhưng mà mẹ mong phải chi con dâu của mẹ cùng đạo Phật thì nói chuyện với nhau dễ thông cảm hơn vì có nền tảng chung. Mẹ nghĩ rằng đạo nào cũng có cái hay—chỉ trừ những nhóm người mê tín nhảm nhí—và tất cả tôn giáo đều gặp nhau ở chỗ xây dựng nên những con người tốt cho gia đình, cho xã hội nên mẹ không dám dă kích gì. Nhưng mà riêng đạo Phật mới chỉ thắng vào chân lý, phô bày sự thật muôn đời và giải quyết vấn đề sinh tử luân hồi cho con người. Mai kia, nếu vì sự ép buộc mà con từ bỏ đạo của mình thì thật là tiếc lắm thay, như người có viên ngọc mà vứt đi vì không biết giá trị của nó. Mong ước là quyền của mẹ và dĩ nhiên quyết định là quyền của con.

Có hai điều mà bậc làm cha mẹ không nên ép uống con, đó là sự chọn nghề và chọn bạn trăm năm. Mẹ biết thế nên không nói ra mà cũng chẳng nói vào về mối tình của con và Hồng. Vợ chồng, ầu cũng là duyên nợ.

... Con lái xe đi rồi mẹ mới ra khỏi phòng. Trong khi rửa mặt, mẹ có dịp nhìn mình trong gương. Gương trả lại hình ảnh của một người đàn bà tiều tụy dung nhan, mái tóc màu muối tiêu khô cứng tua tủa ra giống tóc một chú hề, đôi mắt quầng thâm, sung húp, làn da tái mét như người bệnh lâu năm, lại thêm trán nhăn, má hóp... Hơn bao giờ hết, mẹ thấy rõ tính vô ngã, vô thường. Trên đời này, có cái gì trường tồn, không biến hoại đâu? Mẹ cũng đã từng là một đứa bé, rồi trở thành một cô thiếu nữ và bây giờ là một người luống tuổi. Mẹ đã từng vui, buồn, cười, khóc, ước mơ, hi vọng và thất vọng. Con cũng thế, con đang biến đổi, từng ngày một, về cả hai phương diện: sắc và tâm.

Tất cả mọi sự trên thế gian này đều do nhân duyên mà thành tựu, do nhân duyên mà thay đổi và tan hoại. Nhân duyên nào đã làm con không còn dễ thương như trước? Phải rồi, con đã lớn lên và trưởng thành trên đất Mỹ. Nơi xứ này, đứa bé không được hấp thụ khuôn khổ, nề nếp của người Á Đông mình. Đứa bé tự xem mình ngang hàng với cha mẹ, chẳng những nó có thể cãi tay đôi với người lớn mà nó còn có thể sùng sộ, lớn tiếng, chỉ thẳng vào mặt cha hay mẹ mình và đập bàn đá ghế để biểu lộ sự bất bình của nó. Những hình ảnh như vậy đầy trên màn ảnh, tivi và trong các gia đình người Mỹ tránh sao con không khỏi tiêm nhiễm mỗi

ngày một ít? Mẹ tiếc rằng cha con chẳng còn sống để phụ mẹ níu giữ lại truyền thống dân tộc, nét đẹp của một gia đình có giáo dục Đông phương.

Mẹ hiểu rồi, mẹ không buồn giận nữa đâu. Chỉ một mình, làm sao mẹ chống chọi được với xã hội và môi trường chung quanh con nhỉ? Nếu mẹ chấp chặt vào khuôn khổ trong đó mẹ đã lớn lên để phán xét con thì mẹ chỉ tự chuốc sầu mà thôi. Mẹ hiểu rồi nhưng mà mẹ vẫn còn hoài vọng, mong con đừng buông bỏ hết những gì mẹ đã dạy dỗ con từ tấm bé, những điều ấy tuy không cao xa chi nhưng mà nó là gốc rễ hạnh phúc cho cả đời con.

Con nên hiểu rằng hạnh phúc của con luôn luôn tùy thuộc vào người chung quanh. Nếu con biết làm cho những người thân quen của con vui vẻ, sung sướng thì ánh mắt và nụ cười của họ sẽ làm con được vui vẻ, sung sướng gấp bội phần. Trái lại, nếu con chẳng cần để tâm đến sự vui buồn của người, muốn làm gì cứ làm theo ý muốn cá nhân con, mặc ai trách cứ, mặc người than van thì chẳng những con làm tổn hại phước đức của con mà thôi, con sẽ bị cô lập và mất cả tình thương mến, ấy là một đại nạn. Trên đời này, chỉ có cha mẹ mới hoàn toàn tha thứ những lỗi lầm của con, còn đối với những người khác, dù con có hối lỗi ăn năn, những vết sẹo của con cũng mãi còn đậm nét trong trí nhớ của họ. Bởi thế, con hãy nên cẩn trọng về ngôn ngữ, hành động của mình, con nhé!

Có lẽ mẹ lo xa quá hay tưởng tượng nhiều quá! Con mẹ dù sao cũng đâu đến nỗi tệ! Con đâu lêu lổng chơi bời, đâu phá làng phá xóm như những kẻ hư thân mất nết. Con chăm chỉ học hành, biết lo cho tương lai, có nếp sống lành mạnh và thính thoảng cũng phụ giúp mẹ những công việc vặt vãnh trong nhà ngoài sân vườn, mẹ còn dám đòi hỏi gì thêm? Nếu đặt kỳ vọng quá nhiều ở con mình, mình dễ bị thất vọng cho nên mẹ tập chấp nhận cái gì mình được và chấp nhận cả những cái gì mình không thể được. Như thế thì khỏe hơn! Đầu óc nhẹ nhàng hơn!

... Hôm nay mẹ chuẩn bị nấu nồi bánh canh cho con và Hồng về ăn. Con về ăn cũng tốt hoặc là hai đứa đi ăn tiệm cũng tốt, không sao. Nếp sống của các con dĩ nhiên là phải hơn cha mẹ rồi. Việc ăn xài đối với các con thật dễ dàng, không cần tính toán. Cuộc sống của các con không khó khăn như thế hệ của những người đi trước, những người đi lập nghiệp trên đất khách với hai bàn tay trắng và vốn liếng Anh văn không đầy lá mít. Họ chịu đựng nhiều cay đắng, nhọc nhằn, họ sống tiện tặn kham khổ để gây dựng cho đàn con của họ. Bởi thế, nhìn vào họ, con sẽ không thấy vẻ sang trọng phong lưu như thế hệ của các con hôm nay, những người trí thức trong xã hội Hoa kỳ.

Nhưng con ơi, nếu không có những người đi trước hi sinh và dọn đường như thế ấy, các con không dễ thành công đâu. Các con đừng quên nguồn cội của mình. Mẹ biết, có những người đồng trang lứa với con hoặc nhỏ hơn con vài ba tuổi, họ không thích chơi với cộng đồng Việt Nam, không muốn nói tiếng Việt, chỉ thích giao thiệp với Mỹ và tự đồng hóa mình với người Mỹ. Họ đâu biết rằng chối bỏ nguồn cội là tự mình bứng mình ra khỏi gốc, cây sẽ èo uột và chẳng lớn nổi nếu không bị chết non. Một ngày nào không xa lắm, họ sẽ thấy mình bơ vơ vì thật ra những người da trắng mắt xanh tóc vàng đầu xem dân da vàng di cư là người Mỹ dù mình đã có quốc tịch từ lâu.

Chối bỏ văn hóa Việt Nam, họ tự đánh mất di sản quý báu, họ không được thưởng thức những bài tình ca bắt hủ, những câu hò câu hát trên sông nước, trên cánh đồng, những bài ca dao hồn nhiên trong sáng đầy tính dân tộc họ không biết Nguyễn Du là ai, bà huyện Thanh Quan là ai, kể cả những triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, những vị anh hùng chống ngoại xâm, kể cả mảnh đất hình cong như chữ S nằm ven biển Thái Bình Dương. Những thứ ấy đối với họ chẳng là gì cả, chẳng gây cho họ một cảm xúc gì. Một ngày nào đó, tình cờ người bạn Mỹ bảo: “Anh hãy nói cho tôi nghe về quê hương của anh.” Người ấy sẽ trả lời ra sao? “Tôi không biết gì cả!” “Tôi là người Mỹ mà!” Con nghe như thế có được chăng?

Nghĩ đến quê hương, mẹ bỗng thấy nhớ quá những hàng dừa xanh um ở quê ngoại, những con sông rạch quanh co mà nước đầy phù sa, tôm cá, nhớ những “cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi”, những thân dừa bắc ngang các con mương nhỏ trong vườn nhà rợp mát, nhớ cả “đèn Saigon ngọn xanh ngọn đỏ, đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu”, nhớ những tà áo dài trắng thướt tha như đàn bướm nhỏ lúc tan trường, nhớ những con đường có lá me bay nhẹ nhè vào mùa gió chướng, lạnh hanh hanh...

Mai này khi con ra trường và lập gia đình xong thì đã đến lúc mẹ hưu trí. Có thể mẹ sẽ trở về Việt Nam. Mẹ sẽ tìm một vùng quê yên tĩnh, mua miếng đất nho nhỏ ở cạnh chùa và cất lên một am tranh. Ở đó, mẹ sẽ có đủ duyên để chuyên tu Tịnh Độ và vui thú điền viên. Chắc chắn con nói rằng “ở Mỹ này, mẹ cũng có thể làm như vậy, cần gì phải về đây mới tu được.” Nhưng mẹ biết, nếu mẹ còn nấn ná chốn này thì cũng như bao nhiêu người khác cùng lứa tuổi, mẹ sẽ bận bịu với đàn cháu và sợi dây tình cảm ngày càng trói chặt lấy mình, quẩn luyến mãi khó rời. Tham ái là nguyên nhân của sinh tử, nếu không sớm dứt khoát, không sớm lia xa thì mãi mãi bị giam trong tù lục đạo, bị trói chặt trong bánh xe luân hồi. Như thế thật luống uổng cho một



BẠCH XUÂN PHỄ

LÒNG MẸ

*Nỗi lòng mẹ rất mênh mông
Con không thể tả bởi dòng mực son
Mẹ là biển cả đời con
Dạt dào tình khúc ru con đêm ngày.*

QUANH HIU

*Cô quanh hồn ai buổi xế chiều
Mây mờ che khuất ánh dương xiêu
Gió thu lành lạnh hồn thơ liêu
Lá rụng bên thềm thêm hắt hiu.*

kiếp người, nhất là mình lại là một Phật tử.

Còn theo đề nghị của dì Lài, chị em bạn già họp lại sống chung với nhau cho vui. Thử hỏi, những ngày vui về âm cúng ấy được bao lâu? Rồi ai cũng phải lần lượt ra nghĩa trang một mình. Mẹ nghiệm ra rằng những thứ mà người thế gian này—dĩ nhiên là có mẹ trong đó—nương tựa vào đấy mà sống như hạnh phúc gia đình, tình bè bạn cho đến quê hương, giống nòi... tất cả đều chỉ là những chỗ tạm thời, là những cái phao. Phao thì mong manh quá trong biển khổ không bờ bến này. Làm sao có thể vượt trùng dương với phương tiện eo hẹp như vậy? Ít ra mình phải có một chiếc thuyền, như thuyền Bát Nhã chẳng hạn, giúp mình buông bỏ hết mọi chấp trước về ngoại cảnh, về thân tâm thì mới mong tự tại, an ổn đến bờ giải thoát.

Mẹ sẽ tập bỏ dần, bỏ dần những thứ mà xưa nay mình đã ôm đồm, tích lũy: những điều phải trái, những khuôn mẫu xã hội, những so sánh hơn thua, những quan niệm về còn mất, có không, những phân biệt tốt xấu, thiện ác, thánh phàm... Xả bỏ hết cho đến khi nào chỉ còn lại một “tâm không”, một tấm lòng ngậy thơ như trẻ nít, một nụ cười hồn nhiên trước sự đời thì khi đó mẹ khỏi cần tìm cách quay về Việt Nam vì quê hương đích thực đã hiển hiện ngay trong lòng mình.

... Mẹ đã tìm được sự an ổn, mẹ vừa thoát ra khỏi một cơn sóng phiền não. Mẹ đang mỉm cười nhìn hai chú sóc rượt nhau, chuyển hết nhánh này sang nhánh nọ và đang lắng nghe chim hót líu lo mừng ngày nắng ấm giữa mùa thu của cuộc đời. Xả trừ được phiền não, lòng mình nhẹ tênh!

Tuy biết rằng phiền não tức Bồ Đề nhưng không phải là sự dễ dàng cho mẹ để chuyển hóa phiền não đâu. Tuổi tác cao, sự suy nhược về cơ thể kéo theo sự yếu đuối về tinh thần cho nên người già hay bị chìm lún trong đau khổ. Họ không còn đủ ý chí, nghị lực để ngoi vượt lên dù họ là người hiểu đạo, thừa biết vui buồn chỉ là trò huyễn hóa của tâm thức.

Bởi thế, mong con thông cảm được sự yếu đuối và tánh nhạy cảm của mẹ mà tránh cho mẹ những giây phút tủi sầu, để mẹ có thể an vui tu tập. Được an vui tu tập, mẹ hồi hướng công đức này cho con và tất cả những người còn cha hay mẹ trên đời, mong mọi người con đều tròn câu hiếu đạo, cho tuổi già của những người mẹ, người cha không đến nỗi quá hiu hắt lạnh lùng vì những giọt lệ như sương. Và con ơi, nên biết rằng hiếu hạnh là căn bản của đạo làm người, không ai từ bỏ chữ hiếu mà có thể làm nên nghiệp lớn, cho đến những bậc thượng sĩ xuất trần như Thanh Văn, Bồ tát cũng nhờ đạo hiếu mà tiến tới quả vị Vô Thượng Bồ Đề.

ĐI TU

HÀN TÂM

- Thừa thầy con muốn đi tu!
- Thí chủ muốn đi tu hay đi trốn sự đời?
- Dạ... con chưa biết rõ!
- Con muốn thử ngay từ bây giờ không?
- Dạ, con xin thầy hướng dẫn.

Thầy không mặc áo cà sa vàng, như Thanh hình dung suốt con đường lên núi, và con đường lên núi cũng không thơ mộng với những ghềnh đá xanh hay suối nước róc rách, chim ca vượn hót. Thầy mặc bộ quần áo lao động giống như người thợ sửa xe và con đường lên núi chỉ là một lối mòn nhỏ bằng phẳng, bụi bặm khô cằn. Thanh gặp thầy, hỏi thăm đường đến am Tận Diệt.

- Thí chủ đến đó làm gì?
- Cháu muốn gặp thầy Viên Mãn.
- Đây là am Tận Diệt và bản tăng là Viên Mãn.

Hình ảnh đầy phàm tục của ngôi nhà nhỏ vách gỗ như muôn vạn căn nhà vùng nông thôn, thêm chiếc xe Toyota cũ đậu dưới mái hiên, thực sự làm cho Thanh sững sờ thất vọng. Câu chuyện thiền sư ngồi bất động hay ngôi chùa mái cong, có con chim đậu ghéech mỏ lắng nghe tiếng chuông mõ ngân nga giữa cảnh chiều tịch mịch; hoàn toàn đối nghịch với người đàn ông chỉ quá tuổi trung niên, kệch cỡm như lũ người thường tình đã gieo trong Thanh một nỗi ngao ngán.

- Con theo thầy, giờ này đã quá ngọ. Con chỉ nên nói, khi thầy hỏi hoặc khi thật cần thiết cho đến rạng đông.

Thanh dạ nhỏ, lưỡng lự tuân theo lời thầy. Thầy chậm rãi, thả bộ ngược lại con đường Thanh vừa đi lên. Thanh cũng bước theo, bồn khoăn lo nghĩ đến chiếc xe còn đậu lơ dờ, thắc mắc không hiểu thầy đưa mình đi đâu, miệng chỉ chực há ra để hỏi; nhưng thầy bình thản lặng lẽ bước, thong dong tự tại, như thể thầy quên bằng phẳng đê từ đang luống cuống vụng về bước theo sau. Đi mãi, đi mãi... Con đường sao dài lê thê, không như lúc Thanh lái xe lên, mà thầy chưa lộ một

dấu hiệu ngừng nghỉ, trong khi Thanh mệt nhoài đổ mồ hôi dù trời chiều dịu mát.

Mặt trời khuất dần vương vãi những ánh màu đỏ ối, cảnh vật chung quanh bắt đầu đổi hình thành những bóng dáng dị dạng. Rừng núi Bắc Mỹ không um tùm rập rập như vùng nhiệt đới. Những rặng thông thưa thớt rải rác càng làm cho Thanh thêm buồn, thêm xuống tinh thần. Mặc kệ, đến đâu thì đến!

- Con nghỉ qua đêm ở đây!

Thầy điềm đạm nói nhẹ nhàng, rồi ung dung ngồi xếp bằng trên mảng cỏ loang lổ xanh vàng cháy nắng. Thanh bắt chước ngồi theo, cố gắng bắt chước theo kiểu bán già, nhắm hờ mắt nhìn mông lưng khoảng đêm dần dần tràn ngập. Đàn muỗi đói vo ve đậu vào vai, vào lưng, vào cả lòng bàn tay xếp gừa. Thanh có thể cảm nhận chiếc kim nhỏ bé lách qua kẽ da, đâm vào thịt đau nhói. Cố gắng, Thanh tự nhủ thầm chống trả sự đòi hỏi của thể xác đang cần gãi cho đã cơn ngứa. Cố gắng kiểm soát phản xạ của bắp thịt đang thúc dục Thanh tát lên má, nơi nang muỗi tinh quái đang say sưa hút máu. Thanh đã tập thiền ở nhà và có thể ngồi hàng giờ yên lặng. Nhưng lúc này ngồi bất động 5 phút sao thật khó khăn.

Bất giác Thanh ngừng mắt nhìn thầy, bóng thầy như bức tượng đất cổ quá im lìm.

- Không ai có thể giúp con, nếu con không tự tìm cho mình một lối giải thoát.

Giọng thầy vang vang đầm ấm đem lại cho Thanh nguồn an ủi kỳ lạ. Thanh không trả lời, nhắm mắt miên man với âm hưởng của thầy trong đầu "... tự tìm cho mình một lối giải thoát...". Tìm ở đâu, tìm làm sao? Nút thắt tư tưởng không hiện hữu biết bắt đầu từ đâu để gỡ? Thanh quên bằng đám muỗi mòng, không cảm thấy sương đêm đang thấm lạnh. Cái nút thắt vô hình xiết dần khiến Thanh ngạt thở, hơi thở thật nặng nề đến độ Thanh nghe thấy cả tiếng khò khè của luồng không khí tràn qua cuống phổi. Hơi nóng phà theo hai lỗ mũi hâm ẩm vành môi trên, nước mũi thập thò sửa soạn chảy, ra hình như là vậy. Thanh bỗng lo sợ sẽ nhiễm cảm, hay bị sốt rét. Hình ảnh của người bệnh sốt

rét run cầm cập, mắt trợn trắng, gương mặt xám ngoét co rúm như mảnh giẻ rách tơi tả ám ảnh khiến Thanh lo sợ. Thì ra Thanh không sợ cái chết yên bình nhưng vẫn sợ nếu phải chết đau khổ. Thanh bắt đầu run như kẻ bệnh hoạn thực sự, răng cắn nhau cầm cập trong đêm nghe rõ mồn một.

- Con có thể chiến thắng tất cả, nhưng chỉ khi nào con thắng được chính con mới đáng kể!

Đúng vậy! Chỉ có vài ba thứ cảm giác lẫn lộn mơ hồ này thôi mà mình đã hoang mang. Giọng nói của thầy như luồng hơi nóng sưởi ấm đêm Thanh về thực tại. Thực tại của sự mệt mỏi, buồn ngủ. Có lẽ Thanh đã thiếp đi rất lâu và tỉnh giấc khám phá ra mình đang nằm co quắp trên bãi cỏ.

- Con xuống chỗ dốc đó rửa mặt, rồi đi khát thực.

Thầy nói điềm tĩnh như thực làm Thanh hơi hoảng hốt, nhưng cũng cố yên lặng theo hướng tay thầy chỉ. Nước trong chiếc vũng cạn lạnh ngắt. Bao nhiêu năm quen sống với tiện nghi, khiến Thanh lúng túng xoay xở bằng hai bàn tay không khoát nước rửa mặt. Lạnh quá nên Thanh chỉ khoát qua loa cho có. Đầu óc chưa hoàn toàn tỉnh ngủ đã miên man với hai chữ khát thực. Bên đây mà đi xin ăn! Ai cho? Chắc thầy chỉ nói đùa. Thanh bỗng phì cười hỏi thầy:

- Thưa thầy. Đi khát thực bên đây, người ta đâu hiểu truyền thống Phật giáo đâu mà cho mình ăn hở thầy?

Thầy mỉm cười không nói gì, chân vẫn đều bước về hướng chân núi. Căn nhà đầu tiên thầy ngừng lại là một trang trại của nông dân tây phương. Thanh ngờ ngờ nghĩ: thầy mất bình thường vì thầy đứng im lặng ngoài tận cổng rào xa tắp. Thầy thăm thì đọc cái gì đó chẳng hiểu, còn Thanh đứng cạnh ngưỡng chín người. Có lẽ cũng phải mất gần 10 phút thầy mới quay lưng chậm rãi bỏ đi. Căn nhà kế tiếp không gần bên như trong thành phố mà cách nhau cả cây số. Cũng một lối mòn dẫn đến căn nhà vuông vắn và chiếc cổng đơn sơ xa tít mù. Lần này có tiếng chó sủa ran, người nông dân da trắng lái xe ra tận bờ rào:

- Chưa tới mùa thu hoạch đâu Joe, cần gì tôi sẽ lên đón!

Thầy nở nụ cười thật thân thiện, chấp tay bái tạ rồi lững thững đi tiếp. Những căn nhà kế tiếp cũng chẳng có gì khác lạ ngoài dăm ba câu băng quơ mà Thanh chẳng hiểu gì cả. Nhưng dường như, người trong khu này biết thầy và gọi người là Joe. Nâng lên khá cao, Thanh khát khô cổ và bụng cồn cào. Ý tưởng đi tu không còn những sợi rề con để hút chất bổ nuôi dưỡng

Thanh bằng những cảm nghĩ thần thánh mà chỉ còn sự mệt mỏi chán chường! Lòng hoài nghi về những người rừ gánh nợ trần đang lớn mạnh trong Thanh.

- Con khát nước lắm phải không?

- Dạ vâng!

- Hãy cố thêm chút nữa. Đúng ngo mình dùng bữa!

Thầy chắc điên thật rồi! Giờ này chưa có ai cho một tí gì và có lẽ sẽ chẳng có gì cả giữa vùng đất hẻo lánh mênh mông này. Hai kẻ lang thang vào đến trung tâm chợ làng, có xe cộ nhà cửa hàng quán lác đác. Thình thoảng vài chiếc xe chậm hẳn lại, có người vẫy tay chào như người dân thường gặp nhau chào hỏi. Mặt Thanh đỏ như say rượu, nhễ nhãi mồ hôi lấm bụi. Hai chân mỏi rã rời và đôi giày bố như hai chiếc cùm tri hoãn kéo lê từng bước. Thầy bỗng rời bỏ con đường chính quặt ngang vào một ngõ hẻm, mặt sau dãy tiệm buôn có lẽ là hàng ăn nhỏ trong chợ làng.

- Con ngồi đây chờ thầy!

Nói xong, thầy ung dung mở cánh cửa đen đuôi cáu bản dầu mỡ và biến mất sau dãy thùng gỗ chồng chất. Chẳng hiểu thầy đi đâu và Thanh cũng mệt mỏi không nghĩ được câu gì để hỏi... Con khát khiến Thanh bất chấp những đôi mắt tò mò của vài người già thỉnh thoảng dẫn chó đi ngang. Thanh ngồi bệt xuống đất dựa lưng vào bờ tường, lơ lơ nhìn đám bụi xộc lên theo từng chiếc xe chạy nhanh. Nếu diễn tả cho đúng thì đây là ánh mắt thần thờ, nhìn đời chung quanh bằng cảm giác thờ ơ chán nản. Lần đầu tiên Thanh nhìn sự vật chung quanh không cảm nghĩ, không so sánh, không phân biệt. Nhìn để mà nhìn, vì đôi mắt còn mở và vì trái tim còn thoi thóp!

Thầy trở lại ngồi cạnh Thanh, một ly giấy đầy nước và cặp bánh sandwich gói trong lớp giấy nylon trong:

- Con ăn đi! Xong mình trở lên núi nói chuyện.

Thanh cầm vội ly nước uống cạn:

- Thầy không ăn gì sao?

- Thầy không đói lắm!

Thanh ngần ngại cầm cặp bánh:

- Bánh này nhân thịt, thưa thầy!

Thầy cười tùm tùm, xé bọc giấy bóc miếng thịt bỏ vào mồm nhai:

- Muốn uống nữa con cứ mở vòi tưới cây bên hông nhà. Thầy ngồi nghỉ đây!

Thanh nhai vội vàng miếng bánh, cố kềm hãm nhưng vẫn không tránh được vẻ hấp tấp của chiếc bao tử rỗng tuếch. Mỗi lần nuốt, cơ thể Thanh như choáng

tỉnh và khi mẩu bánh cuối cùng trôi tuột, Thanh mới chú ý đến Thầy. Thầy ngồi bó gối như một người lao động trong giờ giải lao. Thầy bình thường như mọi người, một nhà tu mà Thanh lặn lội hơn ngàn cây số đến tìm học đạo, tìm học sự uyên thâm của đời sống tu hành; chỉ là người đàn ông trong bộ áo thợ máy nhan nhản ngoài xã hội vật chất.

- Con nhìn thấy cô gái kia không?

- Dạ con không để ý!

- Vậy bây giờ con hãy thử để ý đi rồi nói cho thầy biết cảm nghĩ.

Thanh liếc nhìn mái tóc vàng óng, với thân hình thật khô gò của người con gái tây phương, với làn da trắng như trứng gà bóc. Một thoáng cuốn hút dăng nhẹ như người hoạ sĩ trầm ngâm trước vẻ đẹp của tạo hóa. Thanh cố lái suy nghĩ đến những lời trong kinh sách, liên tưởng đến thân xác mục rữa thối tha, cái vỏ bọc tứ đại tạm bợ.

- Con không thể ngăn chặn những sự vật vô hình bằng thứ cảm tưởng hữu hình. Hãy thả trôi theo nó! Chừng nào ngừng lại thì nói cũng chưa muộn.

- Thưa thầy! Con muốn tiêu diệt những ý nghĩ đen tối xấu xa.

- Đen tối xấu xa là ngôn ngữ của con người. Ngôn ngữ không có giá trị tuyệt đối. Cái gì tương đối sẽ thay đổi một ngày nào đó!

Giọng nói thầy trầm ấm nhẹ nhàng nhưng mãnh liệt như một lời thúc dục. Thanh ngẩng hẳn mặt nhìn thẳng vào cô gái. Trong đôi mắt xanh biếc dường như chứa đựng cả một trời thơ lãng mạn. Bài thơ cất ngang bằng cái liếc xéo thách thức ngạo nghễ. Giữa Thanh và cô gái chợt sừng sững một bức tường ngăn cách. Hai linh hồn không đồng điệu song hành sẽ chẳng bao giờ hoà nhập.

- Con hãy nhìn chiếc thùng rác ngay bên cạnh con và nói cho thầy nghe con nghĩ gì.

- Con không nghĩ gì hết!

- Con ngửi thấy mùi hôi thối không?

- Con không để ý!

- Thôi chúng ta trở về được rồi!

Thanh dạ nhỏ bước theo Thầy. Cô gái không còn hiện hữu trong tâm trí. Mà lúc này mùi hôi thoang thoang bám theo, bốc lên từ bộ quần áo lấm lem, từ giọt mồ hôi lấm tấm, từ trong miệng chưa súc rửa và từ đôi vớ kín hơi chưa thay đổi. Thanh lắc đầu xua đuổi, quạt tay chùi mũi, nhìn vết bẩn kéo thành hằn trên tay áo.

- Con không thể tẩy xóa cái trong đầu con đâu.

Thầy vẫn bước đều không ngoảnh mặt; mà dường như thầy có thể đọc hết các ý nghĩ trong khối óc hỗn loạn của Thanh.

- Con hãy nhìn xuống chân và để ý từng bước.

Thanh cúi đầu, bàn chân Thanh đột nhiên luống cuống lạ thường, bước chân này không dài bằng bước chân kia. Thanh vận dụng bấp bệ điều chỉnh, chỉ để càng lúc càng thêm lún cấn va vấp, đá cả vào gót chân nhau. Ngẩng lên nhìn đã thấy thầy bỏ quãng khá xa. Thanh vội vàng chạy đuổi theo thầy; bắt kịp người Thanh chậm lại thở dốc. Không ngờ mình mau mệt đến như vậy!

- Từ chỗ này đến nhà, đừng quan tâm hay chú ý điều gì cả. Cứ thẳng mãi sẽ đến nơi. Thầy có việc phải đi trước.

Nói xong thầy thoăn thoắt rảo bước, nhanh nhẹn như những buổi tan sở người ta chen nhau lên xe điện. Thanh lăm lăm nhìn theo, ung dung thoải mái như vừa trút bỏ được gánh nặng khuôn phép khách sáo. Bầu trời chuyển màu, mây bay thật cao và màn đêm dần buông. Không cảm thấy đói khát, cũng chẳng mệt nhọc, Thanh chưa bao giờ cảm giác an nhàn hơn lúc này. Ánh đèn điện hắt ra từ khung cửa sổ. Thầy về từ lúc nào không rõ. Thanh bình thần đứng nhìn Thầy xếp kiết già trên chiếc đệm vải sờn cũ, bệ thờ vòn vện bức tranh Đức Phật Thích Ca đôi mắt nhắm hờ.

Thanh chấp tay cung kính, rồi lặng lẽ ra xe. Con đường xuống núi lóe sáng ánh đèn pha của một người vừa mạnh mẽ thâm hiểu ý nghĩa của đường tu.



SINH SẢN VÔ TÍNH VÀ ĐẠO PHẬT

NGUYỄN TUỜNG BÁCH

Gần đây, một công ty tại Mỹ vừa thông báo đã thành công trong việc tạo phôi người nhân bản đầu tiên (human cloning). Với thành công này người ta hy vọng đi một bước dài trong việc tạo các tế bào gốc của con người. Công ty nọ cho hay, họ chỉ muốn sử dụng thành tựu này để chữa bệnh chứ không nhằm mục đích tạo nên một con người được nhân bản. Sau khi tin này được thông báo, một loạt thành tựu tương tự cũng được công bố, chủ yếu cũng nhằm đến việc chữa bệnh cho con người. Dù thế, mọi nơi trên thế giới đều lên tiếng phản đối, cho rằng việc tạo phôi người nhân bản là đi ngược lại «các nguyên tắc đạo đức», dù chỉ sử dụng nó vì những lý do nhân đạo. Người ta tin rằng, không sớm thì muộn, con người nhân bản thông qua kỹ thuật sinh sản vô tính sẽ hình thành.

Trong lịch sử khoa học, hầu như chưa có một bước đột phá nào gây nhiều phản ứng và tranh cãi như sự việc này. Nhiều người nghĩ ngay đến một viễn cảnh “rừng rợn”, trong đó con người được chế tạo như những món hàng giống hệt nhau chạy ra từ một băng chuyền công nghiệp. Ngược lại cũng có nhiều người vội nghĩ tới tự nhân bản chính mình để sống đời này qua kiếp khác. Có kẻ thành tâm nghĩ tới khả năng sao chép những thiên tài của loài người để họ tiếp tục phục vụ cho nhân loại hàng trăm năm sau đó. Cũng có người chủ trương nhân bản con người chỉ để có một «kho» lưu chứa phụ tùng thay thế tim óc và các bộ phận, một khi chúng bị tai nạn hay bệnh tật hủy phá.

Tất cả những điều kể trên không còn là chuyện khoa học giả tưởng trong thế kỷ 21 của chúng ta. Những điều đó có lẽ sẽ dần dần được thực hiện, chính thức hay không chính thức. Lý do giản đơn là lĩnh vực sinh học này quá hấp dẫn, kích thích đầu óc con người vốn say mê nghiên cứu những điều mới mẻ. Ngoài ra nó sẽ mang nguồn lợi tài chánh vô tận cho những kẻ đi tiên phong và đây sẽ là động lực chủ chốt.

Ngành sinh học của thế kỷ 21 đang đứng trước một quá trình phát triển kỳ diệu. Trong thế kỷ 20, ngành vật

lý cũng có một giai đoạn tương tự. Với sự phát hiện của thuyết tương đối trong những năm đầu và thuyết lượng tử trong khoảng những năm 30, thế kỷ 20 đã làm một cuộc cách mạng trong ngành vật lý, đã thống nhất nhiều khái niệm tưởng chừng như độc lập với nhau, để đưa vật lý của thế kỷ thứ 19 từ một mức độ “trung bình” của con người đến mức bao quát, gồm chứa cả những thế giới cực nhỏ của các hạt cơ bản đến những phạm vi cực đại của các thiên hà. Quan trọng nhất là nền vật lý hiện đại đã đưa thẳng con người đi đến cửa ngõ của triết học, trong đó nhiều nhà vật lý khẳng định thế giới vật chất dường như không phải là một đối tượng «độc lập tự nó» mà là sự cảm nhận của con người về một thực tại khác. Thế giới vật chất chỉ là dạng xuất hiện của thực tại đó trong ý thức quán chiếu của con người. Vì lẽ đó, sự phát triển của ngành vật lý trong thế kỷ 21 sẽ mang nhiều tính chất «tâm linh» mà sự đồng qui của nó với triết học phương Đông, nhất là với Phật giáo, đã được nhiều người thừa nhận [1].

Khi những đối tượng nghiên cứu thuộc phạm vi «vô sinh» như vật chất mà đã dẫn đến những vấn đề thuộc về vai trò của «ý thức» thì ta có thể dễ dàng nhận thấy ngành sinh học còn đặt những câu hỏi thiết thân hơn nữa với triết học. Sự sống do đâu mà có, con người từ đâu sinh ra và sẽ đi về đâu - đó là những câu hỏi xưa nay của nhân loại trong triết học và ngày nay bỗng nhiên trở thành then chốt trong sinh học. Sự khám phá ra bộ gen người (Genom) hứa hẹn một điều rất thú vị. Với Genom, người ta nghĩ rằng đã tìm ra được tất cả những chữ cái và sẽ đọc được cuốn sách về sự sống, được viết nên bằng những chữ cái đó. Nhiều người vội cho rằng Genom là nguồn gốc của sự sống cũng như các hạt cơ bản là nguồn gốc của mọi vật chất trong ngành vật lý của thế kỷ trước. Thế nhưng nếu trong ngành vật lý đã có một sự bùng nổ lớn lao rằng, hạt cơ bản xem ra cũng chỉ là dạng xuất hiện của một thực tại khác, chúng xuất hiện tùy theo cách quan sát của con người, thì trong ngành sinh vật người ta chưa biết Genom là nguồn gốc của mọi sự sống hay

bản thân Genom cũng chỉ là dấu vết của một thực tại khác. Thế kỷ 21 có lẽ sẽ trả lời câu hỏi đó và nhiều nền triết học phương Đông có thể có những giải đáp quan trọng.

Một hệ quả của sự thành tựu trong ngành sinh vật hiện nay là khả năng nhân bản của con người bằng cách sử dụng gen người, cho nó tự phân chia, không cần đến sự thụ tinh thông thường. Đó là lý do mà sự sinh sản đó được mệnh danh là «vô tính». Mặc dù hiện nay người ta chỉ nhân bản các động vật như bò, trâu nhưng khả năng nhân bản con người là hầu như chắc chắn trong tương lai không xa. Câu hỏi đầu tiên và then chốt được đặt ra là, con người được nhân bản đó là «ai», nó là một hay khác với con người «bản chính». Người ta phải đối xử thế nào, nếu một ngày nọ có một Hitler đi dạo trên đường phố Paris?

Không phải chỉ hình ảnh Hitler mới làm ta thấy «rùng rợn» mà chỉ hình dung về một con người bình thường thứ hai giống như bản chính như hai giọt nước đủ gây hãi hùng trong chúng ta. Tôn Hành Giả thổi sợi lông biến thành hàng ngàn con khỉ khác chỉ gây thú vị trong Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân nhưng tốt hơn nó nên dừng tại đó. Vì lẽ đó mà nhiều nơi trên thế giới đều chống lại chuyện nhân bản con người. Thế nhưng ngoài sự sợ hãi chung chung, có hai loại tư tưởng chính trong việc phản đối. Một là, tư tưởng thần học cho rằng chỉ có Thượng Đế hay Chúa mới làm chủ được sự sống, con người không được phép giành lấy quyền sáng tạo sự sống của Chúa. Hai là, tư tưởng duy vật cho rằng, con người nhân bản là một, là đồng nhất với con người bản chính, vì tâm thức là sản phẩm của cơ thể. Có kẻ trong giới đó cho rằng cơ thể «tiết» ra tâm thức cũng như não tiết ra tư tưởng, như gan tiết ra mật. Vì thế tâm thức con người bản sao sẽ là một với con người bản chính. Đáng sợ thay! Vì thế mà nếu có nhân bản thì không ai sáng tạo Hitler cho mang họa mà người ta sẽ tạo ra một Einstein để mọi người được nhờ. Cũng vì nghĩ thế mà nhiều người muốn nhân bản chính mình vì «mình» sẽ được sống ngàn năm.

Con người nhân bản là «ai»? Đó là một câu hỏi không đơn giản. Người viết bài này tự tìm cách trả lời bằng cách lục lại kinh sách của thánh nhân và biết trước rằng vấn đề này có lẽ sẽ không bao giờ có một lời giải chung quyết.

- Nay A Nan, ta đã nói, có Thức mới có Danh Sắc. Nói như thế tức là: nếu Thức không lọt vào lòng mẹ, thì trong bụng người mẹ đó có Danh Sắc sinh ra chăng?



Thơ HỒ HƯỜNG LỘC

LẠC LỐI THÌNH KHÔNG

*Ngàn năm lời ru của mẹ
Giọt nước thấm sâu lòng đất
Lòng mẹ yêu con chất ngát
Lát vàng trải lối con đi
Công cha thương con ngại gì
Lòng con mãi mãi khắc ghi
Mẹ ơi con vẫn thì thầm
Ước gì gặp mẹ một khi
Bụi ngủi mẹ vẫn bên đời
Tình yêu sâu lắng ngàn khơi
Tình yêu mẹ đời nào vơi
Nén dòng lệ rơi hoen mi
Mênh mông dòng sông mênh mông
Nẻo về lạc lối thình không.*

- Bạch Thế Tôn, không. (Trường Bộ Kinh, 15).

«Danh Sắc» là từ chỉ chung là hai yếu tố tâm lý và vật lý mà nếu nói chi tiết chính là ngũ uẩn. Danh Sắc là yếu tố thứ tư trong mười hai nhân duyên và do yếu tố thứ ba, Thức, sinh ra. Không có Thức thì không có Danh Sắc. Một bào thai muốn thành hình thì phải cần «tinh cha huyết mẹ» làm cơ sở vật chất và một Thức sẵn sàng tham dự vào đời sống tương lai.

«Cha mẹ giao hợp với nhau và người mẹ đã đến thời, nhưng nếu không có một thức sẵn sàng gia nhập thì không có thai nhi» (Trung Bộ Kinh, 38).

Như thế tinh cha huyết mẹ chỉ là cái khung vật chất để Thức có thể nương tựa. Còn Thức nào sẽ «tham dự» vào đó và tại sao nó tham dự là một vấn đề nằm ngoài khả năng suy luận của người bình thường. Thế thì thai nhi là «ai»? Ta có thể hiểu một cách sơ sài Thức đó là một nguồn năng lực có tính cá thể và có đủ «nhân duyên» với cha mẹ để «đợi» thời điểm đó mà tham gia vào và trở thành thai nhi. Điều quan trọng nhất có lẽ là giữa nghiệp lực của cha mẹ và của Thức phải có một mối quan hệ rất sâu xa vì Thức sẽ lấy máu mủ của cha mẹ làm cơ thể của mình và lớn lên trong môi trường sống do cha mẹ tạo ra.

Vì lẽ đó mà trong quan điểm của đạo Phật, việc sinh con đẻ cái là một quá trình kỳ diệu của nghiệp lực. Đó không hề là một chuyện tầm thường, càng không phải là một điều tình cờ, kết quả vô ý thức của hành động tính dục. Thai nhi không phải do cha mẹ sinh ra mà thông qua cha mẹ để đến với thế giới con người. Thai nhi không phải là một tờ giấy trắng để cha mẹ có thể vẽ lên đó những gì mình muốn mà nó đã mang kinh nghiệm và năng lực của một quá khứ vô thủy. Vì thế con cái có thể «già giận» hơn cha mẹ rất nhiều. Nó cần tinh huyết và sự nuôi dưỡng của cha mẹ vì giữa ba con người đó có một mối liên hệ về nghiệp mà thường cả ba đều không biết và chỉ có thánh nhân như Phật mới thấy rõ.

Trong kinh sách đạo Phật, nhất là trong «Tứ thư Tây Tạng»[2], ta còn tìm thấy những mô tả cảnh tượng lúc Thức bị nghiệp lực lôi kéo vào bụng mẹ và những gì mà nó cảm nhận trong lúc Thức gia nhập vào thân thể thai nhi. Thế nhưng những điều này không phải là đối tượng của bài này. Điều cần xác nhận nơi đây là, một thai nhi chỉ thành hình khi có Thức gia nhập và máu huyết của cha mẹ chỉ là phần sắc thể của sinh vật.

Xuất phát từ điều đó, ta hãy thử xét điều gì xảy ra khi phôi người nhân bản hình thành và nếu tế bào tỉ hon đó phát triển thành người thật thì nó có quan hệ thế nào với con người bản chính. Như đã nói ở trên, sự hình thành thai nhi trong điều kiện bình thường vốn đã hết sức kỳ diệu và cơ chế đích thực của nó nằm ngoài khả năng tư duy của chúng ta. Vì thế dùng tư duy để tìm hiểu quá trình của sự nhân bản con người - một vấn đề hoàn toàn mới mà kinh sách chưa hề đề cập đến - lại càng là một điều bất khả. Bài này chỉ có chút hy vọng tìm hiểu vài khía cạnh thuộc về phạm vi suy luận của câu hỏi lớn này.

Trước hết có lẽ cần quan niệm rằng, động tác của nhà sinh vật khi đưa gen người vào một trứng có thể được xem là hành động «tạo cơ sở vật chất» cho một sinh vật. Dù đây là thành tựu to lớn của ngành sinh vật nhưng về ý nghĩa thì đây «chỉ» là hành động thay tinh cha huyết mẹ của thai nhi thông thường bằng một gen người có sẵn. Thế nhưng, muốn nó trở thành sinh vật - dù đó là thú vật, phôi người để trở thành các tế bào chuyên môn hay thậm chí thành một con người bản sao - thì ngoài các điều kiện môi trường của phòng thí nghiệm, nhất thiết phải có một Thức «chịu» tham gia. Nếu dùng từ «nhân duyên» để soi sáng thì «duyên» là các điều kiện và khả năng kỹ thuật của nhà sinh vật, còn «nhân» chính là một Thức sẵn sàng gia nhập. Nơi đây khả năng lý luận của chúng ta đã bị chặn đứng vì không ai biết rõ Thức tái sinh nơi đây là gì, nhưng xem ra không phải dễ tìm được một Thức như thế vì chỉ sáng tạo con cừu Dolly thôi mà người ta phải thử gần 300 lần nhân bản. Người ta cho rằng xác suất để thành hình một con người nhân bản sẽ khó hơn gấp bội lần, thai nhi sẽ sớm chết trong bụng mẹ.

Từ một góc nhìn khác, kinh sách đạo Phật cho ta biết rằng, nghiệp lực của Thức tái sinh sẽ «lựa chọn» cha mẹ và hoàn cảnh sống, từ đó mà chịu hay không chịu tham gia vào một «cơ sở vật chất» - tức là tinh cha huyết mẹ trong trường hợp thông thường và gen người được cấy vào trứng trong trường hợp nhân bản. Mặt khác, Thức, tức là năng lực sống mang tính cá thể, vốn tràn đầy trong đại thiên thể giới, nên ở đâu cũng có sự sống xuất hiện, nơi nào có điều kiện sống là có sinh vật. Đạo Phật quan niệm mỗi cấp bậc của sự sống đều mang một Thức tương ứng: cấp vi trùng vi khuẩn cũng có Thức của nó, cũng như mỗi tế bào, mỗi mô sinh vật cũng thế, cho đến thú vật và con người, đến các loài khác mà con người không thể trông thấy. Vì thế mà sinh vật có thiên hình vạn trạng, được sinh ra trong bốn cách, loài sinh con, loài sinh trứng, loài sinh

trong chỗ ẩm ướt và loài hóa sinh.

Như thế thì ta không lấy làm lạ nếu có những sinh vật sẽ phát sinh từ phép nhân bản, dù sinh vật đó là loài thú hay chỉ những tế bào có tính chuyên môn mà con người hiện đang hy vọng dùng để chữa bệnh. Và nếu ngày nào đó có cả một con người hẳn hoi sinh ra từ sự nhân bản thì ngoài cái rùng mình sợ hãi ban đầu, ta cần xem đó là một con người bình thường như chúng ta. Đó là một người mà tinh cha huyết mẹ đã được thay bằng bộ gen của người bản chính và, đây là điều quan trọng nhất, đã có một Thức tái sinh tham gia vào sự sáng tạo này, cũng như một Thức đã gia nhập vào bụng mẹ lúc tượng hình thai nhi. Thế nên, người trả lời được thai nhi là «ai» thì sẽ trả lời được con người nhân bản là ai. Hai câu hỏi đó chỉ là một và trong chúng ta xem ra ít có người biết câu giải đáp.

Con người bản sao sẽ rất giống với con người bản chính vì cùng một bộ gen, nhưng tâm thức người đó không phải là tâm thức của con người bản chính. Nó cũng có một quá khứ xa xôi riêng biệt của nó với tất cả những năng lực và kinh nghiệm mang theo. Thế nhưng giữa nó và con người bản chính hẳn phải có một nghiệp lực vô cùng kỳ lạ vì nó sẽ giống với người đó một cách khủng khiếp, giống hơn hẳn hai trẻ sinh đôi cùng một trứng. Giữa hai con người, nơi đây ta tạm gọi là bản sao và bản chính, phải có một mối liên hệ về nghiệp mà tư duy chúng ta không bao giờ tiếp cận nổi.

Khác với quan niệm thần học, đạo Phật không thấy có một ai nắm quyền làm chủ sự sống mà sự sống là khả năng nội tại nằm trong mỗi sinh vật. Khác với quan niệm duy vật, đạo Phật thấy Thức tái sinh là năng lực chủ động tạo tác thân người và cơ thể chỉ là phương tiện cho tâm thức nương tựa và thực hiện trách nhiệm của mình, cho dù nó thực hiện một cách có ý thức hay vô ý thức. «Tâm dẫn đầu các pháp»[3], dù «pháp» ở đây là một thai nhi hình thành trong tình trạng bình thường hay thông qua một thủ thuật của con người.

Đến đây độc giả sẽ có người sốt ruột hỏi, thế thì đạo Phật cho phép hay không cho phép thi hành phương pháp nhân bản. Bài này không dám có tham vọng trả lời một câu hỏi đạo đức như thế, nó chỉ muốn nêu lên vài khía cạnh hẳn còn sơ sài của vấn đề. Thế nhưng thông qua những suy nghĩ trên đây, một yếu tố khác hiện ra rõ nét. Đó là việc sinh con đẻ cái trong tình trạng bình thường không hề là một chuyện tầm thường. Đó là sự hiện hành của một mối nghiệp lực

sâu xa, là sự sáng tạo một sinh vật với thể chất và tâm thức, một bên là của cha mẹ, một bên là của sinh vật mới, hòa quyện với nhau trong một thể Danh Sắc thiêng liêng không gì sánh được.

Nếu con người biết kính sợ trước tác động huyền diệu của nghiệp lực, biết cẩn trọng với một thai nhi được tạo hình trong điều kiện bình thường thì con người được quyền bắt tay làm những thủ thuật để sinh vật mới mẻ ra đời. Nếu con người chưa hiểu ngộ những điều đó, chưa vươn tới mức đạo lý đó, chưa biết quý trọng sự sống, dù của sinh vật bé nhỏ nhất, thì tốt hơn hãy thối lui, hãy học lại những bài học vỡ lòng về đạo đức.

(3.12.2001)

-
- [1] Xem thêm « The Tao of physics » của Fritjof Capra
 - [2] The Tibetan book of the Dead(Bardo Thodol) cu »a Evans Wentz
 - [3] Lời trong kinh Pháp Cú .



VỀ VƯỜN

VĨNH HẢO



Về đây, sáng sớm mặt trời soi nơi vườn trước, buổi chiều nắng xiên ở vườn sau. Trên cao độ của vùng đồi núi chập chùng, mây trắng giăng ngang tầm mắt. Chung quanh trống trải, nhìn đâu cũng thấy trời xanh. Gió lồng lộng xua cây lá lao xao. Hàng xóm dăm ba căn nhà đất rộng thênh thang. Lũ trẻ chơi đùa trên con đường nhỏ chỉ rộn lên một lúc rồi trả lại không khí êm đềm của khu ngoại ô im vắng.

Bên nhà người hàng xóm, con ngựa con mấy tháng tuổi trông thật dễ thương; nó cuồng chân chạy rông trong khoảng chuồng rào bằng lưới mắt cáo, trong khi ngựa mẹ thì sục đầu vào cái thùng phuy nhựa tìm nước uống. Thùng trống, ngựa mẹ dùng mõm hất qua hất lại lẫn lóc, tạo tiếng kêu lục đục để nhắc nhở chủ quan tâm. Ha, mấy nhà hàng xóm này nhà nào cũng nuôi ngựa. Ít nhất cũng hai con. Thế mà chưa ai làm cái chuồng cho đàng hoàng. Họ mượn hàng rào mắt cáo của vườn nhà để làm chỗ “nhốt” ngựa. Trong khi đó, sân sau của mình lại có cái chuồng ngựa thật rộng

đóng bằng loại nhựa đặc màu trắng. Chuồng ngựa kiên cố, có cổng cài then đàng hoàng, mới tinh au, sáng lên giữa nền đất vàng sậm. Ủ, thì có chuồng, để làm chi đây? Người có ngựa lại không có chuồng; người có chuồng lại chẳng nuôi ngựa! Đâu phải mình có ý sở hữu cái chuồng ngựa này đâu. Chỉ tại chủ nhà trước đóng chuồng nuôi ngựa, bây giờ bán nhà, mang ngựa đi, bỏ lại cái chuồng nơi đây, thế thôi!

Nếu không thích khuôn khổ thì đừng bày chuyện đặt ra những khuôn thước đạo đức, những điều lệ nội qui, những đường hướng, qui tắc, qui luật... đòi hỏi hoặc ép buộc người này người kia phải nghiêm chỉnh tuân theo, trong khi chính mình lại bê bối, lem nhem, chẳng tôn trọng ngay cả những điều lệ căn bản tối thiểu! Còn nếu không theo được qui ước chung thì hãy im lặng, sống nơi hoang vu rùng rú, chẳng cần luật tắc gì của tổ chức con người và xã hội. Ngựa hoang thì cần gì chuồng. Ngựa nhà thì phải có chuồng tươm tất. Không đủ khả năng làm chuồng thì đừng nuôi ngựa.

Không thích nuôi ngựa thì đừng làm chuồng. Chuyện chỉ có vậy thôi, sao lại làm cho trở thành rối rắm cuộc đời!

Lâu lắm rồi mới trở lại công việc cuốc cỏ, dọn vườn. Khu vườn người trước để lại sao mà um tùm, rậm rịt. Vườn trước họ còn cố gắng cắt tỉa, dọn dẹp cho được mắt và tránh sự phiền hà của hàng xóm cũng như của sở vệ sinh thành phố--nhưng cũng chỉ được xem là tạm tạm thôi--còn vườn sau thì quả là giống một khu rừng thu gọn. Cỏ gai và những giầy leo trần lan, lẫn lút những giống cây quý. Đồ đạc trong nhà không dùng được nữa cũng vất bừa đâu đó chung quanh, bất cứ chỗ nào còn được khoảng trống. Hi hục cả tháng trời dọn dẹp, khu vườn vẫn chưa gọn sạch như ý muốn.

Chẳng phải sự ngăn nắp, gọn gàng, thứ tự, sạch sẽ... là điều mà ai cũng ưa thích, mong muốn. Có khi sự bừa bãi, vô trật tự, dơ nhớp, bầy hầy... lại cho người ta niềm thú vị, thoải mái nào đó. Như ý của mình không hẳn sẽ như ý người khác, ngược lại cũng thế. Cứ theo tính khí và thói quen của mình mà tạo nên thế giới của riêng mình, như ý mình; rồi hồn nhiên mà sống trong sự bày vẽ đó. Trật tự không hẳn là tốt đẹp; vô trật tự cũng không hẳn là tồi tệ. Trật tự là sự bày biện theo công thức; vô trật tự là thứ trật tự ngoài công thức qui định của con người và xã hội. Có thể nào chọn một trong hai thứ trật tự này không nhỉ? Nếu được thì tại sao phải lo vườn trước tươm tất để che mắt thiên hạ, còn vườn sau thì bừa bãi, luộm thuộm, hoàn toàn trái ngược? Hay là sống ở cuộc đời này phải đi hàng hai, bề ngoài sống với thiên hạ, bề trong thì sống cho mình? Ôi, chẳng lẽ con người trong tư cách một phần tử của xã hội và nhân loại, đều phải như thế? Và ngay cả những người lãnh đạo quốc gia, tôn giáo, đoàn thể... cũng phải như thế? Nếu phóng khoáng với người, khắc kỷ với mình thì là điều đại hạnh cho cuộc đời. Chỉ sợ là ngược lại. Mà thực tế đã cho thấy, chỉ toàn là ngược lại.

Mùa đông, mặt trời lặn sớm. Mới năm giờ chiều mà mây xa đã tím ứng cả nửa vòm trời. Ngồi ở hiên sau, lắng nghe âm thanh của hoàng hôn rơi xuống theo gió nhẹ. Tiếng chó sủa đâu đó khi xe chạy qua đường. Một đàn chim bay vội về phương bắc, nơi dãy núi trùng trùng giăng ngang ẩn hiện sau màn mây mờ đục. Cuộc sống của con người dường như ngưng tụ trong khoảnh khắc, nhường chỗ cho sự tịch lặng của màn đêm huyền diệu. Muôn sao bắt đầu ánh lên những chớp lờ lình động của những thế giới bí ẩn xa xăm.

Về vườn, vui thú điền viên, thực chất chỉ là ảo vọng sắp xếp cuộc đời theo ý mình, trong khả năng giới hạn của mình. Một mảnh vườn nhỏ bừa bộn cỏ gai và rác rưởi không hẳn là phải cần đến sự chăm sóc của bàn tay và khối óc con người. Dọn dẹp sắp xếp thì là vườn. Để cỏ cây tha hồ trời dậy thì là rừng. Có gì đẹp, xấu, sạch, dơ? Chỉ là theo ý mình hay không mà thôi. Nhưng nếu chủ tâm tạo dựng vườn tược thì cũng nên chăm sóc vườn sau như là vườn trước, trong nhà cũng như ngoài sân. Không phải vì bên trong và bên sau, khuất mắt thiên hạ thì cầu thả bề bới; không phải vì bên ngoài và đang trước trình diện láng giềng mà cần trọng vun quén chăm lo. Cỏ rác, bụi bặm, có bao giờ ngưng sinh sôi, tràn lấn? Cuộc đời và thuộc tính của nó có bao giờ là sự bất hoại, thường nhiên? Chính sự bất toàn khổ đau là trật tự muôn đời của con người và xã hội. Vô trật tự là trật tự của nó. Ai cũng hiểu điều này và đã từng phát biểu nhiều lần về điều này. Như thế, nguyện làm giảm thiểu khổ đau cho cuộc đời, có thể nói nôm na chỉ là ước vọng dọn vườn: không phải để có một mảnh vườn tuyệt đối đẹp đẽ, ngăn nắp, sạch sẽ, không bao giờ có rác rưởi, cỏ gai... mà để tiếp tục công việc của một người dẫn thân đi trên con đường dài bất tận. Còn cỏ rác thì còn dọn dẹp, chẳng làm sao mà gọi là về vườn, vui thú điền viên được. Cũng vậy, cuộc đời còn khổ đau bất toàn, thì chẳng làm sao mà nghỉ ngơi, hưởng nhàn được.

Về đây, một mình ngồi lặng ở hiên sau ngắm bóng chiều tà mù lạnh hơi sương và những đêm dài huyền hoặc bóng ngàn sao. Trong bóng đêm, không có sự sạch-dơ, tốt-xấu; không có vườn hay rừng; không có phố thị hay ngoại ô. Chỉ có niềm tịch lặng. Và tôi, tuy về vườn, lại chẳng có về gì là cách xa với con người và cuộc đời bên ngoài thềm hiên nhỏ nơi đây. Con đường vẫn như thế, dài bất tận. Không thể không đi.





TRÔI LAI BEN THUY DÖÔNG

truyen dai nhieu chöông của HO TRÖÔNG AN

Chương Ba

Hai tuần lễ trôi qua.

Vào một buổi tĩnh sương, Thúy Hoa thức dậy để cùng bà vú sửa soạn bữa điểm tâm. Gió ngoài sông Cổ Chiên hiu hiu nên mặt sông chỉ gợn sóng nhỏ. Tàu xà lan của lính thủy gồm một đoàn 5 chiếc lướt qua bến đò, rồi rẽ vào cửa sông Long Hồ. Có lẽ, các chàng lính thủy sau chuyến tuần tiễu trên sông Cổ Chiên này trở về căn cứ hải quân tọa lạc bên cạnh cầu Thiêng Đức chẳng?

Qua mắt cáo, nền trời hãy còn trắng đục màu sữa loãng. Nhưng sau khóm tre, là một góc phương Đông ửng sắc mây hồng. Sương lam như khói còn vương vất trên những ngọn cây cau, cây dừa, cây mù u, cây mít như choàng một tấm the mỏng. Sương thấp thoáng trong các khóm tre làm nàng có cảm tưởng thân tre tiết ra hơi nước ẩm đục.

Trên bếp lửa, nồi cháo trắng đang sôi. Bà vú đang chấy tôm trứng ở hỏa lò kế bên; mùi tiêu, tỏi tỏa sức nức. Thúy Hoa đem mớ khô sặt ra nướng, đầu óc nghĩ ngợi miên man các biến cố đang xảy ra trong đại gia đình của mình.

Sau bữa ăn tối tại nhà từ đường của anh chị em nàng, Tường Phụng mời cả gia đình nàng, luôn cả bà vú sáng hôm sau đến nhà bà Tám Giỏi dùng cơm trưa với hai món chính là món cháo lòng và món thịt quay ăn cặp bánh hời. Rồi đó, mỗi ngày Tường Phụng cứ sang đây trò chuyện với Thiều Hoa. Còn Khải Tường thì cùng Tổ Thuận thường rủ nhau thăm dò ngang qua thành phố, rồi đèo nhau thăm viếng các vùng phụ cận tỉnh Vĩnh Long bằng chiếc xe xi-cút-tơ hiệu Norton. Và Khải Thụy thì đến nhà bà Tám Giỏi để được chuyện trò với Tổ Hiền. Tất cả như xuôi theo một tiền duyên nghiệp lực lôi cuốn với một vận tốc đáng kể. Họ say tình với nhau rồi. Họ mê man bơi lội trong cái viễn ảnh của biển hạnh phúc mà họ chỉ mới phác

họa trong đầu rồi. Thúy Hoa rất vui mừng khi thấy anh trai và thằng em của mình đã tìm một đối tượng tình yêu để có thể đi đến hôn nhân. Bây giờ họ hãy còn xa ngưỡng cửa hôn nhân, chỉ mới lần mò trên lộ trình đưa đến ngôi đền tình ái. Nhưng ai cấm nàng hy vọng, dù là một mảnh vụn hy vọng đi nữa? Nhưng nàng lại áy náy xót xa khi thấy chị mình bị Tường Phụng cuốn hút vào cái đam mê mà nàng chỉ mới tưởng tượng thôi cũng cảm thấy ngại ngùng nhột nhạt rồi. Nhưng eo ơi, ông anh tham đắm hiểu sắc của tôi, cậu em già kén kẹn hom của tôi dám đưa đẩy hai cô gái nhà lành kia làm chuyện trên Bộc trong đầu lắm chứ. Họ chỉ biết cái khoái lạc trong chốc lát bất kể hậu quả tai hại, bất kể chuyện ác đức bất nhân. Hừ, biết đâu được. Ở thời mạt pháp này, chuyện gì mà chẳng có thể xảy ra? Đầu phải ai cũng như con Thúy Hoa chậm tiến và cổ hủ này. Ngoài chồng nó ra, không ai được phép ôm vai, ôm eo nó. Đàn ông nào khác không được phép ngó chăm bẵm và ngó lâu vào nó. Cái nhìn của đàn ông thuộc loại gian tà thường thay thế bàn tay ôn dịch để ve vuốt mình mấy phụ nữ. Ve vuốt thân thể phụ nữ bằng mắt cũng nguy hiểm, cũng làm họ ngại cả người như vuốt ve bằng tay. Cho nên con này phải đề phòng cho chắc ăn.

Hôm qua, Hòa Phong vừa từ ngôi nhà từ đường của ông Hội đồng Long ở Trà Vinh lên đây để cùng hưởng một tháng thay vì một tuần lễ nghỉ hè ở quê vợ. Trước khi đi, chàng ra Vàm mua các món hải sản như cua biển, ghẹ, nghêu, sò huyết, cá chim, cá nư, mắm cá thu. Theo lời vợ dặn, chàng đã nhờ bà tở già muối cá chim và kho cá nư sẵn và đựng trong nồi đất và soong nhôm. Đó là những món quà biếu gia đình bên vợ vậy.

Tờ mờ sáng hôm nay, sau cuộc đầu gối tay áp với chồng, Thúy Hoa tỏ vẻ thuật lại các gia biến hiện tại dưới mái nhà này. Hòa Phong bẹo má vợ:

- Em nhảm quá đi thôi. Anh Tường Phụng phải trang hảo hán, đúng bậc trượng phu, dù học lực anh ấy kém, dù anh ấy xuất thân từ một gia đình khiêm tốn trong xã hội. Nhưng bây giờ anh ấy có căn cơ, có đủ bát ăn bát để rồi. Còn chị Hai thì duyên sai phận lỡ, đâu thể ngưỡng vọng lên cao, chỗ người đàn ông do em hoạch định cho chị ấy kết hôn? Còn anh Ba và cậu Năm đang ve vãn hai cô Tổ, nhưng chắc gì họ lòi cuốn người yêu họ đi xa. Em đừng quen thói:

Một lo con bò trắng răng

Hai lo kẻ thấp không bằng người cao.

Ba lo cá trẻ không râu

Bốn lo thợ mộc của bào đục cây.

Chàng cười khanh khách và hôn vợ đắm đuối dù chàng chưa kịp chà răng súc miệng. Thúy Hoa nũng nịu ngã đầu lên vai chồng, nói nhỏ:

- Đêm qua, anh làm cướp làm giặc, làm quý làm yêu với em chưa chán, hay sao mà còn giờ thêm trò này nữa?

Hòa Phong áp hai bàn tay lên mặt vợ:

- Em không thích à? Ai bảo em đẹp thế này, tình tứ thế này?

Thúy Hoa lại ngược mặt cho chồng hôn. Nàng bảo:

- Em hạnh phúc lắm. Em cư xử đâu đó vuông tròn theo bốn phận. Cho nên em chỉ mong bà chị của em, ông anh của em và cậu út nhà này đi theo con đường của em, con đường duy nhất làm cho vong linh ba má em hài lòng nơi chín suối.

Hòa Phong thẳng thốt kêu lên:

- Trong gia đình này, đâu có ai duyên ưa phận đẹp như em mà em muốn tất cả phải giống em, hành xử theo con đường do em vạch ra. Em chỉ nghĩ tới ba má của em tức là nghĩ đến những người đã chết. Sao em không nghĩ đến những người đang sống kém may mắn hơn em, không có cơ hội tốt và không có tâm tánh như em. Em bắt họ phải theo em để sống như thì em độc tài quá đi mất.

Từ 4 năm qua, Hòa Phong thường tụng Đại Bi Thần Chú. Dù là mật ngữ của Thập phương chư Phật nên chàng không sao nắm bắt được nghĩa thú. Thế mà khi vừa tụng chàng vừa lắng sâu vào từng tiếng vừa quán chiếu vào Tâm Từ Tâm Bi, chàng cảm thấy tâm hồn mình bát ngát bởi một không gian mát rượi mênh mông. Lúc đó, đầu óc chàng trong mát như rau cô tầm sương, thần trí thật nhẹ nhàng khoan khoái một cách lạ lẫm. Từ đó, việc gai góc nào đến chàng, chàng đều bỏ chín làm mười, và mở rộng trái tim để đón nhận cái giây phút thần diệu khi tụng Đại Bi Thần Chú kia.

Rồi một đêm kia, trong cơn chiêm bao bất chợt, Hòa Phong thấy mình đi tìm những giọt sương đọng trong lòng lá sen và giữa nhụy hoa sen để nấu nước pha trà. Đến một bông sen trắng to nhất, chàng thấy giữa lòng hoa có một giọt sương lớn và tròn trĩnh giống như trứng chim cút. Chàng dùng ngón tay sờ vào hạt sương, nó không còn ở thể lỏng nữa, mà ở thể cứng như đá. Tỉnh giấc, chàng nghĩ rằng đây là hình ảnh viên kim cương (mani) tượng trưng cho trí tuệ trong lòng hoa sen (padmi) tượng trưng cho tâm Từ Bi. Trí tuệ vốn nằm trong tâm Từ Bi, muốn có trí tuệ phải có tâm Từ Bi như lời Phật dạy qua câu thần chú “Om Mani Padmi Hum”. Cho nên chàng thường niệm mỗi ngày câu thần chú ấy 108 biến.

Vừa khi bà vú sắp mâm bày bàn thì cả nhà đã thức

dậy. Riêng Thiều Hoa thì đã dậy trước Thúy Hoa, đang tưới vạt rau ở hai bên hông nhà cùng cây cảnh và hoa trồng trong bồn trong chậu bày ở sân trước. Hòa Phong chỉ chà răng, cạo râu, rửa mặt, còn hai chàng Khánh thì tắm gội trước khi làm các thủ tục buổi sáng. Cả hai xứ nước hoa lavande thơm nồng.

Hôm nay, ngoài món tôm trứng chấy trong như hồ phách, còn có món khô sắt nướng xé toi, món cá lòng tong đá kho tiêu chan mỡ béo ngậy, món củ cải dầm nước tương, món dưa mắm trộn tỏi ớt chanh đường và thịt luộc, món trứng vịt muối luộc xé đôi. Hòa Phong bảo Thiều Hoa:

- Ở đây, em tha hồ ăn các món thịnh soạn. Bữa điểm tâm nào cũng có nhiều món tuy phổ thông, nhưng ngon tuyệt vời!

Thiều Hoa bảo:

- Mấy thuở anh chị em chúng mình được sum họp như thế này. Cho nên vợ của em siêng chăm làm các món ngon cho cả nhà thưởng thức. Bình thường chị chỉ làm những món theo kiểu chém to kho mặn mà thôi.

Thúy Hoa nhìn anh mình mặc áo sơ-mi cụt tay màu lưu huỳnh, quần tây dài bằng dacron màu sô-cô-la, giày tây mỏ vịt màu vàng. Còn Khải Thụy mặc chiếc áo màu chàm đậm, kẻ sọc xuôi màu lam ngọc, quần tergal màu đá huyền vũ, chân đi giày đen. Nàng hỏi anh:

- Hôm nay, anh đưa cậu út đi đâu mà cả hai ăn diện thanh lịch và xứ nước hoa thơm ngát như thế này?

Khải Tường cười thật tươi:

- Chẳng ai đưa ai, chẳng ai muốn theo ai cả. Tuy cùng qua bên chợ, nhưng mỗi người rẽ một ngã riêng, có cuộc hẹn hò riêng.

Mọi người chỉ cười cười, không nói không rằng. Thúy Hoa lại bảo anh:

- Em sẽ đưa nhà em qua bên chợ viếng họ hàng và mua sắm lặt vặt.

Cũng như Khải Thụy quen luyên luyên với Tổ Hiền thì Khải Tường cũng khắng khít với Tổ Thuận sau cuộc gặp gỡ lần đầu tiên tại Hiếu Thúy Đường. Tổ Thuận có cho chàng biết hồi 18 tuổi, nàng bị cha mẹ gả ép cho cậu con trai một ông điền chủ tại làng Vĩnh Kim thuộc tỉnh Mỹ Tho. Bên chồng nàng cậy gia thế mình lắm bạc nhiều tiền nên đầy đọa xéo xắt nàng. Chịu hết nổi bà mẹ chồng ưa đánh đập, hai cô em gái chồng hay chửi bới và tên chồng dâm dục thô bạo, nàng bỏ trốn lên Sài Gòn ở nhà một người cô họ để đi học may y phục phụ nữ. Sau đó, nàng về sống với cha mẹ ở Mỹ Tho, dâm đơn ra tòa xin ly dị chồng. Nhưng tên chồng không chịu. Hắn một hai nói rằng vẫn còn thương yêu nàng. Túng thế, nàng đâm liều, đâm ra trơ trẽn nên

giữa tòa nàng khai rằng tên chồng chẳng những không làm cho nàng hạnh phúc trong thú gối chăn, mà còn hành hạ nàng dờ sống dờ chết trong khi giao hợp. Cho nên mỗi khi gần gũi chồng, nàng toát mồ hôi lạnh, nổi gai ốc toàn thân. Thế là cuộc ly dị được kết thúc tốt đẹp đúng theo điều nàng mong mỏi.

Tổ Thuận còn cho Khải Tường biết thêm rằng chồng nàng chỉ học tới giữa năm thứ ba chương trình ban Thành Chung. Hắn lo lót giấy chứng nhận của trường Chấn Thanh để có chứng học cuối năm Đệ tứ niên. Nhờ vậy hắn ta được học khóa 3 trường Võ Bị Thủ Đức. Khi được vinh thăng quan hai (tức là cấp bậc Trung úy) thì hắn ta tử trận. Chính bà vú cũng thuật lại cho Khải Tường nghe cuộc hôn nhân bi đát của Tổ Thuận như vậy. Do đó, chàng càng cảm thương nàng qua số phận bà chị Thiều Hoa của chàng. Và chàng cảm thấy mình càng gần gũi Tổ Thuận thêm.

Khải Tường nhớ lại cách đây hai hôm, chàng đưa Tổ Thuận đi bungalow dùng cơm tây với món tôm hùm hấp chấm sauce mayonnaise ăn cặp với bánh mì nướng cùng món sườn ram ăn cặp với mì ống macaronis trộn sốt cà. Cả hai uống rượu vang trắng, loại vin d'Alsace. Sau đó, cả hai mượn một căn phòng trong khách sạn bungalow.

Khi ra ngoài phố, Tổ Thuận mặc áo dài, vóc mình đã lộ vẻ nông nân rồi. Trong chiếc giường ngủ, nàng đẹp quá sức tưởng tượng của chàng. Cặp mông nàng tròn trĩnh như mông cậu trai tân. Ngực nàng tròn trĩnh như hai cái bát đựng bánh trôi nước đặt úp. Bụng dưới nàng sát rạt, eo thật nhỏ, cặp đùi dài và thon chắc. Quý thần ơi, ông Thợ Trời khéo đúc thân thể nàng, chỗ nào cần nạc thì chỉ có nạc, chỗ nào cần có một tí mỡ như ở cườm tay, ngón tay, bả vai thì có lớp mỡ mỏng để tôn thêm lên cái đẹp nồn nà. Da nàng trắng ăm ắp màu ngà voi, chứ không trắng lạnh như sáp dùng để se bạch lập. Chàng chợt thấy các cuộc làm tình với các cô thiếu nữ đất Văng, như hình bóng trong những cơn chiêm bao mù mịt khói sương. Tất cả bỗng chốc tan biến vào dĩ vãng xa xăm như ảo mộng. Chàng, qua một trục cảm nhiệm màu, bắt gặp cuộc sống đích thực của mình và nhận ra cái con người thật của mình là phải như thế nào khi ôm nàng trong vòng tay, khi cộng hưởng phút hoan lạc với nàng. Sao mà nàng tinh tứ nhu mì đến thế? Sao mà nàng thành khẩn quảng minh trọn vẹn vào phút ân ái như vậy? Ánh mắt nàng tỏ vẻ biết ơn. Chàng liên tưởng tới ánh mắt của lũ trẻ nghèo nàn ở xóm Lò Tương khi nhận quà Tết của chàng hay ánh mắt một sản phụ được chàng giúp đỡ tiền bạc sau khi chàng cùng chồng chị ta đưa chị ta tới nhà thương thí để sinh đứa con đầu lòng. Ôi, em cưng! Chúng ta ân ái với nhau là để cộng hưởng khoái cảm với nhau.

THƠ PHƯƠNG TRIỀU

CHÂN ĐÊM

*Mỗi mê dáng ngả em ngồi
Bắt con muỗi đậu hút đời máu khô
Chân đêm động giấc mả mờ
Tiếng ai hát gọi mơ hồ lòng quên...*

*Khoảng buồn xóm mộ mưa đen
Uớt lưng du tử điệu kèn nấc khuya
Bé thơ mặt mũi đậm đà
Rèm mi ngán lệ chưa lìa mắt nai*

*Ngủ đi con, qua đêm dài...
Thức con buồn tui lạc loài thêm thôi
Miệng buồn nghẹn tiếng à ơi...
Mẹ ru con nhớ ru đời mẹ quên!...*



Chẳng ai ban ơn cho ai, cũng chẳng ai thọ ơn ai. Nói cho cùng, chúng ta cùng chia nhau cái hạnh phúc hiện tiền đây thôi.

Tổ Thuận khi tiếp nhận ân sủng của người yêu, nàng ngỡ như đang gỏi đầu lên cối chiêm bao. Ở kia, ánh mắt Khải Tường sao mà tha thiết biết bao! Dễ thương biết mấy! Nàng sức nhớ ánh mắt con chó Phèn của bà ngoại nàng ở Xóm Tre, cách Ngã Ba Trung Lương 1 cây số. Khi nàng vượt ve nó, nó cũng nhìn nàng thiết tha triu mến như thế. Khi lên 12 tuổi, nó đã già, cặp mắt nó trở nên lơ đãng mỗi mệ, nhưng cái nhìn nó vẫn không thay đổi khi nàng sẵn sóc nó. Lúc biết mình sắp chết, con Phèn bỏ Xóm Tre, vượt qua khoảng đồng xa, tìm đến trại hòm của cậu nàng ở bên chợ Trung Lương, chui vào chiếc hòm chun nhang để chết trong đó. Nhưng cái nhìn của nó vẫn khắc sâu ttoong tâm khảm nàng cho tới bây giờ.

Mưa hôm đó kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ. Trong phòng ngủ của khách sạn cả hai tái diễn cuộc yêu đương thêm hai lần nữa. Cho tới xế chiều thì mưa tạnh. Cả hai cùng tắm douche. Sau đó, trong khi Khải Tường chải đầu thì Tổ Thuận trang điểm tỉ mỉ như trước khi cùng hên hò với người yêu trảy đồ qua chợ.

Trong lúc chờ đợi Tổ Thuận chỉnh đốn cách ăn mặc và cách trang điểm, Khải Tường nhìn qua cửa sổ để ngắm vàm sông Long Hồ đổ ra sông Cổ Chiên. Trước khi vào vàm để đến bến chợ, các ghe thương hồ hạ buồm xuống. Bên kia sông Long Hồ là vùng Cầu Dài. Đó là vùng đất thấp khi nước sông Cổ Chiên dâng cao là nước ngập lấp xấp. Cho nên dân chúng dùng những tấm ván và những cọc cừ dựng nên một chiếc cầu chỉ lọt cho một người khách bộ hành đi qua. Ván cầu nối dài gần một cây số. Bên mặt là vùng đất cao, san sát những túp nhà lá và những khoảnh vườn nhỏ. Còn bên trái giáp với sông Cổ Chiên dành cho những ngôi nhà sàn, mái cũng lợp lá, dùng làm những trại là chằm. Cho nên dưới bến nước, những chiếc ghe mui chở đầy những lá dừa nước từ các vùng lân cận đưa về.

Cảnh Cầu Dài tuy nhộn nhịp mà sao có vẻ tiêu tụy, nghèo nàn. Khải Tường đã theo lũ bạn vốn thuộc giới giáo chức các trường tiểu học trong tỉnh đến đây một vài lần để hành lạc với một vài cô gái chịu chơi, nhưng không bao giờ cho khách chơi chịu. Họ là các cô gái vùng nửa chợ nửa quê, ưa bịt răng vàng và từ năm 1948 đã xung phong uốn tóc quăn queo như tròn đất ốc gạo. Họ trang điểm vụng về, ăn mặc lòe loẹt đến nhột mắt, xúc dầu bông lải thơm một cách suồng sã. Họ thích ca Vọng Cổ và xem hát cải lương, mơ được làm đào hát trên các sân khấu trung ban (các gánh hạng B) chuyên diễn tuồng hương xa và tuồng kiếm hiệp. Có nhiều cô không nói được những tiếng khởi đầu bằng chữ r và

bằng chữ đôi kh. Nhưng Khánh Tường vẫn thích nghe họ nói câu: ‘Con cá gô ở chong cái gổ nhảy gột ghệt’ hoặc câu: ‘phía phía ăn phai cho phê’.

Và chính tại Cầu Dài này hồi hai tháng trước, Khải Tường đã ăn nằm với một cô gái chịu chơi phong lưu và trắng trẻo hơn những cô gái mà chàng đã từng ăn nằm. Cả hai quần thảo với nhau hai hiệp trong một buổi chiều mưa gió xôn xao, con sông Cổ Chiên âm ỉm dậy sóng. Trong ánh đèn dầu vàng ươm, cô gái cứ ôm chàng, không muốn rời chàng ra. Cô thỏ thẻ:

- Em cũng có chồng công chức như ai. Nhưng trong con mắt, hẳn bỏ cuộc quá sớm, không dắc em tới tuyệt đích khoái cảm nên em phải ngoại tình. Từ khi lên lút cảm sừng trên đầu chồng, em chưa gặp ai tuyệt vời như anh. Em cần gặp lại anh mới phi lòng hoài vọng.

Và cô than thở:

- Chồng em cũng biết em đi ngang về tắt, nhưng chỉ biết mang máng thôi.

Vì biết phận mình, nên hẳn không dám ghen. Thật tình mà nói, em có muốn ngoại tình đâu anh. Tại số phận em cay nghiệt nên em trở thành gái lăng loàn đốn mạt như thế này. Bây giờ thì em về luôn bên ba má em, để tự do đi đó về đây, khỏi bị ai ràng buộc, nhất là khỏi bị thằng cha ấy hạch hỏi em khi vắng nhà có khi suốt cả ngày...

Cô gái đội mưa ra về trước. Một cô gái khác sau khi ăn nằm với một tên ma đầu trong lũ bạn bán Trời không cần văn tự của chàng thỏ thẻ:

- Con nhỏ ăn nằm với anh vừa rồi là con Trịnh Ngọc Yến, con gái ông phủ Trịnh văn Lầu, vợ tên đốc công sở Trường Tiên tên là Phan Thanh Chánh đó. Chồng nó là tên trật búa sút cán, ưa xéo xắt với thuộc hạ để tăng công với ông xếp của mình. Hẳn lại kiêu căng phách lối nên bị Trời phạt như thế đó. Con Yến lại có phép thuật trị chồng. Nó đầy dọa chửi mắng chồng như cơm bữa. Thế mà thằng tướng ấy không dám trả treo với vợ, chỉ biết gục mặt như con chó cụp tai vậy thôi.

Khải Tường bàng hoàng đến rụng rời. Nhưng chàng vẫn không hề cho cả nhà biết gia cảnh hiện tại của Phan Thanh Chánh. Chàng cũng thường gặp anh chàng bội hôn với chị mình kia vài lần mỗi khi chàng dùng điểm tâm tại tiệm Đồng Hình. Khuôn mặt y ta trở nên gầy gò, vẻ mặt khó đăm đăm như khuôn mặt kẻ bị tảo bón kinh niên, đôi mắt thụt sâu và cái nhìn nung nấu. Ôi, chị của chàng trong cái rủi lại gặp cái may. Sau đó, lũ bạn cầu trệ của chàng còn kể nhiều cái bí ẩn trong cuộc đời của Ngọc Yến. Nào phải tới bây giờ cô ta mới hư thân mất nết đâu. Cô ta ôm hoang thai trước khi lấy chồng, tiếng xấu đồn xa. Do đó mà ông Phủ

Lầu đem 30 mẫu đất để mua rẻ. Ruộng đất từ lâu lại lọt vào vùng chiếm đóng của Việt Minh nên mấy năm nay, Thanh Chánh chẳng góp được một hột lúa nào. Lũ tá điền thời buổi này đều theo Việt Minh để chống lại địa chủ.

Tâm hồn Khải Tường lao đảo bởi mộ niềm vui độc ác như niềm vui của kẻ bạo dâm khi nghĩ tới cái đau đớn và bất hạnh của tha nhân. Nhưng lúc đầu, chàng mượn chuyện nhân quả trả vay ra để vun quén nỗi vui sướng kia. Nhưng chàng dần dà nhận thấy đây là niềm vui báo thù rửa hận mà thôi. Thượng Đế dù đã giúp chị Thiều Hoa của chàng thấy cái ác quả của kẻ bội hôn kia, nhưng nếu chàng vui sướng tức là chàng nhỏ nhen, không bao giờ hiểu cái đẹp của niềm bao dung, không sao thông cảm nỗi khổ của kẻ trót gây điều oan trái. Cũng như Khải Thụy, chàng thường được chị chàng khuyên không nên thù ghét ai. Thù ghét ai là chính mình làm thương tổn mình. Mình sẽ dựng trong tâm tưởng của mình một đối thủ sừng sững như một cái bia trước mặt mình, để rồi mình cứ nhìn lom lom vào đó, để rồi tâm tư mình phải luôn xáo trộn bởi cơn lốc cuồng nộ hung hãn. Sau đó, nhịp sinh lý trong thân xác mình bị tổn thương thường xuyên. Trong khi đó, kẻ thù của mình chắc gì gia tăng niềm bất hạnh, chắc gì luôn ôm chặt mãi cái vỏ xé khổ đau? Chắc chắn nhất, chính nội giới mình bị kết tập bởi oán thù như loài rong biển hay loài cây vạn niên thanh, chỉ cần một nhánh nhỏ ngấm trong một lọ nước, là chúng sẽ dài dầy trở đọt và đâm rễ rườm rà, bắt đầu một cuộc sinh tồn mới.

Ôi, Thiều Hoa là kẻ có kinh nghiệm và khổ đau, phiền não. Từ sau cuộc hôn nhân thất bại, nàng cố gắng xóa bỏ lẫn mức giữa mình và tha nhân chừng nào hay chừng ấy. Hòa nhập vào tha nhân, nàng tìm ra được một hạnh phúc mới, một cuộc sống mới. Nàng tự thấp sáng cho chính mình khi đi vào Tứ Lượng Tâm. Dựng bia in hình kẻ thù trước mặt, đào ranh giới giữa mình và tha nhân, tâm hồn mình trở nên chật hẹp, hạnh phúc không thể lọt vào nội giới. Theo Thiều Hoa, con người khi lâm vào tình trạng ấy sẽ như cây cỏ không cho ánh nắng ấm, cùng hơi mát của sương mưa lọt vào tế bào. Cây cỏ sẽ chẳng tạo được chất diệp lục tố và sẽ mau bị hủy diệt. Cho nên, gặp lúc rảnh rang, Thiều Hoa khuyên cậu em rể của mình đọc kinh Phương Đẳng và kinh Đại Thừa. Nhưng Khải Tường không sao lọt vào một chút nghĩa thú của hai loại kinh đó. Đường vào chúng như cái tụy đạo mà chàng là kẻ thăm dò không mang theo bó đuốc để rồi lao đao ngơ ngác giữa hắc ám trùng trùng. Thiều Hoa cũng vậy, chưa có đủ cơ duyên với kinh. Nhưng nàng vẫn tin tưởng hai chị em nàng sẽ có ngày nắm bắt cái then chốt cơ bản

để đi vào kinh.

Nhưng vốn là kẻ đa tình đa cảm, Khải Tường sao quên được Ngọc Yến. Chàng còn tìm gặp nàng nhiều lần nữa. Rồi nàng mang thai. Phan Thanh Chánh đưa cô ta ra tòa xin ly dị. Ngọc Yến bị cha mẹ từ bỏ, nhưng họ vẫn cho cô ta một số tiền để cô ta mở tiệm bazar, sinh sống một cách phong lưu. Rồi cô ta dan díu một anh Tây lai làm giám đốc sở nhà đèn và chết vì có thai ngoài dạ con. Trong tờ chúc ngón, cô ta để lại gia tài cho con và do Khải Tường trông nom. Đưa con đó tên Khải Vinh, được chàng gửi cho bà chị con nhà bác nuôi dưỡng, giờ đây đứa trẻ đã lên năm.

Hôm hẹn hò với Tố Thuận đó, Khải Tường vừa về tới nhà thì bữa cơm chiều vừa dọn ra. Không ai hỏi chàng đi đâu suốt ngày. Nhưng trong ánh mắt Thúy Hoa, vẻ tò mò ngờ vực không sao che giấu nổi. Muốn lần tránh cái nhìn xét nét của cô em nghiêm khắc đáng ghét kia, chàng kiếm cớ hỏi han Hòa Phong chuyện này chuyện nọ. Người em rể của chàng cứ khôi hài luôn miệng để pha loãng cái không khí rạo rực vì tò mò của một vài người ngồi quanh bàn ăn.

Tối hôm đó, trong lúc nằm khỏa thân song song với em trong chiếc giường đồng, Khải Tường hỏi:

- Tố Hiền và em đã tiến đến giai đoạn nào rồi?

Khải Thụy cười:

- Chỉ là những nụ hôn.

Khải Tường trở mặt:

- Sao mà chậm tiến vậy, hả thằng em cù lằn?

Khải Thụy véo vào hông anh:

- Nhưng là những nụ hôn tuyệt vời. Lần đầu tiên em mới được hôn một người khác phái tính. Và em tin chắc rằng em chỉ hôn được Tố Hiền thôi chứ không thể hôn một phụ nữ khác. Còn anh và chị Tố Thuận thì sao?

Khải Tường phì cười:

- Tụi anh đốt giai đoạn.

Khải Thụy thán phục:

- Vậy thì anh... cấp tiến quá rồi. Em làm sao so bì được bằng anh?

Khải Tường lại hỏi:

- Có thể vì kỷ niệm thời thơ ấu, em mới hôn Tố Hiền, có đúng không?

Khải Thụy vỗ lên lưng anh đen đét:

- Anh chỉ có tài vô đoán. Thật ra nhận xét anh cũng đúng vài phần. Em hôn Tố Hiền tức là hôn lên thời thơ ấu của cả hai, hôn lên những kỷ niệm khi cả hai còn gần gũi bên nhau. Nhưng cái quan trọng là em còn hôn cô ta bằng những rung động lạ lẫm và mãnh liệt của trái tim em nữa. Đó không phải là ảo giác. Cảm xúc đó rất thật, rất hồn nhiên làm toàn thân em rợn lên, hôn phách em như muốn lìa khỏi thân xác.

Cũng tối hôm đó, Khải Thụy cứ trần trọc mãi cho tới giữa canh ba. Nhắm mắt không ngủ được, chàng ra bàn viết, sửa lại bó hoa cẩm nhung trắng sọc tím cẩm trong chiếc lọ pha lê màu thiên thanh chạm nổi hình đôi bạch nhạn rồi đốt nén nhang Ngọc Liên hương trên bàn thờ Thần Tài. Chàng húy hoáy làm một bài hoài cảm như sau:

*Em theo nắng gió về giang đảo
Náo nức mùa xuân mới bắt đầu
Hồn hể dòng sông tuôn nước lũ
Sóng dồn bãi vắng suốt canh thâu*

*

*Em về nhật bóng ngày thơ ấu
Ráp lại nguyên lành trái ước mơ
Chỉ sợ biển đời cao rộng quá
Thiên tai rình rập, quỷ ma chờ.*

*

*Bao lần ngờ vực khi hôn em
Tưởng hôn kỷ niệm thuở êm đềm
Tưởng hôn hình bóng ngày thơ ấu
Tìm sóng hồ gương trong gió đêm.*

*

*Trên biển thời gian, giương cánh bướm
Thuyền ta trút hết gánh cô đơn
Mai kia nhìn lại chân trời khác
Bụi xóa từng trang dĩ vãng buồn.*

*

*Ác mộng chồng cao lên ác mộng
Đổi thành hồn bướm nhập mơ tiên
Dưới tro, than ngùn chờ khơi lửa
Sưởi ấm mùa đông trái khắp miền.*

*

*Thôi nhé, khúc quanh vừa mở rộng
Lòng thôi khép cửa, bật cài then
Hiện trong dư ảnh xuân thơ ấu
Một nén nhang thơm, một ánh đèn*

*

*Thắp ánh tinh cầu trong giếng mắt
Thắp vàng nguyệt bạch sáng đêm rằm
Thuyền dương trên bến đầu hiu gió
Tiếng sóng lòng xưa mãi vọng âm.*

*

* *

Trưa hôm đó, Khải Tường và Khải Thụy không về. Bà vú từ nhà bà Tám Giỏi về mang theo buồng cau hôn cho mình và mở cá đối đã làm sẵn dành cho cả nhà. Bà báo tin:

- Sáng nay cô Tố Thuận hẹn hò cùng cậu Ba đi chơi

trên miệt An Hữu.

Còn cậu Út đi Cần Thơ với mấy ông bạn trong Tòa Bô cho nên con cháu Tổ Hiền của tôi ở nhà tập làm bánh làm trái, làm gái làm mụ.

Bà lồi trong giỏ xách ra một tấm bánh bò nướng, đường kính gần bằng một gang tay. Tấm bánh nâu vàng, không một vết cháy và xốp như bông đá khi Thúy Hoa dùng ngón tay trở ấn mạnh lên. Nàng đem cá đối kho hành bằng ngọn lửa riu riu, lòng tức tối bằng quơ. Hừ, cô à Tổ Thuận từ Mỹ Tho qua đây để nghỉ hè trên vùng giang đảo này hay để săn tình? Mà sao ả đốt giai đoạn một cách gọn gàng chóng vánh như thế này? Hồi xưa chàng Hòa Phong tuần nhả kia ve vãn tôi, qua nhiều cuộc thử thách, tôi mới chịu cho chàng cậy mai mối tới xin cưới tôi. Còn ả, chỉ sau một tuần là để cho anh tôi đùa bóng giỡn trắng với ả. Bây giờ là tới giai đoạn vọc nước giỡn trắng, tuôn mưa nổi gió.

Thiều Hoa mượn có đến nhà bà Tám Giỏi mua mắm cá cơm và nem cá cơm. Nàng mặc chiếc áo bà ba bằng xuyên tím rờn rợn ánh sáng, chiếc quần cẩm tự mình uớt bông khô màu đen, đầu đội nón lá, chân mang guốc sơn đen quai nhựa vẽ bông xanh đỏ. Xưa giờ, nàng đối với bà rất yêu kính, rất thích tâm sự với bà. Tình hàng xóm thật khắng khít. Nhà bà đối diện với Đình Khao bên kia sông. Con đường đắp đất từ bến đò đến nhà bà lượn theo sông Cổ Chiên và phải vượt qua hai chiếc cầu gỗ lốt vắn bắc qua hai lạch nước nhỏ. Dù không kín cổng cao tường, nhưng khuôn viên của bà được bọc chung quanh lớp hàng rào tre gai, bên thêm lớp xương rồng, điểm lác đác vài cây me keo, vài cây cồng nên trông có vẻ thâm u. Từ khi có tiền do Tường Phụng gửi về, bà cho lợp ngói ngôi nhà, sơn xanh lớp vách bồ kho, khoét thêm cửa sổ đóng mở bằng hai cánh lá sách. Lần hồi bà lót gạch tàu ở sân trước, tráng xi măng ở sân sau, làm công sắt có bên cây bông giấy và cây huỳnh anh uốn cong trên vòm cổng. Trong sân, bà không bày các chậu cây cảnh cốt dùng để phơi lúa, phơi bột, phơi cau bồ tư và phơi bánh trắng gói bì nem cùng bánh phồng tôm. Tuy nhiên giữa sân, bà xây cái bồn trồng cây trạng nguyên, các khóm huệ lan, các khóm chuối nước, các cây sao nháy để có bóng trở bốn mùa tám tiết mà khỏi tốn nhiều công chăm sóc. Dọc hai bên lối đi từ cổng vào sân, bà trồng hoàng mai, mộc lan, ngọc lan, bằng lăng.

Trước khi giật chuông cổng, Thiều Hoa cảm thấy háo hức hồi hộp. Tôi đến đây như theo một nghiệp lực mãnh liệt lôi cuốn. Qua một cuộc đính hôn và một thời gian làm vợ, chưa bao giờ tôi cảm thấy mình bàng hoàng rung động như thế này. Tường Phụng đâu phải là một đối tượng quyến rũ của phụ nữ. Cái thô tháp của sắc vóc chàng không phải là cái ưu điểm đối với

những người chưa nhìn sâu vào cái đẹp đa dạng theo quan niệm và khiếu thưởng ngoạn của người Âu Mỹ hiện đại. Riêng tôi, tôi chiêu cảm ngay cái quyến rũ tiềm ẩn của chàng ngay lúc tái ngộ. Hai hôm trước, chàng đến tìm tôi, rủ tôi đi lên gò cao, chỗ mà hai tôi đã từng thả diều thời thơ ấu. Chàng đã hôn tôi vì bất gặp cái nhìn đợi chờ, khuyến khích và mời mọc của tôi. Tôi dựa lưng vào thân cây thùy dương như dựa lưng vào một bóng hạnh phúc huyền hoặc đang trở thành niềm hạnh phúc đích thực. Lá thùy dương hình lưới nhện nên tàn cây không tỏa bóng mát. Nắng tuy không lọt vào vành nón bài thơ của tôi, nhưng làm cho mặt chàng đỏ ửng, lấm tấm mồ hôi. Sau cái hôn dài dằng dặc khét nghẹt mùi thuốc lá của chàng, tôi ngã đầu lên một bên vai rộng của chàng như ngã đầu lên cơn ngây ngất mịm mùng. Và từ thân thể của chàng, mùi nồng ấm khó hiểu, khó phân tích toát ra và ngấm sâu vào phút chiêu cảm tuyệt vời của tôi. Tôi có cảm tưởng nó chỉ dành riêng cho tôi để tôi đem đời mình dán chặt vào đời chàng.

Thiều Hoa giật giầy chuông. Cô tớ gái tên Nhân ra mở cổng và mời nàng vào nhà. Bà Tám Giỏi đang gói nem cá cơm. Thấy có khách nên bà đi rửa tay và giục con Nhân pha trà. Bà giống bà vú, nhưng cao lớn và phốp pháp hơn. Bà ăn trầu vén khéo, nhưng răng nhuộm đen trong khi bà vú để răng trắng. Bà bảo:

- Thằng Hai tôi đi thăm xường làm nước mắm. Con cháu Tổ Hiền thì đi thăm ông dưỡng bà đi ở gần chỗ đóng đậy. Cùng với việc coi sóc ruộng vườn, thằng con tôi muốn làm cái vựa nước mắm và cá khô cùng vựa than Cần Đước. Nó bảo tôi rằng nó phải nói rộng cơ sở làm ăn để cưới vợ.

Thiều Hoa chỉ cười rồi xin mua nem cá cơm và mắm cá cơm. Bà Tám Giỏi vào nhà sau, chọn cho nàng một hũ mắm cá cơm và hai chum nem gồm 24 chiếc. Sau khi nhận tiền của Thiều Hoa và thối tiền cho nàng, bà mời nàng dùng trà và biếu nàng một chục bánh trắng tôm khô nước cốt dừa. Bà hớn hờ, mắt sáng long lanh đưa đẩy rất mau:

- Cô Hai đã lỡ duyên thì phải nghĩ tới chuyện tái giá đi chứ. Hễ lỡ thì phải bồi. Kẽ nào làm khổ mình, nếu mình không trả thù được thì phải trả đũa.

Thiều Hoa giả bộ ngây thơ:

- Trả đũa bằng cách nào, thưa bác?

Bà Tám Giỏi tèm cho mình miếng trầu, nhai rau rầu:

- Nghĩa là cô phải lấy chồng có tiền của, có cơ sở làm ăn vững chắc và vợ chồng phải tâm đầu ý hiệp với nhau. Cô còn nhớ không? Vào thuở thằng con tôi chưa về đây, cô thường lại đây chơi; một già một trẻ cùng nhau nói chuyện đời cả buổi chưa chán. Cô có ngờ ý

với tôi rằng mai sau cô sẽ lựa chồng không cần học giỏi, không cần quyền chức cao sang, miễn sao tương đắc và thành thật tương ái. Có nhớ lại xem.

Thieu Hoa phì cười:

- Thừa cháu vẫn nhớ và vẫn không đổi ý đâu.

Bà Tám Giỏi rót thêm trà cho khách:

- Cô mà tái giá thì thiếu gì đàn ông kén vợ cầu lụy cô. Tôi thật tình mà nhận xét, chứ không đẩy đưa cho cô vừa lòng cô đâu. Người thanh lịch, lại hảo tâm như cô, anh chàng nào có phước có phần lắm mới được cô ưng làm chồng.

Thieu Hoa buồn bã:

- Ai mà thèm ưng một kẻ bị người đi coi mắt rẻ rúng, bị chồng rầy ruồng như cháu.

Bà Tám Giỏi ái ngại:

- Cô ôi, thời buổi này hạng người có mắt không trông thiếu gì. Như cô đây bị hai thằng cha lòng dạ cạm cọt như đĩa đựng bánh bèo kia xem thường nên tụi nó không thấy được cái phẩm cách cùng cái giá trị của cô. Cô đâu phải là hạng gái lẳng lơ trác nết. Thiên hạ thương cô không hết, chứ đâu dám xem thường cô. Ai mà chẳng ái hoài gái bị chồng vì chuộng của cải và bóng sắc ly hôn? Ai mà chẳng khinh bỉ gái tham tiền tham danh bỏ chồng để theo phường Sở Mã đâu cô?

Thieu Hoa mỉm cười. Này nhé, bà hàng xóm này đang mở lời cho nàng tiến vào gia đình bà. Không biết Tường Phụng đã nói gì với mẹ? Coi bộ bà muốn tác thành cho thằng con trai bà cưới nàng. Thieu Hoa đỏ ửng đôi má, ngập ngừng bảo:

- Bác nói... rất đúng. Cháu sẽ... làm theo lời bác dạy.

Khi tiễn Thieu Hoa ra cổng, bà Tám Giỏi cười hóm hỉnh:

- Thằng con tôi có tài bồi đất cho cô nào lở đất. Nó kén vợ theo cách của nó, chứ không phải như mấy tên Khách trú nhà giàu, chỉ chọn gái trinh rồi không thèm ngó ngang những người đàn bà tuy dở dang duyên phận nhưng biết cư xử phải đạo làm người...

Nàng không muốn về ngay bây giờ và chỉ muốn lên gò đất cao, ngồi dưới bóng mát cây còng cách cây thù dương 10 thước để tự mình đối diện với chính mình, để nghiền ngẫm một niềm hy vọng mới mẻ và lạ lẫm đang vẫy vùng trong trái tim nàng. Lối mòn đưa lên đồi thoải thoải. Hai bên là cỏ song chẳng, cỏ may, cỏ màn châu ngã rạp dưới cơn gió. Trời càng trong hơn vì gió reo phơi phơi xua những phiến mây trắng dồn vào góc trời hướng Tây Bắc. Xa tít chân mây có đám khói vươn lên cao rồi tản mạn trên thình không. Mà kia, Tường Phụng đang đứng dưới gốc cây còng. Thân cây to, đóng rêu xanh biếc và ngạo nghễ vươn cao. Từ

6 năm qua, những dây đồng tiền lá tròn tròn cỡ đồng xu bài bám dài theo các nhánh cây. Dọc theo phần thân cây cao còn có lá lười bò uốn mình mềm mại và uyển chuyển, đó cũng là một loại chùm gởi xanh tốt bám vào thân cây to.

Tường Phụng mặc chiếc áo lá thun dệt ở Chợ Lớn đã cũ và đổi thành màu cháo lòng, chiếc quần quần short bằng vải kaki màu chàm đậm, đi giày baskette hiệu Bata, nhưng không mang vớ. Sao chàng lại đến đây? Mãnh lực nào thôi thúc chàng? Chàng reo lên:

- Kia em! Sao em biết anh đến đây?

Thieu Hoa mềm giọng:

- Em nào biết anh đã đến đây. Chẳng có ai nói cho em biết cả.

Tường Phụng đắm đuối nhìn nàng, cất giọng âu yếm thoảng nhẹ bên tai nàng làm nàng có cảm tưởng đó là giọng trong chiêm bao:

- Nhưng em vẫn đến. Không hẹn mà đến, phải không chừng của anh?

Thieu Hoa cười giòn tan:

- Có lẽ do thần giao cách cảm hướng dẫn, anh ạ.

Tường Phụng đỡ chiếc nón bài thơ quai nhưng tím của nàng và quạt mát cho nàng. Rồi chàng hôn nàng. Khi buông nàng ra, chàng nói:

- Dù sao em cũng đã đến. Anh chỉ biết em đã đến gặp anh, ngoài ra anh không cần nghĩ gì khác.

Thieu Hoa thích thú:

- Không biết anh nghĩ sao chứ mỗi khi có dịp lên gò đất này, em nghĩ tới anh. Hồi 25 năm trước, đó là một cậu bé con lúc nào cũng lảm lì và cậu chỉ cười khi em đến rủ cậu thả diều. Và rồi cậu ấy trở thành một chú chàng vào tuổi hoa niên, thân hình cứng cáp, biết thẹn khi chòm xóm cấp đôi hai đùa mình với nhau. Chú chàng ấy ngoài thú thả diều với em còn thích cùng em vào các thửa ruộng loáng nước để bắt cua, mò ốc, hái rau đồng, vớt cá thia thia. Và thú vị quá, chú còn tìm đọc những quyển truyện thơ như “Tám Cầm”, “Thoại Khanh Châu Tuấn”, “Bạch Viên Tôn Các”, “Phạm Công Cúc Hoa”, “Lâm Sanh Xuân Nương”... Giọng chú ấy khàn khàn vệt đục nên chú bắt em bắt em nói thơ cho chú nghe và khen giọng em ngọt ngào, trong trẻo, ấm áp. Rồi chú trở thành một chàng thanh niên vạm vỡ cường tráng. Chàng không dám gần gũi với em nữa. Khi em sắp lấy chồng, chàng đến chúc mừng em rồi ra ngoài quán gần bên đồ uống rượu cho tới say khướt...

Giọng thích thú của nàng chuyển dần qua giọng ngậm ngùi, bát ngát cảm khái. Mắt nàng tuôn lệ làm cặp má nàng ướt đầm. Tường Phụng ôm chặt lấy nàng, liếm láp hai giong lệ mặn của nàng. Thieu Hoa

như ngắt xiu trong vòng tay cứng cáp của chàng. Hơi hướm thân yêu của nàng tỏa ra như thấm vào da thịt và quần áo chàng. Trái tim Tường Phụng đập loạn xạ. Chàng có cảm tưởng mình sắp hóa lỏng như một ngọn hồng lạp vừa thấp sáng vừa kề bên ngọn lửa. Chàng thì thầm:

- Anh yêu em hơn ngày nào. Từ bao lâu mỗi tình si mê khờ dại của anh tưởng đâu tắt ngấm. Nhưng đó là một que diêm từ bao năm qua vẫn còn nằm trong hộp diêm đó thôi. Khi về đây, biết em vừa ly dị với chồng, que diêm kia lại được bật lửa.

Thiều Hoa đùa:

- Rồi nó được cháy bùng lên và nó cũng phải tắt rụi chứ.

Tường Phụng thờ dài :

- Anh vẫn nuôi ngọn lửa, đâu dám để tắt.

Thiều Hoa buồn rầu:

- Em hiểu lắm chứ. Nhưng anh hãy cho em biết vì sao bấy lâu nay anh chưa vợ.

Tường Phụng bảo:

- Em thừa biết vì sao? Đáng lẽ anh phải về đây sớm hơn. Anh chỉ sợ giai cấp làm cho em không dám để anh tiến tới.

Thiều Hoa ôm chặt chàng:

- Bây giờ đã anh về, anh phải là của riêng em.

- Bằng cách nào đây? Anh tin chắc không có cách nào khác hơn bằng cách cưới em.

- Ngày mai em sẽ trả lời anh, có được không? Bây giờ ba má em đã qua đời rồi. Em tự chủ trương cuộc chung thân của chính em cũng dễ dàng thôi. Nhưng em phải nói qua cho lũ em của em biết. Và em còn phải nghĩ tới nhiều chuyện linh tinh khác không kém quan trọng.

Tường Phụng lại liếm mặt giòng lệ lấp lánh của nàng. Và rồi khóe mắt của chàng cũng long lanh ướt sũng. Chàng thì thầm:

- Em! Em của riêng anh!

Tường Phụng chợt nghĩ ra chàng không về đây sớm hơn khi được tin Thiều Hoa ly dị chồng, đó không phải vì chàng còn ngại giai cấp chênh lệch của mình đối với giai cấp của nàng. Đúng hơn, chàng say sưa đeo đuổi một mộng tưởng cực kỳ lãng mạn. Chàng muốn mang theo một mối ân tình để làm cuộc sống giang hồ, để tìm quên lãng như những nhân vật làm cách mạng tái từ thời tiền chiến. Nhưng rồi đôi khi chàng nghĩ sâu hơn một chút: chưa chắc mối tình của chàng đối với Thiều Hoa vun quén cho chàng cái mộng tưởng ấy. Theo bước thời gian, hình bóng của nàng dần dần mờ nhạt trong tâm tưởng của chàng, tuy nó vẫn còn đó, nhưng đó là bức chân dung phủ mờ lớp bụi càng lúc càng dày. Và đúng hơn nữa, tiếng gọi giang hồ quá réo



MÊ SAY

*Mai lên núi chết một mình
Thịt da quyến lấy chút tình cỏ sương
Tan theo cái bóng vô thường
Mộng ta như lá trong vườn thu bay
Chỉ còn lại chút mê say
Là khi trăng rớt đêm đầy thi ca.*

CON SÔNG VẪN CHẢY

*Người còn chằm lá bên sông
Nắng rơi ử dột trên đồng ruộng xa
Đâu hay khi tuổi về già
Bao nhiêu hieu hắt thổi qua đời mình
Bây giờ trong nỗi lặng thinh
Con sông vẫn chảy vô tình làm sao.*

LÝ THỪA NGHIỆP

rất và ma quái, theo một nghiệp lực lôi cuốn chàng đến những chân trời man mác bao la, vào cuộc đời phóng khoáng tự do. Đi tới đâu, chàng cũng có vài cuộc đàn diu với những người đàn bà nếu không đẹp thì cũng ngon mắt. Đi tới đâu chàng cũng có nhiều kỷ niệm sâu đậm và kinh nghiệm dồi dào trên vùng đất Nam Kỳ Lục Tỉnh đáng yêu này.

Nhưng gần tới tuổi tứ tuần, bỗng dưng chàng cảm thấy các dây thần kinh của mình mất một vài mấu chốt, rồi trở thành nhão nhừ làm chàng mệt mỏi. Nguyên do nào vậy? Chàng cố tìm hiểu, nhưng chỉ hiểu mù mờ. Có lẽ cuộc mưu sinh cam go và cuộc đời lăn lóc kèm theo các thú ăn chơi phù phiếm đã làm chàng mất khá nhiều tiềm lực cũng nên. Có nhiều lúc nửa đêm thức giấc, chàng lo sợ vẩn vơ, cảm thấy mất hết điểm tựa cho tinh thần mình. Mình có dấu hiệu suy nhược về mặt tinh thần hay chẳng? Chàng cũng không làm sao biết được nữa vì chàng chưa bước vào lứa tuổi trung niên, vì thể chất chàng còn trong giai đoạn cường tráng. Như thế thì làm sao nội lực chàng lay động như ngọn đèn trước gió được? Chàng chỉ biết mình đang cần một điểm tựa cụ thể. Đó là nơi quê hương có mẹ chàng luôn thúc giục chàng trở về hủ hỉ với bà trong lúc bà bước khá sâu vào trong tuổi già bóng xế. Và chàng cần một người vợ hiểu biết để chuyển hóa niềm thương mến thành tình yêu đậm thắm.

Khi Thiều Hoa về tới nhà thì Thúy Hoa cùng chồng cũng vừa đi chợ về. Thiều Hoa né tránh cái nhìn dò xét của em nên xuống bếp làm món mắm cá cơm với tỏi ớt chanh đường. Bà vú đã hái một mớ rau gồm đợt khoai mì, đợt khoai lang, đợt bí để chấm vào thứ mắm này. Khó quá, từ khi chàng Tường Phụng về đây, con em tôi biến thành bà vãi non, bóng gió khuyên tôi phải giữ lễ giáo, gia phong. Tôi lỡ duyên, lỡ phận, lỡ tình. Lẽ nào tôi sống mãi cuộc đời cô phụ trong khi có một người đàn ông yêu tôi và xâm lăng trái tim tôi bằng một tình cảm mới, bằng lời cầu hôn chí thiết và thành khẩn.

Chiều nay, không khí oi bức nhưng không no bứ hơi nước khác hẳn chiều hôm qua. Ráng đỏ thấp sáng phương tây, sắc bùng bùng như lửa cháy. Cây ngũ trảo, cây khuynh diệp ngoài ngõ bắt ngát hương thơm. Biết thế, nên trước khi đi đến bà Tám Giỏi, Thiều Hoa dặn bà vú làm món gỏi gồm cải xà-lách trộn dưa leo, cà chua, khô sặt xé to, trứng vịt luộc bỏ dọc làm tư, có rắc rau răm, ớt xắt khoanh, ngó xắt rí... Món này ăn mát cả miệng, trôi tới đâu mát tới đó. Khi bà vú bung đĩa cá đối kho lạt với hành lá lên thì Thiều Hoa bảo:

- Mọi người hãy nghe đây. Anh Tường Phụng đã hỏi cưới tôi và tôi đã nhận lời rồi. Mai, anh ấy sẽ lấy tư

cách hôn phu tôi tới đây để ra mắt mọi người.

Thúy Hoa đang giẽ cá chim chiên ra ăn, vụt buông đũa nhìn chị mình đăm đăm, có vẻ tưởng mình nghe lầm. Không do dự, Hòa Phong đang ngồi gần Thiều Hoa, choàng qua vai nàng, thân ái bảo:

- Em xin chúc mừng chị.

Khải Tường và Khải Thụy buông đũa chạy lại ôm hôn hai bên má chị, rồi rít:

- Tin mừng! Háo sự! Lương duyên! Trời em, tụi em sung sướng quá!

Khải Tường đi kiếm chai rượu vang đỏ và 6 cái cốc pha lê để cả nhà cùng uống mừng. Ở thế chẳng đành đứng, Thúy Hoa đành nói xuôi:

- Em xin mừng cho chị. Nhưng sao mà gấp gấp quá vậy?

Rồi nàng bật khóc. Không ai hiểu nàng khóc mừng cho chị hay cảm thấy nhục nhã vì sẽ có người anh rể như Tường Phụng. Thiều Hoa bảo:

- Từ hơn nửa năm nay, biết được Tường Phụng thu xếp về đây, chị luôn chờ đợi anh ấy. Má anh ấy có cho chị biết từ khi rời bỏ cuộc đất này để đi tha phương cầu thực, anh ấy vẫn sống độc thân. Cho nên chị luôn hy vọng được có một ngày như ngày hôm nay đây.

Thúy Hoa vẫn cứ khóc làm Hòa Phong lộ vẻ ngượng nghịu bất bình. Khi bày rượu ra uống cùng với bà vú, nàng lên đồ rượu xuống gầm bàn.

Tối hôm đó, sau khi dạo mát với người anh vợ và cậu em vợ, Hòa Phong trở về buồng riêng dành cho vợ chồng chàng. Thấy Thúy Hoa xếp quần áo vào chiếc va-ly da vàng, chàng hỏi:

- Em làm cái gì kỳ cục vậy?

Thúy Hoa đáp gọn lỏn:

- Đi về Sài Gòn!

Hòa Phong nhìn vợ như nhìn quái vật:

- Em nhảm lắm! Thái độ em khó coi lắm! Em làm anh mất mặt với cả nhà, em biết không?

Thúy Hoa dậm dấn:

- Chỉ có con này mất mặt mà thôi. Anh cứ ở lại đây ăn cưới cho tròn bổn phận chàng rể của gia đình này. Còn tôi, từ đây về sau, tôi không dám vác mặt về thăm nhà nữa đâu.

- Thôi đừng vẽ ác mộng để chui vào nữa. Em có biết em thiếu độ lượng với chị Hai, nếu không bảo là tàn nhẫn lắm không?

Thúy Hoa quát mắt:

- Kệ tôi, tôi bất nhân thái thậm, nhưng đây là chuyện gia đình tôi, anh xen vào làm gì?

Hòa Phong biết rằng mình càng cãi cọ, càng làm già với vợ thì đời nào Thúy Hoa chịu lùi bước. Chàng ôm vợ thật chặt. Nàng cố đẩy chồng ra. Và khi chàng

hôn nàng thì nàng đầm thềm thụp lên lưng chàng. Nhưng những cú đầm thưa dần và nhẹ dần khi chàng hôn nàng thiết tha hơn, thấm đượm ân tình hơn. Sau cùng, nàng buông xuôi, mắt nhắm nghiền. Hòa Phong tha thiết khuyên lơn vợ, dỗ dành vợ. Nàng vẫn không nói gì, chỉ biết ôm chặt chồng.

Hòa Phong đêm hôm đó ngủ rất ngon khi biết mình thuyết phục được vợ ưng ngạnh của mình. Chàng hạnh phúc bên cạnh Thúy Hoa từ bao năm qua, quên chuỗi ngày thơ ấu và thời hoa niên cô đơn vì thiếu tình thương gia đình. Chàng muốn ai ai cũng hạnh phúc như chàng hoặc hơn chàng. Trong Tứ Vô Lượng Tâm (gồm Từ, Bi, Hỷ, Xả), chàng khởi đầu bằng cái Tâm Hỷ. Nhưng hình như bốn cái tâm vô lượng kia xô khoen vào nhau, có cái này thời có cái kia, lần lượt cùng hiện hữu một cách nhiệm mầu. Tâm Hỷ một khi ứa ra như mạch nước nhỏ vào lòng giếng khơi thì ba cái Tâm Từ, Tâm Bi, Tâm Xả lần lượt tuôn trào ngời nước trong mát làm cho mực nước của lòng giếng dâng cao, thấm mát cả nội giới chàng, len lỏi vào những khe hở vi tế nhất.

Trong giấc ngủ óng chuốt, Hòa Phong chiêm bao thấy mình đứng giữa một vùng hoa lạ như hoa dã thú trong các bức tranh của Matisse. Có những bông hoa với nhiều cánh nổi vằn vãi ba màu, màu sắc nào cũng nồng nàn, cũng tươi chói. Rồi đó, một cơn gió thoảng qua, bầy bướm chập chới đôi cánh nhiều màu chói rực bay đến: màu ngân bạch như vóc tổ Tây Dương, màu ngân hồng như sắc hồng ngọc, màu ngân lục như ánh lân tinh, màu hoàng kim như mây phương Đông vào buổi sáng đẹp trời. Chàng lạc giữa một thế giới phong phú bướm hoa, giàu sang giai điệu sắc màu, ngát lịm phần hương tung khắp ngàn phương gió...

Tờ mờ sáng hôm sau, Thúy Hoa xuống bếp, cùng con Lựu và con Lài sữa soạn bữa điểm tâm. Thiệu Hoa lẻo đẻo xuống sau, vồn vã bảo em:

- Thúy hân lại nôi bánh canh cá lóc giò heo đi. Hôm nay, anh Phụng và chị có cái hẹn qua chợ ăn sáng với chị Thuần Hoa.

A-di-đà Phật! Thì ra chị tôi không nghe cuộc cãi vã giữa vợ chồng tôi hồi tối hôm qua. Sum la vạn tượng ơi, ông Trời tặng cho tôi một tâm chồng tuyệt hảo. Ngoài phòng the, chàng hiện thân là thầy sãi Tam Tạng, đem Từ Bi Hỷ Xả ra cư xử với đời và cải hóa con vợ ngoan cố là tôi đây. Nhưng trong giường ngủ, chàng đúng là quý là yêu, ái ân cho đến quán đố đình xiêu thì chàng mới thỏa mãn cho. Nhưng chàng chỉ là tên cường tặc đối với vợ, nên không ngó ngàng tới ả nào khác, cụ nào khác. Cho nên tôi mới vẫy vùng trong biển hạnh phúc bất ngát bao la. Ngoài buồng the, tôi hiện thân là

một nguyên phối ôn nhu mềm mỏng, một bậc chủ phụ tận tụy công việc tề gia nội trợ, một bà hoàng hậu rạng ngời phẩm cách cao sang. Nhưng trong khuê phòng, trên chiếc giường, tôi hiện thân là nàng kỳ nữ vánh ngoài bảy chữ vánh trong tám nghề để hợp hôn anh chồng khờ của mình, tôi biến thành nàng sùng phi giờ đủ mảnh khỏe để mê hoặc đấng quân vương. Cái ngón nghề ấy do mẹ chị Thuần Hoa của tôi truyền lại cho tôi chứ ai? Đó là bổn phận vợ hiền. Có vậy, vợ chồng tôi mới mặn nồng thấm thiết chứ bộ!

Bây giờ đây, nghĩ tới chị tôi, tôi ăn năn lắm. Danh với giá gì mà khiến tôi đành để chị tôi đau khổ nếu tôi làm kỳ đà cản mũi chị tôi, không cho chị tiến tới cuộc hôn nhân với người đàn ông mà chị đang yêu đương say đắm. Dù cuộc hôn nhân sắp tới của chị không đem lại danh giá cho đại gia đình chúng tôi, nhưng ít nhất cũng làm cho chị hạnh phúc. Chị tôi đã đau khổ thiệt thòi trong tình yêu nhiều rồi. Chị tôi chỉ cần một người chồng biết yêu đương chị, chứ có cần cái gì khác đâu? Tôi quá hẹp hòi không nghĩ tới điều đó, nếu không nhờ chồng tôi bày giải khuyên lơn đâu là hạnh phúc chân thật, đâu là lẽ sống đúng đắn nghĩa.

Ngày lên thật mau. Đầu rặng tre, ánh hồng nhô lên, đưa tiếng chim sẻ, chim cu cườm ríu rít về. Nhưng trong bụi tre, bụi cây muối, bụi cây vạt sành, bụi cây gáo bên mé nước, sương lam còn lảng vảng. Phải đợi cho trời sáng hơn thì chim chìa vôi mới ríu rít trên mái ngói, trên cành nhãn. Hôm qua Thúy Hoa qua gửi mua bên chợ ba ổ bánh mì. Săn thịt băm, gan heo xắt mỏng, sườn heo non, Lạp xưởng và hộp đậu petit pois, nàng làm thêm món xú mại.

Tuy không sao cảm tình với Tường Phụng, nhưng Thúy Hoa nghĩ rằng mình phải thông cảm với chị mình. Rồi nàng tự hỏi mình đã biết được bao nhiêu khuôn mặt, bao nhiêu khía cạnh của hạnh phúc? Vậy mà tại sao nàng không nghĩ rằng hạnh phúc của vợ chồng nàng dù êm như mộng, xuôi dòng như nước từ nguồn chảy ra biển, nhưng cũng chỉ là một trong muôn nghìn bộ mặt và trong muôn vạn khía cạnh hạnh phúc mà thôi. Có những cái hạnh phúc vươn lên từ những cuộc lừa dối lầm lỡ, hoặc từ những cuộc hôn nhân dở dang nửa chừng. Người trong cuộc nhờ rút tỉa được nhiều kinh nghiệm từ những cuộc lầm lỡ hay từ những cuộc dở dang của họ mà vun quén hạnh phúc hiện tại khi họ nắm trong tay.

(còn tiếp)

MỘT BÔNG HỒNG CHO CHA

VÕ HỒNG

Trong thời hồng hoang của lịch sử, con người chỉ biết có mẹ. Khỏi cần tìm hiểu đâu xa, cứ nhìn các con vật thì biết: gấu gủi và hiền lành là con chó, con gà, xa xôi và hung bạo là con beo, con cọp. Sinh ra và lớn lên chỉ biết có mẹ, lúc thúc quanh mẹ. Bởi một lẽ đơn giản: khi biết mình mang thai, con cái thường sống cách ly con đực, thậm chí còn cắn đuổi con đực không cho lại gần.

Con người sau này thì không. Cha săn sóc mẹ khi mẹ mang thai, cha đỡ đẻ mẹ, cha giúp tay mẹ pha bình sữa, giặt giũ tã lót khi cha mẹ cùng nghèo. Khi cúng đầy tháng, cha châm hương đốt đèn thành kính cầu xin Mẹ Bà và tham lam cầu khắp thần linh phù hộ cho con mau ăn, chóng lớn. Có lẽ đó là lần đầu tiên, lần trọng đại nhất trong đời mà cha trọn lòng nghĩ đến những vị thần linh. Vì con mà tin, mà khẩn, mà cầu... cho dầu mang tiếng là mê tín cũng xin sẵn sàng vui nhận.

Con lên hai tháng, ba tháng, nằm ngửa hươu chân, hươu tay, mở to đôi mắt ngơ ngác, xoay đầu nhìn vu vơ sang trái, sang phải. Rồi con biết hé miệng cười, cái cười vô nghĩ nhưng đủ cho cả nhà mừng rỡ reo vui. Rõ ràng là nụ cười của con làm nở những nụ cười chung quanh, làm rạng rỡ những khuôn mặt, xóa mờ những nếp nhăn nơi trán; lần lượt biết lật, biết bò... rồi con ngồi vững, rồi vịn tay đứng được, rồi bước những bước rụt rè, Tiếng reo vui, tiếng khuyến khích vang lên rộn ràng đầm ấm, trong đó có lần tiếng của cha.

Cha được phân công ngồi bón cho con những miếng cơm đầu tiên, cha phải la: “Ừ! ừ! Coi kia con chuột. Ăn mau chớ nó ăn hết”, rồi thừa lúc con ngơ ngác đưa mắt tìm, cha dứt nhanh muỗng cơm vào miệng. Hỡi ơi, từ ngày có con, cha trở thành nhảm nhí đáng thương. Con mới mở miệng ngáp, đôi mắt mới khép hờ mà cha đã vội vàng ru, ru cái kiêu nửa ngâm nửa hát vụng về và chọn những câu nhảm nhí phù hợp với trạng thái tâm hồn của cha lúc đó:

À ơi, con gà cục tác lá chanh...

Có thể cha giỏi nhạc, cha hát hay nhưng cha ngượng ngùng không dám nghiêm trang cất giọng, sợ người khác nghe họ biết là cha đang trần trề niềm vui, no nê hạnh phúc. Và chẳng mặt con ngây ngô thế đó thì cha biểu diễn nghệ thuật để chi? Cha phải ngây ngô theo, con duỗi chân thì cha nói: “Chà! Bộ định đi về thăm ngoại hả?” Rờ cái đít nung núc thịt, cha bế chạy vừa nói nựng: “À, con heo ú đây. Ai ra mua!” Quả là những giây phút hân hoan cực độ. Nhưng phải chợt dừng lại. Sợ người khác nghe. Phải che giấu hạnh phúc để tỏ rằng mình không tầm thường. Khi có học, cha thường phải tạo vẻ mặt nghiêm trang. Dưới thời Nho giáo, cha được gọi là nghiêm đường. Hai mươi tuổi đậu cử nhân, đậu tiến sĩ thì phải mang bộ mặt lạnh lùng của một quan hoạn. Chỉ có người cha quê mùa mới thông dong công con bốn, năm tuổi đi chơi ngêu ngoao khắp xóm, bứt lá chuối quắn kèn. Lớn lên, cha con cùng làm lụng cạnh nhau trên sân lúa, giữa rẫy khoai. Xã hội hôm nay trí thức hơn, văn minh hơn, trong cuộc sống cha một nghề, con một nghề, ai lo phần nấy, rốt cuộc tình thương cha con trở nên lợt lạt. Tình quân quít cha con chỉ thể hiện khi con còn nhỏ; quá bậc tiểu học, con bắt đầu lớn, bắt đầu chọn bạn là bắt đầu xa cha. Từ đó cha thường chỉ đóng vai người cung cấp tiền cho con ăn học, may sắm, nguồn kinh nghiệm khôn dại để đưa lời chỉ bảo khuyên răn. Tất cả đều chỉ là lý trí lạnh lùng.

Chứ mẹ thì không. Nghĩ đến mẹ là một chuỗi hình ảnh êm ái hiện ra: mẹ mang nặng đẻ đau, mẹ vạch vú cho bú, mẹ bông ru ngủ, mẹ ôm hôn nựng, mẹ tập đứng, tập đi. Khỏi cần lý luận, khỏi nhìn đâu xa, cứ nghĩ đến mẹ là như thấy rõ hồi nhỏ mình nằm như thế nào trong vòng tay mẹ, ỉa đái tự do trên mình mẹ và mẹ lo giặt, lo thay, quen thuộc với mùi khai, mùi thối. Với cha thì phải suy nghĩ mới thấy, bởi mọi biểu lộ yêu thương chỉ hiện rõ khi mình còn nhỏ. Bấy giờ nếu may

mà biết được là nhờ ngẫu nhiên thấy một người cha nào đó đang thương yêu săn sóc đứa con nhỏ của họ.

Tim trong văn chương thì thường chỉ gặp loại:

Công cha như núi Thái Sơn.

Núi này nhất định là phải lớn lắm và công cha cũng lớn như vậy. Không thấy ghi một nét cảm động về người cha, mà chỉ phác qua một hình ảnh uy nghi, nhưng xa cách, gợi sự tôn sùng. Mọi người đều thuộc, đều đọc lâu lâu, nhưng mà thân nhiên như đọc khẩu hiệu.

Người cha quen thuộc, cha của Mẫn Từ Khiên, thì được vẽ ra là một người biết làm bốn phận: bốn phận cưới kẻ thiếp khi vợ cả chết và bốn phận đuổi kẻ thiếp vì Mẫn Từ Khiên bị ngược đãi. Mà cũng ngẫu nhiên mới biết được con khổ khi thấy con mặc áo rách run rẩy đẩy xe cho mình. Người cha trong cuốn Luân lý giáo khoa thư dễ thương hơn. Truyện kể: Mẹ đi chợ mua về cho con trái cam. Con nghĩ đến cha làm lưng nắn nôi, liền cầm trái cam chạy ra đồng đưa tặng cha. Cha nghĩ đến mẹ đầu tắt mặt tối ở nhà, liền cầm trái cam đem về tặng mẹ. Trái cam đi một vòng, dài và rộng hơn sợi dây tình cảm con thương cha, rộng gấp ba lần vì thêm tình mẹ thương con, tình chồng thương vợ.

Cổ văn thường nặng nghĩa lớn, nhẹ tình riêng. Phạm Trọng Yêm, tể tướng đời Tống, sai còn là Thuần Nhân chờ năm trăm thùng thóc về quê. Đến Đan Dương, Nhân gặp Thạch Man Khanh là bạn cũ của cha đang khốn quẫn vì bị ba cái tang dồn dập. Nhân tặng hết năm trăm thùng thóc. Lại nghe hai cô con gái của Thạch Man Khanh đến tuổi mà đang ế chồng, liền tặng luôn cái thuyền. Về kể lại chuyện cha nghe. Nghe tới chỗ hai cô gái của bạn ế chồng, Phạm liền ngắt lời hỏi:

— Sao con không cho luôn cái thuyền?

Cuộc sống bắt cha hướng mắt ra ngoài đời, nhìn đời, lẫn lộn với đời. Mẹ thì nhìn vào trong nhà, nhìn vuông sân chái bếp, con gà, con chó, cây ổi, cây xoài và bấy con của mẹ. Con gần mẹ hơn cha là vậy. Cha lặng lẽ đi làm kiếm tiền, con đâu biết bao nhiêu gian lao cực nhọc, lo toan đối phó làm mệt mỏi gân cốt và trí óc cha. Về đến nhà tìm sự yên nghỉ, nhiều khi mang cái bức bối, cái cáu gắt từ ngoài xã hội mang về theo. Con phải len lén bỏ ra nhà sau, im lặng, càng xa càng tốt, gần như muốn xóa bỏ cái hiện hữu của mình. Sự cách xa giữa cha con thường bắt đầu nhẹ nhàng như vậy. Càng thêm xa cách bởi sao cạnh mẹ con thấy êm đềm. Ai làm ra tiền, không cần biết, chỉ biết muốn nhai viên kẹo, muốn cắn trái ổi là chỉ cần thò thè với mẹ. Mua cây viết mới, sắm đôi dép mới.. thấy thấy mẹ đóng vai bà tiên. Tội thân cha, cạnh bà tiên hiền, cha

thành Thiên Lôì, bà tiên càng hiền, cha càng thành La Sát.

Không, cha không muốn vậy. Cha thương con nhưng cuộc sống phân công, mỗi người mỗi việc. Mẹ như cọng mảnh, nhánh thấp cành gần dễ trái non xúm xít bầu quanh. Cha như thân vững chắc, bám rễ thật chặt, hút nhựa nuôi hoa, nuôi trái. Thân chĩa những cành lớn đâm ngang, thân vươn những nhánh cao phủ trên đầu che mưa che nắng. Cha cần nhắc lời nói, chỉ nói khi cần, con lớn mẹ thì cha càng phải nghiêm. Mẹ là tình cảm, cha là lý trí, mẹ lạt lòng cha phải giữ kỷ cương. Mẹ chín bỏ làm mười, cha phải cầm cân nảy mực. Đi vào bước trưởng thành từ mười ba, mười bốn tuổi, con càng ngày càng ngại cha, tránh cha rồi xa cha là vậy.

Nhưng đừng đơn giản, bắt công, quên cái thời ta lên năm, lên mười, kéo trở thành bội bạc. Hãy nhìn những đứa ba tuổi làm nũng với cha. Bắt cha bế chạy nhong nhong. Bắt phải dắt ra cổng đứng nhìn xe cộ. Bắt phải có cha nằm cạnh quạt cho mới chịu ngủ. Lên tám, lên chín thì hay chạy tới nơi cha làm việc để đón cha cùng về. Trên đường đi phải nắm tay cha, thỉnh thoảng nhìn lên mặt cha, đâu là khuôn mặt tâm thường hay xấu xí.

Tuổi già chiếc bóng, mẹ dễ sống theo con, dâu, rể. Lúc thức sớm hôm, chăm chút tỉ mỉ, mẹ uốn mình theo nếp sống, mềm mỏng ung dung như nước. Thường cha thì không, cha ít cam khuất phục rể, dâu. Chịu sống hắt hiu, thiếu thốn, cốt tránh trước cái giả bộ nặng tai của dâu, cái im lặng cố ý của rể. Mẹ biết ý nên khi phải nhắm mắt vĩnh biệt, mẹ thường thổn thức dặn dò “Anh ở lại nuôi con. Gắng kiếm một người hiền lành giúp đỡ. Chớ đàn ông không chịu khổ được lâu”.

Phải, tuổi càng cao, khổ càng chồng chất, dâu, rể không ăn hiếp thì có con nuôi, con kiến ăn hiếp thay. Cứ cắn, cứ chích, nạn nhân nghe đau đập đó, chứ mắt mờ đâu còn thấy rõ. Nhìn lên bầu trời đâu còn thấy chòm sao Bắc đẩu mà mới ngày nào lưng từng dắt con đi trong sân cha chỉ cho con nhìn.

Con nay đang tuổi trung niên, bận theo quyền lực, vui với vợ con, bè bạn, việc báo hiếu cho cha thường tỏ ra bùn xín. Nếu có ai trách hững hờ, chênh mảng thì thiếu chi lý lẽ dẫn ra: “Được vậy còn đòi gì nữa?... Trời ơi, thì giờ đâu!”

Phải, thì giờ đâu? Người xưa hay nhắc phận con kíp lo báo hiếu bởi từ đục đờng nhi thân bất dãi, con muốn nuôi mà cha mẹ không chờ.

Khi con ở tuổi trung niên thì cha vào giai đoạn già yếu. Bề ngoài ngó dẫu phương cương nhưng nội tạng thường đang rệu rã. Dễ hiểu thôi mà: một đồ vật dùng đã sáu chục năm rồi thì dầu lạc quan đến đâu cũng chỉ

có thể tạm nói: “Cũng còn khá”. Cha thỉnh thoảng cảm thấy hơi đau nơi này, chợt nghe có cái nhéo nơi kia. Đôi hồi bỗng mệt vô cớ. Nhưng cha thường im lặng không nói. Những câu nói không còn cần thiết, êm ái cho con nữa như khi còn nhỏ. Bây giờ, những câu nói đều quấy rầy con. Đành âm thầm nghĩ đến câu Vạn vật vô thường.

Sách xưa dạy: Hôn định thần tình, ta dịch: “Tôi viếng sớm thăm”, lật lẽ nghèo nàn nếu không có người giáng cụ thể rằng cha mẹ già thường cần đôi mắt và bàn tay con, trước và sau giấc ngủ. Đã nằm trong mùng thì lười đứng dậy để khép bớt cánh cửa, để lấy cái mền, để tìm lọ dầu. Ngủ một đêm, sáng dậy, trong mình có cái gì thay đổi, đó là lúc con ân cần hỏi han mẹ cha mới dám giải bày.

Gần như mọi người con, cuối cùng đều âm thầm tự trách, lặng lẽ xót xa. Cha biết trước tâm trạng đó, phòng xa ngày nào mình từ trần con mới chợt ân hận muộn màng, nên trong mỗi bức thư gửi con, cha đều kết thúc bằng sự bằng lòng, rằng con đã học hành thành đạt và cha mãn nguyện, cha vui. Lòng vị tha, lòng hy sinh cho con kéo dài mãi sau khi nhắm mắt.

Báo hiệu đầu chỉ món quà, mà có thể đôi tháng gửi một bức thư. Nội dung đầu đòi hỏi cao siêu, chỉ cần mười dòng lược kể một chuyện đã nghe, một điều vừa thấy. Thì cũng như bè bạn gặp nhau, chào nhau một câu rất nhảm mà vẫn rất cần: “Đi đâu đó? Mạnh giỏi?”. Sinh nhật cha, tặng một cành hoa. Nếu ở thành phố xa, hai ba đứa con gửi về hai, ba bức điện chúc mừng, tốn không bao nhiêu mà tạo được sự rộn ràng tới tấp. Niềm vui tinh thần đầu thua bữa tiệc cao lương?

Ngày Vu Lan, nhiều chùa tổ chức lễ hội bông hồng cài áo. Hoa hồng tượng trưng cho mẹ. Để tỏ lòng thương nghĩ tới cha, nhiều nơi buộc thêm dải nơ tượng trưng cho cha. Cha còn: nơ xanh. Cha mất: nơ trắng. Lễ đường xếp thành bốn dãy, dãy cha mẹ song toàn: hoa hồng, nơ xanh. Mẹ còn, cha mất: hoa hồng, nơ trắng. Mẹ mất, cha còn: hoa trắng, nơ xanh. Mẹ cha đều mất: hoa trắng, nơ trắng. Người dự lễ đứng theo hoàn cảnh của mình. Có lần, một em nhỏ tuổi chừng lên tám đứng trong hàng hoa trắng, nơ trắng. Em nhìn quanh, tủi thân khóc òa và cả lễ đường cùng khóc òa theo.

Cha cũng như mẹ, rồi sẽ có một ngày:

“Đinh hoa biểu từ khơi sóng hạc” (*)

nên mỗi người con đều phải vội vàng. Trả hiếu không bao giờ đủ, không được coi là dư bởi tình cha thương con là cho chứ không phải cho vay để có thể gọi là trả đủ.

(*) Cha mẹ mãn phần (Nhị thập tứ hiếu)

Thơ THU NGUYỆT

VÔ THƯỜNG

*Cám ơn sự vật vô thường
Để cho ta có khi buồn khi vui
Vô thường tất cả, trừ... tôi
Là chi cũng mãi khi vui khi buồn !*

*Chiều xem Đà Lạt làm sương
Đưa tay vuốt gió mà thương đất trời
Mai đây ta vắng đi rồi
Đất trời cũng vẫn đất trời như nay
Chỉ còn ngọn gió loay hoay
Lạc loài tìm mãi bàn tay thuở nào*

RẼM LÁ

*Trăng thơm nức mùi khói hương lễ Phật
Trái trong lành tinh khiết xuống nhân gian
Ta lơ ngơ trong tín ngưỡng mơ màng
Nghe nhẹ bằng một Niết Bàn bất chợt*

*Sân chùa rộng góc bồ đề cũng lớn
Ta nhỏ nhoi trần thế đông người
Lóng ngóng sân chùa nhật chiếu lá rơi
Lúng búng nhảm A Di Đà Phật*

*Ngửa bàn tay thấy điều được mất
Chấp hai tay lạ Phật e dè
Gió luân hồi rải sáng ta nghe
Hương từ chiếc lá bồ đề đang rơi...*

Ý NGHĨA NHỮNG BÔNG HỒNG VU LAN

DIỆU TRẦN

Từ ít lâu nay, trong ngày lễ Vu Lan tại các tự viện, ban tổ chức thường có sẵn những giỏ hoa hồng để Phật tử cài lên áo trong ý nghĩa, ai còn mẹ thì cài hoa đỏ, ai đã mất mẹ thì cài hoa trắng. Giải thích như thế thì ý nghĩa cài hoa lên áo trong lễ Vu Lan sẽ chỉ hạn hẹp trong tinh thần mẫu tử cá nhân, thiếu hẳn phần căn bản là tinh thần Tự Độ và Độ Tha của Đạo Phật.

Thật thế, Vu Lan không phải chỉ là ngày báo hiếu của con cháu với ông bà cha mẹ. Sở dĩ chúng ta hiểu theo nghĩa hạn hẹp này chỉ vì chúng ta quen nhìn câu chuyện Ngài Mục Kiền Liên xuống Địa ngục cứu mẹ bằng con mắt thế tục. Nếu câu chuyện đó được nhìn bằng tuệ giác thì Ngài Mục Kiền Liên chính là tiêu biểu cho những hành giả, nhờ liễu ngộ Đạo pháp mà biết được sự khổ đau triền miên của chúng sanh vô minh; và bà mẹ Thanh Đề là tượng trưng cho tâm chúng sanh nhiễm ô điên đảo, nhờ thành tâm sám hối mới giao cảm được muôn thiện ý hướng về bà mà tự giác ngộ.

Nếu nhìn được hai nhân vật này qua lăng kính nhiệm mầu đó, thì việc cài hoa lên áo trong ngày Vu Lan mới vượt ra ngoài sự hạn hẹp cố hữu, không phải chỉ nghĩ về mẹ, mà còn phải khởi đi từ chính bản thân chúng ta. Ta phải làm gì để xứng đáng nhận một bông hoa ?

Theo tinh thần Tự Độ thì chúng ta phải tu học. Tu học ở đây là tùy duyên, hoặc may mắn gặp được thiện trí thức chỉ dẫn, hoặc do ta chuyên cần quán tưởng, đi lần từ thô tới tế, biết được lý duyên sinh vô ngã mà xả bỏ tham dục, thanh tịnh thân tâm. Con đường này thật dài mà cũng rất ngắn; thật dễ mà cũng rất khó, trong kinh Pháp Hoa có dẫn rằng:

*Đản ly hư vọng
Danh vi giải thoát
Kỳ thật vị đắc
Nhất thiết giải thoát*

Có nghĩa là, chỉ cần rời xa hư vọng thôi, đã được coi là giải thoát nhưng kỳ thật sự giải thoát đó chưa phải là giải thoát rốt ráo. Mà hề hư vọng còn một tơ vương là nầy sinh muôn vàn ràng buộc. Thế nên, cái khó là sựuyên nguyên, thiết thạch của lòng dũng mãnh phát Bồ Đề Tâm. Không có lời phát nguyện, dầu chúng ta đốt đuốc lên rồi vẫn hoang mang chưa biết phải đi đâu ! Phát nguyện rồi phải kiên trì giữ vững, tín nguyện phụng hành.

Khó lắm ! Nhưng kinh cũng dẫn chứng, an ủi chúng ta rằng:

*Nhẫn đến đồng tử giỡn
Nhóm cát thành tháp Phật
Những hạng người như thế
Đều đã thành Phật đạo.*

Hoặc có đoạn nói rõ ràng hơn, như sợ chúng sanh không tin:

*Nhẫn đến đồng tử giỡn
Hoặc cỏ cây và bút
Hoặc lấy móng tay mình
Mà vẽ làm tượng Phật
Những hạng người như thế
Lần lần chứa công đức
Đầy đủ tâm đại bi
Đều đã thành Phật đạo.
Nếu lòng người tán loạn
Vào nơi trong tháp miếu*

*Một xưng Nam Mô Phật
Đều đã thành Phật đạo.*

Chúng ta thường tự dễ dãi, nhận mình là Phật tử mà ít quan tâm phản quang tự kỷ xem, là con Phật, chúng ta có thực sự tin và nghe lời Phật dạy hay không? Chư Phật đều có quảng trường thiết tướng, thuyết thành thiết ngôn, tướng lưỡi rộng dài là một, trong 32 tướng tốt, các Ngài chỉ nói lời chân thật. Vậy, là con Phật, sao chúng ta không tin lời Phật nói? Trẻ nhỏ chơi đùa ngoài bãi biển, lấy cát đắp thành tháp Phật, những trẻ nhỏ ấy đều đã thành Phật. Sao dễ thế? Bởi vì tâm chúng hoàn toàn trong sạch. Với tâm kim cương ấy, sao chúng không lấy cát đắp nhà lầu xe hơi mà lại đắp tháp Phật? Có phải chăng, trong tâm chúng đã sẵn ngôi tháp Phật? Rồi người dùng bút, cò cây, hay đơn giản hơn nữa là dùng móng tay mình mà vẽ hình Phật hoặc niệm danh hiệu Phật thì những người đó cũng đang gieo trồng hạt quý để đủ duyên sẽ nở rộ Liên Hoa. Cũng đơn giản quá ư? Vâng, thật là đơn giản nhưng nét thảo đơn sơ đó, lời niệm thành khẩn đó phải phát xuất từ máu xương, da thịt, từ cạn tận căn khôn trí tuệ mà tán thán công đức bất khả tư nghì mới mong đạt tới:

*Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn
Lưới để châu ví đạo tràng
Mười phương Phật hiện hào quang sáng ngời*

Sự dễ dàng, sự đơn giản là hành động phải khởi từ tâm thành. Long Nữ tháo râu chuỗi cúng dường Phật, chớp mắt, cô bé đã đắc đạo, hiện thân nam tử, đi qua cõi Vô Cấu phương Nam, ngôi tòa sen báu, diễn nói pháp mầu. Sự kiện thì diễn ra như thế nhưng có phải Long Nữ thành Phật chỉ vì cúng dường râu chuỗi đầu, mà hành động dâng cúng là thời điểm đủ duyên của sự tu tập nhiều kiếp.

Chúng ta đã khởi hành chưa? Không đi, sẽ không tới. Không tu, sẽ không chứng. Hãy tạm bước những bước chậm rãi mà vững chắc thì ngại gì có ngày trí huệ Bát Nhã chẳng hiển bày để an nhiên ngay nơi “không chứng cũng không đắc”.

Tự Độ rồi chưa đủ, chúng ta còn phải Độ Tha. Gần nhất, hãy giúp cha mẹ, quyến thuộc biết tìm về cửa Đạo bằng những phương cách mà, chỉ cần một chút hy sinh, một chút cố gắng, chúng ta có thể làm được. Đó là rủ họ, đưa đón họ tới chùa những ngày rằm, ngày lễ, thỉnh kinh sách, băng giảng, khuyên dụ họ nghe; những lúc gặp gỡ, xen vào chuyện sinh hoạt thường nhật là những câu truyện đạo, những điển tích chứng minh sự

nhệm mầu của giải thoát khi liễu ngộ vô thường. Rồi từ cha mẹ, quyến thuộc, chúng ta tiến xa hơn là khuyến tấn bạn bè, nhân thế cùng chúng ta tâm sự học đạo để nhận thức chân, giả, đoạn trừ vô minh, quyết đời này phải giải thoát được sanh tử luân hồi.

Là con Phật, chúng ta đều biết rằng, luận về nhân đạo thì trong trăm hạnh, hiếu hạnh đứng hàng đầu. Quỳ trước ban thờ Tổ Tiên, chúng ta thường xin hồi hướng công đức tới cứu huyền thất tổ mà quên xét rõ ràng là công đức đó ở đâu ? Chắc chắn không phải ở mâm cao cỗ đầy ! Vậy lấy gì mà xin hồi hướng ? Như người không gửi tài sản gì trong băng mà tới nhà băng đòi rút tiền thì tiền đâu mà rút !

Tôn giả Mục Kiền Liên đã là một, trong hàng Đại Đệ tử của Phật, đã thâm nhập kinh tạng, nguyên lực dũng mãnh, trí đức vẹn toàn mà còn phải nương nhờ nguyên lực của toàn thể Chư Thánh Tăng từ mười phương vân tập về trong ngày Tự Tứ mới hồi hướng công đức đó, chuyển hóa nghiệp lực của Mẹ Thanh Đề. Còn chúng ta xác phàm, tâm phàm muốn báo hiếu ông bà cha mẹ theo tinh thần Phật đạo thì phải làm sao đây?

Nhân ngày Lễ Vu Lan, chúng ta hãy cùng nhau tự xét về 2 điều căn bản: Tự Độ rồi Độ Tha. Với tâm thành, Chư Phật, Chư Bồ Tát sẽ hộ trì chúng ta hái được đóa hồng Vu Lan xứng đáng trong tinh thần báo ân cao cả.

Đây chính là món quà ý nghĩa nhất để chúng ta hồi hướng tới ông bà cha mẹ quá khứ, hiện tiền và vị lai.

Chúng con về nương tựa Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Chúng con hướng tâm thành về Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát

(Vu Lan 2006)





MỘT CON ĐƯỜNG

TRẦM LẶNG

Một bài thơ mở đầu cho kỷ niệm này. Một kỷ niệm cho những tháng ngày rong ruổi giữa cuộc đời đầy nước mắt lẫn nụ cười. Kỷ niệm một chuyện đời, đề tựa bài thơ được tặng cho một người bạn cũng như những người bạn cô độc khác. Và cũng là cảm hứng khơi nguồn cho dòng tản mạn này.

Kỷ niệm một chuyện đời

Thân tặng TQ

*Ta đã ém hồn thơ trong hốc nhỏ
Con nước vô tình đâu ngại khoảnh khắc trôi
Còn mô nữa mà tặng em chiều ấy
Lãng đãng mây trời, mảnh trăng động chơi vơi
Em hỏi tôi bài thơ tình chấp nổi
Chuyến tàu hoàng hôn em để tựa trên môi
Đôi bóng đêm heo hắt tình mơn mõi
Gửi về em kỷ niệm một chuyện đời.
(Ga Đông Hà, Hoàng hôn 22.8.05)*

Chiều hôm đó, cũng như những chuyến tàu hoàng hôn khác, chúng tôi đang đợi để đón tàu ra Vinh. Những chuyến tàu thay nhau đổi sân ga. Bến đợi. Bến đi. Ai còn một chút luyến tiếc. Bao nhiêu chuyến tàu đến - đi rồi nhỉ? Sân ga có bao giờ chợt nhớ, chợt ghi nhận để làm kỷ niệm và ai đó chợt bắt gặp để níu lại khoảnh khắc mơ hồ ấy như là hình bóng của riêng mình hay hình như cũng chẳng của riêng ai. Cây ngô

đồng thưa lá, bóng đổ dài giữa chiều thu man mác, đang đợi chờ màn đêm huyền hoặc trở về áp ủ để rồi thất vọng khiến tro vơ vài chiếc lá cuối thu, có khi nào gìn giữ hình bóng những chuyến tàu ấy không mà những phiến lá lại tro vơ những đường gân khô đét mỏng manh như thế.

Nhiều lúc chúng ta mông lung, ngái ngủ khi chợt nhận chân cuộc đời. Sự phù phiếm tựa như hoa đóm giữa hư không về một sinh mệnh. Một dấu chấm hỏi về cuộc tồn sinh đang là nấc thang đè nặng trên đôi vai gầy của những ai có chút nhận thức về một lối sống, về một kiếp người mộng ảo tựa như một hạt sương trong có đó rồi chợt biến đi. “Cái chấp chờn của một thân thể phiền não không biết mai này mốt nợ ra sao, cứ thắc thòm muốn gửi gắm vào cuộc đời một linh hồn phiêu lạc. Tôi phiêu lạc bao nhiêu năm rồi trên một dòng đời không bờ bến. Có khi tưởng bờ là bến. Có khi tưởng bến là bờ. Cái tạm và cái thường hằng lắm khi là một. Thế mà cứ lại là khác nhau. Cái bờ mỏng mảnh khoảnh khắc ra đi. Cái bến nhiều khi bền bền ở lại. Bờ mở ra những bến. Có đâu bề cho bờ. Nên định mệnh bờ thường trôi buộc thân phận bến. Tôi là bờ em ra đi. Em là bến tôi ghé lại. Con đò ghé qua bờ này bờ nợ nhưng sẽ đậu lại ở một bến kia”. (1)

Thời gian trôi nhanh khi chúng tôi như những con vục chuyển mình giữa sân ga. Lật lật như vừa đánh

mất một thứ gì và đan tâm tìm kiếm khi có sự hồi thức trong lòng. Một mảnh trăng non; con trăng sơ huyền ấy nằm chơi vơi như thách đố cùng hiện thực, như trên cột kiếp nhân sinh giữa cõi phù mộng này; để rồi cơn gió nhẹ thoảng qua và rừng mình, nó nép vào phiến lá. Một vài ba tiếng cười cợt của lũ trẻ; tiếng hàng rong mời mọc của vài chị vai mang tay quây; chiếc lung cong vòng như chiếc đòn gánh của một bà mẹ với đôi quang thúng đựng vài ba thỏi bánh, một ít nước trong; những giọt nước mắt rơi nhẹ và thầm kín - không biết tủi thân hay thương bạn - nhẹ nhàng vén áo lau nhanh khi người ta tiễn bạn ra đi theo tiếng gọi tri thức. Mùa thi. Mùa đậu Đại học. Học để quên quê hương còn nghèo đói. Nhiều khi có người học chỉ để quên mình như ngày xưa có người chợt nói: “Ngày mai đi nhận xác chồng. Say đi để thấy mình không là mình”.

Cách đây không lâu, khi lang thang trên Internet, tôi bắt gặp bài viết: Thuyền ngược bến không của Thầy Tuệ Sỹ; người xưa cũng ra đi, ra đi cũng từ những sân ga nhưng không giới hạn ở những ga tàu mà xuất phát từ mọi bến bờ. Không lệ thuộc xuất phát từ đâu, song đều chung nỗi niềm ra đi. Người lên rừng, kẻ xuống bể. Tất bật ra đi theo tiếng gọi lương tâm, theo tiếng gọi quê hương, theo tiếng gọi cuộc sống, mở ra chân trời nhận thức nhằm khai quang một nếp sống mới. Thầy viết: “...Chiến tranh, thù hận, và đau đó, từ sâu thẳm của khát khao, tình yêu và sự chết là nỗi ám ảnh và như là chất liệu cho ý thức sinh tồn. Có một cõi thi ca riêng biệt như vậy. Dành cho những tâm hồn nhạy cảm. Nhìn con chim giấy chết trong tranh mà ngẩn ngơ, bàng hoàng. Nhưng ngôn ngữ của nó cũng biến hình. Tình yêu thất vọng, đam mê, như những con sóng nồng nhiệt trên mặt nước, mà dưới đáy sâu ai biết ẩn chứa những gì.

*Nước xa cuộn cuộn ra khơi
Sâu trong tâm thể có đôi giọt gần*
(Dư tập, Thủy mộ quan - Viên Linh)

Những câu thơ như vậy thật hiếm hoi cho một đời bận rộn. Không bận rộn sao được khi quanh mình những bạn bè trang lứa lần lượt ra đi. Một số người vượt tuổi vô rừng. Đi theo tiếng gọi của hận thù, máu lửa, trong trái tim đang bốc cháy bởi chủ nghĩa anh hùng...” Động lực ngày ấy, hoàn cảnh ngày ấy khác hẳn hôm nay. Song đều là sự khởi hành để truy tìm một giá trị cho cuộc sống. Giờ đây, ở sân ga này, tôi lặng thinh, chỉ vài lời qua lại của chúng bạn. Một, hai ba người và rồi nhiều hơn nữa... Bâng quơ!

Như cuộn phim đọng lại; thời gian đâu ngai bước

lãng du. Em chợt hỏi, như níu lại một thời khắc nào đó mà giữa cuộc phù sinh mộng ảo, nhân duyên đã từng hội ngộ. Thơ tặng em đâu? Bài thơ về chuyến tàu hoàng hôn ấy! Tôi lúng túng. Hình như gió hơi lạnh trong lòng. Gió từ đâu? Ý niệm chợt thoáng qua như có lần Xuân Quỳnh tự hỏi, gió bắt đầu từ đâu? Sóng bắt đầu từ gió. Gió bắt đầu từ đâu? Em cũng không biết nữa. Khi nào ta yêu nhau. Sóng lòng. Gió lòng. Gió từ đáy lòng thổi lại như khơi nhẹ một chút ân tình mong manh; nhẹ nhàng mà đầm ấm; mềm dịu mà mỏng mảnh như hơi thở; nồng nàn mà hanh hao tựa nắng Xuân phai.

Tôi cúi nhìn mặt đất như cố tìm một sự gìn giữ. Đất có giữ thơ tôi không? (Đất được ví như người Mẹ hiền, bao năm lắm rồi, lặng nhìn quê hương đổi thay. Lòng người thay đổi, phai nhạt như một ngọn gió chợt thoảng qua kẽ lá. Đất âm thầm chịu đựng; người xưa thường ví von đức tính ấy như là một phẩm tính vô giá của người Mẹ; để rồi, hội họa gọi tên bằng màu sắc; âm nhạc hóa hiện thành âm điệu; thi ca ôm ấp bằng lời, bằng hình ảnh bóng bẩy, du dương; điêu khắc hóa hiện qua hình tượng, và chính con người cảm thụ qua sự rung động của trái tim nồng cháy – nóng bỏng hương tình.

Đất ôm ấp gìn giữ mọi thứ, mặc cuộc đời sông nước chảy về đâu! Nhìn bề mặt, đất im lìm trơ gan cùng năm tháng; song trong tận lòng sâu, ai có hay đất vẫn chuyển mình. Khi dữ dội, khi dịu êm, khi đắm thắm, êm ả như những lúc Hạ về, tiếng Mẹ hò điệu dân ca đậm chất điền dã. Đượm chút mặn mòi của hương biển và ngọt ngào của sông nước quê hương. Để rồi, khi chuyến tàu rời sân ga, tôi nằm yên lắng nghe hơi thở chính mình; nhịp tim co bóp, nhịp thở lên xuống như nước triều dâng. Hơi thở sao mà nồng nàn vậy, có nỗi buồn nào đang ngự trị chẳng? Rồi, lắng nghe gió thổi mà thấy lòng lạnh lạnh. Những cơn gió mỏng vừa lượn qua khung cửa, cái rét đã có rồi.).

Một nét vẽ dưới chân tôi, hình như của một họa sĩ vô danh nào đó trong một khoảnh khắc lạc lõng đang đợi tàu giữa sân ga đã ngoặt ngoẹo họa nên. Họa sĩ ấy đã vẽ gì nhỉ? Một con đường. Một con đường mà ngút ngàn sâu thẳm, không nhận thấy đâu là điểm khởi đầu và điểm kết thúc. Con đường tàu đi qua và anh ta là bến đợi! Hay con đường cuộc đời cho mỗi bước chân qua!

Ừ nhỉ, đúng là con đường. Con đường mà tôi và những người bạn đêm ấy đang đi qua. Con đường gian

nan và hiểm trở. Con đường mà biết bao đau thương của thế hệ đi trước đã tô bồi bằng chính máu xương của họ. Con đường mà nhiều khi người ta gọi là con đường oan nghiệt, bởi biết bao nhiêu người đã khốn khổ, đau thương, tù đầy vì nó. Nó được đánh đổi với nhiều giá trị như vậy song có nhiều người lại đành lòng đem tâm dim bỏ hay phủ nhận; xem nó như chuyện quá khứ, không liên hệ gì đến hiện tại. Một sự chối bỏ muộn màng.

“Thế hệ các con được giáo dục để quên đi quá khứ. Nhiều người trong các con không biết đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất là gì; đã làm gì và cống hiến những gì cho sự nghiệp văn hóa, giáo dục, hòa bình dân tộc, trong những giai đoạn hiểm nghèo của lịch sử Dân tộc và Đạo pháp của đất nước. Một quá khứ chỉ mới như ngày hôm qua mà di sản vẫn còn đó nhưng đã bị chối bỏ một cách vội vàng. Di sản được tích lũy ròng rã hằng thế kỷ, bằng bao tâm tư qua bao khổ lụy đau thương, bằng máu và nước mắt của biết bao Tăng Ni, Phật tử; mà những người gây dựng nên di sản đó bằng bi nguyện và hùng lực của mình, có vị bị bức tử bởi bạo quyền, có vị suốt năm tháng dài chịu tù đầy, bị lăng nhục. Nhưng sống hay chết, vinh hay nhục, không làm dao động tâm tư của những ai biết sống và chết xứng đáng với phẩm cách của con người, không hổ thẹn với phẩm hạnh cao quý của bậc xuất gia.”(2)

Với cái nhìn, cái biết như thật, hay danh từ Phật học gọi là Như thật tri kiến, con đường chỉ là con đường (nếu thật có con đường). Dù phương sở nào hay thời gian nào, căn cơ nào nó cũng chỉ là con đường. Song sở dĩ nó có nhiều màu sắc, oan nghiệt hay vinh quang hay mộc mạc là bởi chính tâm thức con người đã khoác cho nó những chiếc áo đầy màu sắc sắc sỡ hay nhìn nó dưới những cặp kính màu.

Con đường. Con đường in đậm thảo hài vô chung của chư Tổ. Con đường đã một thời đón nhận hình bóng tro xương cùng tuế nguyệt của tiền nhân. Hình ảnh tôn giả Kiều Trần Như, một hạt mè nuôi thân tứ đại để rồi những đốt xương trở thành chiếc áo bao bọc chính nó. Thật đúng với câu nói, nhìn sợi vải thấy rõ chính linh hồn. Rồi, hình bóng ung dung trong biển lửa để gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh nhân loại, thấp lên ánh đuốc giữa chốn mù sương của Quảng Đức Bồ tát; và cũng đón nhận hình bóng trầm mặc của Đấng Đạo Sư trong một đêm trắng sáng; ánh sao Mai đang tư lự giữa trời khuya ngát tạnh. Nó còn mang đậm hơi thở của chính Ngài: “Thuở xưa, có một vương tử mà ngại

vàng đã dọn sẵn, vó ngựa chinh phục đã sẵn sàng yên cương. Rồi một đêm, khi cả cung đình đang ngủ say trong giấc ngủ êm đềm của quyền uy, danh vọng, giàu sang; vương tử gọi quân hầu thẳng cho Ngài con tuấn mã trường chinh. Nhưng vó ngựa trường chinh của Ngài không tung hoành chiến trận. Thanh gươm chinh phục của Ngài không đánh gục những chiến sĩ yếu hèn. Gót chân vương giả từ đó lang thang khắp chốn sơn cùng thủy tận; cô đơn bên bờ suối, dưới gốc cây. Ngài đi tìm gì? Ta hãy nghe Ngài nói: ‘Rồi thì, này các Tỷ kheo, một thời gian sau, trong tuổi thanh xuân, khi tóc còn đen mượt, với sức sống cường tráng; mặc dù cha mẹ không đồng ý với gương mặt đậm địa nước mắt, Ta đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca sa, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình. Trong khi ta đi như vậy, làm người đi tìm cái gì đó chí thiện, tìm con đường hướng thượng, tìm dấu vết của sự tịch tịch tối thượng...’.” (3)

Con đường đã được khai quang, chỉ còn đợi con người dẫn thân vào cuộc lữ.

Chú thích:

- (1) Nhiều tác giả, Trịnh công Sơn - Người hát rong qua nhiều thế hệ, Nhà xuất bản Trẻ, tr. 21.
- (2) Tuệ Sỹ, Thư gởi các Tăng sinh Thừa Thiên - Huế nhân đọc Tâm thư của Tăng sinh dâng Hoà thượng Thiện Hạnh, ngày 28.10.2003.
- (3) Tuệ Sỹ, Đạo Phật với tuổi trẻ.



NỤ CƯỜI THIỀN

(viết bởi các Phật Tử Tây Phương)

TUỆ VIÊN *suru tâm và phỏng dịch*

Lời giới thiệu : Khi nói về đạo Phật, người ta thường liên tưởng tới những triết lý thâm sâu và khô khan. Tuy nhiên, đôi khi các Thầy cũng có tính nói đùa trào phúng. Người Tây Phương, nhất là người Mỹ hay có tính hài hước ưa dùng những chữ ý nghĩa bóng bẩy để bông đùa vô hại (joke). Sau đây, ta hãy xem những lời lẽ bông đùa của những Phật Tử Tây Phương viết về Thiền. Nếu bạn đọc nào cảm thấy đây là những điều xúc phạm thì vui lòng bỏ qua cho, vì Đạo cũng có những nguồn vui ý nhị riêng của nó.

* Cỗ xe

Bất kể bạn đi xe lớn hay xe nhỏ (1), nếu bạn đậu lại không đúng cách, bạn sẽ bị câu xe đi và phạt vì cảnh.

(1) *Góp ý : Trong danh từ nhà Phật xe lớn là Đại Thừa, xe nhỏ là Tiểu Thừa. Đại ý đây còn có nghĩa là dù ta tu theo Tiểu Thừa hay Đại Thừa, nếu ta tu không đúng cách, thì sẽ nặng nghiệp.*

(viết bởi Drana Dey 24-7-1994)

* Tu đạo giống như xây nhà

Bạn phải bắc giàn để xây cất nhà. Khi xây cất nhà xong bạn có còn giữ lại những giàn đó không?

(2) *Góp ý : Đây là lời ví kiểu mới hợp với đời sống hiện đại. Lời ví này giống như lời ví dùng bè vượt qua sông, khi sang đến bờ bên kia, “đáo bĩ ngạn”, thì ta có còn mang theo cái bè không?*

(viết bởi Luke C Bairan 13-5-1994)

* Cái ngã

Cái “ngã” (3) giống như những ổ gà làm bạn chậm tiến trên con đường tới Niết Bàn.

(3) *Góp ý: Đúng! Cái “ta” đúng là những chướng ngại lớn nhất đã cản trở con đường tu của chúng ta để đạt tới chốn Niết Bàn thanh tịnh.*

(do Slug13@aol.com góp nhặt)

* Công án Thiền

Các công án Thiền vẫn giữ ý nghĩa như vậy mỗi ngày không?

(viết Anthony Smith 26-7-1995)

* Ăn Chay

Người Á Đông ăn chay thường dùng những rau, đậu, nhưng đa số lại thích nấu món ăn cho có mùi vị giống như những món thịt heo, thịt gà, thịt vịt và gọi tên nó là heo chay, gà chay, vịt chay.

Góp ý : Quả có đúng như vậy, chúng ta lấy tên các món thịt để gọi món chay. Ăn chay mà vẫn còn vọng tưởng tới các món mặn thì có còn là ăn chay không?

(do Allan Adasiak góp nhặt)

* Niết Bàn

Một người hỏi: Niết Bàn là gì? Vị thiền sư trả lời : Là chẳng có gì xảy ra kế tiếp đó.

* Nơi an lành

Người đệ tử : Xin Thầy chỉ cho con nơi an lành tịch mịch.

Thiền Sư : Nếu ta chỉ cho người nơi đó, thì chốn đó không còn an lành tịch mịch nữa.

(viết bởi Neil Wood)

* Lòng từ bi

Tôi ăn chay trường đã được 5 năm. Ngày nọ tôi được gọi đến nhà mẹ tôi để dự tiệc Lễ Tạ Ôn. Mẹ tôi mang ra món gà tây, mà Bà đã nấu rất công phu. Tôi từ chối ăn thịt gà làm mẹ tôi nổi giận la hét om sòm vì bà cất công sửa soạn cả hai ngày nay cho món đặc biệt đó. Cuối cùng, tôi cũng mỉm lòng và mở rộng lòng từ bi: Tôi đã ăn gà tây!!!

(viết bởi Sue Franklin)

* Lòng rộng lượng

Mỗi buổi sáng, tôi tập làm một việc bác ái là tôi tự cho tôi một tờ 5 dollars, tiêu biểu cho hành động rộng lượng, từ bi giúp đỡ kẻ khác. Tôi cũng đã nhận tờ giấy 5 dollars trong tinh thần “không có cái cho và cái nhận”. Rồi tôi tự tát má nhẹ một cái. Thế là thân tâm hớn hở thanh thản cả ngày!

Nhưng sáng nào trong ví không có tờ 5 dollars thì tôi tát má tôi một cái thật mạnh!!

(viết bởi Rob Young ngày 10-7-1995)

* Thiên sư giỏi nổi tiếng nhất

- Xin Anh vui lòng cho tôi biết tên vị Thiên sư giỏi nổi tiếng nhất?

- Sặc Không.

Góp ý : Đúng vị Thiên Sư giỏi nhất chính là “Sặc Sặc, Không Không”. Tiếng Anh có thể gọi là Master M.T.Ness.

* Sách Thiền

Người nọ bước vào tiệm sách kia, tiến tới gian sách New Age, anh ta không tìm thấy quyển sách nào nói về Thiền. Anh ta liền hỏi cô bán hàng : Thưa Cô, tại sao nơi đây không có sách Thiền. Cô bán hàng trả lời : có lẽ tiệm sách này tuân theo tôn chỉ của Thiền là “bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền”!

Góp ý : Thiền là vô văn tự, sao còn có sách !

* Thăm Thiền Viện

Thầy Buddhadasa Bhikkhu (ở Thái Lan) càng ngày càng nổi tiếng, hàng đoàn xe bus tấp nập chờ Phật Tử tới viếng thăm Thiền Viện. Than phiền về hành động của một số Phật Tử tới thăm Thiền Viện như thăm những công viên giải trí , Thầy nói : “Đôi khi, tôi có cảm tưởng nhiều người ngừng lại nơi đây vì họ cần dùng những tiện nghi công cộng giải quyết nhu cầu.” (ý nói là nhà vệ sinh).

* Công án Thiền

Ngày xưa tại Hội Linh Sơn, đông đủ tứ chúng hội họp, để nghe Đức Phật thuyết giảng. Bỗng nhiên , đức Phật đưa ra một nhánh hoa, rồi Ngài quan sát phản ứng các đệ tử. Duy chỉ có Ngài Ma Ha Ca Diếp mỉm cười . Rồi Đức Phật truyền tâm ấn cho Ngài Ca Diếp và Ngài Ca Diếp trở nên tổ sư ngành Thiền.

Nếu ngày đó, Đức Phật đưa cái bình bát lên, thì đệ tử nào sẽ cười và ngó?

Sau đây là một vài câu chuyện vui dùng chữ Việt:

* Dùng chữ:

Thiền sinh nọ nói : Tôi thích “vô” hơn là “không”

Góp ý : Trong danh từ Phật học, Vô là chữ nhỏ, Không là chữ nôm na, cùng một nghĩa cả. Câu này đại ý muốn nói đến ý : tôi thích dùng chữ “vô” hơn là chữ “không”. Ở đây còn lỗi dùng chữ mang hai nghĩa vui đùa vì chữ vô trong tiếng Việt là có nghĩa là đi vào nữa. Thành ra câu nói trên còn có nghĩa nữa là tôi thích đi vào hơn là không đi vào.

* Nát Bàn

Ông nọ hay uống rượu, cầm chai rượu đưa lên miệng tu ừng ực, rồi sau đó nát rượu nói lảm nhảm, về việc tu hành trong đạo Phật. Người bạn thấy thế nói :

- Anh à, anh mà tu gì! tu kiểu của anh thì chỉ có lên cồi “Nát” bàn mà thôi!

Góp ý: Tu có nghĩa là tu tâm sửa tính như trong đạo Phật, nhưng còn có nghĩa người ta không dùng lý mà mang nguyên chai lên miệng mà uống. Uống rượu say xưa nói lảm nhảm thì gọi là nát rượu. Ngày xưa , ngoài Bắc các cụ dịch chữ Nirvana, phiên âm từ chữ Hán sang chữ Việt là Nát Bàn , sau này người ta mới thống nhất phiên dịch là Niết Bàn.

* Công án thời đại mới

* Tu Thiền

Bà thương gia giàu có nọ thường giao thiệp chơi hụi. Khi về già Bà chăm nghe băng giảng và có ý muốn tu Thiền. Một hôm Bà hỏi vị Thiên Sư :

- Thưa Thầy, con phải tu thiền như thế nào?

Vị Thiên Sư trả lời :

- Bà phải chăm lo nghe băng giảng, tụng kinh và áp dụng nó vào việc tu thân, sửa mình, thức tỉnh trong cuộc sống, còn như bà “tu thiền mà hát nhảm chỗ” thì không bao giờ đạt được kết quả.

- Thưa Thầy, Thầy nói sao, tu thiền mà lại hát ?

- Bà cứ về nghĩ kỹ mà xem !

Bà nọ ra về với đầy thắc mắc về câu nói của Thiên Sư.

Góp ý : Thiên Sư bảo bà thương gia nọ “tu thiền mà hát nhảm chỗ” nghĩa là chữ “h” của chữ “Thiền” viết nhảm chỗ sang chữ “Tu”, thì thành ra “Thu Tiền”. Thiên Sư ý nói bà chỉ lo “thu tiền” hụi thì làm sao tu được!

Trong đời sống hàng ngày, chúng ta cứ tập gạt bỏ mọi ý nghĩ về “Thiền Không Hát” (tiền), mà phải chú tâm thực thụ vào “Thiền có hát” (Thiền) thì chúng ta mới sống tỉnh thức, thấy được một phần Chân Tâm.

Tuệ Viên sưu tầm

PHẬT HỌC VĂN NÁP

TRÍ NÖC

PHÉP THỜ KÍNH TAM BẢO VÀ TỔ TIÊN

H: Phật tử có nên thờ-kính Tam-Bảo không?

Đ: Nên. Vì Tam-Bảo (Phật, Pháp, Tăng) là đấng sáng-suốt tôn-quí, cứu độ chúng ta thoát vòng thống-khô luân-hồi.

H: Nên thờ Tam-Bảo tại đâu?

Đ: Thờ ở chùa và thờ ở nhà, thờ ở trong tâm.

H: Phải thờ cách thế nào cho đúng ý-nghĩa?

Đ: Phải theo ý-nghĩa của phép Tam-qui, mà thờ kính Tam-Bảo.

H: Ý-nghĩa đó thế nào?

Đ: Là qui-y Phật thể trọn đời không qui-y thiên thần qui vật, qui-y Pháp thể trọn đời không qui-y ngoại-đạo tà-giáo, qui-y Tăng thể trọn đời không qui-y tôn-hữu ác-dâng. Theo ý-nghĩa này, Phật tử chỉ thờ kính Tam-Bảo mà không thờ xen lộn các tượng ảnh thiên-thần qui-vật khác.

H: Nếu thờ thì có hại chi?

Đ: Nếu thờ thì mất công-đức chánh-tín và khiến tâm-trí mình bị lộn xộn sai-lầm không thể chuyên-nhất mà tiến-bộ trên đường tu giải-thoát được.

H: Nếu chỉ thờ Tam-Bảo thì hẹp hòi lắm sao?

Đ: Không. Người Phật tử kính qui-thần cũng như phải kính bao nhiêu kẻ khác. Phật tử không được khinh khi ngạo-mạn với ai, nhưng khi thờ làm thầy cứu-độ mình thoát vòng vô-minh thì chỉ thờ Tam-Bảo mà thôi.

Như vậy không phải hẹp hòi, trái lại còn là chánh-đáng chân-thật nữa.

H: Phật dạy thế nào về các thiên-thần qui vật?

Đ: Phật dạy các vị ấy cũng còn ở trong lục-đạo luân-hồi. Chư thiên là thuộc về thiên-đạo, qui thần là thuộc qui-đạo, vật thì thuộc súc-sanh-đạo. Các hạng này đều có phúc-báo riêng, có loài hơn người, có loài kém người, song họ không phải có quyền ban phước giáng họa gì cả. Chẳng qua, sống chung trong vũ-trụ luân-hồi, các loài ấy có chỗ tương-quan với loài người, cũng như loài người có chỗ dính-dấp với loài vật, vì vậy có nhiều trường hợp qui-thần đã làm lợi hoặc làm hại loài người, và trái lại loài người cũng có lúc làm lợi hoặc làm hại qui-thần. Ví như người đối với muôn thú có khi lợi khi hại mà muôn thú đối với người cũng có khi lợi khi hại vậy.

H: Cúng thí-thực có phải là cúng qui-thần không?

Đ: Một phần cúng qui-thần, một phần cúng vong-hồn các loại chúng-sanh. Cúng đây có nghĩa là nhờ oai-lực của Tam-Bảo và kinh-kệ mà giúp họ xả-nghiệp để thoát vòng triền-phược u-đồ đặng siêu thăng lạc quốc, chứ không phải như cúng-đường Tam-Bảo là qui hướng đấng cứu-độ mình thoát khổ ba cõi.

H: Qui-thần không nên thờ, nhưng các vị Thánh-Hiền và cha mẹ tổ-tiên mình thì sao?

Đ: Cha mẹ có ơn-đức sanh-thành nên làm con phải nhớ ơn và thờ kính trọn đời. Còn các vị thánh-hiền như đức Không-tử, Lão-tử v.v... là bậc có nhiều đức quý và có ơn dạy đời, thờ không hại chi. Song người Phật tử đã có Phật-Pháp để hộ mình theo mục-đích giải-thoát hoàn-toàn, nên chuyên tâm thờ kính Tam-Bảo và cha mẹ là đủ.

H: Thờ cha mẹ tổ-tiên chung với Tam-Bảo có được không?

Đ: Không được. Vì cha mẹ tổ-tiên cũng tôn-kính Tam-Bảo làm thầy và nhờ Tam-Bảo để được siêu-thoát. Tổ-tiên, cha mẹ cũng là đệ-tử Phật, nên không thể thờ chung.

H: Ở chỗ nhà tranh vách đất cực-khổ có thờ Phật được không?

Đ: Quý hồ ở tâm người thờ. Nếu có tâm thành-kính thì ở nhà tranh vách đất mà thờ Phật còn quý hơn thờ ở nhà cửa sang-trọng mà thiếu thành-kính.

H: Muốn thờ Phật ở tư-gia phải làm sao?

Đ: Không kể nhà giàu nghèo, hãy chọn một nơi nào tôn-quí trong nhà mình, rồi thiết một bàn giản-dị, thỉnh một tượng Phật trang-nghiêm để thờ. Nếu không tiện thiết bàn thờ thì thỉnh một tượng Phật thật trang-nghiêm treo trong nhà ở chỗ tôn-kính, để cho toàn-gia được chiêm-ngưỡng hàng ngày.

H: Cúng Phật cách thế nào?

Đ: Trước hết cúng Phật với cái tâm thành-kính của mình, sau là hoa quả, trầm hương tinh khiết, ít nhiều tùy sức. Không được đốt đồ giấy, hoặc cúng đồ mặn. Sự thờ Phật có tinh-khiết và trang-nghiêm cùng với lòng thành-kính mong mỏi, nhờ oai lực của Phật gia-hộ cho mau đăng khai-thông tâm-trí, tai-chươngng tiêu trừ mà thăng-tấn trên con đường diệt khổ.

H: Lạy Phật cách thế nào?

Đ: Đứng ngay thẳng trước bàn Tam-Bảo, chắp tay ngang ngực, chú tâm tưởng Phật, rồi thông thả lạy mỗi lần ba lạy.

H: Lạy ba lạy có ý-nghĩa gì?

Đ: Có nghĩa là đem tam-nghiệp (thân, miệng, ý) thành-kính lạy Tam-Bảo, cầu tiêu trừ tam-độc (tham, sân, si).

H: Phật tử đối với công-ân cha mẹ thế nào?

Đ: Chí tâm nhớ ân và báo hiếu một cách hoàn-toàn đúng đắn theo pháp Phật dạy.

H: Phật dạy thế nào?

Đ: Phật dạy ở đời không Phật, khéo thờ cha mẹ là thờ Phật.

H: Khéo thờ cha mẹ là sao?

Đ: Phụng-dưỡng cha mẹ, nhất là làm cho cha mẹ đăng giải-thoát tự-tại.

H: Làm sao cho cha mẹ đăng giải-thoát?

Đ: Thành-thật qui-y Tam-Bảo, tập sống đời chính-đáng, khuyên ngăn cha mẹ đừng làm điều ác và phát lòng qui-y Tam-Bảo, cầu sự giải-thoát.

H: Nếu khi cha mẹ lâm chung thì làm sao?

Đ: Khi cha mẹ hay gia-nhân mình lâm chung, Phật tử biết rõ luật vô-thường không ai tránh khỏi, nên tự mình giữ tâm bình tĩnh và khuyên quyến-thuộc hiểu như mình, để chuyên lo tang-sự. Tránh sự khóc lóc bịn rịn để cho vong-nhân khỏe-khoắn trút hơi thở cuối cùng. Một mặt mời các vị cao tăng đại-đức, cư sĩ tu-hành cũng như thân-nhân, nhất tâm niệm Phật cầu cho vong-hồn siêu-thoát. Việc ma chay chỉ làm giản-dị nhưng đầy đủ. Tránh điều thị-phi xáo-trộn trong gia đình cũng như đối với luân-lý. Tránh việc sát-sanh hại mạng để khỏi gây thêm cho hương-linh những tội nghiệp nặng-nề. Sau khi mai-táng xong-xuôi, làm lễ thất-thất trai tuần, phát-tâm bố-thí cúng dường; làm việc phước thiện, tránh bỏ điều tà-ác mà hồi-hướng công-đức cho tiên-vong được nhờ. Ở nhiều nước như Thái-Lan, Cao-Miên, Phật tử mỗi khi trong nhà có người quá vãng, họ thường phát-tâm đi tu 3 tháng, hoặc 6 tháng, hoặc 1 năm, đôi năm, hoặc ấn-tổng kinh-sách, để cầu cho tiên-vong trượng-thừa công-đức mà siêu-thoát tự-tại.



BỒN PHẬN Ở GIA-ĐÌNH VÀ XÃ-HỘI

H: Một người Phật tử chân chính sống đúng theo Phật là thọ Tam-quy, giữ 5 giới và tu-bát-chánh-đạo phải không?

Đ: Phải. Nhưng nếu chưa tu-tập được như thế thì thọ pháp Tam-quy và giữ tròn bổn-phận ở gia đình, xã hội, cũng gọi là tu và truyền bá Phật-pháp được.

H: Phật dạy bổn-phận ấy như thế nào?

Đ: Trong kinh Thiện-Sanh, Phật dạy đại-để như sau:

Bổn phận trong gia đình:

– Con ở với cha mẹ, hiếu kính cha mẹ, làm cho cha mẹ luôn luôn hoan-hỷ, cần-kiệm, nhắc nhở người ở, nhớ ơn-đức sanh-thành, đỡ đần cha mẹ làm việc, hầu hạ cha mẹ.

– Cha mẹ đối với con: dạy con bỏ ác làm lành, dạy gần gũi người khôn, dạy chăm học v.v...

– Vợ ở với chồng: kính trọng và trinh-tiết, dọn dẹp nhà cửa, nấu nướng khôn-khéo, luôn luôn vui vẻ, không để cửa riêng.

– Chồng ở với vợ: thương yêu quý mến vợ, ăn uống giản dị, sửa chữa cho vợ, giao-phó của vật trong nhà cho vợ, không say đắm ngoại-sắc.

– Bầu bạn bà con ở với nhau: kính nhau, giúp-đỡ lẫn nhau, biết tha thứ lẫn nhau, việc riêng của bạn không nên tiết-lộ.

– Chủ nhà đối với người ở: chăm nom sự no ấm, săn-sóc lúc đau ốm, có lỗi nên dạy về không nên đánh mắng, đối-đãi công-bình.

– Người ở đối với chủ nhà: siêng năng, chịu theo ý chủ, yêu tiếc của chủ, không nói xấu chủ.

H: Bổn-phận giữa xã hội thế nào?

Đ: Xã hội là một nhóm chúng-sanh đồng-nghệp, ở trong một hoàn-cảnh gần giống nhau, tư-tưởng tương-tự nhau. Xã hội có hẹp có rộng. Hẹp thì một làng

một nước, rộng thì toàn-thể nhân loại, rộng hơn nữa là toàn-thể chúng-sanh. Đã sống trong xã hội là phải nương nhờ nhau, một người làm thiện mọi người được hưởng, một người làm ác tai-họa đến mọi-người. Vậy ai cũng gắng lo đầy đủ bổn-phận, làm các việc lành, lấy bốn-pháp sau đây mà đối xử với nhau:

H: Bốn-pháp ấy gọi là gì?

Đ: Là bốn-pháp nhiếp-hóa: 1) Bố-thí. 2) Ái-ngữ. 3) Lợi-hành. 4) Đồng-sự.

H: Sao gọi là bố thí?

Đ: Là mở lòng giúp nhau. Giúp của cho người thiếu của, giúp trí cho người dốt nát, giúp quyền cho người cô-thế, giúp Phật-pháp cho người đau khổ.

H: Sao gọi là ái-ngữ?

Đ: Là nói lời dịu ngọt ôn-tồn, tránh cách ăn nói thô lỗ, cao-ngạo, lừa-đảo, độc-ác.

H: Sao gọi là lợi-hành?

Đ: Làm việc lợi-lạc chung cho mọi người, cho xã hội.

H: Sao gọi là đồng sự?

Đ: Đồng làm một nghề-nghiep, một chức-phận, một công việc để dễ gần gũi, thông-cảm mà xây-dựng tác-thành cho nhau.

VỀ MỤC PHẬT HỌC VẤN ĐÁP

Quý bạn đọc nếu có thắc mắc về Phật Pháp, xin gửi thư hoặc e-mail đến hộp thư Phương Trời Cao Rộng. Sẽ có chư tôn đức Tăng Ni và các thiện tri thức thay nhau giải đáp hoặc thảo luận cùng quý vị.

E-mail: phuongtroicaorong@vinhhao.net

Hoặc hộp thư:

HAO VINH
P.O. BOX 374
MIDWAY CITY, CA 92655

TIN TỨC

HẠT CÁT & TINH TÂN lược dịch

“Đấng Giác Ngộ”: Bộ sưu tập Nghệ thuật Phật Giáo của Viện Bảo Tàng Israel Một số tác phẩm được trưng bày lần đầu tiên

By Shlomit Yakobi

Epoch Times Israel Staff Jul 22, 2006 - Bộ sưu tập nghệ thuật Phật Giáo mang tên “Đấng Giác Ngộ” tại Viện Bảo Tàng Israel gồm có các tác phẩm điêu khắc, hội họa, kinh điển và di vật trải qua 2,500 năm có nguồn gốc từ vài quốc gia vùng Viễn Đông. Trang Web của Viện Bảo Tàng nói rằng “ Các tác phẩm được trưng bày theo hệ thống từ các biểu tượng sớm nhất của Đức Phật và tín đồ ở Ấn Độ cho đến các hình thức phát triển sau này ở Trung Hoa và Nhật Bản. Cùng với các hình tượng khác nhau của Đức Phật , chư thiên và các bậc thánh, các khí cụ lễ nghi Tây Tạng cũng được trưng bày. Nói chung, các tác phẩm - một số được đưa ra trước công chúng lần đầu tiên - truyền đạt nhiều khía cạnh của nghệ thuật Phật Giáo và tính cách phong phú của nó.

Phật Giáo không có một hình thức nhất định. Trong suốt ngàn ấy năm tháng, nó trải qua nhiều phen biến đổi, phân chia thành nhiều bộ phái khác biệt, được hấp thu và đồng hóa với các nền văn hóa địa phương và tín ngưỡng dân gian nơi Phật Giáo được truyền bá. Nghệ thuật Phật Giáo cũng tương tự thế. Nhưng bỏ qua những khác biệt và sự đa dạng của nó, các tác phẩm trưng bày trong cuộc triển lãm chia sẻ nhiều điểm tương đồng.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc trí tuệ trong giòng họ Thích Ca . Kể từ khi Ngài chứng đắc đạo quả dưới cội Bồ Đề, Ngài đã hành hóa độ sinh khắp đất nước Ấn Độ. Ngài sống đời sống của một con người với huyết nhục và đã giác ngộ với ý chí và sự tâm cầu.

Kể từ khi Ngài nhập Niết Bàn, các vị thánh đệ tử và chư Bồ Tát khác tiếp nối trở thành chư thiên trong tín ngưỡng Phật Giáo. Họ có những tính chất và sự hiện hữu riêng biệt, ví dụ Bồ Tát Avalokitesvara (Bồ Tát Quán Âm) được biết đến như một biểu tượng Đại Từ

Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn và đặc biệt được sùng bái ở Tây Tạng. Đức Phật Dược Sư được nhìn nhận như là một vị Y Vương v.v...

Đối với tín đồ, một bức tượng Phật không chỉ thuần túy là một nghệ phẩm mà còn là một vật phẩm mang tính cách tượng trưng cho sự thiêng liêng của chư thần linh mà nó đại diện.

Nghệ thuật Phật Giáo không có chủ ý cung cấp một kinh nghiệm thẩm mỹ cho khán giả. Đúng hơn, hình ảnh thiêng liêng có nghĩa là công hiến một sự an ủi tinh thần và bảo vệ những ai vinh danh và tôn trọng công trình nghệ thuật. Nghệ thuật Phật Giáo đại diện cho một loại hình vật phẩm nghi lễ, cho nên, đó là một sự hỗ trợ trong cuộc hành trình tâm linh tìm đến Chân Lý.

Cuộc triển lãm tại Viện Bảo Tàng Israel mở cánh cửa ra một nền văn hóa khác với sự huyền bí thiêng liêng của nó. Những giải thích và miêu tả của mỗi vật phẩm giúp cho quan khách thấu hiểu các biểu tượng thiêng liêng và sự liên hệ của nó với thế giới trần tục ra sao.

Bộ sưu tập nghệ thuật Phật Giáo “Đấng Giác Ngộ” thuộc Viện Bảo Tàng Israel hiện đang được trưng bày tại tòa nhà “ Nghệ Thuật Thế Kỷ 20th Nathan Cummings, Viện Bảo Tàng Israel, Jerusalem cho đến 31 tháng 08, 2006.

(Hạt Cát dịch)

Phật tử tại 500 thành phố đồng loạt ngồi thiền rải tâm tử

Friday July 28, 8:59 am ET

Dự trù sẽ có 27 thành phố ở Hoa Kỳ tham gia chiến dịch và 100 Triệu câu chú được tụng đọc.

SAN FRANCISCO, California, July 28 /PRNews-wire/ --Phật tử tại hơn 500 thành phố trên thế giới sẽ đồng loạt cùng nhau ngồi thiền trong 3 ngày và đêm, bắt đầu tối Chủ Nhật 30 tháng 07, 2006.

Căn cứ theo Trung Tâm Phật Giáo Kim Cang Thừa (Diamond Way) thuộc hệ phái Karma Kagyu, động cơ của họ nhằm mục đích tăng trưởng từ tâm, khai phóng và hòa bình cho thế giới.

Tại Hoa Kỳ, Phật tử Tây Phương trong hơn 27 trung tâm sẽ cùng nhau hành thiền cho một thế giới tốt hơn. Phong trào ngồi thiền đồng loạt trên khắp thế giới sẽ bắt đầu ở thành phố Kassel. Đức Quốc, nơi mà vài ngàn Phật tử từ 45 quốc gia tụ tập cho cuộc gặp gỡ hằng năm Phật Giáo lớn nhất Âu Châu hôm 26 tháng 07. Trung tâm sẽ được kết nối trong 72 giờ trên đường truyền âm live stream trên Internet.

“Trong khi chúng ta hành thiền cho một thế giới tốt đẹp hơn, chúng ta biết rằng một thế giới tốt đẹp hơn bắt đầu bằng chính bản thân chúng ta”, Jesper Jorgensen, từ Trung Tâm Phật Giáo San Francisco nói như trên, ông thêm “Mỗi cá nhân phải tự học hỏi làm cách nào để tránh giận dữ và phát triển trí tuệ cùng từ bi, như thế thì cộng đồng và quốc gia cuối cùng cũng có thể làm giống như vậy. Hành thiền sẽ khơi dậy những khả năng này đang có sẵn nơi mỗi người chúng ta nhưng chúng thường bị lãng chìm mất trong đời sống hằng ngày”.

Thiền Tâm Từ là một pháp hành quan trọng trong hệ phái Kim Cang Thừa cũng là Phật Giáo Tây Tạng. Bắt đầu vào tối Chủ Nhật, tham dự viên sẽ thay phiên tụng câu chú “Om Mani Peme Hung” trong 3 ngày đêm và sẽ được lặp đi lặp lại để đếm số. Kết quả sẽ được thu thập và chuyển đến Kassel qua Internet. Tất cả trong tất cả, hơn 100 triệu câu chú được dự trù là sẽ được tụng tụng đọc.

Sự kiện được khởi xướng bởi Lama Ole Nydahl. Người đã được đào tạo thành một tu sĩ Lama Phật Giáo bởi ngài Gyalwa Karmapa, vị trưởng lão của truyền thống Tây Tạng Karma Kagyu 35 năm trước, kể từ đó, Lama Ole Nydahl mang kiến thức và Pháp hành thiền tâm từ Phật giáo đến hàng trăm ngàn người ở Âu Châu, Mỹ Châu, Á Châu và Úc Châu, theo ước muốn của Ngài Karmapa.

(Hạt Cát dịch)

Hoa Lục cảnh cáo Gia Nã Đại: Trao tặng giải thưởng cho Đức Đạt Lai Lạt Ma có thể làm tổn thương mối quan hệ

Ottawa- Canada, July 26, 2006. Hôm thứ Tư 26 tháng 07, 2006, Hoa Lục đã cảnh cáo Gia Nã Đại rằng trao tặng giải công dân danh dự cho Đức Đạt Lai Lạt Ma có thể làm tổn thương mối quan hệ giữa hai quốc gia, mối quan hệ từ bấy lâu và ngày càng trở nên vững mạnh hơn.

Quốc Hội Canada đã đồng lòng phê chuẩn giải thưởng danh hiệu công dân danh dự trong tháng vừa qua, danh hiệu sẽ được dành trao tặng cho Đức Đạt Lai Lạt Ma khi Ngài viếng thăm Vancouver vào đầu tháng 9.

Sự vinh danh lần này đánh dấu lần thứ ba Canada trao tặng danh hiệu công dân danh dự. Hai giải khác là cựu Tổng Thống Nam Phi Nelson Mandela và doanh nhân Thụy Điển Raoul Wallenberg, người đã cứu giúp cho hàng ngàn sinh mệnh người Do Thái trong đệ nhị thế chiến.

Trương Vi Đông, cố vấn chính trị tại Sứ Quán Trung Hoa ở Ottawa, Canada nói các viên chức sứ quán đã than phiền với Bộ Ngoại giao về giải thưởng này.

“Đức Đạt Lai Lạt Ma là một người theo đuổi chính sách độc lập nên tôi không nghĩ rằng ông ta đáng được vinh danh như thế. Điều đó sẽ làm phá hại hình ảnh Canada và làm tổn thương mối quan hệ giữa Trung Hoa và Canada. Chúng tôi hy vọng rằng những điều như thế sẽ không xảy ra nữa trong tương lai” Ông đã nói như trên trong một cuộc họp báo.

Hơn một triệu con cháu người Trung Hoa sinh sống ở Canada và giao thương giữa hai quốc gia đang gia tăng một cách nhanh chóng. Giữa các công ty Canada làm ăn ở Trung Hoa là Bombardier Inc, công ty sản xuất hầu hết các toa hành khách cho hỏa xa chạy trên tuyến đường xe lửa cao tốc mới dẫn đến Tây Tạng.

“Trung Hoa có một thị trường to lớn và chúng tôi hy vọng rằng chúng tôi có thể hợp tác với tất cả các quốc gia trên thế giới. Nhưng chắc chắn rằng nếu vấn đề trở ngại luôn luôn xảy ra trong mối quan hệ giữa hai bên, vậy thì mối quan hệ trong những lãnh vực khác chắc chắn cũng sẽ bị tổn thương”, ông trương đã nói bằng Anh Ngữ như trên.

Được hỏi có phải điều này biểu hiện cho một sự đe dọa đối với các công ty của người Canada không, ông đáp với một nụ cười “Tôi không nghĩ rằng đó là một sự đe dọa, tôi chỉ muốn làm cho mọi việc sáng tỏ hơn thôi. Đó là một thực tế rõ ràng và rất dễ dàng trông thấy”

Chính phủ phe Tự Do nhiệm kỳ trước đã rất nhiệt tình thắt chặt mối quan hệ với Hoa Lục và đã gửi đi vài phái đoàn mật dịch cao cấp được thủ tướng dẫn đầu. Nhưng chính phủ phe Bảo Thủ mới nhận nhiệm vụ hồi tháng Hai đã lạnh nhạt hơn đối với Bắc Kinh và đã than phiền về việc gián điệp Trung Hoa tại Canada.

Trong tháng vừa qua Thủ Tướng Stephen Harper đã nói với đối tác Nhật Bản rằng Hoa Lục là một thách thức mà hai quốc gia cần phải hợp tác để đối phó, các viên chức Nhật Bản đã nói như trên. Khi ở trong thế đối lập, đảng Bảo Thủ cũng đã ủng hộ Đài Loan mạnh

mẽ, đất nước mà Hoa Lục cho là lãnh thổ thuộc chủ quyền Hoa Lục.

Một nữ phát ngôn viên của Bộ Ngoại giao nói rằng Ottawa đã thừa nhận xây dựng một mối quan hệ mạnh mẽ và bao hàm toàn diện với Trung Hoa và đã không nhìn nhận chính phủ lưu vong Tây Tạng.

Một bản thông cáo chính thức của Hoa Lục hôm thứ Tư đã buộc tội Đức Đạt Lai Lạt Ma - người đã đề ra một chính sách trung dung, mong muốn tự trị nhưng không dành độc lập cho Tây Tạng- về việc hợp tác với cơ quan tình báo Hoa Kỳ CIA.

(Hạt Cát dịch)

Dự án bảo trì kinh điển chép trên lá bối hàng ngàn năm

(Xinhua News Agency July 27, 2006)

Tibet - Khu Tự Trị Tây Tạng miền Tây Nam Trung Hoa vừa mới thành lập một dự án 2 năm nghiên cứu và bảo tồn một khối lượng kinh điển được viết trên lá bối hơn một ngàn năm trước được mang đến cho thế giới từ Ấn Độ.

Có khoảng hơn 4,300 phiến lá thuộc loại hiếm quý được ghi chép kinh điển Phật giáo bằng tiếng Sanskrit trong 426 bài, Hu Chunhua, một nhân viên cao cấp của Khu Tự Trị nói như trên với dẫn chứng hình ảnh được cung cấp bởi nhà thám quyền di sản văn hóa địa phương.

Các tài liệu được mang đến Tây Tạng từ Ấn Độ giữa thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 13 và vẫn còn được bảo lưu rất tốt., Cewang Jinme, giám đốc Học Viện Khoa Học Xã Hội Tây Tạng nói như trên.

Kinh điển được ghi chép trên những phiến lá dài của cây lá buong, loại cây thích hợp với khí hậu nhiệt đới và tương tự như cây cọ.

Lá bối, loại lá rất dễ vận chuyển và cũng rất bền bỉ, vốn đã được dùng để ghi chép trước khi phát minh ra giấy. Một cây bút sắt đã được dùng để khắc chữ Sanskrit thẳng lên trên lá, những thứ mà bản thân nó trở thành các biểu tượng trí tuệ của Phật Giáo cũng như kinh điển mang đến sự giác ngộ.

Những chiếc lá buong được khắc chữ này chứa đựng những văn bản thuộc văn học cổ xưa Ấn Độ và kinh điển cổ Phật Giáo.

Đa số kinh lá bối được tàng trữ trong những tu viện lớn, viện bảo tàng và viện nghiên cứu ở Lhasa, Xigazevà Shanna. Ông Hu nói như trên và thêm rằng các nguồn kinh điển này được bảo tồn tốt đẹp hơn những nguồn khác còn tồn tại ở Ấn Độ trong khí hậu nóng bức ẩm thấp hoặc bị mất mát vì chiến tranh.

Ông Hu nói các nhà nghiên cứu Tây Tạng sẽ thực

hiện một chuyến khảo sát tỉ mỉ trên tất cả kinh văn được viết trên lá buong. Ông nói tiếp “ Một số hiện đang nằm trong tay của các nhà sưu tầm cá nhân và các tu viện nhỏ và vẫn còn được cất kỹ.

Họ cũng sẽ sao chép lại tất cả các tài liệu để tạo điều kiện dễ dàng cho sự nghiên cứu của họ bởi các nhà chuyên môn về ngôn ngữ Sanskrit.

“Đào tạo thêm chuyên gia Sanskrit để bảo tồn tài liệu cổ xưa là điều quan trọng”, Lhagba Puncog, tổng thư ký của Trung Tâm Nghiên Cứu Tây Tạng Học nói như trên. Ông nói hiện nay chỉ có 10 người ở Tây Tạng có thể đọc được ngôn ngữ Sanskrit. Bốn chuyên gia Tây Tạng đã ghi danh vào Đại học Bắc Kinh để nghiên cứu ngôn ngữ này và dự trù là sau đó họ sẽ đào tạo thêm nhiều chuyên gia Sanskrit khác.

Dự án bảo tồn được sự đồng bảo trợ của Học Viện Khoa Học Xã Hội Trung Hoa và Trung Tâm Nghiên Cứu Tây Tạng Học Trung Hoa.

(Hạt Cát dịch)

Hội đồng Bồ Đề Đạo Tràng phủ nhận tin đồn về nhánh cây Bồ Đề bị đốn

Patna Daily, ngày 24 tháng 07, 2006.

Bodh Gaya, India – Phủ nhận việc một nhánh cây của cội Bồ Đề Lịch Sử tại Phật tích Bodh Gaya mà dưới cội Bồ Đề đó Đức Phật đã chứng ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác cách đây 2,500 năm đã bị đốn gần đây. Ban trị sự tu viện cho biết nguồn tin đã không xác thực và nhánh cây trong nghi vấn đã thực sự bị đốn cách đây trên 30 năm theo chỉ thị của các nhà thực vật trong thời gian đó.

Thư ký Ban Trị Sự Tu viện Ông Kalicharan Singh Yadav trình ra một bức ảnh của cây Bồ Đề tại Đạo Tràng đã được chụp cách đây vài năm và cho biết rằng nhánh cây bị đốn đi sau khi các chuyên gia thực vật nổi tiếng đã định rằng nhánh cây phát triển không thích hợp.

Gần đây, nguồn tin lan rộng rằng những kẻ tà giáo vô danh đã cắt nhánh cây để làm xáo trộn nơi Phật tích. Vì các đài truyền hình loan truyền những tin tức này suốt ngày, Bộ Trưởng Ông Nitish Kumar đã quan tâm và ra lệnh cho Bí Thư Địa Phương Ông Afzal Amanullah và Tư Lệnh Cảnh Sát (DGP) Ông Ashish Ranjan Sinha đến viếng Bồ Đề Đạo Tràng (Gaya) mặc dù trực thăng không thể cất cánh được vì thời tiết xấu.

Sau khi viếng thăm tu viện, Quận Trưởng Gaya Ông Magistrate Jitendra Srivastava và Cảnh sát trưởng(SP) Ông Amit Jain đã phủ nhận việc nhánh cây đã bị đốn như đã đồn đãi và nói rằng không lý do gì để quan tâm đến.

Tuy nhiên, Ông Srivastava cho biết ông sẽ mời một nhóm chuyên gia đến để xét nghiệm cây Bồ Đề và làm lắng dịu lòng đồn đãi.

Đồng thời, chính quyền Nitish ban hành một cuộc điều tra về tin đồn phá hoại công trình văn hóa của cây Bồ Đề lịch sử.

(Tinh Tấn dịch)

Xá Lợi Phật hiếm quý viếng thăm Minnesota – Triển Lãm Lưu động Ngọc Tâm Phật Bảo Điện Xá Lợi

The Buddhist Channel, ngày 17 tháng 07, 2006.

“Danh hiệu “Di Lạc” có nghĩa là lòng từ bi – trong thế giới hiện nay, chúng ta thực sự cần tình thương. Dự Án Di Lạc thật sự tuyệt diệu và là kết quả của sự can đảm và quyết định vĩ đại, và tận đáy lòng của tôi, tôi thực sự tri ân và tán dương Dự Án phi thường này.” Ngài Đạt lai Lạt Ma đã nói.

Hampton, Minnesota (USA) – Một sưu tập quý báu của Xá Lợi Phật thiêng liêng và các Xá Lợi Thánh Tăng khác đang được triển lãm khắp thế giới và sẽ đến tiểu bang Minnesota gần đây. Đây là một cơ hội hiếm có để chiêm ngưỡng Ngọc Xá Lợi mà đã tìm được trong tro hòa táng của các bậc Thánh Tăng.

Ngọc Xá Lợi trông rất đẹp, kết tụ lạ thường giống như ngọc trai. Phật tử tin rằng Xá Lợi là hiện thân của phẩm chất lòng từ bi và trí tuệ của Đức Phật và được để lại sau khi Ngài Niết Bàn.

Xá Lợi Phật được nhìn thấy rõ trong các khuôn kính triển lãm, đặt vòng quanh Kim Thân Phật Di Lạc Vàng Rộng với kích thước thật. Khách chiêm bái có thể tham dự khóa Lễ Phúc chúc và Xá Lợi Phật được đặt nhẹ nhàng lên đỉnh đầu của từng vị khách để phúc chúc.

Khách cũng có thể mang súc vật đến để được chúc phúc tại vùng Hampton. Thú vật cũng được dẫn đến để tham dự, vì theo Đạo Phật, điều đó mang lại phước báu lớn cho con người để cứu giúp một chúng sanh từ cõi thấp trong sự tiến hóa đến một cõi cao hơn.

Khách chiêm bái thường tường trình những kinh nghiệm của sự linh cảm và xoa dịu khi được chiêm ngưỡng Xá Lợi. Trong khi một số người được cảm ứng để cầu nguyện cho hòa bình thế giới và phát triển trí tuệ của họ, một số người khác vượt qua cảm xúc khi kết quả thiêng liêng của Xá lợi khai mở tâm từ bi.

Theo các kinh điển Phật giáo, Đức Phật Di Lạc sẽ là Đức Phật tương lai kế tiếp để mang giáo huấn về lòng từ bi cho thế giới. Khi cuộc Triển Lãm lưu động sẽ kết thúc vào năm 2008, Ngọc Xá Lợi này sẽ được cất giữ vào trong một Kim Thân Phật Di Lạc bằng

Vàng cao 500 feet tại Kushinagar, miền Bắc Ấn Độ. Đức Phật Di Lạc là Đức Phật tương lai, hồng danh là Đức Phật từ bi.

Đức chế Kim Thân Phật không phải là mục đích chính – mục đích là để cảm nhận một trái tim rộng mở và từ ái. Khi mọi người đến chiêm ngưỡng Kim Thân Phật Di Lạc hay các bức hình Xá Lợi trên một bản yết thị hay chiêm bái Xá Lợi, Xá Lợi Phật sẽ phản ánh ý nghĩa để có một trái tim nhân từ. Điều này sẽ là một biểu tượng của đức tin cho hàng triệu người trên toàn thế giới.

Dự Án Di Lạc đưa những huấn từ của lòng từ bi vào hành động:

- Đức chế Kim Thân Phật Di Lạc bằng Vàng cao 500ft/152m – một tượng đài nguy nga của lòng từ bi nhằm mục đích để cảm ứng quần chúng khắp thế giới về suy tư và hành động thiện lành.

- Cúng dường, bố thí, tâm linh, giáo dục, và các phương tiện y tế tại Kushinagar, Uttar Pradesh, một trong những vùng nghèo nhất ở miền Bắc Ấn Độ.

- Cung cấp việc làm tức thời và dài hạn.

- Giúp đỡ để phát triển hạ tầng cơ sở của vùng.

- Phục vụ như một mục tiêu và ảnh hưởng đến sự phát triển minh chứng và xác thực trong phần đặc thù của Ấn Độ này.

(Tinh Tấn dịch)



PHIẾU BẢO TRỢ VÀ ỦNG HỘ DÀI HẠN TẠP CHÍ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

1) BẢO TRỢ:

Xin chọn một trong những ô trống sau đây:

Mỗi tháng: ____ (____), \$25 (____), \$50 (____), \$100 (____), \$200 (____).

Và chọn thời gian bảo trợ:

Ba tháng (____), Nửa năm (____), Một năm (____), Hai năm (____), Ba năm (____)

2) ỦNG HỘ DÀI HẠN:

(Bảo trợ ấn phí, cước phí, không phải mua báo, vì báo không đề giá bán)

* *Tại Hoa Kỳ:* Một năm: \$75 (____) | Hai năm: \$120 (____).

* *Tại Canada:* Một năm: \$90 (____) | Hai năm: \$160 (____). (first class)

* *Âu, Úc, Á:* Một năm: \$140 (____) | Hai năm: \$270 (____). (first class)

Đính kèm ngân/chi phiếu số: _____ với số tiền bảo trợ/ủng hộ: \$_____

Địa chỉ người bảo trợ / ủng hộ (để liên lạc, gửi báo):

Họ và tên _____ Pháp danh: _____

_____ Thành phố: _____

_____ Telephone (không bắt buộc): _____

* *Bài vở, ý kiến đóng góp, chi phiếu ủng hộ xin gửi về:*

HAO VINH

P.O. Box 374

Midway City, CA 92655 USA

Email: vinhhao@vinhhao.net hoặc phuongtroicaorong@vinhhao.net

* *Ủng hộ tài chánh cũng có thể chuyển (deposit) thẳng vào trương mục:*

HAO VINH

Account # : 09325-47111

Bank of America, CA7-147-01-01

13952 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92683 USA

(Wire): Routing # 121 000 358